TẠ THANH SƠN
TS.NGUYỄN NGỌC HÀ - TS.THÁI THÀNH VINH
TS.PHẠM ĐỨC MINH - ThS. PHẠM THỊ MINH VIỆT

162 Đề và BÀI LÀM VĂN CHỌN LỌC 6

(Tái bản lần thứ nhất)

Dùng để:

- TỰ ĐỌC VÀ TỰ HỌC
- ÔN LUYỆN NÂNG CAO CẢM THỤ VĂN HỌC
- VƯƠN LÊN HỌC KHÁ VÀ GIỎI NGỮ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TẠ THANH SƠN
TS. NGUYỄN NGỌC HÀ - TS. THÁI THÀNH VINH
TS. PHẠM ĐỨC MINH - ThS. PHẠM THỊ MINH VIỆT

162
ĐỀ VÀ BÀI LÀM VĂN
CHỌN LỌC
6

(Tái bản lần thứ nhất)

Dùng để:

- Tự đọc và tự học
- Ôn luyện nâng cao cảm thụ văn học
- Vươn lên học khá và học giỏi Ngữ văn

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Các em học sinh quý mến,

Cuốn ***"162 đề và bài làm văn chọn lọc 6"*** là cuốn sách thứ nhất trong bộ sách bốn cuốn cùng loại về Ngữ văn Trung học cơ sở.

Cấu trúc cuốn sách gồm có 3 phần: *Văn tự sự* (kể chuyện), *Văn miêu tả*, *Văn cảm thụ, cảm nhận tác phẩm văn học.*

- *Văn tự sự* (kể chuyện theo một truyện đã học, đã đọc; kể chuyện đời thường; kể chuyện tưởng tượng).

- *Văn miêu tả* (văn tả cảnh vật, văn tả người)

- *Văn cảm thụ, cảm nhận tác phẩm văn học.*

Các kĩ năng — thao tác như bố cục, dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, diễn đạt, phân tích, nêu cảm nhận, cảm nghĩ,... được thể hiện một cách cụ thể và tường minh qua những bài văn chọn lọc được giới thiệu trong cuốn sách này. Câu văn, lời văn, đoạn văn được đặc biệt coi trọng trong từng bài văn chọn lọc.

Các em cần quan tâm rèn luyện chữ viết: viết đúng chính tả, viết đẹp, biết trình bày bài văn sáng sủa, đẹp mắt, trau chuốt câu văn trong sáng, gợi cảm — vươn lên phấn đấu đạt mục tiêu *"Văn hay chữ tốt"* như các thầy, cô giáo luôn nhắc nhở. Học thuộc lòng các bài thơ, đoạn thơ, tập kể lại các truyện cổ dân gian một cách sáng tạo, viết thật hay một bài văn miêu tả, một bài văn kể chuyện, để mỗi ngày một học khá hơn, học giỏi hơn môn Ngữ văn.

Hi vọng cuốn ***"162 đề và bài làm văn chọn lọc 6"*** sẽ trở thành người bạn nhỏ thân thiết của các em. Cần đọc kĩ, đọc sáng tạo bài văn chọn lọc để thu được nhiều kết quả mong muốn.

Chúc các em học giỏi.

Nhóm Văn học Thuận Hoá
Chủ biên
Tạ Thanh Sơn

Phần thứ nhất
VĂN TỰ SỰ (KỂ CHUYỆN)

1 - ĐỀ BÀI:

Em hãy kể lại truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*".

Bài làm

Thuở xa xưa ở miền Lạc Việt có một vị thần thuộc nòi Rồng, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, cao lớn phi thường, là con trai thần Long Nữ nơi Thủy cung. Lạc Long Quân có sức khỏe vô địch, nhiều phép lạ đã diệt Hồ Tinh, Ngư Tinh, Mộc Tinh và nhiều yêu quái khác. Thần đã dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi, chài lưới, cách ăn ở…

Cũng thuở ấy, có nàng Âu Cơ ở vùng núi phương Bắc thuộc dòng họ Thần Nông, vô cùng xinh đẹp. Nghe tin vùng đất Lạc Việt có nhiều hoa thơm cỏ lạ, Âu Cơ bèn du ngoạn tới thăm. Âu Cơ gặp Lạc Long Quân, rồi hai người yêu nhau, kết duyên thành vợ chồng.

Chẳng bao lâu sau, Âu Cơ đẻ ra một cái bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con vô cùng tuấn tú, khôi ngô, xinh đẹp. Một hôm, Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: *"Ta vốn nòi Rồng ở dưới nước, nàng là dòng Tiên ở non cao. Khó ở với nhau một nơi lâu dài được. Ta sẽ đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau trấn giữ các phương, khi có đại sự nhớ giúp đỡ nhau, chớ sai lời hẹn..."*.

Âu Cơ đưa đàn con lên rừng. Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô tại Phong Châu, truyền ngôi mười mấy đời cho con cháu.

Từ sự tích *trăm trứng* này mà con cháu vua Hùng - người Việt Nam chúng ta - vẫn tự hào nhắc đến nguồn gốc mình là con Rồng, cháu Tiên.

2 - ĐỀ BÀI:

Kể lại truyền thuyết "*Bánh chưng, bánh dày*".

Bài làm

Vua Hùng thứ 6 có 20 hoàng tử. Nhà vua ngày một già yếu. Việc truyền ngôi cho thế tử biết chọn ai bây giờ? Nhà vua băn khoăn lo nghĩ mãi: *"Giặc ngoài đã dẹp yên, giặc trong phải đề phòng; dân ấm no, ngai vàng mới vững..."*.

Một hôm nhà vua triệu các hoàng tử đến và phán: *"Ta đã già. Người nối dõi không nhất thiết là con trưởng mà phải là người nối chí ta. Lễ Tiên Vương sắp tới, hễ con nào làm vừa ý ta, ta truyền ngôi cho, có Tiên Vương chứng giám"*.

Các ông Lang tưng bừng chuẩn bị, ai cũng muốn ngôi báu về mình. Riêng Lang Liêu là con thứ 18, mẹ mất sớm chịu nhiều thiệt thòi, lâu nay chỉ biết trồng lúa, trồng khoai... Nhẩm lại lời vua cha, Lang Liêu buồn lắm. Đêm đó, nằm mộng, ông thấy thần đến bảo:

"Gạo là thứ quý nhất trên đời. Ăn mãi không chán, lại do người làm ra... Hãy lấy gạo làm bánh, làm như thế... như thế... mà lễ Tiên Vương...".

Tỉnh mộng, Lang Liêu mừng thầm. Ông chọn thứ gạo nếp thơm ngon nhất đem ngâm, vo thật sạch. Lấy đậu xanh đãi sạch vỏ, lấy thịt lợn làm nhân, dùng lá dong đùm thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thành bánh. Một nửa số gạo nếp đã vo sạch còn lại, đem đồ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn.

Đến ngày lễ Tiên Vương, các hoàng tử mang cỗ đến với bao sơn hào hải vị, nem công chả phượng... Còn Lang Liêu chỉ có 2 mâm đầy với hai loại bánh bình dị ấy. Vua Hùng đi xem xét từng mâm cỗ một. Nhà vua dừng lại rất lâu trước hai mâm bánh của Lang Liêu rồi gật đầu, vui lòng lắm. Vua cho gọi Lang Liêu lại hỏi. Vị hoàng tử thứ 18 kể lại giấc mộng gặp thần linh... Vua cha ngẫm nghĩ rồi chọn 2 mâm bánh ấy đặt lên bàn thờ, nơi cao nhất để lễ Tiên Vương. Lễ xong, vua ban bánh cho quần thần và các hoàng tử. Ai cũng tấm tắc khen ngon. Vua nói với họ:

*"Thứ bánh hình tròn, trắng tinh khiết này tượng Trời, đặt tên là **bánh dày**. Thứ bánh hình vuông là tượng Đất; thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài, đặt tên là **bánh chưng**. Lá xanh bọc ngoài, mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau..."*. Ngập ngừng một lát, nhà vua kính cẩn nhìn lên bàn thờ Tiên Vương, nghiêm trang nhìn quần thần và các hoàng tử rồi phán:

"Lang Liêu đã dâng lễ phẩm hợp ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, kính xin Tiên Vương chứng giám".

Từ đó, nghề nông ở nước ta càng ngày càng được mở mang và phát triển. Ngày Tết có tục làm bánh chưng, bánh dày. Bánh chưng, bánh dày là hương vị Tết cổ truyền dân tộc.

3 - ĐỀ BÀI:

Kể lại truyền thuyết "*Thánh Gióng*"

Bài làm

Đời Hùng Vương thứ 6, ở làng Gióng bên tả ngạn sông Cái (sông Hồng ngày nay) có một người đàn bà nghèo khổ, cô đơn. Sau một đêm mưa to gió lớn, bà ra đồng hái cà. Bà vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy trên luống cà có một lốt chân người rất to, bà bèn đưa chân ướm thử. Kì lạ thay, bà thụ thai, sau đúng một năm trời, bà sinh ra một đứa con trai kháu khỉnh. Nhưng bà rất buồn vì đứa con đã lên ba mà chẳng biết nói, biết cười.

Bấy giờ nước ta bị giặc Ân từ phương Bắc kéo sang xâm lược. Lũ giặc tham lam tàn bạo, ra sức hoành hành. Chúng giết người, cướp của, đốt phá tan hoang. Khói lửa mịt mù sông núi. Thế giặc mạnh lắm. Vua Hùng vô cùng lo sợ, sai sứ giả đi khắp mọi nơi tìm người hiền tài ra đánh giặc để cứu dân, cứu nước.

Một sáng tinh mơ, chú bé làng Gióng lắng tai nghe tiếng rao của sứ giả. Lần đầu chú cất tiếng gọi mẹ. Mẹ hiền cảm động, tay run run ôm con vào lòng, nước mắt ứa ra khi nghe con nói: *"Mẹ ơi! Xin mẹ cho con được gặp người của nhà vua..."*. Sứ giả vào nhà, em bé bảo: *"Nhà ngươi hãy về tâu với đức vua đúc cho ta một con ngựa sắt, rèn cho ta một chiếc roi sắt, một áo giáp sắt, ta sẽ đánh tan lũ giặc này!"*. Từ đó Gióng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn bao nhiêu cũng chẳng no. Áo vừa may, mặc đã chật. Dân làng nô nức đem cơm gạo và vải vóc để nuôi chú. Gióng càng lớn càng tuấn tú, đôi mắt sáng như sao, tiếng nói vang như sấm. Gióng là người Trời:

"Ăn bảy nong cơm, ba nong cà,
Uống một hớp nước cạn đà khúc sông".

Giặc đã tràn tới chân núi Trâu Sơn. Cả một vùng quê náo động. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé làng Gióng vô cùng mừng rỡ, vươn vai một cái bỗng trở thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Gióng mặc áo giáp, tay cầm roi sắt, cúi đầu lạy tạ mẹ hiền và dân làng rồi nhảy lên mình ngựa sắt. Ngựa hí vang trời, phun lửa phóng lên như bay. Gióng phi ngựa xông thẳng vào lũ giặc, vung roi sắt giết giặc. Xác giặc ngổn ngang trên bãi chiến trường. Gióng xông đến đâu, giặc tan đến đấy. Cuộc chiến đang diễn ra dữ dội và ác liệt thì bỗng roi sắt bị gãy. Gióng bình tĩnh nhổ tre làm vũ khí quật vào lũ giặc. Giặc chết như ngả rạ. Tướng giặc bạt vía kinh hồn, gục ngã:

"Đứa thì sứt mũi, sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà".

Giặc Ân thảm bại. Gióng phi ngựa truy kích giặc Ân đến tận chân núi Sóc Sơn. Giặc tan, Gióng cởi áo giáp sắt mắc lên cành cây, ngoái nhìn lại quê mẹ lần cuối, rồi cùng ngựa sắt bay lên trời biến mất.

Vua Hùng sai lập đền thờ và phong người anh hùng làng Gióng là Phù Đổng Thiên Vương để đời đời ghi nhớ công ơn. Hiện nay, tre đằng ngà, làng Cháy, những ao đầm - dấu chân ngựa sắt... ở huyện Gia Bình thuộc tỉnh Bắc Ninh là những dấu tích thiêng liêng trong chiến trận mà Thánh Gióng còn để lại. Đã hàng ngàn năm nay, hội Gióng là một lễ hội tưng bừng ở nước ta.

4. ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyền thuyết về thời Hùng Vương mà em yêu thích.

Bài làm

Hùng Vương chọn đất đóng đô

Vua Hùng đi nhiều nơi để tìm đất đóng đô của nước Văn Lang.

Vua đi tới một miền phong cảnh đẹp đẽ, đất phẳng mà rộng, có nhiều khe suối. Vua cho là thế đất chưa đủ, bèn sai chim đại bàng đắp một trăm quả gò, hẹn trước khi mặt trời mọc phải xong. Chim đại bàng khuân đất đá đắp được 99 gò, chợt có con gà ngủ mơ gáy sáng, chim đại bàng ngỡ sắp rạng đông, vỗ cánh bay đi. Vua Hùng đi tìm đất khác.

Lại đi tới một miền đất mới. Vua thấy có một ngọn núi cao sừng sững như cái trụ chống trời, vươn lên giữa hàng trăm quả đồi vây quanh. Vua thúc ngựa chạy lên ngọn núi, dừng ngựa đứng trông bốn phương tám hướng, rộng hẹp thấp cao, rừng trải xa xa, khe ngòi quanh lượn,... Đẹp lòng vừa ý, vua dong ngựa từ từ xuống núi. Chợt con ngựa quay đầu, vó ngựa đạp mạnh, núi lở xuống, sạt mất một góc. Vua chê thế đất không vững, bèn bỏ đi.

Lại tới một toà núi dài, đầu cao đuôi thấp, nằm giữa một trăm quả đồi nhỏ, như con giao long bơi lượn trên lớp lớp sóng cồn. Trên núi có đường lên trời, có hang xuống đất. Vua bước vào hang, bỗng gặp một con rắn trắng chặn đường. Vua cho là điềm không hay, lại bỏ đi.

Đi theo sông Thao, tới một vùng thấy trước mặt là sông lớn, sau lưng là núi cao, đầm nước mênh mông vây bọc những hòn đảo nhỏ. Vua đang ngắm gần xa, chợt có một con Rùa Vàng hiện lên trên mặt nước, lưng như tấm phản, gật đầu chào vua, tự xưng là Chúa đầm này. Vua cưỡi lưng rùa. Rùa Vàng đưa vua đi thăm 99 ngách, cây cối loà xoà, nước đen như mực, các loài thuỷ tộc nô nức kéo đến chào đón nhà vua. Vua khen cảnh đẹp, nhưng cho rằng thế đất không đủ rộng để họp muôn dân, dựng cung điện, bèn cáo biệt Rùa Vàng ra đi.

Lần tới sông Đà, sóng xô cuồn cuộn, thác réo ào ào, núi Tản vươn mình, cây xanh điệp trùng bát ngát, địa thế tuyệt đẹp. Vua mới truyền cho chim phượng hoàng đào 100 cái hồ, chọn đây là đất đóng đô. Đào được 99 hồ thì bỗng có tiếng phượng trống kêu ở nơi xa. Con phượng mái vỗ cánh bay theo tiếng gọi của chim trống, cả đàn cùng bay. Vua thấy không đủ 100 cái hồ, nên cũng bỏ đi.

Vua đi mãi nơi này nơi khác, mà chưa chọn được nơi nào có thể định đô. Vua lại đi, lại đi,... Đi tới một vùng: trước mặt ba sông tụ hội, hai bên có Tản Viên, Tam Đảo chầu về. Đồi núi gần xa, khe ngòi quanh quất, thế đất bày ra như rồng chầu hổ phục, như tướng quân bắn nỏ, như ngựa chạy phượng bay. Giữa những quả đồi xanh tốt, có ngọn núi đột ngột nổi lên, như voi mẹ nằm giữa đàn con. Vua lên núi nhìn ra bốn phía thấy ba bề bãi rộng, bồi đắp phù sa, bốn mặt sum sê cây xanh hoa tươi cỏ ngọt, vừa trùng điệp, vừa quanh co, có rộng mà phẳng, có hẹp mà sâu. Vua cả mừng phán rằng đây thực là đất họp muôn dân, đủ hiểm để giữ, có thế để mở, thế đất vững bền có thể dựng nước được muôn đời.

Vua Hùng đóng đô ở đó, gọi tên là thành Phong Châu.

5. ĐỀ BÀI:

Kì tích ông Đổng con

Ở thôn Gióng Mốt, xã Phù Đổng có một dấu chân khổng lồ in trên một tảng đá lớn. Đó là dấu chân ông Đổng về hái cà trong một đêm mưa gió.

Tục truyền rằng ông Đổng cao lớn lạ thường: đầu đội trời, chân đạp đất, vai chạm mây. Ông cào đất thành đồng ruộng, vun đá thành đồi gò, xẻ cát thành sông bãi. Ông bước dài từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. Dấu chân ông lún cả đá, thủng cả đất. Tiếng nói ông vang ầm thành sấm. Mắt ông sáng lóe chớp lửa. Hơi thở ông phun ra mây đen, gió bão và mưa dông. Ông hay hiện lên trong những ngày đầu hè có dông, lúc cà đã đậu trái, lúa chiêm sắp trổ đòng. Ông đi đủ mọi chiều, lúc tốc thẳng, lúc xoay vòng. Ông đi đàng tây sang đàng đông là bão tây. Ông đi đàng đông sang đàng tây là bão đông. Ông làm dập hết lúa, rụng hết cà và gãy bao nhiêu là tre pheo, đa đề.

Ngày nay, dấu chân ông Đổng còn thấy ở nhiều nơi: gò làng Bình Tân, núi Dạm, núi Khám, bờ giếng làng Bưởi Nội, đỉnh núi Sóc và đặc biệt là làng Gióng Mốt.

Mồng 9 tháng tư âm lịch, vào tiết mưa dông đầu hè, ông Đổng về hái cà, gây nên gió bão, sấm chớp và mưa to.

Có một người đàn bà xấu xí, nghèo khổ tuổi đã muộn màng nhưng con cái không có. Bà phải sống một mình trong một túp lều tranh. Ngày ngày bà chăm bón luống cà cạnh nhà và ra đồng bắt ốc mò cua để đổi gạo nuôi thân. Một đêm mưa to gió lớn, ông Đổng về hái cà để lại một dấu chân vừa tày năm gang, trong vườn cà của bà lão. Bà dẫm vào dấu chân ấy, tự nhiên thấy tâm thần rung động, về nhà thì thụ

thai. Bà bỏ lên rừng Trại Mòn , rồi đẻ ra ông Đổng con dưới bóng cây, trên một cái gò nổi giữa đầm. Trời bỗng cho nhiều cua ốc, nhiều cá để bà ăn lấy sữa nuôi con. Trời cũng đẽo đá thành thống để bà tắm rửa cho con, thành liềm để bà cắt rốn cho con, và thành chõng để bà đặt con nằm. Trong 3 năm liền, *"ông Đổng con"* cứ nằm im trên chõng đá cho đến lúc mở to mắt *"sáng như sao"* và cất tiếng đầu tiên *"ầm vang như sấm"* đòi ra đánh giặc Ân. Đến lúc đó, *"ông Đổng con"* mới rời chõng đá, đứng phắt dậy, vươn mình thành người khổng lồ như Đổng cha. Vì vậy, về sau nhân dân có câu hát:

"Trời thương Bách Việt sơn hà,
Trong nơi thảo mãng nảy ra kì tài" [8].

(*Người anh hùng làng Gióng* - Cao Huy Đỉnh)

6 - ĐỀ BÀI:

Kể lại truyền thuyết "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*"

Bài làm

Vua Hùng thứ 18 có nàng công chúa tên là Mị Nương, mình ngọc, mặt hoa, đẹp tuyệt trần.. Vua cha muốn kén được một chàng rể tài giỏi, nhưng chưa có một chàng trai nào thật xứng đáng.

Một hôm, cùng một lúc, bỗng có hai vị thần cùng xuất hiện tại cung điện và xin cầu hôn. Một người tự xưng là Sơn Tinh có tài dời non lấp bể, dựng núi xây đồi. Một người tự xưng là Thủy Tinh có phép lạ như dâng nước, hô mây, gọi gió, nổi sóng, gây mưa... Vua Hùng băn khoăn ngẫm nghĩ, rồi phán: *"Cả hai thần rất tài giỏi, thật vừa ý ta. Nhưng... ta chỉ có một ái nữ, biết gả cho thần nào? Thôi thì ngày mai, hễ ai đem sính lễ đến trước, ta khắc cho làm rể và cưới con gái ta..."*.

Mờ sáng hôm sau, Sơn Tinh đến trước mang theo *voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao*, mỗi thứ một đôi, kèm theo *một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng*... Vua Hùng vui vẻ nhận lễ, rồi cho phép Sơn Tinh làm lễ cưới, rước Mị Nương về núi.

Thủy Tinh chậm chân đến sau, không lấy được Mị Nương, đùng đùng nổi giận. Thần lập tức hô mưa, gọi gió, dông bão mịt mù, dâng nước lên đánh Sơn Tinh, quyết giành lại người đẹp. Cả một vùng Phong Châu rộng lớn chìm trong biển nước. Thủy Tinh dâng nước lên cao bao nhiêu thì Sơn Tinh lại hóa phép nâng núi lên cao bấy nhiêu. Hai bên kịch chiến suốt ngày đêm. Núi Tản Viên, sông Đà trở thành bãi chiến trường ác liệt, cây đổ, đất đá ngổn ngang, xác ba ba, thuồng luồng, rắn rết bị giết chết nổi đầy sông. Đánh mãi không được, Thủy Tinh hậm hực rút quân về.

Từ đó, Thủy Tinh ôm mối hận thù khôn nguôi. Năm nào cũng vậy, cứ đến tháng 7 tháng 8 ta, Thủy Tinh lại đem quân đánh Sơn Tinh để rửa hận, gây ra cảnh mưa gió, bão lụt khắp nơi...

Vì thế, dân gian vẫn lưu truyền câu hát:

"Núi cao sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen".

7 - ĐỀ BÀI:

Kể lại truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*"

Bài làm

Đầu thế kỉ XV, giặc Minh cướp nước ta, giết người cướp của vô cùng tàn bạo, nh dân ta căm giận chúng đến bầm gan tím ruột. Lê Lợi khởi nghĩa ở vùng núi Lam Sơ miền tây Thanh Hóa. Thế giặc mạnh lắm, nghĩa quân trải qua muôn vàn khó khăn....

Thuở ấy, Lê Thận làm nghề đánh cá là người có chí lớn. Một đêm nọ, Thận t lưới ở bến vắng, lúc kéo lưới lên chỉ có một vật nặng mắc vào, chàng nhặt lên vứt ng xuống sông. Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, Thận di chuyển đến khúc sông khác. Kì lạ tha vật lạ ấy vẫn mắc vào lưới. Thận cầm lên xem, rồi reo lên: *"Ha ha! Một lưỡi gươm* Sau đó, Lê Thận gia nhập nghĩa quân, chiến đấu rất dũng cảm. Một hôm Lê Lợi cù bộ tướng đến nhà Thận. Họ ngạc nhiên nhìn thấy một vật sáng rực trong xó nhà. Lê L cầm lên xem và nhìn kĩ thấy hai chữ: *"Thuận Thiên"* khắc sâu vào lưỡi gươm.

Giặc Minh lại kéo đến càn quét Lam Sơn, Lê Lợi và tướng sĩ rút lui vào rừng sâ Trong lúc nguy kịch, Lê Lợi nhìn thấy trên ngọn cây có một vật sáng rất lạ. Giữa đê tối ông trèo lên cây và lấy được chuôi gươm nạm ngọc! Ba ngày sau, Lê Lợi lại đến nh Lê Thận. Ngạc nhiên và sung sướng biết bao, khi tra gươm vào chuôi thì vừa khít. L Thận nâng gươm báu lên ngang đầu và kính cẩn nói với Lê Lợi:

"Trời đã phó thác nghiệp lớn cho minh công. Chúng tôi nguyện đem xương mả phò tá minh công, cùng với thanh gươm thần quyết đuổi giặc Ngô, báo đền Tổ quốc!".

Từ đó, nghĩa quân lớn mạnh, đánh đâu thắng đấy. Với lưỡi gươm thần, Lê Lợ chỉ huy ba quân xốc tới. Hàng vạn giặc bị tiêu diệt. Lũ tướng tá Thiên triều bạt vi kinh hồn. Đông Đô được giải phóng, đất nước ta được độc lập, thanh bình. Lê Lợi lê làm vua.

Một năm sau dẹp tan giặc Minh, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng dạo quanh h Tả Vọng. Bỗng có một con Rùa Vàng nhô đầu khỏi mặt nước và cất tiếng nói: *"Xin b hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!"*. Vua nâng gươm lên. Rùa Vàng đớp lấy gươm thầ rồi lặn sâu xuống nước. Một lúc sau, đáy hồ xanh vẫn sáng le lói.

Từ đó, về sau, hồ Tả Vọng được đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm, dân gian gọi l Hồ Gươm.

8 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyền thuyết mà em đã học hay đã đọc

Bài làm

Mẹ Âu Cơ

Âu Cơ là ái nữ của Đế Lai thuộc dòng dõi tiên. Tục truyền lúc bà chào đời hàng ngàn hàng vạn loài hoa ở quanh vùng đều hé nở, tỏa hương ngào ngạt, chim tưng bừng hót ca. Lớn lên, bà thích đi du ngoạn đó đây, thăm thú núi rừng, sông suối trân cầm, dị thảo. Bà đi về phương Nam, miền đất lạ, bốn mùa ấm áp, cây cỏ tốt tươi, sản vật dồi dào...

Đến vùng Lãng Sương, Thanh Thủy bà gặp Lạc Long Quân, nòi Rồng, phong tư tú lệ, có phép thần thông biến hóa. Hai người kết nghĩa vợ chồng, sống tại cung điện Long

)ài Nham. Một năm sau Âu Cơ đẻ ra một cái bọc, qua sáu, bảy ngày, bọc vỡ ra một trăm uả trứng; mỗi trứng nở ra một đứa con trai. Không phải bú mớm, các con tự lớn lên, ·ông đẹp đẽ, trí dũng song toàn, ai nấy đều kính trọng cho là triệu phi thường.

Lạc Long Quân, tuy lấy Âu Cơ nhưng thường xuyên ở dưới thủy phủ. Một hôm .ạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng:

- Ta thuộc nòi rồng, nàng là giống tiên. Kẻ ở trên cạn, người ở dưới nước, khó ıà ăn ở với nhau lâu dài được. Năm mươi con sẽ theo ta về thủy phủ; năm mươi con ' lại với mẹ, chia đất mà trị. Lên núi, xuống biển dù xa cách, nhưng khi hữu sự nhớ 'ảo cho nhau biết mà cứu giúp lẫn nhau.

Mẹ Âu Cơ chia các con ra các vùng lập nghiệp; người con cả được cai quản ùng núi Hùng, dựng thành nước Văn Lang. Âu Cơ dạy dân trồng trọt ngũ cốc, đốn ỗ làm nhà, trồng dâu nuôi tằm, trồng bông dệt vải, lụa. Bà dạy dân dùng gạo nếp, ước mía, đỗ xanh làm thành nhiều loại bánh ăn rất ngon.

Bà gọi nước ghềnh Hạc tuôn về, uốn sông Cái, bảo con cháu khơi ngòi Vần, gòi Lón,... để có nước cày cấy, sinh sống. Bà dạy con cháu trồng cây ở gò Cam, gò ung, gò Sồi,... để lấy quả, lấy gỗ, lấy thuốc. Chim chóc bay về, hươu nai kéo đến tụ ọi. Núi Cổ Tích, vùng Hiền Lương,... trở nên sầm uất, giàu có. Vì thế, dân gian mới ó câu ca:

"Thứ nhất Việt Trì, thứ nhì Hiền Lương"

Nhớ công đức Mẹ Âu Cơ, nhân dân đã lập đền thờ *"Đức Mẹ"*.

- ĐỀ BÀI:

Đóng vai bà mẹ Sọ Dừa, hãy kể lại cuộc đời nhân vật Sọ Dừa

Bài làm

Nhà tôi nghèo lắm. Vợ chồng tôi làm nghề kiếm củi để nuôi thân. Vất vả cực ıhọc lại hiếm hoi nữa. Một hôm tôi vào rừng kiếm củi, khát nước quá, chợt thấy một ái sọ dừa đựng đầy nước trong vắt. Tôi đánh liều, nhắm mắt uống cạn. Về nhà thế là ôi có mang...

Đẻ con ra, tôi buồn lắm. Chỉ là một cục thịt đỏ hỏn, tuy có mắt, có mũi, ıhưng chẳng có mình mẩy, chân tay. Định vứt đi, nhưng lòng mẹ không nỡ, dù sao ıó cũng là hột máu cắt đôi của mình. Tôi đặt tên con là Sọ Dừa. Có điều lạ là tôi đi lâu nó cũng lăn theo đấy! Một hôm bực mình, tôi nói: *"Bằng tuổi mày, con người a đã biết chăn bò giúp bố mẹ...! Còn mày thì chẳng được tích sự gì!"*. Thương lắm, :hi nghe nó nói: *"Làm gì chứ chăn bò thì con làm tốt. Mẹ đến nói với phú ông cho on sang ở chăn bò..."*.

An ủi nó, tôi đánh liều sang gặp phú ông. Phú ông ngẫm nghĩ một lát. Thương nẹ con tôi hay là giễu, rồi ông bảo: *"Thôi cứ cho nó sang đây! Cứ thử xem đã!"*. Thế ôi, cả một đàn bò đông đúc được nó chăn dắt, con nào con nấy béo nung núc. Ai ũng ngạc nhiên. Phú ông tỏ ý bằng lòng.

Phú ông có ba cô con gái; cô út rất hiền và xinh đẹp. Cô út hay đem cơm cho on tôi. Cô út đã yêu và mê nó mới lạ chứ! Sau này, tôi mới biết nhiều lần cô nhìn hấy thằng Sọ Dừa nhà tôi biến thành một chàng trai tuấn tú, nằm trên chiếc võng đào nắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Cô út kín đáo chăm sóc nó, có niếng gì ngon, cô cũng kín đáo mang cho cậu ta.

Một hôm, thằng con tôi lăn về nhà, nó bảo: *"Mẹ sang hỏi cô út của phú ô cho con!"*. Tôi sửng sốt, ai đời *"đũa mốc dám chòi mâm son"* bao giờ? Tủi ph nghèo hèn, nhưng lại thương con, thôi thì *"một liều ba bảy cũng liều"*... Nghe nói, phú ông cười mỉa:

"Thế cơ à? Mẹ con bà sắm đủ 10 tấm lụa đào, 10 con lợn béo, 10 vò rượu t và một chĩnh vàng cốm đem sang đây làm lễ vấn danh nhé!".

Tôi xấu hổ ra về. Nghe tôi nói, nó cười bảo: *"Mẹ cứ yên tâm. Con sẽ b đủ..."*. Sáng hôm sau mẹ con tôi đem sính lễ đến họ nhà gái. Phú ông ngạc nhiên q Trót đã hứa rồi, vả lại lóa mắt vì của, phú ông cho gọi ba cô con gái lên. Hai cô bĩu môi, nguýt! Cô út bẽn lẽn cúi đầu thưa: *"Cha đặt đâu con xin ngồi đấy! ...."*. C trai tôi thành gia thất. Tôi có con dâu. Tôi vừa mừng vừa lo... Thật không ngờ, nó lốt Sọ Dừa từ lúc nào. Nó trở thành một chàng trai thông minh, hào hoa, lịch sự. đấy, cùng với vợ chồng nó, ba mẹ con tôi sống rất hạnh phúc. Mấy năm sau, vua r khoa thi, kén nhân tài làm quan. Con tôi đã dự thi và đỗ Trạng nguyên. Vẻ vang qu Vua lại cử nó đi sứ sang Tàu. Ở nhà, hai cô chị xảo quyệt đã lập mưu dìm cô em chết đuối. Con dâu tôi bị con cá to nuốt vào bụng. May phúc nhà tôi, nó đã lấy d rạch bụng cá chui ra rồi dạt vào đảo. Nó lấy đá đánh lửa, nướng cá ăn, chờ thuy đến cứu. Hai quả trứng nó mang theo đã nở thành đôi gà đẹp lắm, lớn lên gáy rất ha Một hôm thuyền con tôi đi sứ về qua đảo. Bỗng nghe gà gáy... Tôi già rồi, lẫn th quên mất tiếng gà gáy... Ờ tôi nhớ ra rồi. Gà gáy như tiếng người gọi:

"Ò... ó... o
Phải thuyền Quan Trạng rước cô tôi về..."

Vợ chồng nó gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Sau này tôi mới hay là con trai t trước khi đi sứ đã để lại cho vợ nó một hòn đá lửa, một con dao, hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn bên người để phòng thân. Quan Trạng có khác, có tài tiên tri. hai cô chị nanh ác sau này đi đâu mất tích.

Ở đời, mẹ hay nói tốt cho con. Tôi quê mùa có chi tôi nói thế. Sọ Dừa - Qua Trạng, chính là con tôi...

Hoàng Thị Thuyên
(Lớp 9A, trường THCS Tăng Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An)

10 - ĐỀ BÀI:

Kể lại truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*

Bài làm

Ngày xưa, ở quận Cao Bình có vợ chồng Lục ông làm nghề đốn củi hiền lành giàu lòng thương người. Ngọc Hoàng thương tình vợ chồng Lục ông hiếm hoi bè cho Thế tử xuống trần đầu thai. Lục bà mang thai, nhưng đã nhiều năm vẫn chưa sin nở. Rồi Lục ông qua đời... Mãi mấy năm sau, người mẹ già mới sinh được đứa co trai rất khôi ngô, đặt tên là Thạch Sanh. Chẳng bao lâu sau, mẹ hiền cũng qua đờ Thạch Sanh bơ vơ, lấy gốc đa làm nhà, kiếm củi độ thân. Ngọc Hoàng rất thương, bè sai Thiên thần xuống trần dạy Thạch Sanh võ nghệ, các phép thần thông biến hóa, v cho búa thần làm vũ khí.

Gần vùng có tên Lý Thông làm nghề bán rượu. Hắn đã đón Thạch Sanh về nhà ết nghĩa làm anh-em. Năm ấy, đến lượt Lý Thông phải nộp mình cho Chằn tinh. Lý 'hông đánh lừa Thạch Sanh *"đi canh miếu thần"* để thế mạng. Nửa đêm, Chằn tinh ông đến vồ mồi, hai bên đánh nhau dữ dội. Chằn tinh tàng hình dùng phép lạ. Thạch anh vung búa thần chém chết Chằn tinh. Cắt đầu và xả xác quái vật, Thạch Sanh được ộ cung tên thần bằng vàng. Xách đầu Chằn tinh về, Thạch Sanh đập cửa gọi. Hai mẹ on họ Lý hoảng hồn... Nhưng khi mở cửa, Lý Thông nhìn thấy cái đầu khổng lồ của rằn tinh, hắn bèn dọa Thạch Sanh là đã giết chết vật báu của vua nuôi, phải mau mau rốn đi. Thạch Sanh lại trở về gốc đa chốn cũ. Lý Thông đem đầu trăn tinh dâng nộp riều đình và hắn được vua phong tước Quận công.

Trong lễ hội kén chọn phò mã, công chúa đã bị Đại bàng khổng lồ quắp đi. 'hạch Sanh đang nằm nghỉ dưới gốc đa chợt thấy con chim lạ bay qua liền giương ung bắn. Đại bàng bị trúng tên, vẫn cố bay về hang ổ. Nhà vua hứa gả công chúa ho người tài nào cứu được nàng công chúa. Lý Thông tìm gặp *"đứa em kết nghĩa"*. 'hạch Sanh theo dấu máu tìm đến hang ổ Đại bàng. Ác điểu chống trả quyết liệt hàng dũng sĩ, nhưng nó đã bị chàng dùng cung tên vàng bắn mù cả hai mắt, dùng úa thần chém đứt vuốt sắc, bổ vỡ làm đôi đầu quái vật. Chàng dũng sĩ đã dòng dây lưa nàng công chúa thoát khỏi hang sâu, nhưng đã bị Lý Thông sai quân lính vần lá lấp cửa hang để hãm hại. Chàng đã đi khắp hang lạnh, khám phá. Thạch Sanh lại lùng cung tên thần bắn tan cũi sắt, cứu thoát Thái tử con vua Thủy tề đang bị Đại àng giam hãm. Thạch Sanh được Thái tử mời xuống chơi thủy phủ. Nhà vua hậu lãi chàng dũng sĩ cõi trần. Để đền ơn ân nhân, vua Thủy tề tặng Thạch Sanh nhiều 'àng ngọc, nhưng chàng khước từ, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật. Thạch Sanh lại trở về gốc đa, chốn cũ yêu thương.

Hồn Chằn tinh và Đại bàng gặp nhau, lập mưu báo thù Thạch Sanh. Chúng ăn rộm kho báu của nhà vua đem về giấu ở gốc đa. Thạch Sanh bị hạ ngục!

Công chúa sau khi được cứu thoát, rồi bị câm. Các quan ngự y đều bó tay. Lý Thông vô cùng nóng ruột... Nằm trong ngục, Thạch Sanh lấy đàn thần ra gảy. Tiếng làn lúc thì ai oán não nùng, lúc thì hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa ự nhiên nói được, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn. Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết kể. Lý Thông bị hạ ngục. Nhà vua giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng đã tha tội, cho cả hai mẹ con hắn về quê. Nhưng đến giữa đường, cả hai mẹ con Lý Thông đều bị sét đánh chết, hóa kiếp thành bọ hung.

Vua cho Thạch Sanh làm phò mã. Hoàng tử của mười tám nước chư hầu bất bình kéo quân vây đánh kinh đô. Thạch Sanh lại dùng đàn thần lui giặc. Hàng vạn tướng sĩ chư hầu được Thạch Sanh đãi một niêu cơm thần bé xíu mà họ ăn mãi chẳng hết.

Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.

11 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện cổ tích mà em yêu thích

Bài làm

Cây khế

Ngày xửa ngày xưa, có hai anh em nhà kia, cha mẹ mất sớm để lại một gia tài nhiều ruộng vườn, trâu bò. Người anh tham lam, người em hiền lành, siêng năng. Lấy lí

do ai lo phận ấy, người anh chia gia tài. Bao gia tư điền sản, người anh chiếm hết, cho vợ chồng người em một mảnh vườn có cây khế ngọt và một túp lều.

Hai vợ chồng người em cần cù cuốc đất trồng rau và chăm bón cây khế, kiến lần hồi. Mùa hè năm ấy, cây khế trĩu quả, chín vàng óng. Hai vợ chồng người em k khởi mừng thầm. Bỗng một hôm, có con chim phượng hoàng từ đâu bay đến. Chim hết quả này đến quả khác. Người vợ từ trong lều chạy ra, nói với chim: *"Vợ chồng chỉ có một cây khế, chim ăn hết quả thì biết trông cậy vào đâu..."*. Thật bất ngờ, c cất tiếng nói: *"Ăn một quả trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng"*.

Theo lời chim dặn, người vợ may cho chồng một cái túi vừa đúng ba gang. mấy hôm sau, quả nhiên phượng hoàng lại bay đến, xòe cánh đậu xuống sân. Người ngồi lên lưng chim, chim cất cánh bay. Vượt qua bao cánh đồng, dòng sông, núi r biển cả, chim đỗ xuống một hòn đảo lấp lánh bạc vàng, châu báu. Người em nhặt một túi vàng. Chim lại chở người em về tận nhà. Vợ chồng người em trở nên giàu có

Vợ chồng người anh biết chuyện, xin gạ đổi cho vợ chồng người em tất cả cửa điền sản để lấy mảnh vườn và cây khế ngọt. Vợ chồng người em vui vẻ nhận lờ

Ít lâu sau, phượng hoàng lại bay đến ăn khế. Chim cũng nói với vợ chồng ng anh: *"Ăn một quả trả cục vàng, mang túi ba gang mang đi mà đựng"*. Vốn tham lam chồng người anh may một cái túi rõ to sáu gang. Chim y hẹn bay đến đưa người đến đảo vàng. Anh ta lóa mặt lên, chọn và nhặt nhiều châu báu, lèn chặt vào cái túi gang. Anh leo lên lưng chim; chim phải đập cánh nhiều lần mới bay lên được. Cl gắng sức bay qua biển; túi vàng quá nặng làm nghiêng cánh chim. Bất ngờ, người và cả túi vàng rơi tõm xuống biển, chết mất xác...

12 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện cổ tích mà em đã nghe kể.

Bài làm

Cây tre trăm đốt

Ngày xửa ngày xưa, anh Khoai nhà nghèo. Tính nết cần cù, chân thật. Anh c cho một nhà giàu trong vùng. Phú ông vỗ vai Khoai và nói: *"Mày làm lụng cho t giỏi, rồi tao gả cô út cho mày!"*. Cô út duyên dáng, xinh đẹp lắm! Khoai tưởng c chủ thực lòng, nên đã ra sức làm lụng gấp năm, gấp mười trước đây. Ba năm sau, út càng lớn lên càng xinh đẹp.

Phú ông nuốt lời hứa cũ, gả cô út cho con trai viên cai tổng giàu nứt đố vách. Thấy hai họ đang rục rịch làm lễ cưới, Khoai tìm gặp ông chủ để nói lên nỗi bình của mình. Phú ông ha hả cười, nói với anh:

"Anh vào rừng, chặt về đây một cây tre trăm đốt, để làm đũa cưới, thì tao c mày cưới cô út ngay!".

Vốn thật thà quá, Khoai tin ngay lời phú ông hứa. Anh vác dao hăm hở rừng đi chặt cây tre trăm đốt. Quá trưa tới chiều, đi hết khu rừng này tới khu rừng anh chẳng tìm thấy một cây tre trăm đốt nào! Hết leo núi lại lội khe, đói và mệt Khoai tuyệt vọng, ngồi khóc. Chưa bao giờ anh buồn như vậy! Bỗng có một cụ phúc hậu, râu tóc bạc phơ, tay chống gậy, đến gần Khoai, ân cần hỏi: *"Cơ sự làm s mà con khóc?"* Nghe Khoai kể rõ đầu đuôi, cụ già bảo anh đi chặt nhanh về một tră

tre. Nhìn đống đốt tre, cụ già khẽ nói: "*Khắc nhập! Khắc nhập*". Tức thì các đốt liền kết thành một cây tre dài trăm đốt. Khoai sung sướng quá, anh nghĩ tới cô út... già đã biến mất từ bao giờ! Loay hoay mãi vẫn không thể nào đưa cây tre dài ra i rừng, anh lại ngồi xuống khóc. Cụ già lại hiện ra, bảo Khoai nín đi, rồi cụ khẽ : "*Khắc xuất! Khắc xuất!*". Cây tre trăm đốt lại rời ra. Cụ khẽ dặn Khoai ghi nhớ thần chú và cách dùng cho linh nghiệm! Cụ già lại biến mất. Khoai bó các đốt tre chạy như bay về nhà phú ông.

Khoai không tin mắt mình nữa. Đám cưới cô út với con trai viên chánh tổng g diễn ra tưng bừng. Khách khứa ra vào ồn ào, tấp nập. Cỗ bàn linh đình! Khoai đặt bó tre xuống. Anh biết mình đã bị lừa! Phú ông đến bên Khoai cả cười mà bảo rằng: *o cần tre trăm đốt, chứ đâu cần hai bó ống tre? Anh rõ lẩn thẩn! Thôi vào ngồi cỗ ı cưới cô mày!*". Khoai tức lắm, khẽ đọc: "*Khắc nhập! Khắc nhập!*". Tức thì các ống dính vào nhau, lão phú ông cũng dính chặt vào cây tre trăm đốt! Vừa đau vừa sợ hãi, ta kêu ầm lên. Viên chánh tổng, con trai hắn vội chạy đến, còn lớ ngớ, liền bị Khoai n thần chú, cả hai cha con lão lại dính chặt vào cây tre. Càng giẫy càng đau, la khóc sòm! Quan khách hai họ nhìn thấy khiếp lắm, mạnh ai nấy chạy, bỏ dở cỗ bàn. Cả người mới biết Khoai là kẻ kì tài, có phép lạ, vừa khóc vừa van lạy Khoai rối rít. Một người xúm lại xin Khoai tha cho ba người kia. Khoai ung dung khẽ đọc: "*Khắc xuất! ắc xuất!*". Cây tre trăm đốt lại rời ra. Cha con viên cai tổng hú vía, chạy dài.

Phú ông thoát nạn. Lão bẽ mặt và sợ lắm. Lão phải y hẹn cho Khoai cưới cô út.

ĐỀ BÀI:

Kể lại truyện cổ tích "*Em bé thông minh*"

Bài làm

Ngày xưa có một ông vua anh minh. Vua sai sứ giả đi khắp mọi nơi để tìm kẻ ı tài.

Một hôm, vị sứ giả đi qua một cánh đồng bắt gặp hai cha con bác nông dân: cày, con đập đất. Đứa bé độ 7, 8 tuổi, tóc để chỏm, cặp mắt sáng như sao! Viên n rất có cảm tình, dừng ngựa lại hỏi:

- Này, lão nông! Trâu của lão cày một buổi được mấy đường cày?

Người cha đứng ngẩn ra. Đứa con nói với người lạ mặt:

- Nếu ngài cho biết con ngựa của ngài mỗi ngày đi được mấy bước, thì tôi sẽ ời cho ngài hay!

Vị sứ giả ngạc nhiên vô cùng, và thầm nghĩ: "Thần đồng là đây rồi...". Ông ta rõ làng xã, quê quán của hai cha con lão nông rồi chào giã biệt.

Một thời gian sau, lệnh vua truyền xuống. Vua ban cho làng ấy 3 thúng gạo , 3 con trâu đực, hẹn năm sau 3 con trâu đực ấy phải đẻ thành 9 con nghé, nếu sai cả là làng phải chịu tội. Cả dân làng xôn xao, già trẻ gái trai đều lo âu, sợ hãi. Còn bé nọ thì mỉm cười, thưa với cha xin được gặp cụ tiên chỉ.

- Thưa cụ, lệnh vua chẳng có gì đáng lo. Xin cụ đem giết 2 con trâu đực, lấy úng gạo nếp đồ xôi để cả làng ăn cỗ; còn một thúng gạo nếp, một con trâu thì lấy tiền làm lộ phí cho hai bố con cháu trẩy kinh. Cháu sẽ thu xếp mọi chuyện vào đấy.

Sau bữa cỗ, cả làng tiễn hai cha con lão nông trẩy kinh. Đến kinh đô, họ tìm đ
hoàng thành. Chú bé lập mưu vào được sân rồng, rồi khóc um lên. Nhà vua lấy làm
sai thị vệ dẫn đứa bé vào hỏi nguyên cớ gì mà khóc làm ầm ĩ chốn đế đô. Chú bé q
xuống, vừa thút thít vừa tâu:

- Tâu đức vua, mẹ cháu chết đã lâu mà cha cháu không chịu đẻ em bé để ch
với cháu cho có anh có em...

Nhà vua và quần thần đều cười. Vua lại phán:

- Cha cháu là giống đực sao đẻ được!...

Chú bé liền tâu:

- Thưa Đức vua. Tại sao vua lại bắt làng cháu nuôi 3 con trâu đực sau một nă
phải đẻ thành 9 con nghé ạ?

Nhà vua mừng thầm, biết là đã tìm được nhân tài, nhưng cần phải thử lại một lần nữ

Sau đó mấy hôm, có một viên quan thị đem đến công quán một con chim s
bảo hai bố con lão nông phải giết chim bày thành 3 cỗ đại yến dâng lên vua. Chú b
liền đưa cho sứ giả một cây kim và nhờ ông ta tâu lên Đức vua rèn thành con dao s
để xẻ thịt chim.

Nhà vua mừng khôn xiết, ban thưởng hai cha con lão nông rất hậu.

Cùng dịp ấy, vua Tàu sai sứ sang dò xét nước Nam, âm mưu gây hấn. Sứ Tà
mang sang một vỏ ốc xoắn rất dài, rỗng hai đầu, đố làm sao xâu được sợi chỉ xuyê
theo ruột ốc. Đương lúc nhà vua và quần thần lúng túng, thì chú bé xin hiến kế. Ch
ung dung đọc lên một bài ca:

"Tang tình tang! Tính tình tang
Bắt con kiến vàng, buộc chỉ ngang lưng.
Bên thời lấy giấy mà bưng,
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang.
Tang tình tang..."

Triều thần làm đúng theo cách ấy. Con kiến càng đã xâu sợi chỉ xuyên qua ru
ốc xoắn. Nhà vua và trăm quan vô cùng mừng rỡ. Sứ Tàu thán phục lắm.

Liền đó, vua phong cho chú bé làm Trạng nguyên.

14 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một chuyện cổ tích mà em nhớ mãi

Bài làm

Nàng công chúa tóc vàng

1. Ngày xưa có một chàng trai thông minh, dũng cảm và tốt bụng tên là A-rô-k

Một hôm A-rô-ka câu được một con cá hình thù kì dị. Anh không biết làm g
liền thả cá xuống nước. Lạ thay, cá cất tiếng nói với anh:

- Cám ơn anh đã thả tôi ra. Xin biếu anh viên ngọc này, nó sẽ giúp anh hiể
được tiếng nói các loài vật trên đời.

A-rô-ka vui sướng mang viên ngọc về nhà. Đang bữa cơm, anh thấy hai co
chim nhỏ ngậm một sợi tóc vàng óng ánh đậu trên cửa sổ. Chúng bàn tán sôi nổi v

chuyện nàng công chúa xinh đẹp đang bị giam hãm trong toà lâu đài bằng pha lê ở cạnh bên rừng. Nghe thế, A-rô-ka liền lên đường cứu người con gái xấu số. Anh vừa tới khu rừng thì trông thấy hai con chim đang bay lượn nháo nhác vì chim con bị gió hất rơi khỏi tổ. A-rô-ka nhặt chú chim non đặt vào chỗ cũ và tiếp tục đi. Được một quãng, anh lại cứu bầy kiến đang bị lửa vây, một con ong vàng vướng vào màng nhện và chú cá chép bị mắc cạn. Tất cả các con vật được cứu đều cám ơn A-rô-ka và nhận đưa đường cho anh đến chỗ nàng công chúa tóc vàng bị giam.

2. Khi anh đến lâu đài thì yêu tinh đã hiện ra đón đường. Nó cười khà khà và nói với A-rô-ka:

- Chàng trai trẻ định đến cướp nàng công chúa xinh đẹp của ta ư? Hãy làm cho được ba điều sau anh sẽ toại nguyện, bằng không thì đừng nghĩ đến việc trở về!

Thoạt đầu yêu tinh bắt anh nhặt tất cả những viên ngọc trai trong chuỗi hạt ngọc của nó vừa bị rơi vãi trên đám cỏ rậm. A-rô-ka lo lắng tìm kiếm. Anh chợt nhìn xuống đất và thấy một bầy kiến không biết từ đâu đến đã nhặt gọn giúp anh đầy đủ, không sót một viên nào.

Đến việc thứ hai, yêu tinh bảo anh xuống đáy hồ mò cho nó chiếc nhẫn quý rơi. Việc này A-rô-ka được cá chép giúp.

Việc cuối cùng, yêu tinh bắt anh vào lâu đài nhận mặt công chúa đang đứng lẫn trong năm mươi cô gái khác giống hệt nhau, trên mặt mỗi cô đều có tấm lụa phủ kín. A-rô-ka đang băn khoăn thì chú ong vàng xuất hiện. Chú bay lượn trước một cô gái và hát:

Công chúa tóc vàng đây,
Anh hãy đến ngay
Đem nàng đi khỏi nơi này!

A-rô-ka vội chạy lên đón công chúa và đặt nàng lên mình ngựa, phóng một mạch về cung vua.

Từ đó, A-rô-ka trở thành con rể của nhà vua và anh được sống hạnh phúc với nàng công chúa tóc vàng kiều diễm đó.

Truyện dân gian Tiệp Khắc

15 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện cổ tích nói về kẻ tham lam

Bài làm

Xin chôn ở hầm vàng

Ngày xưa có hai vợ chồng anh nông dân nghèo, phát được miếng rẫy bên bìa rừng, tỉa được 5 tô bắp hạt giống. Năm ấy, mưa thuận gió hoà, bắp mọc tươi tốt lắm. Bắp trổ hoa, cây nào cũng có hai, ba bắp to và dài. Hai vợ chồng mừng thầm. Nhưng rồi có một đàn khỉ từ rừng sâu kéo đến ăn phá. Hai vợ chồng đêm nào cũng phải thức để canh giữ. Mệt mỏi quá, hai vợ chồng bàn nhau đem bẻ ngô non nấu ăn kẻo đàn khỉ phá hết.

Ngô bẻ về chòi. Thứ thì luộc. Thứ thì nướng. Hai vợ chồng ăn ngô nhiều quá, đêm đó bị đau bụng, tháo dạ, nằm mê man bất tỉnh. Bầy khỉ lại kéo đến trộm bắp.

Chúng vào chòi ngửi thấy mùi thối, tưởng hai vợ chồng người canh rẫy đã chết, hè nhau khuân đem chôn. Chúng hỏi nhau:

- Hà rầm hà rạc, đem chôn hầm bạc hay chôn hầm vàng?

Con khỉ đầu đàn ra lệnh:

- Hà rầm hà rạc, không chôn hầm bạc mà chôn hầm vàng.

Nghe bầy khỉ nói thế, nhưng hai vợ chồng anh nông dân lúc ấy không sao cựa quậy, nói năng được gì.

Sáng hôm sau, lúc mặt trời mọc độ con sào, hai vợ chồng mới hồi sức tỉnh dậy. Họ thấy đang nằm trong một hốc đá, hòn to hòn nhỏ lấp lánh vàng. Lượm hết các cục vàng, hai vợ chồng chờ trời tối mới đem về nhà. Và từ đó trở nên vô cùng giàu có.

Gần đó có tên phú hộ thấy hai vợ chồng anh nông dân trở nên giàu có thì ngạc nhiên lắm. Hắn liền làm thân, lân la dò hỏi. Anh nông dân thật thà kể lại câu chuyện được vàng. Và hắn tìm đủ mọi cách gạ gẫm xin mua lại miếng rẫy với giá thật đắt để trồng bắp. Chẳng mấy chốc, rẫy bắp đã trổ cờ ra trái. Đàn khỉ lại kéo tới phá. Hai vợ chồng tên phú hộ cũng bẻ bắp non luộc và nướng ăn. Ăn thật nhiều, uống nước suối. Họ giả vờ ngủ say khi đàn khỉ ùa vào lều. Lắng nghe đàn khỉ hỏi nhau:

- Hà rầm hà rạc, đem chôn hầm bạc hay chôn hầm vàng?

Chúng xúm vào khiêng, chạy như bay. Khỉ đầu đàn ra lệnh:

- Hà rầm hà rạc, đem chôn hầm bạc, đừng chôn hầm vàng!

Lão phú hộ giả chết nghe vậy, nghĩ rằng bạc không quý bằng vàng, liền hét lên:

- Đừng chôn tao ở hầm bạc mà phải đem sang hầm vàng kia!

Cả đàn khỉ giật mình hoảng hốt, ném ngay vợ chồng lão phú hộ xuống vực sâu, rồi ba chân bốn cẳng chạy vào rừng sâu...

16 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện của An-đéc-xen

Bài làm

Nàng công chúa và hạt đậu

Ngày xưa, có một hoàng tử muốn cưới một nàng công chúa nhưng công chúa phải cho ra công chúa, phải toàn thiện toàn mỹ. Hoàng tử bèn chu du khắp thiên hạ để kén vợ. Công chúa thì chẳng thiếu gì, nhưng nàng nào cũng có vài nhược điểm hoặc tật xấu. Thế là, một ngày kia, hoàng tử đành buồn rầu trở về nhà.

Đến tối nổi lên một cơn dông tố kinh khủng. Mưa ào ào như xối. Có tiếng gõ cửa lâu đài. Lão Vương thân hành ra mở cửa.

Bên ngoài là một nàng công chúa, nhưng mưa gió đã làm cho nàng tiều tuỵ quá thể. Đầu tóc, quần áo nàng võng những nước và còn rỏ giọt từ mũi xuống giày nàng. Nàng tự giới thiệu nàng là công chúa toàn thiện toàn mỹ mà hoàng tử đang chờ đợi. Hoàng hậu nghĩ thầm: "*Được cứ để xem xem!*". Rồi hoàng hậu vào buồng ngủ thắp đèn lên và nhét một hạt đậu xuống dưới đệm giường. Sau đó, ngài đặt hai mươi cái đệm chồng lên trên cái đệm đã đặt trước. Đấy chính cái giường dành cho công chúa.

Sáng ra, người ta hỏi thăm nàng đêm qua ngủ có yên giấc không. Nàng đáp:

- Suốt đêm tôi không chợp mắt, vì nằm phải vật gì rắn rắn, thâm tím cả mình mẩy.

Hoàng hậu bèn phán:

- Công chúa ra công chúa thật! Đây chính là nàng công chúa toàn thiện toàn mỹ, nằm trên hai mươi lần đệm nàng vẫn thấy đau vì một hạt đậu.

Hoàng tử cưới nàng làm vợ và hạt đậu được bày trong một phòng triển lãm, đến giờ vẫn còn xem được, vì chưa có ai lấy đi cả.

(Truyện An-đéc-xen)

17 - ĐỀ BÀI:

Kể lại truyện cổ tích *"Cây bút thần"*

Bài làm

Ngày xưa, có một em bé tên là Mã Lương. Mồ côi (cả cha lẫn mẹ đều mất sớm). Em cắt cỏ, kiếm củi... để nuôi thân. Em rất thông minh và yêu thích hội họa. Em vẽ đẹp. Chỉ lấy que, lấy ngón tay làm bút vẽ. Em vẽ chim, vẽ cá giống như hệt, ai cũng tưởng như được nghe chim hót, được trông thấy cá bơi lội... Em chỉ mong sao có được một cây bút vẽ.

Thế rồi, một đêm em nằm mơ thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, đưa cho em một cây bút vẽ và bảo: *"Đây là cây bút thần, nó sẽ giúp con nhiều"*. Em sung sướng nhìn cây bút, khẽ nói: *"Cháu cảm ơn ông! Cảm ơn ông!"*. Mã Lương chợt tỉnh giấc thì cụ già đã biến mất, nhưng cây bút bằng vàng sáng lấp lánh vẫn còn nằm trong tay.

Từ đấy trở đi, nhờ có cây bút thần, tài nghệ của Mã Lương phát triển một cách kì diệu. Em vẽ chim thì chim biết hót, biết bay. Em vẽ cá thì cá tung tăng bơi lội. Rồi em vẽ cày, vẽ cuốc, vẽ đèn, vẽ thùng múc nước... giúp bà con nghèo có dụng cụ làm ăn. Dân làng hết lời ca ngợi em.

Gần miền có một tên địa chủ tham lam, độc ác, sai hai tên tôi tớ đến bắt Mã Lương đưa về nhà, ép em phải vẽ theo ý muốn của hắn. Em không thèm vẽ cho hắn. Dụ dỗ, dọa nạt không được, hắn giam em vào chuồng ngựa với ác ý làm cho em chết đói. Ba hôm sau, tuyết phủ đầy trời đất. Tên địa chủ tin rằng em sắp chết rét. Nửa đêm, hắn lò mò đến chuồng ngựa, hắn vô cùng sửng sốt thấy Mã Lương đang ngồi sưởi trước bếp lửa hồng và đang ăn bánh nướng! Vô cùng tức tối, hắn trở về nhà kéo bọn gia nhân đến để giết Mã Lương và ăn cướp cây bút thần. Mã Lương đã trốn mất, chỉ còn lại một chiếc thang. Tên địa chủ vừa leo lên ba bậc thì bị ngã xuống đất nhu bị trời giáng. Mã Lương vẽ ngựa, dùng ngựa phóng như bay, chạy trốn. Tên địa chủ cùng một đoàn tôi tớ gươm giáo sáng loáng, phóng ngựa đuổi theo. Mã Lương vẽ cung tên làm vũ khí bắn trúng họng tên địa chủ độc ác.

Chạy trốn đến một thị trấn nhỏ, Mã Lương vẽ tranh để bán lấy tiền sinh sống. Cũng vẽ chim, vẽ cá... nhưng con thì thiếu mắt, con thì thiếu chân... Một hôm, em vẽ cò trắng, vô ý làm rơi một giọt mực xuống bức tranh. Con cò đủ mắt, bỗng cất cánh bay lên... Chuyện lạ ấy đến tai nhà vua. Mã Lương bị triệu đến hoàng cung. Vốn căm ghét tên bạo chúa, Mã Lương đã phản kháng lại. Vua bảo vẽ rồng thì em vẽ cóc ghẻ, vua bắt vẽ phượng thì em vẽ gà trụi lông. Cóc, gà vừa xấu xí, vừa bẩn thỉu. Nhà vua tước mất cây bút thần của em. Hắn tham lam vẽ núi vàng, thì núi vàng thành núi đá, vẽ thỏi vàng dài thì thỏi vàng hóa thành con mãng xà, miệng há hốc, đỏ lòm. Nhà vua suýt nữa bỏ mạng. Nhà vua tìm mọi cách mua chuộc, hứa gả công chúa và trả lại bút

thần cho Mã Lương. Vua sai Mã Lương vẽ biển, rồi vẽ thuyền có cánh buồm để d ngoạn. Vua, hoàng hậu, các công chúa, hoàng tử và bọn đại thần kéo nhau xuốn thuyền. Biển gợn sóng, gió thổi nhẹ, thuyền từ từ ra khơi. Nhà vua đòi Mã Lương v cho gió to thêm. Mã Lương vẽ và vẽ, gió mạnh thổi một lúc một mạnh, biển nổi són dữ dội nhấn chìm thuyền nhà vua xuống đáy biển.

Sau sự kiện chấn động ấy, câu chuyện về Mã Lương và cây bút thần đồn dạ khắp nơi. Nhưng Mã Lương cũng đã đi đâu mất...

18 - ĐỀ BÀI:

Hãy kể lại truyện cổ tích "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*"

Bài làm

Ngày xưa, trên bờ biển nọ, có hai vợ chồng ông lão đánh cá sống trong một tú lều rách nát. Ông chồng thả lưới, người vợ kéo sợi.

Một hôm, người chồng ra biển đánh cá. Lần thứ nhất, kéo lưới lên chỉ có bùn lần thứ hai chỉ có một cây rong biển mắc vào lưới; lần thứ ba kéo lưới lên, ông lão bắ được một con cá vàng.

Ông lão vô cùng ngạc nhiên và xúc động khi nghe con cá vàng kêu van: *"Ôn lão ơi! Ông sinh phúc thả tôi về biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được"* Ông lão liền thả ngay con cá vàng xuống biển và nói: *"Trời phù hộ cho ngươi! Ngươ hãy trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì"*.

Về nhà, ông lão kể cho vợ nghe câu chuyện gặp con cá vàng... Mụ vợ ngh xong liền mắng: *"Đồ ngốc! Sao không bắt nó đền ơn cái gì! Cái máng lợn cũng đượ chứ! Cái máng lợn nhà ta sắp vỡ rồi!"*.

Ông lão thật thà đi ra biển gọi cá. Biển gợn sóng êm ả. Cá vàng bơi lên. Ngh ông lão nói, cá vàng ân cần cất tiếng: *"Ông lão ơi! Tôi sẽ giúp ông cái máng thậ mới"*. Về đến nhà, ông lão nhìn thấy cái máng mới. Nhưng mụ vợ lại quát to hơn: *"Đồ ngu! Sao không đòi con cá đền một cái nhà to đẹp!"*. Ông lão lại lủi thủi đi ra biển Biển xanh nổi sóng. Cá vàng bơi lên, cất tiếng chào ông lão. Nghe ông lão nói mụ vợ lão đòi một tòa nhà đẹp, cá vàng trả lời ông: *"Ông lão ơi! Tôi sẽ kêu trời phù hộ cho mụ vợ ông sẽ có một cái nhà rộng và đẹp"*. Quay về, từ xa ông lão đã thấy một tòa nhà rõ to, rõ đẹp, có lò sưởi, mụ vợ đang ngồi bên cửa sổ. Vừa thấy ông lão, mụ mắng té tát: *"Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế! Tao muốn làm nhất phẩm phu nhân, hãy ra biển bảo con cá vàng biết!"*. Ông lão khốn khổ lại lóc cóc ra biển gọi cá. Biển xanh nổ sóng dữ dội. Nghe ông lão nói..., cá vàng an ủi ông: *"Ông lão ơi! Đừng quá lo lắng. Trời sẽ phù hộ cho ông!..."*. Mụ vợ đã trở thành nhất phẩm phu nhân. Đội mũ nhiều hoa, mình khoác áo lông, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ. Có bao nhiêu kẻ hầu người hạ. Ông lão vừa cất tiếng chào: *"Kính chào phu nhân..."* thì liền bị mụ mắng một thôi một hồi và ra lệnh bắt lão đi quét dọn chuồng ngựa!

Ít tuần lễ sau, mụ đòi ông lão đến. Mụ giận dữ nói: *Tao không thèm làm Nhất phẩm phu nhân nữa. Tao muốn làm nữ hoàng kia. Mày hãy đi nhanh ra biển nói với con cá vàng biết thế!"*. Ông lão đáng thương cúi đầu bước đi. Biển nổi sóng mù mịt Ông lão cất tiếng gọi cá. Lần thứ tư, con cá vàng bơi lại hỏi: *"Ông lão ơi! Ông cần gì thế?"*. Nghe ông lão nói, mụ vợ đã nổi cơn điên đòi làm nữ hoàng, chuyện mụ vợ nổi

trận lôi đình, tát vào mặt ông... con cá vàng lại an ủi: *"Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. Trời sẽ phù hộ lão. Mụ già sẽ là nữ hoàng"*. Ông lão tội nghiệp về đến nhà thì mụ vợ đã biến thành nữ hoàng. Ông lão sửng sốt khi nhìn thấy nữ hoàng đang ngồi ở bàn tiệc trong cung điện nguy nga. Các thị nữ xúm xít vây quanh, người thì dâng rượu quý, kẻ thì dâng các thứ bánh ngon lành,... Vệ binh gươm giáo tuốt trần chỉnh tề đứng hầu... Ông lão khúm núm, cúi rạp xuống đất chào mụ và nói:

"Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ?". Mụ quắc mắt, quát thét ra lệnh đuổi đi. Bọn vệ binh xô đến tuốt gươm dọa chém. Ông lão run lên... Trước cảnh đáng thương ấy, nhiều người đã chế giễu ông lão: *"Đáng kiếp! Có thế mới sáng mắt ra, đừng thấy người sang bắt quàng làm họ!..."*.

Được ít tuần, mụ vợ lại nổi cơn thịnh nộ sai bọn vệ binh đi tìm bắt ông lão đến. Mụ bảo: *"Mày hãy đi ra biển tìm con cá vàng và nói với nó là tao không thèm làm nữ hoàng nữa. Tao muốn làm Long Vương ngự trên biển, để con cá vàng phải hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao!..."*. Như một kẻ mất hồn, ông lão âm thầm đi ra biển. Lần thứ 5, ông cất tiếng gọi cá. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Một lúc sau mới thấy cá vàng nổi lên. Nghe ông lão nói mụ vợ muốn làm Long Vương,... cá vàng im lặng, quẫy đuôi lặn sâu xuống biển...

Ông lão tần ngần đứng trên bờ biển đợi chờ. Chỉ nghe có sóng gào. Ông quay về. Vô cùng sửng sốt, ông chỉ nhìn thấy mụ vợ đang âu sầu rầu rĩ ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ trong túp lều rách nát ngày nào. Lâu đài, cung điện nguy nga đều biến đâu mất cả.

19 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện dân gian mà em thích thú

Bài làm

Người nông dân và con quỷ

Ngày xưa đất đai đều bị loài quỷ chiếm mất cả. Một hôm, có một người nông dân vào rừng trồng củ cải. Anh đang cuốc đất thì có một con quỷ chạy lại và quát lên:

- Anh kia, ai cho anh vào rừng của ta? ... Anh muốn chết à?

Người nông dân bình tĩnh nói:

- Quỷ ơi, đừng ăn thịt tôi. Quỷ để tôi gieo cải. Khi cây lớn lên, tôi chỉ lấy gốc thôi, còn ngọn xin nhường quỷ.

- Thấy không phải làm gì mà lại được ăn, quỷ bằng lòng, bèn nói:

- Thế cũng được, nhưng anh phải giữ đúng lời hứa đấy. Nếu không đúng, đừng có hòng vào rừng này nữa.

Củ cải lớn, người nông dân gỡ lấy củ, để lại ngọn cho quỷ. Quỷ ăn thấy đắng, tức lắm không làm gì được người nông dân.

Sang mùa sau, người nông dân lại vào rừng tiếp tục trồng. Thấy vậy, quỷ lại đòi chia. Người nông dân hỏi:

- Thế quỷ định lấy gốc hay lấy ngọn?

Bực tức vì lần trước đã không được ăn, nên lần này quỷ đòi lấy gốc. Thấy vậy, người trồng lúa. Lúa chín vàng, người nông dân gặt lấy ngọn gánh về, còn để lại gốc cho quỷ.

Gốc rạ không ăn được, quỷ tức giận, sùi bọt mép, đòi mùa sau ăn cả ngọn lẫn gốc. Quỷ nghĩ: *"Cho người trồng gì đi nữa, kết quả thu hoạch lần này cũng về ta cả"*. Nhưng không chịu thua quỷ, người nông dân đem ngô ra gieo. Vì ra sức chăm bón nên bắp ngô rất to, mỗi cây có đến hai ba bắp. Đến mùa, anh ta mang quang gánh, hởi hả trảy ngô bắp, gánh về nhà, để lại cả ngọn lẫn gốc cho quỷ.

Nhìn những thân cây ngô khô đét, quỷ đành hậm hực chạy về rừng mà không làm gì người được.

Thế là cả ba lần nhờ trí thông minh mà người nông dân đã thắng con quỷ tham lam ngu xuẩn.

Truyện cổ tích Việt Nam

20 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện cổ tích nói về một tấm gương dũng cảm

Bài làm

Em gái dũng cảm

Ngày xưa, có ba anh em mồ côi, hai anh trai và cô em út. Họ sống trong một ngôi nhà nhỏ, nằm giữa một khu vườn. Anh em thương nhau lắm. Một buổi tối mùa đông, bỗng có tiếng gõ cửa; cô em gái đi ra mở cửa, dẫn vào nhà một bà lão lỡ đường. Cả ba anh em niềm nở đón tiếp, chuẩn bị giường đệm, mời bà lão nghỉ lại.

Sáng hôm sau, bà lão đi dạo sau vườn. Bà nói với ba anh em: "*Vườn của các cháu khá đẹp. Giá mà có thêm nước màu vàng, chim biết nói, và cây biết hát ca nữa thì càng đẹp hơn*".

- Thưa bà, cả ba anh em cùng nói - ba thứ ấy tìm ở đâu ạ?

- Các cháu hãy đi theo hướng này, và sẽ gặp một người tốt bụng, người ấy sẽ chỉ cho biết ba thứ đó ở đâu!

Bà lão phúc hậu ra đi. Ba anh em quyến luyến đưa tiễn. Buổi tối hôm ấy ngồi xung quanh bếp lửa, người anh cả nói với hai em:

- Anh bứt rứt lắm! Anh phải đi tìm nước màu vàng, chim biết nói, cây biết ca hát. Em gái nhớ lời anh dặn nhé. Ở nhà, nếu em khâu vá, bị kim đâm vào tay, máu chảy ra thì là anh gặp trắc trở đấy.

Sáng hôm sau, người anh lên đường, đi theo hướng bà lão đã chỉ. Anh vượt qua bao dòng sông, đồng cỏ, ngọn núi trong mưa, nắng. Khi đến chân một ngọn núi cao ngất trời, anh gặp một người lạ mặt. Anh lễ phép hỏi nơi có ba vật lạ: *nước màu vàng, chim biết nói, cây biết hát ca*. Người lạ đó vui vẻ nói:

- Cháu là con người dũng cảm. Cháu trèo qua ngọn núi này sẽ tìm được ba thứ lạ đó. Nhớ gặp ai khiêu khích, chửi bới, đánh đập... hãy bỏ qua, và đừng quay đầu ngoảnh lại. Nếu cháu ngoảnh lại sẽ bị hóa đá đấy. Cháu nhớ lấy. Chúc cháu thành công.

Người anh cả vượt lên. Có bao tiếng cười khúc khích, chế nhạo. Tiếng chửi rủa, có bàn tay túm lấy áo quần mình. Mặc kệ, người anh cứ trèo lên, trèo lên. Bất ngờ bị một đấm sau lưng, anh quay đầu lại, liền hóa thành một hòn đá. Cùng lúc đó, người em gái ở nhà đang khâu vá bị kim đâm vào tay, một giọt máu rỉ ra, cô em kinh ngạc kêu lên: "*Anh cả ta gặp nạn rồi!...*". Người anh trai thứ hai vội an ủi em gái: "*Em đừng lo. Anh đi cứu anh cả đây. Thế nào cũng cứu được*"...

Người anh trai thứ hai đi theo hướng anh cả đã đi. Anh đi mãi đi hoài, đến chân ngọn núi cao, cũng gặp một người lạ mặt. Cũng được chỉ đường, dặn dò. Người anh trai thứ hai bỏ ngoài tai mọi lời khiêu khích, réo chửi. Lúc lên gần đến đỉnh núi, bất ngờ bị đấm vào lưng, đấm liên tục như mưa đá giáng xuống. Người anh quay đầu lại, tức thì bị hóa đá. Người em gái ở nhà đang khâu, liền bị mũi kim đâm vào ngón tay, máu chảy ra. Cô kinh sợ kêu lên:

- Trời ơi! Nguy rồi! Anh thứ hai gặp nạn rồi!

Cô em gái lập tức lên đường. Cô đi theo hướng, theo con đường anh trai thứ hai đã đi qua. Đói, khát, mệt mỏi. Cô đã tìm đến chân ngọn núi, và đã gặp người lạ mặt. Cô leo lên núi và đinh ninh lời dặn dò của người lạ mặt. Bị chửi bới, chế nhạo. Bị ngáng đường, ném đá. Cô vừa đi vừa khóc vì người lạ mặt cho biết hai anh trai đã hóa đá cả rồi. Bị chọc ghẹo, bị đấm đá... cô đều bỏ qua. Cô đã leo lên đỉnh núi và đã tìm thấy nước vàng óng ánh, thứ cây biết ca hát. Một con chim nhỏ xinh đẹp bay đến đậu lên vai cô, thủ thỉ chuyện trò. Làm theo lời chỉ bảo của người lạ mặt, trên đường xuống núi, cô nhặt những hòn đá nằm trơ, ném xuống chân núi. Vừa xuống chân núi, có bao nhiêu người được cô cứu giúp mà phục sinh, vui mừng đón cô. Cô gặp lại hai người anh đã từng hóa đá.

Trên đường về nhà, cô em út kể lại hành trình mình đã tìm ra ba vật báu. Ngôi vườn của ba anh em nay có thêm ba vật lạ mà người em gái đã lấy được từ núi cao đưa về.

Từ đó, ba anh em sống cuộc đời vô cùng hạnh phúc sung sướng. Ngôi vườn của họ là ngôi vườn lạ nhất, đẹp nhất trên thế gian. Tất cả mọi vườn thượng uyển của vua chúa trên thế gian cũng không sánh được.

(Theo *Đồng thoại dân gian I-ta-li-a*)

21 - ĐỀ BÀI:

Nhập vai con trâu, em hãy kể sáng tạo truyện cổ dân gian "*Trí khôn của tao đây!*"

Bài làm

Tôi là một chú trâu hiền lành. Tôi đứng đầu hạng lục súc. Tôi là bạn nhà nông. Nhiều vị hỏi tôi là tại sao họ nhà trâu chúng tôi không có hàm răng trên mà chỉ có hàm răng dưới? Cái hàm răng ấy gắn liền với một kỉ niệm vui trong đời tôi:

"... Buổi cày hôm ấy, tôi và người đang làm lụng trên một thửa ruộng ở mé rừng. Bỗng có một chú hổ dáng bộ hiền lành từ trong rừng đi ra. Hổ hỏi tôi với tất cả sự ngạc nhiên:

"Này anh trâu, anh to thế, khỏe thế. Sao anh lại để cho người đánh đập, hành hạ khổ sở vậy?".

Tôi nhỏ nhẹ nói với hổ:

"Anh chưa biết à? Người tuy nhỏ bé nhưng lại có trí khôn!".

Hổ tò mò hỏi đi hỏi lại mãi. Lí luận ít, tôi nói với hổ là anh đi hỏi người ấy, người sẽ nói cho anh nghe. Lễ phép chào người, rồi hổ thật thà hỏi:

"Trí khôn của anh để đâu? Anh cho tôi xem một tí có được không?".

Anh trai cày ngẫm nghĩ một lát, rồi nói:

"Nói thật với anh là tôi để trí khôn ở nhà. Tôi sẽ về nhà lấy cho anh xem nhé! Nếu anh thích, tôi sẽ cho anh một ít".

Hổ mừng lắm, vẫy đuôi rối rít.

Anh nông dân toan bước đi, chợt sực nhớ ra điều gì bèn nói với hổ:

"Khó nói quá... Tôi đi về... nhỡ anh ăn mất trâu thì sao?".

Hổ còn băn khoăn chưa biết xử sự ra thế nào thì anh nông dân khẽ nói:

"Hay là như thế này, như thế này... anh chịu khó để tôi tạm trói anh vào gốc cây kia, cho tôi được yên tâm về nhà...".

Hổ vui vẻ ưng thuận. Anh trai cày lấy dây thừng trói hổ. Xong đâu đấy, anh ta bèn lấy roi cày quất túi bụi vào người hổ, vừa đánh vừa thét:

"Trí khôn của tao đây! Trí khôn của tao đây!".

Anh trai cày chất rơm rạ đốt hổ. Lửa cháy đùng đùng. Hổ quằn quại. Bỗng dây thừng cháy đứt. Hổ ba chân bốn cẳng chạy thục mạng vào rừng. Nhìn thấy cảnh tượng lạ kì ấy, tôi thích thú quá, cười rũ rượi, bò ra mà cười. Chẳng may hàm răng trên va vào tảng đá gãy không còn một chiếc nào.

Từ đó, họ nhà trâu chúng tôi chỉ có một hàm răng dưới. Bộ da hổ vằn đen dài là do vết cháy còn để lại đến ngày nay.

22 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện cổ tích đã đọc mà em rất thú vị

Bài làm

Công chúa thuỷ cung

Ngày xưa, có một vị hoàng đế anh minh và đức độ ngự trị một vương quốc giàu đẹp bên bờ biển nọ. Một đêm mưa to gió lớn, khi ngài đang đọc sách bỗng nghe tiếng gõ cửa liên hồi. Nhà vua vội ra mở cửa thì thấy một chàng trai tuấn tú mắt xanh, tóc cuộn lên như sóng biển, dắt theo một cô bé xinh xắn, da trắng như tuyết. Cúi đầu chào, rồi chàng trai nói:

- Hỡi đức vua cao quý, ngài hãy nhận lấy em gái của thần làm người hầu trong cung điện.

Nói xong, chàng trai vội vã ra đi trong gió mưa tầm tã.

Nhà vua nhìn cô bé, hỏi:

- Cháu có muốn ở trong hoàng cung không?

Cô gái không trả lời.

- Cháu là ai vậy? - Ngài lại hỏi, nhưng nàng vẫn im lặng.

Cô bé ngày một lớn lên và trở thành một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp. Nhà vua chăm chút, quý mến nàng. Một hôm, nhà vua mời nàng đến và nhẹ nhàng nói:

- Ta nghĩ nàng vốn là dòng dõi cao quý, lá ngọc cành vàng. Ta phong nàng lên ngôi vương hậu nhé!

Thiếu nữ vẫn không hé môi. Nàng cúi đầu, dịu dàng đưa bàn tay ngọc ngà cho nhà vua.

Thế là hôn lễ được tổ chức vô cùng trọng thể.

Một thời gian sau, hoàng hậu sinh hạ được một hoàng tử đẹp tuyệt trần.

- Ta thật là hạnh phúc – Nhà vua âu yếm nói – Chỉ có một điều làm ta chưa thật vui là nàng chẳng hề nói lên một tiếng. Chẳng lẽ nàng không muốn nói gì với con hay sao?

Hoàng hậu lẳng lặng ôm con đi ra bờ biển. Nhà vua nối gót theo sau. Đến nơi, nàng nhặt một ít lá khô, đốt lửa lên, rồi lấy trong người ra một chiếc hộp bằng vàng nhỏ bé, xinh đẹp, nhón lấy một nhúm bột trắng rắc lên ngọn lửa. Tức thì biển nổi sóng ầm ầm. Một đoàn người từ biển rẽ sóng đi lên, trong đó có một người cao to, mắt xanh nước biển. Hướng về hoàng hậu, người ấy nói:

- Nàng sẽ trở về thuỷ cung chứ? Về để xây dựng gia thất với một vương hầu... và nàng sẽ trở thành hoàng hậu của tất cả mọi dòng sông...

- Em đã lấy đức vua này rồi, và đây là con trai của em. Em không thể trở về thuỷ cung được nữa.

Người anh trai nói với nhà vua:

- Hỡi đức vua trần thế. Ngày trước, thuỷ phủ bị xâm lăng. Thần sợ giặc giết mất em gái. Biết ngài là một vị vua đức độ, thần đã mang em gái đến gửi gắm cho ngài để làm kẻ hầu trong cung điện. Ta có dặn: bao giờ lũ giặc bị quét sạch, thuỷ phủ trở lại yên bình, anh sẽ trở lại đón em về. Nhớ là em phải câm lặng, không được để lộ tung tích của mình với bất cứ ai.

Nhìn vua và hoàng tử, hoàng hậu nói:

- Không! Em không thể trở về thuỷ cung được nữa anh ạ...

Người anh liền ôm lấy hoàng tử nhảy vào lòng đại dương. Nhà vua tái mặt. Hoàng hậu vội đứng lên. Một lúc sau, vua biển đội sóng trở lại, trao hoàng tử cho em gái và dặn:

- Hoàng tử nay đã trở thành đứa con của biển... Rồi sẽ có ngày hai mẹ con em sẽ trở về thuỷ phủ cố hương.

Chào từ biệt đức vua trần thế, vua biển cùng đoàn tuỳ tùng rẽ sóng đi sâu vào lòng đại dương.

Từ đó trở đi, hoàng hậu nói với đức vua những lời âu yếm, dịu ngọt. Hoàng tử lớn lên, ngày một tuấn tú khôi ngô. Đức vua và hoàng hậu sống trong cảnh vô cùng êm đềm, hạnh phúc.

Nhiều năm nữa trôi qua. Bỗng nhà vua lâm bệnh nặng. Một hôm, vua âu yếm nhìn hoàng hậu và nói:

- Đã đến lúc chúng ta phải xa nhau rồi!... Nói xong, nhà vua từ từ nhắm mắt.

Sau khi đức vua băng hà, hoàng hậu và hoàng tử vẫn sống trong cung điện bên bờ biển.

Một hôm, khi trời sắp sáng, hoàng hậu bỗng nghe tiếng rì rầm của sóng biển như những hồi chuông giục giã. Hoàng hậu dắt tay hoàng tử và khẽ nói: *"Hai mẹ con ta cùng đi về thuỷ cung..."*.

Biển gợn sóng xanh đón mừng hai mẹ con hoàng hậu sau những năm dài xa cách.

23 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện ngụ ngôn của Ê-dốp mà em yêu thích

Bài làm

Con quạ xám đội lốt chim công

Ngày xưa có vị Hoàng đế của muôn loài thú có ý nghĩ rằng họ chim có thể là hơn tất cả mọi chư hầu trong vương quốc. Thế là vua truyền lệnh khắp nơi cho tất cả mọi loài chim đến trình diện trước ngai rồng và vua sẽ xem xét chọn loài chim đẹp nhất để làm chúa các loại khác. Lệnh truyền từ tây sang động, từ bắc đến nam. Lệnh vua xuống đến tận những con ong hút nhụy hoa, đến cả những con phượng hoàng to sống trên những đỉnh núi cao nhất, cho đến những con chim cú, những con đà điểu con công rồi đến chim cánh cụt, chim bồ câu.

Tất cả loài chim bắt đầu chải chuốt lông cho ngày hội lớn.

Riêng con quạ xám không lấy gì làm vui vẻ. Nó biết rõ rằng quạ là một thứ chim xấu xí và nó chẳng có hi vọng gì được chọn làm vua. Tuy nhiên trong đầu nó nảy sinh ra một ý nghĩ hay ho. Bạn có thể nghĩ đó là chuyện gì không ? Con quạ xám đã đi săn tìm trên các cánh đồng và trong các khu rừng, nhặt nhạnh những chiếc lông của các con chim khác rụng ra. Nó tích trữ lại nhiều chừng nào mà nó có thể làm được, rồi đem chắp vào khắp thân mình. Con quạ có đủ mọi thứ lông mà bạn có thể nghĩ đến, tất nhiên là đều đẹp hơn lông quạ, đẹp hơn hết những chiếc lông công dài màu xanh la cây xanh nước biển và vàng ánh. Khi ngày hội đến, quạ liền chắp dính hết lên mình quạ, ở những chỗ nào mà nó nghĩ rằng người ta chú ý nhất, rồi một mạch bay đến cung vua. Quạ rất lo lắng về những chiếc lông giả, nhỡ bị rơi mất nên cũng hết sức khéo léo giữ gìn. Một buổi triều kiến diễn ra như thường lệ, nhưng ôi chao, lũ lượt một đoàn dài đủ loài chim trình diễn trước ngai vua. Con chim này nối tiếp con chim khác, đủ loại chim xinh đẹp, một số nhảy trên sân, số khác chạy đến với đôi chân nhỏ xíu, có loại lại đập hai cánh xoãi ra trên bầu trời. Mọi con chim đều qua trước mặt vua. Từ xưa đến nay và có thể cả từ nay về sau, chưa bao giờ lại có nhiều giọng chim ríu rít líu lo, ca hót rộn ràng náo động đến như vậy.

Vua nhìn từng con chim diễu qua trước mặt mình, xem xét rất kỹ và cố tìm xem con nào là chim đẹp nhất.

Cuối cùng, vua gọi con quạ xám lại gần ngai vua. Con quạ xám tiến lên, để cho những con chim khác nhìn ngắm và nó rất tự hào về những chiếc lông công dài kéo lê đằng sau đuôi quạ. Vua truyền cho quan lễ tân thổi kèn và tuyên bố rằng quạ xám trong bộ lông cánh đẹp tuyệt vời sẽ là đẹp nhất trong xứ chim và vua sẽ trao vương miện cho quạ xám.

Thật là quá sức chịu đựng đối với những con chim khác. Cả họ chim náo loạn lên. Một đôi chim bồ câu bứt mạnh những chiếc lông của chúng dính trên ngực quạ xám ra, rồi đến lượt chim giẻ cùi cũng đòi lại mấy chiếc lông xanh của nó. Tất cả những con chim có những chiếc lông mà quạ xám đã nhặt đều chạy đến. Cuối cùng đích thân chim công tiến lên, giận dữ xòe bộ lông đẹp tuyệt vời của nó lên và túm ngực con quạ xám, lôi quạ đến dưới chân đức vua. Thế là con quạ xám bị tước hết những chiếc lông cánh đẹp, đứng trơ ra xấu xí, đen thui, dáng dấp điên rồ, thảm hại bị cả họ chim xỉa xói, mắng nhiếc. Thay vì trở thành vua, con quạ đã bị trừng phạt đuổi đi và những con chim khác chế giễu hát nhạo bằng những câu hát như sau

"Những chiếc lông chim đẹp không làm nên con chim đẹp. Những chiếc lông chim đẹp đã không làm nên chim đẹp. Những chiếc lông chim đẹp sẽ không làm nên con chim đẹp".

Trích "*Truyện ngụ ngôn Ê-đốp*"
(Ê-đốp là người Hy Lạp, thế kỉ VII - thế kỉ VI trước Công nguyên)

24 - ĐỀ BÀI:

Hãy kể lại một truyện cười nước ngoài mà em nhớ, em biết

Bài làm

Nhà tiên tri

Nhà vua được tâu trình là trong vương quốc của ông có một nhà tiên tri rất tài giỏi. Ngài bèn triệu nhà tiên tri tới và phán:

- Ngươi hãy nói cho ta rõ điều gì sẽ xảy ra với ngai vàng của ta sau vài phút nữa, nếu đoán sai ta sẽ chém đầu ngay!

Nhà tiên tri ung dung đáp:

- Tâu bệ hạ, thần chỉ có thể nói chắc chắn là theo tử vi thần sẽ chết trước bệ hạ đúng một giờ đồng hồ, không sai một giây, một phút.

- Thật đúng như thế à ?

- Tâu bệ hạ, quả đó là thiên định!

Nghe xong, nhà vua vội vã truyền lệnh, cấp cho nhà tiên tri một khoản trợ cấp lớn hàng tháng và ân cần dặn dò nhà tiên tri phải hết sức giữ gìn sức khỏe.

(Theo "*Truyện cười Tây Ban Nha*")

25 - ĐỀ BÀI:

Kể về một người được kính mến

Bài làm

Mẹ Xuân – bà mẹ Việt Nam anh hùng

Mẹ Xuân ở xóm Chiêng, xã Minh Tân là bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bà đã ngoài 70 tuổi, mái tóc bạc phơ, gương mặt phúc hậu. Người chồng yêu quý và hai đứa con thân thương của bà đều là liệt sĩ thời kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Thằng Hưng bạn học lớp 6A1 là cháu nội của bà Xuân, bố nó là liệt sĩ tại mặt trận Tây Nam của Tổ quốc. Nó sống với bà nội trong một túp lều gianh nhỏ bé, dột nát. Tỉnh và huyện mới xây dựng một ngôi nhà ngói ba gian tặng mẹ Xuân. Hôm làm lễ nhận nhà tình nghĩa, mẹ đã khóc. Thầy Hùng dạy toán ở trường em đã vẽ ba bức ảnh truyền thần về ba liệt sĩ tặng mẹ Xuân. Khi nhận ảnh người thân, tay mẹ run run, nước mắt chảy dài trên hõm má.

Ngày lễ, ngày Tết, ngày thương binh liệt sĩ 27 tháng 7 hằng năm, gia đình mẹ Xuân có nhiều khách , nhiều đoàn đại biểu đến thăm. Quà bánh và các thứ tặng phẩm, mẹ Xuân đều đem tặng lại các cháu nhỏ trường Mầm non của các xóm trong xã. Tiền bạc, bà đem ủng hộ quỹ tình nghĩa hoặc giúp học sinh nghèo ở trường em.

Mẹ Xuân hay đi lễ ở chùa Bái. Bà mặc bộ quần áo nâu, túi vải khoác bên lưng, bà vừa đi vừa nhai trầu bỏm bẻm. Gặp bà con trong xóm, trong xã, bà đứng lại chuyện trò. Bà hiền lành, sống tình nghĩa nên được bà con xóm dưới làng trên quý trọng.

Thằng Hưng đã có lần tâm sự với em. Nó nói thì thầm: "Cầu Trời, Phật cho bà nội nó được khoẻ mạnh. Nếu bà nó về lão, nó không biết ở với ai? Mẹ nó đã đi bước nữa, ở đảo Vân Đồn xa lắm,... Giọng nó buồn . Tôi càng thương mẹ Xuân và thương người bạn nhỏ bé của tôi.

Lê Ngọc Trác, lớp 6C
Trường THCS Minh Tân, Hải Phòng

26 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một kỉ niệm ngày xuân mà em nhớ mãi

Bài làm

Đi tảo mộ ông ngoại

Làng Chùa là quê mẹ em. Từ nhà em phải hơn nửa giờ xe máy thì hai mẹ con mới đến được nhà bà ngoại. Ông ngoại mất đã hơn 6 năm. Bà ở với cậu Út; cậu đang dạy Tiểu học ở xã nhà.

Thanh minh năm nay, lần đầu tiên em mới được theo mẹ đi tảo mộ ông ngoại. Hoa trái, hương vàng mang từ thành phố về, mẹ cẩn thận chia làm 2 phần. Một nửa mẹ bày lên bàn thờ ông. Một nửa, mẹ đem ra thắp hương ngoài mộ.

Từ nhà bà đi bộ hơn một cây số thì đến nghĩa trang. Mẹ bảo xưa kia là bãi Sim. Thời chống Mĩ là bãi pháo cao xạ của bộ đội phòng không bảo vệ cầu Tào. Nghĩa trang bãi Sim nằm giữa cánh đồng. Có con sông Đào chảy qua. Có một số mộ được xây, dựng bia, trông rất quy mô. Phần lớn là mộ đắp bằng đất. Mộ ông ngoại cũng thế. Cỏ xanh bao phủ các ngôi mộ nhấp nhô gần xa, từng dãy từng lớp. Mẹ lấy đĩa mang theo, bày hoa trái lên mộ ông. Mẹ đốt nến, thắp hương. Hai mẹ con lần lượt cắm lên những ngôi mộ xung quanh mộ ông, mỗi nấm mộ một cây hương. Mẹ làm một cách thành kính, trang trọng. Ngồi trước mộ ông, mẹ khấn thầm, nước mắt chảy ra. Mẹ ngồi lặng lẽ mãi. Mẹ thương ông, mẹ thương bà.

Mặt trời lên cao, người đi tảo mộ mỗi lúc một nhiều. Có cả người già. Có cả trẻ con. Khói hương lơ lửng bay. Người đi lại nhẹ nhàng, hỏi nhau như nói thầm. Nhiều người cũng làm như mẹ con em, thắp hương cắm lên những ngôi mộ xung quanh mộ gia tiên mình. Phong tục ấy thật đẹp. Cảnh đốt vàng mã chỉ nhìn thấy lác đác diễn ra ở một vài ngôi mộ mà thôi.

Hai mẹ con thu dọn lễ vật, chỉ để lại hương hoa. Mẹ ra về bịn rịn mãi. Mẹ đi công tác xa, ông mất được hơn một tháng, mẹ mới về. Năm nào mẹ cũng về thăm bà và viếng mộ ông 2, 3 lần. Mẹ ân hận, và tủi thân.

Ngày xuân đi lễ thanh minh, lúc đứng trước mộ ông, đứng giữa nghĩa trang, đứng giữa màu xanh lúa con gái của đồng quê, em vô cùng xúc động. "*Thanh minh là một phong tục đẹp. Hình ảnh mẹ đứng lặng trước mộ ông, con sẽ không bao giờ quên. Mẹ ơi! Sang năm mẹ cho con đi thanh minh với mẹ nữa nhé*". Em thầm nghĩ như thế. Trên đường về, sao mẹ cứ lặng lẽ buồn.

Lê Thị Sen
Lớp 6c, trường THCS Ngô Quyền - Hải Phòng

27 - ĐỀ BÀI:

Kể về một tấm gương vượt khó, học giỏi

Bài làm

Thành là bạn học chí thiết của em. Cả lớp chúng em đều quý mến và khâm phục Thành.

Cậu Thành học sinh lớp 4A Trường Tiểu học Trần Quốc Toản là một học sinh vượt khó, học giỏi được thầy cô giáo và bạn bè quý mến. Mồ côi bố từ nhỏ, ở với mẹ và bà ngoại... Nhà nghèo, mẹ bán rau. Ngoài bộ đồng phục ra, Thành không có bộ quần áo mới nào cả. Cái áo khoác mặc trong những tháng ngày mùa đông rét mướt là áo thầy Duy mua tặng Thành. Nhà xa trường hơn hai cây số, trời mưa hay nắng, mùa xuân hay mùa đông, Thành đều đi học đúng giờ. Thành học giỏi, luôn đứng đầu lớp, nhưng rất khiêm tốn, thân ái với các bạn. Thành lao động giỏi, giúp bà, giúp mẹ được bao công việc trong gia đình.

Thành đã nhận được phần thưởng của Quận Đoàn về gương sáng *"Chăm ngoan, vượt khó, học giỏi"*. Thầy Hiệu trưởng khen Thành trước học sinh toàn trường, và nhắc đi nhắc lại câu tục ngữ: *"Có chí thì nên"* để khuyên học trò vươn lên.

Rút trong Tư liệu giảng dạy
của cô giáo Nguyễn Kim Thoa, thành phố Nam Định

28 - ĐỀ BÀI:

Kể về một người tốt, việc tốt

Bài làm

Người thổi tù và hàng tổng

Làng Vôi quê em mấy vụ được mùa liên tiếp. Cảnh xóm thôn ngày một thêm đổi mới khang trang. Đường, trường, trạm được xây dựng. Nhiều nhà ngói mọc lên. Nhiều gia đình có của ăn của để.

Thói đời phú quý sinh lễ nghĩa. Các đám cưới, giỗ chạp được tổ chức ăn uống lu bù.Quán bia, quán cà phê,... là nơi tụ tập của một số thanh niên, học sinh ăn chơi, đua đòi. Thầy Tùng hiệu trưởng đã mấy lần nhắc nhở. Hiện tượng học sinh bỏ học, tối tối không chịu học bài, tụ tập chơi điện tử gây nên cảnh ồn ào, ầm ĩ. Các vị phụ huynh học sinh phàn nàn, lo lắng. Trong các cuộc họp xóm, vấn đề này được đem ra bàn bạc, thảo luận.

Bác Xuân, sĩ quan về hưu, hội trưởng *Hội khuyến học*, tối nào cũng đi đến các quán điện tử, cà phê nhắc nhở các cháu học sinh về nhà học bài. Nhiều vị cha mẹ học sinh đã cấm con em mình chơi bời, tụ tập. Các quán điện tử, quán cà phê không còn đông khách như trước nữa. Các chủ quán tức tối ra mặt. Họ đặt vè nói xấu bác Xuân, gán cho bác là kẻ *"ăn cơm nhà thổi tù và hàng tổng"*. Bác vẫn thầm lặng và bền bỉ vận động, thuyết phục. Nhờ có bác Xuân mà việc học tập của các học sinh quê em đã đi vào ổn định. Số học sinh thi Đại học, Cao đẳng, thi lên lớp 10 năm nào cũng dẫn đầu toàn xã. Xóm Vôi trở thành đơn vị dẫn đầu nếp sống văn minh, được nhận cờ thi đua toàn xã. Tối nào cũng vậy, bác Xuân lại đánh ba hồi kẻng dài, báo cho các gia đình biết *"giờ văn hoá"* đã bắt đầu. Nghe tiếng kẻng, mẹ em lại nhắc: *"Lý ơi, ngồi vào bàn học bài đi con!"*.

Nguyễn Thị Lý, lớp 6c
Trường THCS Cổ Am, Vĩnh Bảo

29 - ĐỀ BÀI:

Kể về một người thân yêu của em

Bài làm

Bà ngoại của em

Nhà bà ngoại em ở làng hoa Ngọc Hà thuộc thành phố Hà Nội. Hè nào, mẹ em cũng đưa 3 con từ Ninh Bình lên thăm bà và ở chơi với bà một hai tuần lễ.

Bà ngoại năm nay tròn 70 tuổi. Bà là con gái làng hoa nên có nước da rất đẹp: trắng trẻo, hồng hào. Gương mặt hiền từ, phúc hậu. Tiếng nói của bà nhẹ nhàng, tình cảm. Mái tóc của bà nay đã đốm bạc, nhưng vẫn mượt mà, bà búi gọn trông rất ưa nhìn. Bà nói thời con gái tóc bà xanh mượt, dài chấm gót. Mắt bà vẫn tinh anh, chỉ khi nào đọc báo thì bà mới đeo kính lão.

Bà có đôi bàn tay khéo léo. Hái hoa, tỉa cành, bắt sâu cho hoa, đôi bàn tay bà làm nhanh thoăn thoắt. Bà bảo: *"Chăm hoa như chăm con trẻ, phải nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa chứ..."*. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, bà đã mấy lần đi Đà Lạt tìm mua giống hoa quý. Vườn hoa của bà có rất nhiều loài hoa, đẹp nhất, thích nhất là những luống hoa hồng, hoa cúc, hoa ly,... đúng là muôn hồng nghìn tía. Bà thuộc *"tính nết"* từng loài hoa. Nghệ thuật *"hãm"* hoa nở đúng kì, đúng dịp lễ tết, cả làng hoa Ngọc Hà ai cũng phục và nể bà ngoại em lắm.

Tính bà cần cù, thức khuya dậy sớm đã thành thói quen. Con trai, con gái, dâu, rể trong gia đình, ai cũng kính yêu, quý trọng bà. Bà có 12 đứa cháu nội, ngoại. Đứa nào bà cũng cho 20 triệu đồng để mua xe máy đi làm, hoặc làm quỹ học tập. Mẹ em là con út, lấy chồng xa, nên bà rất thương. Đôi hoa tai và dây chuyền vàng của bà, bà đã cho mẹ em. Mẹ em vẫn cất giữ nâng niu.

Hè nào lên Hà Nội thăm bà, bà cũng hỏi về chuyện học hành. Cả ba chị em đều đạt học sinh giỏi. Bà khen, bà cười, nước mắt bà chảy ra.

Thương bà và nhớ bà lắm. Chỉ mong được nghỉ hè lên Hà Nội ở chơi với bà, và nghe bà đọc bài ca dao:

"Giếng Ngọc Hà vừa trong vừa mát,
Vườn Ngọc Hà thơm ngát gần xa,
Hỏi người xách nước tưới hoa,
Có cho ai được vào ra chốn này?"

Khi ấy, thấy bà vui và như trẻ lại. Em chỉ cầu mong bà ngoại em được vui khoẻ và sống lâu cùng con cháu.

Trần Thị Kim Tú - lớp 6E
Trường THCS Yên Mô - Ninh Bình

30 - ĐỀ BÀI:

Kể chuyện 10 năm sau em về thăm lại mái trường mà hiện nay em đang học. Hãy tưởng tượng những đổi thay có thể xảy ra.

Bài làm

Đầu năm học mới, tôi nằm mơ. Mơ được trở về thăm trường cũ.

Bạn Vĩnh báo tin cho chúng tôi là mới nhận được thư của thầy Linh. Thầy cho biết *Ngày Nhà giáo Việt Nam* sắp tới, trường THCS Lương Thế Vinh tổ chức lễ đón

nhận Huân chương Lao động hạng Nhất. Hoàng, Vĩnh, Thái và tôi là bạn học cũ, học trò "*cưng*" của thầy Linh.

Thế là đã mười năm trôi qua, mười năm xa trường. Thế hệ chúng tôi, những học sinh lớp 6C của thầy Linh dạy toán và làm chủ nhiệm thuở ấy, nay đã ngoài 20 tuổi, đang học Đại học ở Hà Nội.

Sáng hôm ấy, chúng tôi hẹn gặp nhau ở cầu Tào, cùng đi xe máy về dự hội trường. Học sinh đủ mọi lứa tuổi đến hơn ba ngàn người đứng chật cả sân trường. Trường THCS Lương Thế Vinh là trường tiên tiến cấp tỉnh. Trường vẫn toạ lạc trên địa điểm cũ, cạnh ngôi đình làng Canh, nhưng đã hoàn toàn đổi mới.

Bốn dãy nhà hai tầng làm phòng học của bốn khối lớp. Thư viện, văn phòng, nhà hiệu bộ, hội trường, phòng thí nghiệm và phòng chức năng, tất cả đều to đẹp, khang trang. Các phòng học cũ nay chẳng còn nữa. Chúng tôi kéo nhau đi thăm các dãy nhà mới, thăm phòng truyền thống. Có biết bao nhiêu là cờ thi đua, bằng khen, ảnh lưu niệm của thầy trò các lớp. Bức ảnh thầy Linh chụp với 42 học sinh lớp 6C thuở ấy nay đã lên màu thời gian. Nhìn lại gương mặt, ánh mắt, nụ cười hồn nhiên của mình, của các bạn, tôi vô cùng xúc động. Hồng lớp trưởng, Quang và Hợi lớp phó đều đứng cạnh tôi.

Thầy giáo cũ được gặp lại chỉ còn bốn, năm người. Cô Liên dạy văn, cô Ngọc dạy tiếng Anh, thầy Hợp dạy sử, thầy Linh dạy toán. Thầy cô nào cũng đã ngoài năm mươi. Cô Liên mái tóc đã điểm bạc. Thầy Hợp cho biết chỉ hai năm nữa là thầy về hưu. Bao kỉ niệm đẹp một thời thơ bé đã sống dậy làm tôi vô cùng bồi hồi. Chúng tôi tặng mỗi thầy, cô một tặng phẩm nhỏ, cùng chụp ảnh lưu niệm. Thầy, cô nào cũng hỏi han về việc học hành, hỏi thăm gia đình mỗi đứa chúng tôi. Cô Liên vừa cười vừa nói: *"Các em học giỏi thế mà chẳng có em nào vào ngành Sư phạm cả..."*.

Cả sân trường là một rừng cờ, một rừng hoa, một rừng người. Có hơn một nghìn học sinh của bốn khối lớp 6, 7, 8, 9 mặc đồng phục, rất xinh đẹp như những tiên nga, tiên đồng. Các thầy, cô giáo phần đông đều rất trẻ, đều tốt nghiệp Đại học Sư phạm.

Nhìn lá cờ đỏ sao vàng tung bay giữa sân trường, tôi nhớ lại lần đầu được vinh dự kéo cờ trong lễ khai giảng. Đi vòng quanh gốc bàng, gốc phượng, tôi xúc động như gặp lại người thân thương. Hoàng và Thái nhắc lại kỉ niệm trèo bàng, bắt ve bị thầy Linh phạt. Trường tôi 15 năm liền luôn luôn dẫn đầu các trường THCS trong toàn tỉnh. Thi học sinh giỏi, năm nào trường tôi cũng giành được giải cao. 10 năm trước, tôi đã được dự thi học sinh giỏi toán toàn huyện, toàn tỉnh. Nay về dự hội trường, gặp lại thầy Linh, tôi càng thấy tự hào. Tôi nhớ ơn thầy nhiều lắm. Thành tích học tập và sự trưởng thành của tôi, của các bạn tôi, một phần lớn do công giảng dạy và rèn luyện của thầy. Mãi đến gần cuối buổi lễ, chúng tôi mới gặp được thầy Hảo thương binh. Thầy vui tính, học sinh nào cũng nhận được bao sự yêu thương, nồng hậu và chăm sóc tận tình của thầy.

Ra về, tôi càng nhớ trường, nhớ các thầy cô, nhớ các bạn. Mười năm là một quãng đời đẹp. Tuổi trẻ chúng tôi lớn lên trong học hành và mơ ước. Thành tích của trường dày lên, đẹp lên theo năm tháng. Trường THCS Lương Thế Vinh là cái nôi hạnh phúc của tôi, của các bạn tôi một thời thơ bé.

Ôi, giấc mơ của mười năm sau. Mà sao tôi thấy tươi roi rói cả tâm hồn...

Lê Quang Vinh, lớp 6C
Trường THCS Lương Thế Vinh – Nam Định

31 - ĐỀ BÀI:

Kể về một cuộc gặp gỡ đáng nhớ

Bài làm

Chú bộ đội trên bến đò Găng

Qua đò Găng thì trời mưa to. Đường đến nhà bà ngoại, còn khá xa. Trời sắp tối. Năm đó, em mới lên 9 tuổi, em rất lo. Em đến báo cho bà và cậu Long biết là mẹ đang cấp cứu ở bệnh viện.

Em phải trú mưa nơi quán nước trên bến đò. Em như lửa đốt trong lòng. Bỗng có một chú bộ đội đi qua, quay lại. Chú cũng đứng trú mưa. Chú nhìn em rồi hỏi:

- Em vừa ở dưới đò lên ? Em ướt hết rồi ? Trời sắp tối rồi, em đi về đâu ?

- Thưa chú, em đi về làng Bống, thăm bà ngoại em. Còn xa không chú?

- Độ 2 cây số nữa. Chú cháu ta cùng đi.

Chú xin bà chủ quán cho em cái nón, rồi giục em: *"Ta đi thôi..."*. Chú đi trước, em đi sau.

Chú đeo quân hàm Thiếu úy. Chú về phép. Chú trạc bằng tuổi thầy giáo Ngọc dạy em, độ 25 tuổi. Chú cao to, nước da đen. Chú đi đôi giày da đen quân dụng, mặc bộ quân phục màu xanh lá cây. Cặp mắt ánh lên trong sáng, vừa thông minh vừa hiền hậu. Chú khoác cái ba lô rất nặng. Chắc là chú về phép.

Đi được độ cây số thì mưa tạnh. Em đã hơi quen và tin cậy. Em hỏi:

- Chú về phép hay đi công tác ?

- Chú ở Lai Châu, về phép. Chú còn đi xa, xa hơn làng Bống độ dăm cây số nữa.

Chú hỏi tên, tuổi và việc học hành của em. Sau khi biết chuyện về chuyến đi của em, chú nắm lấy hai vai của em rồi hỏi và nói: *"Thế à ? Chú cháu mình phải đi gấp!"*.

Độ 8 giờ tối, chú hỏi đường, chú dẫn em đến nhà bà. Nghe tiếng gọi, cậu Long ra mở cửa. Chú cười nói:

- Nhà có khách đây... Tôi vội phải đi ngay!

Chú vuốt mái tóc em và nói: *"Cháu ngoan lắm! Chỉ vài hôm nữa là mẹ sẽ khỏi bệnh, mẹ sẽ về nhà... Chú đi đây..."*.

Em ngoái cổ nhìn chú đi cho đến lúc bóng chú mờ dần trên con đường làng về phía núi.

Lê Quỳnh Châu, lớp 6A
Trường THCS Yên Định - Thanh Hóa

32 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một câu chuyện có yếu tố hoang đường, giàu ý nghĩa

Bài làm

Ngựa tranh

Thôi Sinh ở Lâm Thanh, thuộc Sơn Đông, nhà sa sút, vườn tược bỏ hoang, tường rào lở đổ. Mỗi buổi sáng, thường thấy một con ngựa ô, có vằn trắng, đuôi ngựa bị lửa đốt sém một đoạn, nằm trong đám cỏ đẫm sương ở vườn sau nhà. Đuổi, lại thấy đến. Cũng không biết ngựa từ đâu tới?

Sinh có một người bạn thân làm quan ở đất Tấn, thuộc tỉnh Sơn Tây, lâu nay muốn đi thăm, khổ không có ngựa xe, không tiền. Bèn dắt ngựa, đóng yên cương vào, lên đường. Trước khi đi, còn cẩn thận dặn người nhà: *"Có người đến tìm ngựa, thì nói ta mượn ít lâu"*.

Ngựa chạy rất nhanh, nháy mắt đã được trăm dặm. Đêm nghỉ không chịu ăn cỏ, ăn đậu gì cả. Như có vẻ ốm. Sáng ra, đóng yên cương xong, chưa kịp ra roi đã hí vang, bốn vó lại khua nhịp nhàng. Bọt mép sùi, phi nhanh chẳng kém gì hôm qua. Cứ để cho ngựa mặc sức, quá trưa đã tới...

Sinh cưỡi ngựa đi vào phố đông. Không ai là không tấm tắc khen. Đến nỗi vị Vương ngồi cai quản đất Tấn cũng nghe biết, muốn giả giá cao để có. Sinh sợ người chủ ngựa đòi, kiếm cớ không dám bán.

Ở nửa năm, không thấy người nhà nhắn gửi gì, Sinh bèn bán ngựa cho Tấn Vương, lấy 800 đồng vàng. Ra chợ, mua một con la khoẻ, trở về.

Tấn Vương có việc gấp, sai viên hiệu uý cưỡi ngựa này đi Lâm Thanh. Ngựa sổng mất. Theo đến cửa đông nhà Sinh, thì ngựa chạy vọt vào trong nhà láng giềng. Hiệu uý vào theo ngay mà không thấy ngựa đâu nữa. Quát hỏi chủ nhà họ Tăng. Họ Tăng ú ớ không biết. Nhìn lên tường nhà, thấy treo một bức tranh ngựa của Triệu Tử Ngang, danh họa đời Tống. Ngựa trong tranh có màu lông hệt đã đành, mà đuôi cũng bị hương đốt thủng một lỗ... Bấy giờ, Sinh mới hiểu, con ngựa tuyệt vời đó là con ngựa trong tranh đã thành tinh hiện ra vậy.

Viên hiệu uý không thể nào về phục mệnh Tấn Vương, tìm đủ cách để kiện họ Tăng. Lúc này, từ tiền bán ngựa, Sinh đã có gia tư hàng vạn, bèn xin đem tiền trả cho họ Tăng.

Họ Tăng vô cùng cảm đức của Sinh. Nhưng rốt cuộc, vẫn không rõ nguồn gốc của lòng tốt đó.

(Theo *Liêu Trai chí dị*)

33 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một câu chuyện có yếu tố hoang đường, giàu ý nghĩa

Bài làm

Nghiện làm quan

Tương truyền ở phủ Nam Dương thời nhà Minh có một viên thái thú, chết ngay trên công đường, nhưng hồn phách không tan. Cứ mỗi sáng mai, khi trống canh điểm, lại thấy y đội mũ sa đen, khoác áo, đeo đai lên công đường, quay về hướng Nam mà ngồi, có cả nha dịch đứng hầu. *Quan ma* nghe trình việc xong, nhận lễ lạy. Mặt trời sáng rực rỡ, mới dần dần biến mất.

Đến đời Ưng Thính, thái thú họ Kiều đến nhậm chức, nghe kể chuyện này rồi cười, nói:

- Lão già này mắc bệnh nghiện làm quan. Thân dẫu đã chết mà hồn ma vẫn không tự biết. Ta có cách làm cho lão sáng mắt ra.

Từ lúc trời chưa sáng, họ Kiều đã mặc triều phục, lên ngồi sẵn ở công đường. Đến lúc trống điểm canh, cái mũ sa thấp thoáng tiến vào, thấy trên án đã có người, bóng ma lưỡng lự, hú lên một tiếng thảm thiết rồi biến mất.

Từ đó, quái tuyệt hẳn.

(Trích *Giai thoại văn học Thanh*)

34 - ĐỀ BÀI:

Kể lại những cơn mơ tuổi thơ

Bài làm

Những cơn mơ của tôi

Cha mẹ tôi gốc gác nông dân, thật thà như đếm. Anh trai tôi là lính Hải quân đóng tại đảo Sinh Tồn nơi quần đảo Trường Sa. Nghe anh kể chuyện ngoài đảo tuy thiếu rau xanh nhưng không hề thiếu tiếng đàn, tiếng hát của người lính trẻ có tiếng sóng biển hoà điệu du dương. Anh cho biết, những buổi sớm buổi chiều đẹp trời có hàng vạn hàng ngàn con chim bay lượn, có những con rùa biển nặng hai, ba tạ, rất hiền lành, thịt rất ngon. Dạo còn học lớp Bốn, tôi ước mơ sau này trở thành một lính thuỷ đánh bộ, chỉ huy tàu phóng ngư lôi tung hoành trên biển. Có lần tôi tâm sự với cái Lý, thằng Quang, thằng Hành, ... chúng nó ôm bụng cười ngặt nghẽo, chế tôi là kẻ sợ ma còn mang mộng anh hùng. Cái Lý đáo để còn đọc câu thơ để châm biếm:

Anh hùng là anh hùng rơm,
Tao cho mồi lửa hết cơn anh hùng.

Tôi cay lắm. Nhưng vẫn mơ mộng.

Lên học lớp Năm, tôi vẫn lẹt đẹt môn Tiếng Việt. Chữ viết xấu. Văn viết như dùi đục chấm nước mắm cáy. Thật kì lạ, bài Tiếng Việt thi học kì I, tôi được cô giáo Huệ cho điểm 9. Cô khen bài văn của tôi tả con chuồn chuồn hay nhất lớp. Cô nhắc đi nhắc lại bài thơ của tôi đưa vào bài văn. Cô bảo rất ý vị:

Chuồn chuồn cánh mỏng bay cao,
Trời râm bay thấp, nắng đào tung mây.

Còn bọn cái Lý, thằng Quỳnh lại bảo tôi là *"thi sĩ rởm"*, *"thi sĩ con cốc"*, *"thi sĩ chuột chù"*. Gặp tôi ở đâu chúng nó cũng chọc! Từ đó, tôi vươn lên học khá môn Tiếng Việt. Có đêm tôi nằm mơ được trở thành hội viên thi xã *"Đồng quê"*, được nhận giải thưởng của tỉnh. Mẹ tôi có hôm nói với cha tôi là đêm ngủ cậu con trai nhà mình hay ú ớ buồn cười lắm!

Lên lớp 6, tôi đã trở thành học sinh giỏi toàn diện, được dự thi môn toán toàn quận, tôi đã giành được giải Nhì, được thưởng một cái ba lô màu đỏ, rất đẹp. Cha mẹ tôi rất mừng. Nhiều đêm tôi nằm mơ trở thành một kỹ sư nông nghiệp có tài lai tạo giống, trồng được loại táo có trái to bằng quả bóng đá Ô-lem-pích Bắc Kinh 2008. Nghe chuột rúc dưới gầm giường, tôi chợt tỉnh cơn mơ. Vừa lúc đó, mẹ gọi: *"Phương ơi! Dậy học bài đi con!"*.

Một rạng đông đã bừng sáng.

Nguyễn Ngọc Phương, lớp 6A
Trường THCS Yên Xá, Ý Yên – Nam Định

35 - ĐỀ BÀI:

Kể lại chuyện bác tiều phu ở Lạng Giang cứu hổ trong truyện "*Con hổ có nghĩa*"

Bài làm

Ngày xưa ở huyện Lạng Giang có người kiếm củi tên Mỗ. Một hôm, bác ta đang hì hục bổ củi ở sườn núi, bỗng nhìn thấy dưới thung lũng phía xa, cây cỏ lay

động không ngớt. Thấy lạ, bác tiều vác búa đi đến xem thì thấy một con hổ rất to, trán trắng đang cúi đầu đào bới đất. Hổ quằn quại nhảy lên, vật xuống, thỉnh thoảng lại lấy tay móc họng. Hổ nhe nanh, máu me đầm đìa, nhớt dãi trào ra. Tiếng hổ rên nghe thật thảm thiết. Bác tiều nhìn kĩ miệng hổ, thấy một khúc xương dài mắc ngang họng; bàn chân hổ thì to, càng móc khúc xương càng vào sâu. Bác thầm nghĩ: "*Chúa sơn lâm khó mà sống sót...*". Bác tiều uống rượu say, mạnh bạo trèo lên cây cao, kêu lên: "*Cổ họng ngươi đau lắm phải không? Đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho...*". Nghe tiếng người gọi, hổ nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều phu ra dáng cầu cứu. Bác tiều phu trèo xuống, đi thẳng đến chỗ hổ nằm. Bác thò tay vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò, to và dài như cánh tay. Hổ liếm mép, nhìn bác tiều phu rồi vẫy đuôi bỏ đi. Bác tiều nhìn theo hổ, nói to: "*Nhà ta ở thôn Mổ, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé!*". Sau đó, bác tiều gánh củi ra về.

Một đêm nọ, nghe ngoài cửa có tiếng gầm dài và sắc. Sáng ra, có một con nai to chết ở đó. Hơn mười năm sau, bác tiều già, rồi chết. Khi chôn cất, hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhảy nhót. Những người đưa ma hoảng hốt bỏ chạy. Từ xa, thấy con hổ trán trắng dùng đầu dụi vào quan tài, gầm lên thảm thiết, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi. Từ đó về sau năm nào cũng vậy, trước ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa dê rừng hoặc lợn rừng về để ở ngoài cửa nhà bác tiều.

36 - ĐỀ BÀI:

Kể lại 5 sự việc chứng tỏ bà mẹ Mạnh Tử rất quan tâm dạy bảo con thơ

Bài làm

Có nhà hiền triết ngày xưa đã nói: *"Người mẹ là người thầy đầu tiên của con thơ"*. Trong truyện *"Mẹ hiền dạy con"*, ta cảm thấy Mạnh mẫu đúng là người thầy đầu tiên của Mạnh Tử. Chuyện kể lại 5 việc làm vô cùng tốt đẹp của bà mẹ vĩ đại này.

Một là, nhà ở gần nghĩa địa. Suốt ngày con thơ chỉ bắt chước đào, chôn, lăn, khóc. Mạnh mẫu tự nghĩ: *"Chỗ này không phải chỗ con ta ở được"*, bèn vội vàng dời nhà đến gần chợ.

Hai là, đến ở gần chợ, bà chỉ thấy đứa con trai nhỏ của mình suốt ngày bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo. Bà nghĩ: *"Chỗ này con ta ở cũng chẳng được"*.

Ba là, Mạnh mẫu quyết định dời nhà đến gần trường học. Bà sung sướng, thấy đứa con thơ bắt chước trẻ nhỏ cắp sách vở, học tập lễ phép... Bà vui lòng nghĩ: *"Chỗ này là chỗ con ta ở được đây"*.

Ba lần dời nhà là 3 sự việc cho thấy Mạnh mẫu là người mẹ hiền đã coi trọng chọn môi trường giáo dục và định chí hướng tương lai cho con thơ của mình.

Sự việc thứ tư là người mẹ lấy lời nói của mình, hành động của mình làm gương mẫu giáo dục đức tính trung thực cho con trai. Muốn dạy con thật thà thì mẹ không nói dối con. Khi con hỏi: *"Người ta giết lợn làm gì thế?"*; bà lỡ miệng nói đùa: *"Để cho con ăn đấy"*. Sau Mạnh mẫu đã đi mua thịt cho con ăn thật để chứng tỏ mẹ không nói dối con.

Sự việc thứ năm là một việc làm nghiêm khắc của Mạnh mẫu. Bà đã giận dữ cắt đứt tấm vải đang dệt dở dang khi thấy con trai đi học bỏ trốn về nhà. Mẹ đã dạy con tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc.

Mạnh Tử sau này đã trở thành một con người vĩ đại. Chính Mạnh mẫu đã dạy bảo, rèn luyện, đã góp phần to lớn hình thành và phát triển nhân cách của con, làm cho Mạnh Tử sớm trở thành một bậc đại hiền của Trung Quốc. Công ơn của Mạnh mẫu vô cùng to lớn.

37 - ĐỀ BÀI:

Hãy đóng vai bà đỡ Trần trong truyện "*Con hổ có nghĩa*" kể lại câu chuyện ấy.

Bài làm

Tôi làm nghề sản phụ đã lâu. Quanh vùng Đông Triều quê tôi, bà con vẫn gọi tôi là bà đỡ Trần. Tôi đã đỡ đẻ cho rất nhiều chị, nhiều cô khắp xóm dưới làng trên, nhưng đỡ đẻ cho hổ thì mới có một lần, thế mà tôi nhớ mãi.

Lần ấy, giữa đêm khuya, nghe tiếng gõ cửa gấp lắm. Tôi nghĩ chắc là có ai đến mời. Vừa mở cửa bước ra thì có một con vật lạ lao tới ôm lấy tôi. Tôi chết khiếp khi biết mình bị hổ vồ. Con hổ rất to, dùng một chân ôm lấy tôi, chạy như bay vào rừng sâu. Hổ rẽ cây, vượt suối rồi nhẹ nhàng đặt tôi xuống cửa hang. Qua ánh sao đêm, tôi mở mắt nhìn thấy một con hổ cái đang lăn lộn, cào đất. Rụng rời cả chân tay. Tôi nghĩ mình đã trở thành mồi ngon cho hổ dữ. Tim như ngừng đập. Bỗng hổ đực cầm tay tôi và nhìn hổ cái, nước mắt ứa ra. Nhìn bụng hổ cái động đậy, tôi biết ngay hổ cái đang đau đẻ. Tôi thở phào, nhưng vẫn run. Sẵn thuốc mang theo trong túi, tôi liền hoà với nước suối cho hổ cái uống, lại xoa bóp bụng nó. Hổ đực ngồi cạnh canh chừng. Chỉ một lát sau, hổ cái trở dạ. Mẹ tròn con vuông. Hổ đực vẫy đuôi rối rít, nô giỡn với con, còn hổ cái thì cứ nằm phục xuống, dáng mỏi mệt lắm. Lúc bấy giờ khoảng canh hai. Lá cây đẫm sương lấp lánh ánh sao. Gió thì thào. Tiếng suối thì thầm từ xa vọng lại. Hổ cái, hổ đực, hổ con vẫn vện bộ lông. Tôi đang đứng tần ngần, bỗng hổ đực quỳ xuống bên một gốc cây, đào lên một cục to trắng trắng. Hổ đực đặt vào tay tôi, tôi biết hổ đực đã tặng mình một cục bạc. Hổ vẫy đuôi, dẫn tôi đi ra khỏi cửa rừng. Trời sắp sáng, tôi giơ tay nói: "*Xin chúa rừng quay về*". Hổ cúi đầu, vẫy đuôi như lưu luyến đưa tiễn. Khi tôi đi đã khá xa, hổ liền gầm lên một tiếng rồi mới quay về hang.

Về đến nhà, cân cục bạc hổ tặng được hơn mười lạng. Năm ấy mất mùa, đói kém, nhờ số bạc ấy mà gia đình tôi mới sống qua được.

38 - ĐỀ BÀI:

Kể lại những việc làm tốt đẹp sáng ngời y đức của quan Thái y lệnh Phạm Bân trong truyện "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*".

Bài làm

Thái y lệnh cũng như các quan ngự y là những thầy thuốc giỏi chuyên chăm sóc sức khỏe cho các bậc vua chúa, trông coi việc chữa bệnh trong cung vua. Phạm Bân là quan Thái y lệnh của vua Trần Anh Tông cuối thế kỉ XIII đầu thế kỉ XIV.

Truyện "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" rút trong tác phẩm "*Nam Ông mộng lục*" của Hồ Nguyên Trừng. Truyện ca ngợi quan Thái y lệnh Phạm Bân, một bậc danh y thời Trần chức trọng quyền cao, có cái tâm đẹp sáng ngời y đức.

Hồ Nguyên Trừng đã kể lại một số việc làm tốt đẹp sáng ngời y đức của quan Thái y lệnh Phạm Bân.

Ông không cất giấu vàng bạc trong nhà, mà thường đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo để chữa trị và cấp cơm cháo cho những kẻ *"tật bệnh cơ khổ"*. Bệnh nhân dù *"dầm dề máu mủ"* ông cũng *"không hề né tránh"*. Bệnh nhân đến chữa trị *"tới khi khỏe mạnh rồi đi"*. Trong nhà ông, trên giường không lúc nào *"vắng người"*. Tình thương bệnh nhân, thương người của Phạm Bân thật bao la.

Việc làm tốt đẹp nữa của Phạm Bân là ông đã biến nhà mình thành một bệnh viện làm phúc. Gặp năm đói kém, dịch bệnh, ông *"dựng thêm nhà"*, cứu sống được hơn nghìn người, đó là những kẻ *"khốn cùng, đói khát và bệnh tật"*. Ông đã được người đương thời *"trọng vọng"*.

Việc làm tốt đẹp thứ ba của Phạm Bân là ông không phân biệt giàu nghèo, sang hèn lúc chữa bệnh. Bậc quý nhân *"bị sốt"*, ông chữa sau, vì *"bệnh đó không gấp"* dù nhà vua có triệu đến khám. Bệnh của người đàn bà khác *"máu chảy như xối, mặt mày xanh lét"*, ông *"đi ngay"* để kịp cứu người; bệnh nhân *"quả được cứu sống"*. Khi nghe Phạm Bân *"bày rõ lòng thành"*, vua Trần Anh Tông đã hết lời khen ngợi: *"Ngươi thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đỏ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi"*. Thử hỏi: có phần thưởng nào to lớn hơn, trọng vọng hơn?

Phạm Bân đã *"trồng cây đức cho con cháu"*. Vì thế con cháu ông có tới hai, ba người làm quan lương y đến hàm ngũ phẩm, tứ phẩm, được người đời khen ngợi *"không để sa sút nghiệp nhà"*.

39 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện cổ dân gian mà em yêu thích

Bài làm

Người học trò và con hổ

Ngày xưa, có một người học trò hiền lành vào rừng hái lá thuốc. Một hôm, anh vừa đến khu rừng nọ, bỗng nhìn thấy một con hổ bị sập bẫy, đang quằn quại. Chợt nhìn thấy người, hổ cất tiếng năn nỉ:

- Cậu ơi! Cậu rủ lòng thương, cậu ra tay cứu tôi.

Anh học trò ngạc nhiên lắm, nghĩ bụng: "Sao hổ biết nói tiếng người ?". Anh còn phân vân thì lại nghe hổ ân cần, tha thiết:

- Cậu cứu tôi, tôi không bao giờ quên công ơn trời bể của cậu. Rừng lắm thú dữ. Tôi là chúa sơn lâm, tôi sẽ bảo vệ cậu, quyết không cho bất cứ kẻ nào động tới chân lông cậu. Tôi xin hứa... tôi xin thề!...

Người học trò hỏi lại:

- Nhưng nếu được tháo bẫy, hổ vồ ta thì sao!

Hổ lại thiết tha thề thốt. Nước mắt chảy ra ròng ròng. Người học trò cảm động, kéo cần bẫy lên. Hổ nhanh nhẹn chui ra ngay. Nó uốn lưng, cặp mắt sáng quắc, gầm lên một tiếng rung chuyển suối rừng. Giật mình, người học trò khẽ phàn nàn:

- Chao ôi! Ngươi hét to quá làm ta đinh tai nhức óc.

Hổ trở mặt, vặc lại:

- Chỉ gầm thôi à? Tao còn muốn ăn thịt mày đây!

Người học trò tái mặt. Nhưng anh vẫn lên tiếng trách móc:

- Nhà ngươi vừa giao ước và thề thốt với ta sao lại nuốt lời?

Hổ gầm lên. Cặp mắt như hai cục than hồng:

- Tao còn đói đây! Mấy ngày rồi, tao chẳng có miếng nào bỏ vào bụng. Tao không còn sức để về hang. Thôi, mày phải nạp mạng!

Mãnh hổ gầm lên, xông tới. Bất ngờ Thần Núi hiện ra. Râu tóc bạc phơ. Tay cầm cành lá phe phẩy.

Thần nạt lớn:

- Hai đứa chúng mày làm gì mà cãi nhau ồn ào ở đây! Ai phải, ai trái hãy nói ngay cho ta rõ, ta sẽ phán xét!

Người học trò kể lại đầu đuôi câu chuyện đã xảy ra. Nhưng con hổ cũng chỉ vào cái bẫy mà cãi lại:

- Làm gì có chuyện đó. Tôi đang nằm ngủ ngon lành trong bẫy thì hắn ở đâu đến quấy nhiễu tôi, muốn hãm hại tôi. Tôi phải ăn thịt nó để trả thù, để cho bõ tức!

Thần Núi nghiêm giọng phán bảo:

- Đúng! Ngươi có quyền trả thù kẻ đã xâm phạm tới nơi ăn chốn ở của mình. Nhưng ta không tin rằng nhà ngươi đã trú ngụ nơi chật hẹp ấy! Cả hai hãy trở về nguyên vị trí cũ ta xem!

Hổ tin mình thắng thế, hí hửng chui vào bẫy. Thần Núi vội hạ cần bẫy xuống và mắng hổ:

- Đồ khốn kiếp! Mày là kẻ bội ước, bội nghĩa. Được người ta cứu giúp mà mày lại lấy oán trả ân à? Giờ thì mày đừng có mong ai cứu nữa.

Quay sang phía anh học trò, Thần nhẹ nhàng khuyên bảo:

- Anh là người tốt, giàu lòng nhân đức. Nhưng không nên, không được đem lòng nhân hậu trao cho những kẻ độc ác trong cõi đời! Phải nhớ lấy...

40 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một chuyện lạ mà em nhớ mãi

Bài làm

Người vợ bé đánh cướp

Ở phía tây thành Ích Đô có một người giàu sang tên là Mỗ, gia sản có bạc vạn. Anh ta nuôi một người vợ bé, nhan sắc xinh đẹp; người vợ cả vì thế đối xử rất tệ bạc, thả sức đánh mắng nàng. Nhưng nàng vẫn giữ đạo rất nghiêm. Người chồng thương hại, vẫn thường kín đáo an ủi nàng. Riêng nàng vẫn chưa bao giờ lộ ra một lời oán thán, đau buồn, nghĩ ngợi.

Một đêm, hàng chục tên cướp trèo tường xông vào, chúng đập cửa gần vỡ, người chồng và người vợ cả hoảng hồn mất vía, chẳng biết chống lại bằng cách nào. Người vợ bé trở dậy, vớ được chiếc đòn gánh, bèn mở cửa xông ra. Bọn cướp quây vào như ong, người vợ bé múa đòn gánh quay tít, gió thổi vù vù, quật ngã bốn, năm tên cướp. Lũ cướp thua hết, sợ hãi bỏ chạy tán loạn. Song tường cao không trèo kịp, chỉ biết bò lổm ngổm, ê a van xin tha chết. Người vợ bé bèn chống đòn gánh, quay về phía chúng cười nói: "*Cả lũ chúng ngươi, ta chưa ra tay mà đã thua rồi, thế mà cũng đòi đi làm cướp! Ta không thèm giết các ngươi, giết chẳng bõ làm nhục đến ta*".

Đoạn nàng tha cho lũ cướp đi hết.

(Rút trong *Liêu Trai chí dị*)

41 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một truyện đời thường mà em biết hoặc được tham dự

Bài làm

Chuyện kể của ông em

Ông em đã 81 tuổi. Ông là cựu chiến binh về hưu với quân hàm Thượng uý. Ông còn khoẻ và minh mẫn. Ông hay kể chuyện đời lính cho các cháu nghe. Anh Hải gọi đó là "*Một nghìn lẻ một tân truyện*". Em xin kể lại 2 mẩu chuyện sau đây mà em nhớ mãi.

Năm 1946, ông 20 tuổi. Ông đi bộ đội, lúc bấy giờ gọi là Vệ quốc đoàn. Cấp chỉ huy Đại đội hỏi ông tên họ là gì ?

- Thưa thượng cấp, tôi tên là Lê Chạch.

Vị cán bộ nhíu lông mày lại, nhìn ông rồi nói:

- Cách mạng và Quân đội đặt tên lại cho đồng chí. Từ nay trở đi tên đồng chí là *"Lê Quang Trạch"*.

- Xin tuân lệnh!

Trong đơn vị ông có nhiều chiến sĩ mang những cái tên rất xấu như: Đủi, Cụp, Tóm, Cáy, v.v... Đơn vị đã đổi tên mới cho dễ nghe, dễ gọi. Các cụ ngày xưa có tục kiêng nên đặt tên cho con cháu bằng những tên buồn cười lắm. Đâu có cái tên đẹp như tên cha cháu là Lê Quang Long, tên cháu là Lê Quang Thọ như bây giờ.

Ông kể lại chuyện ông học văn hoá cũng buồn cười lắm. Đồng chí chỉ huy bảo ông kí vào bản danh sách, ông nói:

- Thưa đồng chí chỉ huy, tôi chưa biết chữ.

Đơn vị ông có 160 chiến sĩ, thì có đến 124 người mù chữ. Vừa tập quân sự, vừa học văn hoá. Tấm bảng là mo cau. Hành quân, người lính nào cũng đeo sau ba lô tấm bảng mo cau, viết lên đó hai ba chữ cái cho người lính đi sau vừa đi vừa nhẩm bài. Chỉ ba tháng sau, cả Đại đội đã thanh toán xong nạn mù chữ. Bài thi gồm có một bài Tập đọc, một bài Chính tả. Bước vào phòng thi, ông toát cả mồ hôi.

Cán bộ, chiến sĩ thương yêu nhau lắm. Không có Quân đội và Cách mạng thì ông cháu chúng ta cũng chỉ là dân ngu khu đen mà thôi.

Cuối mỗi buổi kể chuyện cho các cháu nghe, ông lại nhắc câu tục ngữ: "*Uống nước nhớ nguồn*". Lúc nào các cháu cũng cảm thấy thấm thía.

Lê Quang Thọ - Lớp 4C
Trường Tiểu học Quỳnh Châu - Hoàng Mai - Nghệ An

42 - ĐỀ BÀI:

Kể lại kỉ niệm về một loài chim mà em nhớ mãi

Bài làm

Chim họa mi

Ở vùng Hà Giang, Tuyên Quang... có nhiều họa mi. Trong thế giới loài chim có nhiều giống chim đẹp, chim có giọng hót mê li: chim yến, chim khướu, chim sơn ca, chim chích chòe, v.v... Sáng sớm tinh mơ, chiều vàng ngả bóng, nơi vườn quê, nơi sườn non, nơi cánh rừng ngọn suối, tiếng chim hót véo von..., ta lắng tai nghe mà thấy yêu đời kì lạ. Tiếng chim của đất trời đối với em là khúc hát của quê hương, là bài ca của sự sống.

Tiếng chim nơi ngôi vườn của bà ngoại trong những tháng ngày hè, đối với em đã trở thành kỉ niệm. Nhất là tiếng hót của chim họa mi. Năm học lớp Ba, em bị ốm nặng. Bố mẹ đi công tác xa. Em ở với bà. Bà chăm sóc thuốc men mãi mà em vẫn đau yếu, người xanh xao gầy tóp lại. Nhiều tuần, bà thức trắng đêm. Thế rồi, một hôm sau cơn mưa rào, trời hửng nắng. Em nằm chập chờn bỗng nghe chim hót trên cây nhãn vườn bà. Hai con chim trống mái thi nhau cất tiếng hót véo von, lảnh lót, réo rắt. Lần đầu trong cuộc đời, em mới được nghe chim hót hay như thế. Tiếng hót họa mi nghe thật *"mê"*, và kì lạ thay, cơn sốt chiều ấy dịu dần trong bóng chiều buông. Em thấy thanh thản lâng lâng. Em ngủ say lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, rồi chiều hôm sau, cặp chim họa mi lại đến hót ở vườn bà. Qua cành nhãn, em nhìn thấy hoạ mi đang sát cánh nhau cùng hót. Lúc đầu em ngỡ, họa mi phải đẹp lắm mới có giọng hót hay như thế. Nhưng không phải, lông họa mi không rực rỡ sắc màu như hoàng yến, như chim thiên đường,... mà chỉ khoác một màu nâu đỏ bình dị, mộc mạc. Xung quanh mắt chim có một vành lông trắng kéo dài từ đuôi mắt ra sau gáy, như một nét vẽ lượn sóng. Người ta gọi các *"mi vẽ"* ấy là *"họa mi"*, sau trở thành tên của con chim ca sĩ này chăng ? Cái mỏ màu ngà, cái cổ rướn cao... họa mi hót mê say, cả vườn cây như lắng nghe âm thanh lúc trong lúc đục, lúc nhặt lúc khoan, đầm ấm ríu ran. Họa mi hót sớm sớm chiều chiều như tiếng đàn thần đã làm cho em khỏi bệnh. Hơn tuần lễ sau, chim họa mi bay đi đến vườn quê nào, cánh rừng nào, em cứ bâng khuâng mãi. Có nhiều đêm nằm mơ, em vẫn nghe họa mi hót.

Về lại thành phố, em nói lại với bố mẹ về tiếng chim họa mi hót nơi vườn bà. Hình như sau đó, mẹ em viết thư cho anh trai em, một sĩ quan Công an Biên phòng Tây Bắc. Tết năm ấy, anh về phép thăm nhà, và mang về cho em một đôi chim họa mi làm quà. Mỗi con được nhốt trong một chiếc lồng son vô cùng xinh xắn. Cả nhà ai cũng vui thích về đôi chim họa mi ấy. Anh trai em còn cho biết: *"Ở các chợ miền núi, người ta nuôi và bán chim họa mi không chỉ để nghe giọng hót mà còn cho nó chọi nhau. Thế võ tranh hùng của họa mi lúc kịch chiến hấp dẫn lắm!..."*.

Rồi không biết ai xui, độ tháng sau, em mở lồng cho chim họa mi bay đi. Em viết thư cho anh trai: *"Anh ơi, họa mi đã làm cho em khỏi bệnh. Em đã trả lại tự do cho đôi chim họa mi là để tạ ơn loài chim thảo hiền ấy. Chắc là anh đồng tình với việc làm của em ?"*... Mẹ em bảo: *"Con còn bận học, thì giờ đâu mà nuôi chim ? Vả lại, con chim nào cũng cần tự do. Bầu trời bao la là cái lồng chim con ạ! Con làm thế là phải đạo..."*.

Nguyễn Thúy Hồng - 6A
Trường THCS Long Biên - Hà Nội

43 - ĐỀ BÀI:

Hãy kể lại những kỉ niệm sâu sắc của tuổi thơ

Bài làm

Sau khi bố tôi mất, mẹ đưa tôi về ở với bà ngoại. Năm đó, tôi lên học lớp Ba. Bà ngoại là công nhân nhà máy dệt, về hưu đã gần 20 năm. Mẹ tôi là công nhân của Công ti công viên thị xã; mẹ thường đi làm từ sáng sớm đến tối mịt mới về.

Ở gần nhà bà ngoại cũng có trường Tiểu học, nhưng vì tôi là học sinh ngoại tuyến nên phải đi học xa, cách nhà bà đến hơn hai cây số. Nhiều hôm trời mưa gió, tôi còn nhỏ nên đi học thật vất vả. Mẹ vẫn an ủi động viên: *"Hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn, con cố gắng, mẹ con ta cố gắng !"*. Nghe mẹ nói, nước mắt mẹ chảy ra, tôi thương mẹ, thương bà lắm. Học kì I lớp Ba, tôi đã phấn đấu trở thành học sinh giỏi.

Sáng chủ nhật hôm ấy, tôi đang ngồi học bài thì có bạn hàng xóm sang chơi. Đã nhiều lần gặp nhau, nhưng tôi rụt rè không dám làm quen bắt chuyện. Người bạn mới cao hơn tôi nửa cái đầu, gương mặt bầu bĩnh, nước da trắng mịn màng. Đôi bàn tay búp măng, bạn giở từng trang vở của tôi, nheo mắt cười, nói: *"Chữ cậu viết đẹp quá !"*.

Tuổi thơ vốn hồn nhiên. Bạn tự giới thiệu họ tên mình là Lê Thị Hương Lan, rồi thì thầm hỏi: *"Đằng nớ tên gì ?"*. Nghe tôi nói, bạn nhắc lại tên tôi: *"Nguyễn Thị Quỳnh"*. Chúng tôi cùng rúc rích cười...

Sau đó, hầu như chủ nhật nào Hương Lan cũng sang nhà tôi chơi, lúc nói chuyện vui, lúc trao đổi về các bài tập Tiếng Việt, bài Toán khó. Mấy lần Hương Lan mời tôi sang nhà bạn chơi, nhưng tôi chỉ hứa và khất. Hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn nên mẹ dặn: *"Không được thấy người sang bắt quàng làm họ"*. Bố mẹ Lan đều dạy học: bố dạy Toán trường Trung học cơ sở Chu Văn An, mẹ là Hiệu phó trường Tiểu học Kim Đồng. Ngày 1-6, tôi ở trường về thì đã thấy bố mẹ Lan đang ngồi nói chuyện trong nhà với bà ngoại. Tôi cúi đầu chào.

- Cháu chào hai ông bà.

- Chào cháu. Cháu đi dự lễ 1-6 ở trường về à ?

- Vâng ạ !

Bố mẹ Lan xem giấy khen và phần thưởng của tôi, rồi nói với bà: *"Con bé ngoan và học giỏi. Thương nó vất vả quá !..."* Ông bà cho tôi một số quà, có một bộ quần áo rất đẹp và sách vở, một cái ba-lô màu xanh đựng sách vở đi học, thứ mà tôi hằng ao ước lâu nay. Tôi cảm ơn, tay run run nhận quà. Bà nhẹ nhàng vuốt mái tóc tôi và nói: *"Thỉnh thoảng cháu sang nhà bác chơi. Cháu và cái Lan cùng tuổi, cùng lớp đó..."*.

Chắc là Hương Lan đã nói với bố mẹ mình về hoàn cảnh của tôi nên đã nhờ mẹ xin cho tôi về học tại trường Tiểu học Kim Đồng, cách nhà bà độ nửa cây số. Mọi thủ tục giấy tờ chuyển trường, bố mẹ Lan đều làm cho cả.

Lớp Bốn, tôi và Lan đều đạt danh hiệu học sinh giỏi và thi học sinh giỏi môn Toán toàn quận. Lan được giải Nhì, tôi được giải Ba. Chúng tôi trở thành đôi bạn thân. Bố mẹ Lan thương tôi và coi tôi như con cháu trong nhà.

Tôi không còn phải đi học xa nữa. Những hôm mưa to gió lớn, tôi lại bâng khuâng nhớ đến kỉ niệm buổi đầu gặp Hương Lan.

Nguyễn Thị Quỳnh
Thị xã Hưng Yên

44 - ĐỀ BÀI:

Kể lại một câu chuyện về đạo làm quan

Bài làm

Tấm lụa và cây roi

Tại quê nhà, một hôm thân mẫu của Trần Bích San nhận được một tấm lụa bạch sa rất quý do một người lính trèo đèo lội suối từ trong Bình Định mang ra nói là của quan phủ An Nhơn gửi biếu mẹ.

Nghe xong, bà cụ đanh mặt lại, thoáng một nét buồn, thầm kêu: "Trời? Lụa này lấy ở đâu ra? Sao làm cha mẹ dân mà không biết thương kẻ dưới trướng, hành hạ họ phải vất vả bao ngày tắm mưa gội nắng chỉ để mang một chút quà mọn về quê?". Bà cụ lấy lời nhỏ nhẹ an ủi người lính, lưu lại chơi, cơm nước chu tất. Ngày người lính trở lại An Nhơn, bà chuẩn bị hành trang đầy đủ mọi thứ cho anh lên đường. Bà bảo:

- Chú đã vất vả đem được cuộn lụa ra đây, nay lại xin phiền chú vui lòng đem cuộn lụa này về trả ông án giùm tôi.

Riêng án San từ hôm biệt phái lính mang quà về quê tặng mẹ, trong lòng khấp khởi mừng vui vô cùng, ngày đêm trông ngóng người lính trở lại để biết tin nhà. Và người lính đã trở về hoàn trả lại món quà. Án San tần ngần cầm tấm lụa, lại thấy cây roi nhét bên trong, tím tái cả mặt...

Sáng hôm sau, Trần Bích San cho gia nhân thiết lập bàn thờ hướng vọng ra bắc, lạy sống mẹ hai lạy, rồi tự mình nằm úp sấp trên nền gạch từ sáng đến tối, trên lưng đặt ngang cây roi kia. Xong, ông đứng dậy lạy sống mẹ hai lạy nữa.

Quả là mẹ thế nào đẻ con thế ấy!

Thái Doãn Hiểu – Hoàng Liên
(Trích *Giai thoại kẻ sĩ việt Nam*)

45 - ĐỀ BÀI:

Tóm tắt truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"* của Tô Hoài

Bài làm

Xuất thân trong một gia đình nhà dế, Mèn là con út trong số ba anh em cùng lứa. Chỉ được ở với mẹ hai hôm, sang hôm thứ ba, mẹ đã đưa ba anh em ra ở riêng, mỗi đứa được ở trong một cái hang đất ở bờ ruộng trông ra đầm nước. Bước vào cuộc đời tự lập, Mèn hung hăng khờ dại đã gây ra cái chết đau đớn cho Dế Choắt. Mèn ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên chóng lớn và sớm trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Chán cảnh sống quẩn quanh tầm thường, Mèn cất bước ra đi để mở rộng tầm mắt và học khôn, học giỏi ở người. Hành trình phiêu lưu của Mèn đầy ắp kỉ niệm, thấy nhiều cảnh lạ, gặp bao chuyện rủi, chuyện may. Mèn kết bạn với Dế Trũi, cùng đi đó đây. Đến cánh rừng cỏ may dự hội, Mèn tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa. Hai anh em Mèn và Trũi được tôn vinh làm chánh, phó thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may. Có lần Mèn bị bắt giam trong hầm kín của lão Chim Trả. Mèn, Trũi và các bạn cùng chí hướng chống lại những điều ngang trái, bất công trong thiên hạ.

Chẳng ngơi nghỉ và nản lòng, Mèn và Trũi đi đến nhiều nơi, được đón tiếp long trọng, bạn bè ngày một đông. Mèn và các bạn hiểu ra rằng *"ai cũng có lòng tốt, cũng muốn làm ăn yên ổn"*. Tại vương quốc loài kiến, sau khi hội kiến với Kiến Chúa, Mèn đọc lời hịch cổ động *"muôn loài cùng nhau kết anh em"*. Tất cả mọi loài từ rừng xuống biển đều gửi thư, nhắn tin về hoan nghênh hưởng ứng.

46 - ĐỀ BÀI:

Kể lại câu chuyện *"Bài học đường đời đầu tiên"* của chú Dế Mèn

Bài làm

Nhờ ăn uống điều độ và có chừng mực nên chẳng bao lâu, Dế Mèn trở thành một chàng thanh niên cường tráng. Đôi càng mầm bóng, những cái vuốt ở chân, ở khoeo nhọn hoắt. Đôi cánh thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mèn có đầu to, nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh, sợi râu dài, uốn cong rất hùng dũng. Chú ta lấy làm hãnh diện với bà con, chốc chốc lại vuốt râu một cách khoan thai, trịnh trọng.

Cho ra kiểu cách con nhà võ, Mèn đi đứng oai vệ, dám cà khịa với tất cả bà con trong xóm. Thấy ai cũng nhịn, chú ta cho mình là tài giỏi, lầm tưởng cứ chỉ ngông cuồng là tài ba. Mèn quát mấy chị Cào Cào, ghẹo anh Cọng Vó, coi thường Dế Choắt. Trong bóng chiều hoàng hôn, Dế nhìn cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két,...vật lộn cật lực kiếm sống mà suy nghĩ việc đời.

Mèn hay nghịch ranh. Chợt thấy mụ Cốc béo xù đang rỉa cánh và chùi mép gần hang mình, Mèn cất giọng véo von *"Vặt lông cái Cốc cho tao - Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn"*. Mụ Cốc lò dò về phía cửa hang Mèn, hỏi: *"Đứa nào cạnh khóe gì tao thế?"*. Chú ta vội chui tọt vào hang sâu, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ. Vô phúc cho Dế Choắt, hắn ta lại bị mụ Cốc giáng cho mấy mỏ liên tiếp, quẹo xương sống lăn ra kêu váng. Biết mụ Cốc bay đi, Mèn mới mon men bò lên. Thấy Choắt nằm thoi thóp, Mèn hốt hoảng và ân hận lắm!

Trước khi nhắm mắt, Dế Choắt khuyên Mèn: *"Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân mình đấy"*.

Chôn cất Dế Choắt xong, Mèn đứng lặng giờ lâu trước nấm mộ mà nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

•

47 - ĐỀ BÀI:

Kể lại chiến công đánh thắng võ sĩ Bọ Ngựa - cháu đích tôn của võ sĩ Bọ Ngựa

Bài làm

Chúng tôi đến rừng hoa cỏ may - xóm của chi họ chuồn chuồn trú ngụ. Trên đoạn đường, thấy cái làng chuồn chuồn, ai cũng hớn hở trong xống áo mới tinh giữa hoa may. Hỏi ra mới biết họ sắp đi xem hội thi võ. Cụ Bọ Ngựa già đã khuất núi, nhân hội hoa cỏ may mở luôn hội thi võ kén người tài giỏi nhất đứng ra coi sóc việc chung. Võ đài nguy nga, cao, dựng toàn bằng gỗ cây lau ngả vàng. Những ngày đấu loại đã qua, võ đài bắt đầu rầm rộ. Chỉ còn lại hai tráng sĩ vùng này là Bọ Muỗm và Bọ Ngựa vào đấu vòng cuối.

Sáng hôm ấy, tôi dạo chơi quanh bãi thấy bụng đói, tôi tạt vào quán làm vài nhánh cỏ lót dạ. Châu Chấu, Cào Cào, Bọ Ngựa... rậm rịch ra vào quán. Lần đầu tôi gặp một anh Bọ Ngựa làm ra lối quan dạng, lưỡi gươm bên mạng sườn... ra lối ta đây con nhà võ, đi đứng đúng thế võ lúc nào cũng giữ miếng. Các nàng Cào Cào vội né giạt một bên, còn tôi vẫn đủng đỉnh đi giữa quán hàng cỏ... Tức thì Bọ Ngựa, bổ luôn cho tôi một nhát gươm vào đầu đau điếng. Tôi nhảy trái đá hậu cú song phi. Bọ Ngựa né được và co gươm định quạng tôi nữa. Cả quán hàng náo loạn cả lên. Hắn trỏ gươm vào mặt tôi, bảo: *"Có giỏi chốc nữa lên đài!"*. Tôi cười khểnh, nói lịch sự mỉa mai: *"rất hân hạnh"*. Bác Cành Cạch thấy thế vội khuyên tôi nên tránh đi nơi khác vì *"Ông ấy là cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa... Ông ấy phen này hẳn tranh được chân trạng võ..."*.

Từ quán cỏ ra, tôi đi đến võ đài và ngạc nhiên thấy Trũi đứng sừng sững trên đó. Trận đấu diễn ra quyết liệt. Trũi đưa hai quả chùy càng ép vỡ cặp kính bảo vệ mắt của Bọ Muỗm rồi thúc thêm một đá làm cho Bọ Muỗm ngã ngửa không dậy được. Cả bãi xôn xao. Cụ Châu Chấu cầm trịch gọi loa tết bằng lá cỏ ấu hỏi ai dám lên đấu với võ sĩ Dế Trũi. Tức thì anh chàng Bọ Ngựa lúc nãy đáp vang động: *"Có ta đây!"* rồi nhảy vọt lên võ đài. Tôi cũng nhảy phắt lên đài quát: *"Khoan khoan, đây trước đã.*

Nhớ hẹn chứ?". Hắn *"à"* lên một tiếng rồi nghênh hai thanh gươm lên. Trước khi vào trận đấu, Bọ Ngựa đi bài song kiếm khá đẹp mắt, còn tôi thì hếch hai càng lên, đạp phóng tanh tách liên tiếp một hồi, gió tuôn thành luồng xuống bay tốc cả áo xanh áo đỏ của các cô Cào Cào đứng gần. Vào đấu, Bọ Ngựa bổ gươm xuống đầu tôi chan chát, tôi nhè bụng hắn mà đá. Hắn co gươm quặp cổ tôi, tôi cúi xuống thúc nhanh một răng rất sâu vào bụng hắn. Bọ Ngựa choáng người, nhảy lộn qua lưng tôi, với món võ gia truyền của nhà dế, tôi lấy tấn, đá hậu đánh phách một đá trời giáng vào giữa mặt anh chàng. Hắn rú lên, rơi tọt ra ngoài võ đài. Tôi hạ địch thủ một cách vẻ vang. Dế Trũi và tôi đã được ban bô lão thượng thọ trông nom võ đài tôn chúng tôi lên làm chánh phó thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may. Cả đám hội xô vào làm kiệu rước hai chúng tôi.

48 - ĐỀ BÀI:

Kể lại truyện *"Bức tranh của em gái tôi"*

Bài làm

Em gái tôi tên là Kiều Phương. Em hay lục lọi đồ vật, và mặt em luôn bị chính em bôi bẩn. Tôi gọi em là Mèo, em vui vẻ chấp nhận và còn dùng để xưng hô với bạn bè. Đít xoong chảo bị em cạo trắng cả. Một hôm tôi bắt gặp nó đang nhào một thứ bột gì đó đen sì. Thì ra nó đang chế thuốc vẽ. Tôi bí mật theo dõi và thấy nó lôi trong túi ra bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục, cái màu đen, đều do nó tự chế.

Một hôm chú Tiến Lê, họa sĩ, bạn thân của bố tôi, đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Em gái tôi mừng quýnh lên được gặp bạn gái. Hai đứa lôi nhau ra vườn. Bé Quỳnh được Mèo cho xem tranh. Thỉnh thoảng hai đứa lại reo lên khe khẽ. Còn tôi thì đang mải mê với chiếc diều. Bé Quỳnh nói thầm với bố. Chú Tiến Lê đi ra vườn, một lúc sau chú trở vào, mặt rạng rỡ, nói: *"Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?"*. Bố tôi ngây người ra, rồi ôm thốc Mèo lên: *"Ôi, con đã cho bố một bất ngờ lớn"*. Mẹ tôi cũng vô cùng xúc động. Chú Tiến Lê hứa sẽ giúp em gái tôi phát huy tài năng. Kể từ hôm đó, tôi cảm thấy mình bất tài, có lúc tôi chỉ muốn gục xuống khóc khi ngồi bên bàn học. Tôi không thể thân với Mèo như trước nữa. Tôi hay gắt um lên mỗi khi em mắc một lỗi nhỏ. Chú Tiến Lê tặng em một hộp màu ngoại xịn. Bố mẹ tôi mua sắm cho Kiều Phương những gì cần cho công việc vẽ.

Rồi em gái tôi được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Bức tranh của em được tặng giải nhất. Trước lúc đi nhận giải thưởng, em ôm cổ tôi thì thầm: *"Em muốn cả anh cùng đi nhận giải"*. Trong một gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, tranh thí sinh treo kín 4 bức tường. Bố mẹ tôi kéo tôi qua đám đông để xem bức tranh Kiều Phương được đóng khung, lồng kính. Bức tranh vẽ một chú bé ngồi nhìn ra cửa sổ, mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Cặp mắt, tư thế ngồi rất mơ mộng. Mẹ tôi hỏi: *"Con có nhận ra con không?"*... Tôi giật sững người... Thoạt tiên là ngỡ ngàng rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Như bị thôi miên khi tôi nhìn dòng chữ đề trên bức tranh: *"Anh trai tôi"*. Tôi muốn khóc quá, khi nghe mẹ hỏi: *"Con đã nhận ra con chưa?"*. Nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói: *"Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy"!*

49 - ĐỀ BÀI:

Có lần trong bữa cơm chiều của gia đình, em đã gây ra một việc khiến cha mẹ buồn. Em hãy viết bài văn kể và tả lại sự việc đó

Bài làm

Bố em là sĩ quan Hải quân, công tác tại Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Ninh. Mẹ em là cán bộ tài chính huyện Hoành Bồ. Anh trai em tên là Kiên, học sinh lớp 12 chuyên Toán trường Trung học phổ thông Hạ Long. Em đang học lớp 6, nên được bố mẹ yêu thương, cưng chiều, được anh trai chăm sóc và quý mến hết mực. Em chỉ mới là một học sinh thuộc diện học khá, đang nỗ lực phấn đấu vươn lên học giỏi. Bố mẹ vẫn thường nói với em: *"Bao giờ cô Mai, con gái út ít của bố mẹ "rinh" phần thưởng học sinh giỏi về để cả nhà mua bò giết thịt ăn mừng đấy!"*

Hôm nào bố về, bữa ăn gia đình cũng thật vui và ấm cúng. Bố kể chuyện ngoài đảo xa. Mẹ kể chuyện cơ quan. Anh Kiên và em kể chuyện học hành, chuyện vui ở trường, ở lớp.

Bữa ăn tối hôm ấy, em kể về một nữ sinh mới của lớp tên là Nhọc, Nguyễn Thị Nhọc. Trong lớp có 18 cô gái, tên cô nào cũng đẹp như: Yến, Hạnh, Quỳnh, Hương,...Cô gái nào cũng xinh. Còn Nhọc thì bé loắt choắt, người đen, tóc đỏ quạch. Nhọc có bộ mặt ngơ ngơ ngẩn ngẩn như một kẻ mất hồn.

Bố lắng nghe rồi nhẹ nhàng hỏi? *"Thế con có biết gì về hoàn cảnh gia đình bạn Nhọc không? Cũng nên biết hoàn cảnh gia đình của bạn để cảm thông và quý mến nhau, con ạ!...*

- Bố ơi! Bạn ấy bị bọn mẹ mìn bắt bán sang Trung Quốc. Sau hơn một năm, bố mẹ mới tìm được con đưa về. Nhọc học kém nhất lớp. Cô Liên chủ nhiệm lại cho về tổ Bốn của con. Thật là nặng gánh. Tổ con thế nào cũng mất điểm thi đua!..."

Anh Kiên nói chen vào:

- Báo Quảng Ninh đã có bài viết rất cảm động về chuyện đó. Nhờ các chú Công an biên phòng mà Nhọc được đoàn tụ với gia đình...

Bố nói:

- Lần sau, bố về phép, con mời bạn Nhọc đến nhà ta chơi nhé. Con và các bạn nên giúp đỡ và thương yêu bạn Nhọc nhiều hơn nữa. Sống ghẻ lạnh và không có tình thương thì thật đáng chê!

Cũng trong bữa cơm tối ấy, em khoe với bố mẹ là anh Kiên đã có người yêu, chị ấy tên là Hiền, con gái thầy Hùng, bạn học cùng lớp.

- Sao con biết? – Mẹ ngạc nhiên hỏi.

- Con xem nhật kí của anh Kiên nên con mới biết chuyện bí mật đó!

Anh Kiên đỏ mặt lên. Bố khẽ thở dài. Còn mẹ thì đăm chiêu, suy nghĩ. Em thì vô tư, cười rú lên.

Hai hôm sau, bố đã trở về đơn vị. Mẹ ôm con gái bé bỏng vào lòng và nói: *"Mai ạ! Bố không vui về thái độ, tình cảm của con và các bạn đối với Nhọc. Con phải phát hiện ở Nhọc những điều tốt đẹp và cảm thông với cảnh ngộ buồn của bạn mà quý mến, yêu thương chứ. Việc làm của con xem trộm nhật kí của anh Kiên là một việc không tốt. Bố đi xa về nên không muốn trách mắng con. Bố nhắc mẹ nói với con về những điều đó. Con phải nhớ lấy! Đừng làm bố mẹ buồn..."*.

Suốt tuần lễ sau đó, tôi cứ buồn và ân hận mãi về chuyện ấy.

Nguyễn Thị Mai, lớp 6A
Trường THCS Bạch Đằng, Quảng Ninh

Phần thứ hai
VĂN MIÊU TẢ (TẢ CẢNH VẬT, TẢ NGƯỜI)

50 – BÀI ĐỌC THAM KHẢO:

Sân chim

Mờ sáng hôm sau, tôi còn đang ngủ trong mui bỗng nghe thằng Cò gọi giật tôi dậy:

- Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi. Đã sáng bét mà mày còn ngủ à?

Tôi dụi mắt bò ra khoang trước, vốc nước dưới sông lên rửa mặt. Trên vệt rừng đen ở chỗ con sông ngoặt, như lưỡi cưa cá mập lởm chởm dựng, đầu răng nhọn, đã ửng lên màu mây hồng phơn phớt. Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời. Càng đến gần, khi bóng chim chưa hiện rõ hình đôi cánh, thì quang cảnh đàn chim bay lên giống như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên chi hồ điệp.

Những bầy chim đen bay kín trời vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông, cuốn theo sau những luồng gió vút cứ làm tai tôi rối lên, hoa cả mắt.

Mỗi lúc tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Và gió đưa đến một mùi tanh lợm giọng, khiến tôi chỉ chực nôn oẹ.

Chim đậu chen nhau trắng xoá trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa. Chim gà đảy, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rụt cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quằn nhánh cây.

Một con điêng điểng ngóc cổ lên mặt nước, thoạt trông tôi tưởng là một con rắn từ dưới nước cất đầu lên. Khi thuyền chúng tôi chèo đến gần, nó bèn ngụp xuống lặn mất. Chốc sau đã lại thấy nó nổi lên gần bờ, mỏ ngậm con tôm càng xanh gần bằng cổ tay còn đang vung râu cựa quậy.

Tôi mê quá! Mà thằng Cò cũng mê như tôi. Hai đứa cùng ước: phải chi mình được dừng thuyền lại ở đây vài hôm để bắt chim thì phải biết!

Chim từ những đâu tập trung về ở đây, nhiều không thể nói được!

Ở đây, còn có rất nhiều giống chim lạ, không thấy bày bán ở chợ Mặt trời. Chúng đậu thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng.

Tôi chồm người ra be thuyền, kêu to:

- Dừng lại đây bắt một mớ chim đi, tía!

- Sân chim có chủ, không bắt của người ta được đâu! - Tía tôi bảo.

- Bộ họ nuôi nó sao? Chim trời cá nước, ai bắt được nấy ăn chứ!

- Đúng là không ai nuôi. Nhưng chim về ở trên vùng đất của ai thì nó thuộc về tài sản của người đó. Họ phải đóng thuế hằng năm như đóng thuế ruộng đấy, con ạ!

Thấp thoáng trông xa, bốn năm người quảy giỏ, cầm sào trúc có ngoéo sắt đang ngoéo cổ chim non xuống bắt. Coi bộ dễ hơn bắt gà nhốt trong chuồng.

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi chèo đi hơn ba nghìn thước rồi mà hãy còn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây gie sát ra sông.

Trích *Đất rừng phương Nam* - Đoàn Giỏi

51 – BÀI ĐỌC THAM KHẢO:

Cá sấu cặp

Chiếc thuyền trườn mũi trên cát, để lại những đám bọt sóng trắng nháo nhà chạy lùi ra sau lái. Người trên thuyền chưa kịp quang dây xuống thì bọn con nít đã trèo phốc lên be rồi.

Ôi chao, con cá sấu to quá! Mình dài có hơn năm mét. Chỗ quãng bụng giữa ước chừng một vòng rưỡi tay người lớn ôm mới giáp. Cái mõm dài sọc, đầy răng chơm chởm của nó đã bị khớp chặt lại bằng một sợi dây thép.

Hơn hai tháng nay, riêng tía nuôi tôi đã bắt được mười hai con rồi. Thường thì da cá sấu màu xanh rêu pha bùn mốc, dưới lườn bụng hơi trắng. Khắp mình trên mọc gai, có chỗ vằn hoa lốm đốm. Con cá sấu này, màu da xám ngoét như da cây bần, gai lưng mọc chừng ba đốt tay, trông rất dễ sợ. Cá đuôi dài – bộ phận khoẻ nhất của con vật kinh khủng dùng để tấn công - đã bị trói vít cong lên phía đầu. Bốn chân cũng bị thít chặt vào cái đuôi hoàn toàn mất tác dụng ấy. Con cá sấu hung tợn nằm im như chết giữa lòng thuyền.

Mọi người xúm lại, dùng đòn buộc dây da trâu khiêng con cá sấu vừa đánh được, đưa lên bãi. Phải có đến mười hai người đàn ông lực lưỡng mới khiêng nổi nó và đưa vào tới bờ. Má nuôi tôi cũng đi theo tốp người khiêng. Những người đàn bà lăng xăng ngã giá mua nguyên cả con cá sấu cứ bám sát bên má nuôi tôi. Mấy chị phụ nữ tre trẻ trong xóm cũng xoắn theo chân má nuôi tôi, người nào người nấy đều sẵn sàng dao rổ, chia phần thịt mang đi bán.

Thằng Cò dắt con chó đi mua rượu về, thấy bố còn ngồi trong bóng thuyền dựa bãi với các ông bạn phường săn, bèn chạy vù đến vứt chai rượu xuống cát cái phịch rồi quày quả chạy đuổi theo đám người nhốn nháo đằng kia.

- Khi tôi phóng mũi lao trúng con cá sấu này, thì tôi nghe đằng xa nước động dữ dội. Chắc còn một con nữa, to hơn. Nhất định là cá sấu cặp! - Tía nuôi tôi nói xong, còn tặc lưỡi mấy tiếng ra bộ tiếc rẻ lắm.

Trích *Đất rừng phương Nam* - Đoàn Giỏi

52 - ĐỀ BÀI:

Tả cảnh một đêm trăng quê nhà

Bài làm

Trăng tháng tư

Đêm trăng tháng tư ở quê em vừa đẹp vừa vui lạ. Lúa ngoài đồng đã chín vàng tươi. Mùa gặt đã đến, mùa vui ấm no cho mỗi nhà, mỗi người. Có cả cảnh gặt lúa đêm trăng. Máy tuốt lúa chạy rào rào, hạt lúa mẩy dưới ánh trăng óng ánh như những hạt vàng tuôn ra như suối. Em cảm thấy ánh trăng có mùi thơm của lúa nếp cái hoa vàng. Mẹ em nói: *"Ngày xưa, cảnh gặt lúa, cảnh đập lúa đêm trăng, trục lúa đêm trăng vui lắm. Con trai, con gái hát đúm giao duyên. Mùa gặt, mùa trăng là mùa hẹn hò của gái trai làng Chùa, xóm Giếng..."*.

Trăng tháng tư thật kì diệu. Buổi chiều, khi mặt trời chưa lặn, trăng đã lơ lửng trên bầu trời xanh. Buổi sáng trong ánh hồng bình minh, trăng vẫn còn lưu luyến nán lại ở đỉnh núi xa. Trăng tháng tư màu hồng chứ không vàng tươi như trăng thu tháng tám.

Những đêm trăng tháng tư, chúng em vẫn trải chiếu ra sân nhà nằm đếm sao, tìm dải Ngân Hà, ông Thần Nông, sao Bắc Đẩu.... Bài hát chú Cuội chăn trâu được chúng em hát lên vang rộn cả sân nhà dưới bóng trăng hồng, chúng em trông trăng nhảy múa. Hoa ngâu, hoa mộc, hoa thiên lí đã dậy hương cùng trăng tháng tư. Bát cơm mới mùa gặt bội thu dẻo thơm hơn bao giờ hết. Nhà em vẫn ăn cơm dưới trăng.

Lê Thị Thảo Nguyên - 6B

Trường THCS Nho Quan - Ninh Bình

53 - ĐỀ BÀI:

Tả một cảnh rạng đông ở quê em

Bài làm

Rạng đông trên biển

Mùa hè, độ 5 giờ sáng ở vùng biển, cảnh vật đã ửng lên một màu hồng ngọc lung linh. Mặt trời chưa mọc, nhưng từ chân trời biển xa, những tia sáng hắt lên làm cho bầu trời, mặt biển lung linh, kì ảo.

Gió thổi mỗi lúc một mạnh. Biển lao xao, rì rầm. Màu hồng đã toả rộng và chiếm lĩnh bầu trời. Chỉ trong khoảnh khắc, mặt trời nhô lên, tròn to như một quả cầu lửa khổng lồ đỏ thắm chói lọi. Không thấy bầy quạ kéo xe mặt trời như câu chuyện cổ tích mà chỉ thấy hàng nghìn con chim hải âu mốc xám từ đâu túa đến, dang đôi cánh rộng dệt biển như vui mừng chào đón rạng đông.

Từ các làng chài sau dãy phi lao, hàng trăm con thuyền rẽ sóng ra khơi. Những cánh buồm nâu, những cánh buồm vôi bạc phếch như cánh dơi căng phồng lướt sóng đi về mọi phía chân trời. Gió mặn mòi mát rượi.

Trên các nẻo đường, các bến cá, người gồng kẻ gánh đi lại đông vui, ồn ào. Trong dòng người đi chợ, trẻ em làng chài nối đuôi nhau đến trường. Chúng trò chuyện râm ran. Những chiếc ba lô con cóc đựng đầy sách vở như được mang thêm nắng hồng bình minh rạng ngời mặt biển.

Nguyễn Hải Chí - 6C

Trường THCS Tĩnh Gia - Thanh Hoá

54 - ĐỀ BÀI:

Miêu tả hàng phượng vĩ và tiếng ve vào một ngày hè

Bài làm

Mùa hè đến, đem lại cho chúng ta bao nhiêu niềm vui. Hàng phượng vĩ và tiếng ve da diết mỗi buổi trưa hè trên sân trường xưa là một mảnh hồn tôi.

Hàng phượng vĩ nơi sân trường tôi ra hoa sớm hơn mọi khi. Mới đến giữa tháng tư, trên những cành phượng vĩ khẳng khiu, già nua theo năm tháng đã xuất hiện từng chùm đốm lửa nhỏ xíu, ẩn hiện sau những lớp lá xanh nõn nà. Thời gian trôi qua, khi ánh nắng vàng rực đã trải khắp nơi, những đốm lửa ngày càng lớn lên, hoá thành những bông phượng đỏ thắm, rực rỡ như ánh nắng hè. Thế rồi, trong không gian bao la, hàng phượng ửng lên, sắc xanh của lá dường như nhường hết chỗ cho sắc thắm đỏ của hoa. Từ xa nhìn lại, hàng phượng như cây bút vẽ khổng lồ, tô màu đỏ rực lên bầu trời, làm đẹp thêm ánh nắng mùa hè. Chẳng bao lâu ve đã về, kêu râm ran trên những tán phượng vào những buổi trưa hè nắng nóng. Tiếng ve râm ran nhưng thanh và trong, làm cho ta có cảm tưởng, trên những cành phượng kia, chắc hẳn phải có hàng

ngàn, hàng vạn chú ve đang cùng ngân nga khúc hát. Nhanh thật, thế là hè về rồi, cả một năm học đã trôi qua. Tôi có cảm tưởng như chính hàng phượng kia, tiếng ve kia đã làm sống dậy mùa hè. Nếu không có ngọn lửa đỏ rực của hàng phượng, dàn đồng ca của đàn ve, thì còn gì là hương vị của mùa hè chứ! Màu phượng đỏ rực như ngọn đuốc còn luôn nhắc tôi nhớ đến bao kỉ niệm đẹp và sâu sắc về bạn bè, về thầy cô. Những buổi trưa hè, ngồi dưới gốc phượng học bài hay lắng nghe tiếng ve râm ran, tất cả đã trở thành một phần kỉ niệm đẹp của tâm hồn tôi thời thơ ấu.

Dù phượng không đẹp bằng hoa hồng, không thơm bằng hoa huệ, dù tiếng ve không trong bằng tiếng hót của hoạ mi, không lảnh lót bằng tiếng ríu rít của vành khuyên, nhưng đối với tôi, chúng vẫn đẹp nhất, hay nhất. Vì một lẽ, chúng tượng trưng cho tuổi học trò - tuổi đẹp nhất của một đời người. *"Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè"* như có nhà thơ đã nói. Tôi yêu sao tiếng ve, yêu sao sắc màu phượng vĩ trong buổi trưa hè một thời thơ bé ấy.

Trần Phương Thảo – 6A2
Trường THCS Tô Hoàng - Hà Nội

55 - ĐỀ BÀI:

Tả cảnh làng em hoặc khu phố nơi em ở

Bài làm

Làng tôi

Xe vẫn chạy bon bon. Qua cầu Ông Ó, tôi đã nhìn thấy làng tôi. Cây đa cổ thụ đứng trầm ngâm suy nghĩ, cao nhất giữa tầng xanh, rợp bóng ngôi chùa Và,...Nhìn thấy màu xanh thẫm của luỹ tre làng, tự nhiên nước mắt tôi ứa ra...

Đã ba năm rồi, tôi mới được trở lại thăm quê. Bà nội mất đã gần bốn năm. Sau ngày buồn đau đó, tôi theo bố mẹ ra thành phố sống và đi học.

Đường liên thôn nay đã được xi măng hoá, thẳng tắp. Dọc hai bên vệ đường, cây xanh, xà cừ, bạch đàn được trồng và chăm sóc vươn lên tươi tốt. Giếng Đá có hơn hai trăm năm, nước trong leo lẻo. Thuở nhỏ, tôi vẫn hay theo bà đi lấy nước giếng Đá về để ngâm giá đỗ. Bãi cỏ sau chùa Và, cỏ xanh mơn mởn. Năm sáu con trâu, con nghé, vài ba con bò, con bê đang hiền lành gặm cỏ. Trên ngọn đa có biết bao nhiêu là chim. Đàn sáo sậu râm ran trò chuyện; tôi cứ nghĩ là chúng nó đang tranh cãi điều gì. Chùa Và có nhiều tượng Phật bằng gỗ, sơn son thiếp vàng. Tôi đã được theo bà nội đi lễ chùa vào dịp tháng bảy, ngày rằm "xá tội vong nhân".

Làng tôi đồng ruộng bát ngát mênh mông. Mỗi cánh đồng có một cái tên rất hóm hỉnh: đồng Cháy, đồng Hun, đồng Ngút, đồng Vần, đồng Thống, đồng Dạ, đồng Thó,v.v...Đồng Vần, đồng Hun, đồng Dạ màu mỡ nhất, trồng toàn lúa tám thơm đặc sản. Chiều về, tôi thấy có nhiều đàn cò trắng muốt, đông đến hàng trăm, hàng ngàn con bay lượn trên nền trời xanh, trên đồng lúa biếc. Hình ảnh đáng yêu ấy, tôi không hề thấy nơi đô thị phồn hoa, ồn ào.

Trường Tiểu học Nguyễn Trãi, nơi tôi học lớp Một, lớp Hai, lớp Ba ngày ấy, nay đã có nhiều đổi mới. Hai dãy nhà xây kiên cố, gồm có 20 phòng, cao ráo, thoáng mát và khang trang. Tôi gặp lại cô Xuân, cô Lý, cô Huệ và nhiều thầy cô khác. Các cô vẫn xinh đẹp, tươi vui. Cô nào cũng hỏi han việc học hành của tôi, và nói: *"Em chóng lớn quá!"*.

Ngôi nhà cũ của ông bà vẫn như xưa. Gia đình cô tôi đã về ở và trông nom. Trong vườn vẫn xanh tươi một màu. Nhìn cây cam, cây bưởi quả trĩu cành, tôi nhớ ông, nhớ bà quá! Tôi đứng dưới gốc cây mà khóc.

Làng tôi đã được ngói hoá. Nhiều gia đình có con em đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, Đài Loan,...mà trở nên giàu có. Điện đã về làng. Bạn bè đi học đã có xe đạp.

Cái màu xanh của lúa, bóng cây đa cổ thụ, tiếng chuông chùa Và ngân buông sớm sớm chiều chiều, gương mặt hiền lành thân thuộc của bà con, ngôi nhà cũ của ông bà,...là hình bóng quê hương yêu dấu. Tôi mãi mãi lưu giữ trong lòng.

Trần Ngọc Thiện, 6A
Trường THCS Trưng Vương, Hà Nội

56 - ĐỀ BÀI:

Tả người thương yêu của em

Bài làm

Bà ngoại của em

Ông bà nội mất khi em chưa ra đời. Ông ngoại là liệt sĩ. Ông bà ngoại có hai người con: mẹ em là con gái đầu, cậu Lạc là con út. Cậu Lạc công tác ở Biên Hòa, bà ở với bố mẹ em và các cháu.

Năm nay, bà đã 72 tuổi. Bà thích đi chùa lễ Phật. Bà sống rất giản dị: uống chè vối, ăn đôi ba miếng trầu, một khoanh cá kho, lưng bát cơm là đủ. Thời con gái, bà đẹp nổi tiếng vùng chợ Dầu. Bà thuộc nhiều bài dân ca Quan họ. Bà nói thời con gái, năm nào bà cũng đi hội Lim. Bây giờ, bà vẫn đẹp lão. Bà mặc bộ áo dài, tóc điểm bạc búi gọn sau gáy, đi đôi dép lê, vai mang cái túi vải đựng quyển kinh và hộp kính, nhìn dáng bà đi thật đẹp, cái đẹp hồn hậu khoan thai.

Gương mặt bà phúc hậu, tuy đã có một số nếp nhăn, nhưng lúc bà nói, bà cười, cặp mắt ánh lên dịu dàng, thương mến. Bà ở với mọi người thủy chung như bát nước đầy. Bà giàu lòng thương người. Các cuộc quyên góp của Mặt trận Tổ quốc như ủng hộ đồng bào vùng bị bão lụt, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, ủng hộ các gia đình khó khăn... bà đều tham gia tích cực.

Anh Thành và em, hai đứa cháu ngoại của bà được bà yêu thương chăm chút. Anh Thành học lớp 9, em học lớp 5, áo quần mua sắm hằng năm bà đều cho tiền. Bà bày cho em chải tóc, buộc tóc, cách nấu các món ăn dân tộc. Đĩa rau muống bà luộc hay xào, ai cũng khen ngon. Cái vườn nhỏ 32 mét vuông, bà trồng đủ thứ rau, mùa nào thức ấy, không phải mua rau chợ nữa.

Ông hi sinh tại chiến trường biên giới Tây Nam, đến nay vẫn chưa tìm thấy mộ. Đó là nỗi buồn canh cánh của bà. Nhiều hôm, bà thắp hương lên bàn thờ, bà nói: *"Tối qua, ông ngoại về đó"*...

Bà rất quý bố em, xem như con đẻ của bà. Mỗi lần cậu Lạc về chơi, bà lại giục: *"Bao giờ, mẹ có con dâu và cháu nội đấy!"*. Bà lại tính tuổi cậu.

Được nằm cạnh bà nghe bà kể chuyện là thích nhất. Bà nhắc đi nhắc lại: *"Anh em phải hiếu thảo, hòa thuận và chăm học thì mai sau mới nên người"*. Nhìn bà ngủ, nghe tiếng bà thở, em rất vui. Vì lúc nào em cũng cầu mong bà khỏe để sống mãi mãi cùng con cháu.

Nguyễn Thị Hải Hà - 6A
Trường THCS Thanh Liêm - Hà Nam

57 - ĐỀ BÀI:

Tả một người thương yêu của em

Bài làm

Người mẹ hiền thương yêu của em

Em mồ côi bố từ năm lên 2 tuổi, nên em cũng không biết gương mặt bố như thế nào. Mẹ em góa chồng từ năm 24 tuổi. Nhà nghèo, hai mẹ con sống nhờ vào ông bà ngoại và các cậu, các dì.

Mẹ người dong dỏng cao và gầy. Mẹ vẫn bảo: "Thời con gái, mẹ có mái tóc óng ả như dì Thu hiện nay, xanh đen như tóc con gái mẹ bây giờ...". Mẹ đã trải qua những năm tháng buồn và vất vả nên mái tóc bị rụng mất nhiều. Cặp mắt của mẹ đen thăm thẳm, lúc vui mẹ cũng khóc. Mỗi lần, em được khen thưởng là mỗi lần mẹ khóc. Mẹ cầm lấy phần thưởng, nâng giấy khen lên đọc, rồi mẹ ôm lấy con gái nhỏ bé vào lòng. Nước mắt mẹ nóng hổi ướt đẫm má con. Những lúc ấy, em càng thương mẹ nhiều nhiều lắm.

Là con gái đồng bãi, mẹ có đôi bàn tay rất khéo léo. Nghề trồng dâu nuôi tằm của làng nghề trước đây, nay đã mai một nhiều. Trong làng chỉ còn năm sáu gia đình vẫn ươm tơ kéo sợi. Mỗi khi tằm chín, bà Hai Tốn lại đến nhà em. Bà vừa nói vừa cười: *"Lứa tằm chín, đẹp lắm, óng lắm. Chị sang giúp bác vài hôm. Chị có ươm cho, guồng cho thì mới có tơ loại một..."*.

Ông bà đông con, nên mẹ chỉ được học hết cấp hai, rồi ở nhà trồng rau, phụ giúp bà việc chợ búa. Chữ mẹ viết rất đẹp; mẹ thuộc nhiều thơ ca. Khi mẹ dạy em về cách đọc, cách tìm vần thơ 7 chữ, mẹ đọc thơ của thi sĩ Nguyễn Bính và bảo em chép vào sổ tay Tiếng Việt:

"Em là con gái trong khung cửi.
Dệt lụa quanh năm với mẹ già
Lòng trẻ còn như cây lụa trắng
Mẹ già chưa bán chợ làng xa...".

Mẹ dành cho em tất cả: áo quần đẹp để đi học cùng chúng bạn, sách vở mới, mũ dép mới... Đi chợ bán rau về, hôm nào mẹ cũng mua quà cho con gái. Một vài quả ổi, dăm trái hồng, một chùm nhãn,... mùa nào thức ấy, mẹ nhìn con gái ăn mà mừng vui. Bên nội bên ngoại, bà con chòm xóm láng giềng, ai cũng quý mến hai mẹ con. Mẹ ăn ở khiêm nhường, có trước có sau như bát nước đầy. Gia đình nào có chuyện buồn, có người ốm đau, mẹ đều đến thăm viếng chân tình. Mẹ ăn nói nhẹ nhàng, chưa bao giờ mẹ to tiếng với ai.

Từ ngày các cậu, các dì giúp mẹ sửa lại cái nhà, em nhận được học bổng *"học sinh nghèo học giỏi"* của tỉnh, mẹ vui hơn. Nhưng mẹ vẫn mặc cái áo nâu bạc màu gánh rau đi chợ. Và hôm nào mưa, mẹ vẫn đến đón con mẹ ở cổng trường.

Trong giấc mơ, em vẫn thấy mẹ ôm em vào lòng. Em vẫn nghe mẹ gọi: *"Lan ơi! Dậy đi con, trời sáng rồi, đi học kẻo muộn..."*. Tiếng yêu thương ấy của mẹ, con có bao giờ quên... Mẹ ơi!

Lê Thị Lan - Lớp 5C
Trường Tiểu học Quang Trung
Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định

58 - ĐỀ BÀI:

Tả một cảnh đẹp của quê hương em

Bài làm

Biển Đồ Sơn

Đồ Sơn – một địa danh đã trở nên quen thuộc với người dân đất Cảng. Đó là nơi em sinh ra và lớn lên, nuôi dưỡng em trong vòng tay nhân ái bao la. Mỗi mùa hè, du khách mọi phương lại về đây nghỉ ngơi sau những tháng ngày nóng nực và căng thẳng nơi thành phố ồn ào và náo nhiệt.

Mùa hè đến, Đồ Sơn như vui hơn, đông hơn và sôi động hơn. Biển lại chuyển mình, hò reo trên những lớp sóng trắng xóa. Biển Đồ Sơn vào lúc nào cũng đẹp. Bình minh, mặt trời lấp ló xa xa xõa tóc lấp lánh bốn bề. Mặt biển như dát bạc, lung linh, trải ra mênh mông. Hàng trăm, hàng ngàn con hải âu trắng mốc chao cánh như đưa thoi. Thuyền buồm nhấp nhô, mờ xa. Gió biển nhẹ rung, những rặng dừa rì rào, tàu dừa đu đưa xào xạc như đón chào những đoàn thuyền đánh cá thảnh thơi cập bờ. Những bác chài, da sạm màu nắng gió, tiếng nói sang sảng đang hồ hởi xuống thuyền. Đây cũng là lúc làng chài náo nhiệt và sôi động nhất. Nắng đã sổ lồng, đùa nghịch trên vòm cây, nhảy nhót trong kẽ lá và những bãi biển bắt đầu đông người. Sóng biển không còn lăn tăn mà cuộn lên cuồng nhiệt. Sóng ở xa như kẻ cô đơn lặng lẽ nhưng càng gần bờ, càng gần người, nó lại chồm lên tung bọt trắng xóa. Từng lớp sóng như những đoàn kị mã nối tiếp nhau tiến vào bờ. Bãi cát rực lên trong ánh nắng hè chói chang và những màu sắc sặc sỡ của quần áo. Tiếng em nhỏ tắm biển giòn tan hòa vào tiếng biển ì ào. Được ngập chìm trong làn nước mát lạnh, đùa giỡn với những con sóng tinh nghịch chốc chốc lại chồm qua mặt, thật thích. Nhưng em thích nhất là cùng bạn bè đuổi theo những con còng gió bé xíu liến láu biến xuống lỗ cát trên bãi biển hay tìm kiếm những con ốc biển thật đẹp để làm kỉ niệm.

Hoàng hôn xuống! Mẹ mặt trời vội vã gọi đàn con nắng trở về. Mặt biển lại hiền hòa và lặng lẽ, lóng lánh những giọt ánh sáng còn sót lại. Mặt trời đỏ lựng xuống biển tìm chốn ngủ. Trăng lên tự lúc nào. Ánh sáng dát vàng trên mặt biển. Em cùng bạn đi dạo trên bãi biển, lắng nghe tiếng sóng biển rì rầm, tiếng trở mình thở dài của biển cả khoan khoái trong làn gió mát lạnh đưa hơi thở mặn mòi của biển vào đất liền. Những du khách phương xa, ai cũng thích dạo chơi trên bãi biển về đêm để tận hưởng những giây phút tĩnh lặng và dịu dàng như vậy.

Về đêm, cảnh biển Đồ Sơn càng đẹp. Những biệt thự, cao ốc, khách sạn,... lấp lánh trong ánh đèn điện như sao sa. Đồi thông reo vi vu hòa cùng sóng biển rì rầm, càng về khuya càng du dương thơ mộng. Phía xa tím thẫm là đảo Cát Bà, là Hòn Guốc, là tháp đèn biển Hòn Dấu, v.v... Dạo chơi trên bãi cát, ngắm cảnh Đồ Sơn, càng ngắm càng say mê.

Có lẽ sau này, lớn lên em sẽ đi nhiều nơi có cảnh đẹp nổi tiếng hơn Đồ Sơn quê em nhưng em vẫn gắn bó với biển quê em, yêu biển hơn và tự hào về biển hơn. Em ước ao không bao giờ mình phải sống xa biển quê hương thân yêu của mình.

Nguyễn Thùy Anh - Lớp 6B
Trường THCS Hồng Bàng - Hải Phòng, Năm học 1990 - 1991

59 - ĐỀ BÀI:

Tả một danh lam thắng cảnh mà em đã có dịp đến tham quan

Bài làm

Cố đô Hoa Lư

Vừa rồi lớp tôi thi đạt chất lượng cao nhất toàn thành và thật bất ngờ nhà trường đã thưởng cho chúng tôi một chuyến đi tham quan cố đô Hoa Lư, Ninh Bình. Chúng tôi náo nức chuẩn bị lên đường.

Sáng hôm đó, trời quang mây tạnh, con đường quốc lộ số 10, dài hai mươi tám ki-lô-mét dẫn xe chúng tôi đến Ninh Bình. Xe chạy bon bon trên con cầu sắt vắt qua dòng sông Đáy hiền hòa nước trong vắt một màu. Xa xa, bên phải cầu là chùa Non Nước nép mình sau dãy núi Non Nước chạy dài. Phía trái là ngọn núi Cánh Diều mờ ảo trong sương sớm và khói nhà máy nhiệt điện. Hòn núi Cánh Diều mềm mại ấy đã từng được mệnh danh là *"Ngọc Mĩ Nhân"*.

Qua Ninh Bình đi thêm độ mười cây số nữa chúng tôi đến Hoa Lư. Khi ô tô còn cách xa một quãng, chúng tôi đã nhận thấy đây là một vùng đất trũng hình lòng chảo. Đến giữa lòng chảo cũng là đến cổng đền, chúng tôi xuống xe, ùa ra ngắm cảnh. Đền thờ vua Đinh, vua Lê đứng sát bên cạnh một chân núi. Đường đi vào đền, cảnh vật rất hùng vĩ. Bên phải, nổi lên một hòn núi hình con rùa đang cúi đầu, bên trái là núi Cầm Gươm. Ngôi đền được bao phủ bởi bốn bề núi rừng trùng điệp hùng vĩ, trước là sân rồng còn vết tích bệ ngự của vua Đinh, vua Lê. Đền lợp ngói đỏ phủ rêu xanh. Tường đền nổi lên hai ông hộ pháp to lớn khoác gươm nghiêm trang canh gác. Những con rồng tạc bằng đá đang trườn mình từ sân rồng vươn lên bệ đá. Xung quanh bệ để vua ngồi ngự khắc hình con nghê, chim phượng dũng mãnh biểu hiện uy quyền của vua chúa ngày xưa. Rồi các chú lính bằng đá xếp hàng dài chỉnh tề đầu đội nón dấu, lưng thắt bao vàng, vai bồng gươm vẻ trung thành đứng gác hàng nghìn năm dầu dãi nắng lửa mưa sa. Các chú nghĩ gì mà đôi mắt vẫn mở to nhìn vào chốn xa xăm? Còn chúng tôi hôm nay đứng trước các chú với lòng biết ơn người xưa đã bảo vệ, đã xây dựng truyền thống ngàn năm văn hiến truyền thống dựng nước và giữ nước bất khuất tuyệt vời.

Tiếp đến là hai ngôi đền nhỏ bên tả, bên hữu có cấu trúc giống hệt nhau như một sự đối xứng, mái thấp uốn cong hình cánh cung chạm trổ những con rồng với hàm răng nanh, với bộ móng vuốt nhọn hoắt trông thật oai hùng. Bước vào đền là hai hàng cột đứng song song nghìn đời nay vẫn vững chắc như vậy. Trước mắt chúng tôi là hai bệ thờ khói hương nghi ngút, ở giữa ngồi cao hơn hẳn là Đức Phật nghìn tay nghìn mắt thấu hiểu lẽ đời. Phía bên phải thờ Quan Âm Thị Kính, hài nhi trên tay là nỗi oan nghìn đời nhắc nhở. Trong chính cung là tượng thờ Đinh Tiên Hoàng đang ngự trên ngai, hai bàn tay xòe rộng đặt hờ trên đầu gối. Nét mặt ngài cương nghị, vẻ dứt khoát còn đọng trên đôi môi mím chặt nhưng khóe mắt lại ánh lên vẻ tinh anh trẻ trung. Bên trái là đền thờ vua Lê, cách bài trí cũng tương tự song trang phục có những nét hơi khác. Ngài vận áo long bào, đầu đội mũ miện vàng, kiếm đeo ngang sườn. Đối diện là bức tượng người phụ nữ vẻ đoan trang, phúc hậu đó là thái hậu Dương Vân Nga, người đàn bà đã được sử sách muôn đời nhắc nhở; sử sách vẫn coi bà là bậc nữ liệt có một không hai. Tất cả đều là những bức tượng yên lặng như nhắc nhở chúng tôi - những thế hệ mai sau hãy nối tiếp con đường cha anh để đi lên phía trước. Chúng tôi dạo lại một vòng quanh đền xem những câu đối, những bài thơ...

Tạm biệt Hoa Lư, chúng tôi trở về lòng đầy quyến luyến với bao kỉ niệm khó quên. Xe chúng tôi chạy trở về trên con đường buổi sáng đã đi qua, nhưng tâm trí người nào cũng đang ngược lại Hoa Lư.

Nguyễn Quỳnh Hoa - Lớp 6

Trường THCS Phùng Chí Kiên, Nam Định

60 - ĐỀ BÀI:

Tả một thắng cảnh của quê hương đất nước.

Bài làm

Non nước Nha Trang

Có thể nói, Nha Trang là một thắng cảnh đẹp nhất của đất nước ta, là một viên ngọc biếc bên bờ biển đẹp. Tuy gần Đà Lạt, nhưng thành phố lại có cái nắng rực rỡ của miền nhiệt đới nóng ẩm. Hình ảnh đầu tiên khiến em chú ý là những tòa nhà đồ sộ trong những vườn cây xanh nằm bên những đại lộ lớn. Đây là một thành phố trẻ trung, tươi mát. Nhưng cái cuốn hút khách du lịch đến đây phải là những bãi biển ven thành phố, những khu nghỉ mát hiện đại.

Bãi cát trải ra mênh mông, óng ả dưới ánh nắng mặt trời, những rặng thông, phi lao rì rào với gió biển suốt ngày đêm. Từ sáng sớm, bầu trời đã quang mây, xanh ngắt. Trên bãi cát khách du lịch đông đúc, đi lại nhộn nhịp. Những chiếc dù đủ màu sắc rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời. Trên mặt biển, nước trong xanh, bập bềnh những chiếc phao bơi. Tiếng reo hò náo nức hòa với tiếng sóng biển ì ầm đập vào bãi cát tung bọt trắng xóa. Những khi mặt trời mọc, tia nắng chiếu xuống vỡ ra thành muôn vàn đồng tiền óng ánh. Buổi trưa những ngày đẹp trời, nước biển trong veo như màu mảnh chai. Mặt trời sau một ngày lao động vất vả và từ từ lặn xuống tỏa ánh sáng tím hồng xuống mặt biển.

Bờ biển Nha Trang bằng phẳng không nhiều đá ngầm như Đồ Sơn ở Hải Phòng. Từ trên bãi cát, em phóng tầm mắt ra xa, có thể nhìn thấy những hòn đảo nhỏ như những chấm xanh, nhô lên trên mặt biển, đó là Hòn Én, Hòn Tre.

Nha Trang thật xứng đáng với niềm yêu mến của khách nước ngoài và trong nước. Em nhớ mãi những ngày đẹp được sống ở Nha Trang. Khi em viết những dòng này nói về Nha Trang, trong lòng em lại ngân nga những câu thơ của Sóng Hồng:

"Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,
Hiu hiu gió thổi trời quang tuyệt vời.
Xanh xanh mặt biển da trời,
Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên.
... Đây rồi Hòn Én, Hòn Tre,
Xa xa Hòn Khói đi về thuyền ai.
Mặt trời vừa mọc ban mai,
Mênh mông cát trắng hồng phai mịn màng.
... Đẹp thay non nước Nha Trang,
Người đi hồn vẫn mơ màng đâu đây.

(Đẹp thay non nước Nha Trang - Sóng Hồng)

Nguyễn Thanh Hà - 6A

Trường THCS Ngọc Lâm - Gia Lâm - Hà Nội

61 - ĐỀ BÀI:

Tả một cảnh thân thuộc nơi chôn nhau cắt rốn của em

Bài làm

Cánh đồng làng em

Tiếng chim ríu rít, líu lo báo hiệu một ngày mới bắt đầu. Ông mặt trời từ từ nhô ra khỏi màn sương sớm. Khói bếp nhà ai là là bay trong gió. Đàn gà con liếp chiếp gọi nhau, tíu tít theo chân mẹ. Đường làng đã rộn ràng, tấp nập người qua lại. Tôi cùng mẹ ùa vào dòng người đang hối hả ra đồng.

Bầu trời xanh xanh, êm đềm, trong trẻo. Vừa đi, tôi vừa ríu rít chuyện trò với mẹ, vừa tung tăng chạy theo những cánh bướm đang chập chờn bay lượn. Chẳng mấy chốc cánh đồng đã hiện ra trước mắt tôi. Chà! Toàn là một màu vàng óng ả. Biển lúa mênh mông xa tít tận chân trời. Từ xa nhìn lại, cả cánh đồng như một tấm thảm vàng trải rộng. Thoang thoảng đâu đây mùi lúa chín. Hương lúa ngọt ngào, man mác quyện vào trong gió, phả vào mũi tôi. Bước qua chiếc cầu nhỏ nối giữa dòng kênh, đến gần, cánh đồng hiện ra rõ hơn. Những ruộng lúa vàng mượt mà, óng ả như những dải lụa mềm thướt tha. Những cây lúa bông sai trĩu hạt. Những hạt lúa tròn căng đang đung đưa trước gió. Trời cao xanh vời vợi, mấy đám mây trắng bồng bềnh trôi. Ông mặt trời rạng rỡ tỏa ánh sáng làm lấp lánh những giọt sương long lanh còn đọng trên kẽ lá, vương trên những ngọn cỏ xanh rờn. Hương lúa nếp chín thơm ngào ngạt lan tỏa khắp cánh đồng. Tiếng sáo diều ngân nga, vi vu, nghe thật vui tai, làm bừng lên không khí rộn ràng, êm ả nơi làng quê. Những cánh diều chao lượn trên không như vờn vào mây trắng, như đua cùng chị gió, cùng những cánh chim đang tung cánh giữa trời xanh. Xa xa, thấp thoáng những chiếc nón trắng nhấp nhô giữa mênh mông biển lúa như những chiếc nấm xinh xinh mọc lên giữa cánh đồng. Tôi sung sướng, say sưa và mải mê ngắm nhìn. Dòng kênh cuồn cuộn chảy, mấy chú cá tung tăng bơi lội, quẫy mạnh làm tung bọt nước trắng xóa. Mặt trời đã lên cao, ánh nắng rực rỡ chói chang tràn xuống cánh đồng. Trên con đường mịn màng thơm mùi lúa chín, mấy em bé tung tăng dắt trâu về chuồng. Những chú trâu thong thả bước từng bước nặng nề, còn mấy chú nghé bụng đã căng tròn quấn quýt chạy theo chân mẹ. Các bác nông dân vừa đi vừa chuyện trò vui vẻ.

Cả cánh đồng mênh mông bát ngát với những ruộng lúa vàng trĩu bông, những hạt lúa tròn căng hứa hẹn một cuộc sống ấm no và hạnh phúc, nhà nhà đầy ắp tiếng cười, *"đầy sân thóc vàng"*...

Tôi theo mẹ ra về mà lòng tràn đầy vui sướng. Vui vì xóm làng, quê hương thân yêu của tôi không còn đói nghèo như trước nữa mà sẽ ấm no, sẽ yên vui và hạnh phúc. Các bạn nhỏ như tôi sẽ được cắp sách đến trường trên con đường làng thơm mùi lúa chín. Về đến nhà mà mùi hương dịu ngọt ấy vẫn còn quyện mãi trong tôi.

Vũ Thị Nhung - 6A
Trường THCS Tiên Lãng - Hải Phòng

62 - ĐỀ BÀI:

Tả khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời.

Bài làm

Nhà bố mẹ tôi ở ngoại ô thị xã. Ngôi nhà bằng gỗ năm gian, lợp ngói, tường xây và mảnh vườn khoảng $60m^2$, là tài sản của ông bà nội để lại cho con cháu. Nhiều vật dụng trong gia đình, một số cây cối ngoài vườn vẫn còn lưu giữ bao kỉ niệm sâu sắc của ông bà nội.

Từ ngày bố mẹ về hưu, mảnh vườn xưa như được hồi sinh, bốn mùa xanh tốt. Sáng chủ nhật nào tôi cũng được ra thăm vườn giúp bố mẹ tưới rau, nhặt cỏ.

Sáng nay, buổi sáng đầu tháng ba, một buổi sáng mùa xuân tuyệt đẹp. Trời hửng nắng sau những ngày mưa bụi. Bầu trời mỗi lúc một ửng hồng lên. Không biết chim từ đâu bay ra nhiều thế? Trên cây mít, cây bưởi, vợ chồng chim chích choè "chẽo chẹt" râm ran. Tôi đi vòng quanh cây cam, cây chanh, xúc động tưởng như ông nội đang tỉa cành, bắt sâu đâu đó. Hoa cam, hoa chanh nở trắng phau; nụ chanh như những chuỗi bạch ngọc bé xinh treo đầy cành. Hương chanh, hương cam nồng nàn. Mười năm về trước, ông nội đã trồng cây cam, cây chanh... này, để lại hoa thơm, trái ngọt cho con cháu. Nước mắt tôi ứa ra.

Chạy dọc theo bờ tường, bố trồng một số cây cảnh. Đây là khóm thạch lựu, lá xanh biếc, óng ánh như dát ngọc. Hoa lựu đỏ chói như những chiếc đèn lồng xinh xinh đang lập loè đung đưa. Kia là cây nguyệt quế hoa nở trắng cành, dâng hương ngào ngạt. Góc vườn phía xa là hai cây hướng dương, mùa hè mới nở hoa, hoa to bằng cái đĩa lớn, sắc vàng tươi.

Mặt trời mỗi lúc một lên cao. Vườn đầy nắng. Gió lao xao. Cây lá như reo lên. Một đàn chim sâu, lông cánh sặc sỡ bay đến tìm mồi. Chúng hót ríu rít, chuyền từ ngọn cam qua cành khế. Có biết bao nhiêu là ong, ong vàng, ong ruồi... bay vù vù. Chúng xoè cánh, đu mình vào các chùm hoa chanh, hoa bưởi, hoa cam, hoa khế, say sưa hút mật và hút nhụy hoa.

Nghe mẹ gọi, tôi mang rổ đến, đi dọc theo những luống rau. Cải thìa, cải bẹ, xà lách, su hào, hành, hẹ,... xanh mơn mởn. Toàn là rau sạch, rau tươi ngon; một phần để gia đình dùng, một phần mẹ đem ra chợ bán. Những con chuồn chuồn ớt, cánh mỏng, óng a óng ánh, những chú kim kìm kim, cặp mắt lồi to, cái đuôi nhỏ như cái tăm màu hồng, vừa đậu, vừa nhún nhảy như đang nhảy dây trên những tàu lá hẹ uốn cong xanh biếc. Cải bẹ giống đã ra ngồng và trổ hoa. Hoa cải từng chùm vàng tươi, vàng óng. Lũ bướm vờn quanh. Tôi nghĩ lan man: "Sao lũ bướm hiền lành và dịu dàng thế?".

Cuối vườn là cái ao nhỏ, rộng $8m^2$, sâu độ 1m. Có tường xây bao quanh. Có ba tấm xi măng đúc làm cầu ao. Nước ao trong vắt, soi rõ bóng mây trời. Sóng gợn lăn tăn, làm cho ánh xuân cứ tan ra rồi tụ lại rất đẹp. Tôi vẫn ra ngồi trên bờ ao học bài hay đọc sách và ngắm trăng.

Tôi cứ tha thẩn dạo khắp vườn. Màu xanh của cây lá, rau cỏ. Hương sắc của các loài hoa. Tiếng hót của đàn chim. Tiếng gió reo, nắng reo. Đi giữa vườn xuân, lòng tôi thanh thản lại, tâm hồn nhẹ thênh thênh. Tôi thấy yêu mảnh vườn của ông bà, bố mẹ hơn bao giờ hết. Mùa khế ngọt năm nay, tôi lại mời cái Huệ, cái Hằng, cái Hường,... đến chơi vườn và cùng nhau ăn khế.

Nguyễn Thị Duyên – 6E
Trường THCS Đông Sơn – Thanh Hoá

63 - ĐỀ BÀI:

Hãy tả một cảnh đẹp mùa xuân đã trở thành một mảnh tâm hồn em

Bài làm

Mùa xuân về với vườn hoa

Lại một mùa xuân đẹp thời thiếu nữ. Tôi vui sướng chào đón mùa xuân quê hương. Làng tôi mấy năm nay đã trở thành một làng hoa.

Mùa nào quê tôi cũng ngọt ngào màu xanh của cây lá, của nhiều thứ rau tươi, nhưng đẹp nhất, đậm đà nhất là vườn tược gia đình nào cũng có sắc hương trăm loài hoa đua nở khi xuân về. Làng tôi, hoa nở quanh năm. Nhưng chỉ có mùa xuân thì hoa mới nhiều, mới rực rỡ và ngát hương. Chợ hoa lúc nào cũng nườm nượp người mua bán. Nhiều ô tô chở hoa đi đến các tỉnh xa.

Mùa xuân là mùa hoa. Hình như trăm loài hoa đua sắc khoe hương để mừng đón Chúa Xuân. Dưới ánh hồng bình minh, vườn hoa nào cũng tưng bừng diễn ra cuộc thi hoa hậu. Ngày nào cũng thế, cuộc thi kéo dài từ mờ sáng đến thâu canh. Giữa vườn khuya, nguyệt quế bừng nở, năm cánh trắng phau, tỏa hương nồng nàn. Hoa chúm chím, cánh hoa đượm sương, long lanh dưới ánh trăng nguyên tiêu càng thêm phần quyến rũ.

Bướm trắng, ong vàng kéo lũ lượt đến vườn xuân từ sáng tinh mơ để ngắm các cô nàng yêu kiều, xinh tươi trong cuộc thi hoa hậu. Hoa hồng có hàng chục loại kiêu sa, đỏ rực, thơm ngát. Hoa huệ khiêm nhường, tỏa hương mát dịu, trinh trắng. Hoa thược dược vàng tươi, đỏ tía, lộng lẫy một góc vườn. Vương giả chi lan ngự trong những chậu men sứ, lúc nào cũng tưởng như mỉm cười, ửng lên cặp má hồng. Nhiều loài hoa mới nhập giống từ Đà Lạt mang ra. Trăm loài hoa, nghìn loài hoa, lạ lắm, đẹp lắm, tươi xinh, hớn hở. Gió xuân vuốt ve từng khóm lá, từng bông hoa. Bướm nhởn nhơ bay, vương vấn giữa ngàn hoa. Ong vù vù đôi cánh, đa tình rạo rực. Mấy chú cóc như những hòn bi xanh lấp ló dưới gốc hải đường, tưởng như đang bâng khuâng nhìn trời, đang ngắm hoa và bình phẩm. Chim sâu kêu *"chích chích"*, chích chòe *"chèo chẹt"*,... ở khắp góc vườn. Tất cả như những khán giả nhiệt thành và vô tư.

Mỗi ngày trôi qua, hoa xuân nở một nhiều. Làng hoa giàu lên trông thấy. Biệt thự đua nhau mọc lên. Làng tôi trở thành nổi tiếng gần xa.

Đi giữa vườn xuân mỗi sớm mỗi chiều, tôi thấy hồn mình lâng lâng trẻ lại. Hương hoa đậu lại trong hồn, quyện vào mái tóc. Tôi đến trường, đi ra phố như mang theo hương hoa.

Hoa nở rồi tàn. Hoa nối tiếp, đua nở. Mùa xuân đi rồi mùa xuân trở lại. Nhưng hoa xuân, vườn xuân sẽ còn mãi với đời. Hoa hậu của vườn xuân. Hoa hậu của cuộc đời đẹp mãi.

(*Hoa hậu vườn xuân* - Lê Thu An)

64 - ĐỀ BÀI:

Tả một cảnh đẹp quê hương thân yêu của em

Bài làm

Hà Lũng - làng hoa miền biển

Hà Lũng là làng hoa nổi tiếng lâu đời của thành phố Hải Phòng quê hương. Làng hoa ở phía đông bắc, cách trung tâm thành phố vài dặm đường. Em đã được mấy lần theo mẹ đến thăm làng hoa.

Đường làng thẳng tắp và rất sạch. Mái ngói ***đỏ tươi san sát***. Gia đình nào cũng có một, hai sào vườn trồng rau và hoa. Những luống rau ***xanh rờn***, mùa nào thức ấy. Hoa và rau được trồng vào những luống ***vuông vắn***, đất mịn tơi, chạy dọc ngang trông rất thích mắt.

Hoa dơn, lá *xanh biếc* nhọn hình lưỡi kiếm; màu hoa *phớt hồng, tím thẫm trắng ngà* hoặc *đỏ thắm*. Thược dược *vàng óng, đỏ tươi* nở xòe; nụ hoa *tim tím* như những chiếc khuy ngọc *rung rinh*. Hà Lũng nổi tiếng về hoa huệ. Những ngày mồng một, ngày rằm, huệ được cắt đem bán đầy chợ. Cành và lá huệ *xanh lam* như màu men ngọc. Búp huệ *thon thon, xinh xinh, trắng nõn nà*, tỏa hương thơm tinh khiết, *nhè nhẹ* làm *ngây ngất* hồn người. Hoa nhài *trắng muốt*, cúc đại đóa *vàng tươi*, trà mi *đỏ thắm*, hoa hồng Đà Lạt quý phái *đỏ rực* cả vườn hoa. Bao nhiêu là hoa quý. Những cô bướm cánh *sặc sỡ*, những chú ong cần mẫn *chập chờn* bay lượn, *quấn quýt* trên ngàn hoa, từ sớm tinh mơ đến chiều tà ngả bóng.

Cô gái làng hoa *duyên dáng*, xinh đẹp. Trông các cô *cần mẫn* đi lại bên các luống hoa mỗi sáng mỗi chiều, ta mới thấy cuộc đời thật đáng yêu.

Hà Lũng làm cho thành phố miền biển này thêm đẹp. Đến thăm làng hoa, trong hương sắc *rực rỡ* và *ngào ngạt*, ai cũng thấy tâm hồn *thư thái, lâng lâng*. Mẹ em bảo: Cuộc đời không thể thiếu hoa. Mai này, dân giàu, nước mạnh, Hải Phòng sẽ mọc thêm nhiều làng hoa nữa...

65 - ĐỀ BÀI:

Hãy miêu tả một cảnh đẹp khi xuân về

Bài đọc tham khảo

Xuân về bên sông Lương

Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. Mùa xuân đã điểm các chùm hoa đỏ mọng lên những cành cây gạo chót vót giữa trời và trải màu lúa non sáng dịu lên khắp mặt đất mới cách ít ngày còn trần trụi đen xám. Trên những bãi đất phù sa mịn hồng mơn mởn, các vòm cây quanh năm xanh um đã dần dần chuyển màu lốm đốm, như được rắc thêm một lớp bụi phấn hung hung vàng: các vườn nhãn, vườn vải đang trổ hoa. Và hai bên ven con sông nước êm đềm trong mát, không một tấc đất nào bỏ hở. Ngay dưới lòng sông, từ sát mặt nước trở lên, những luống ngô, đỗ, lạc, khoai, cà... chen nhau xanh rờn phủ kín các bãi cát mùa này phơi cạn.

Mùa xuân đã đến. Những buổi chiều nắng ấm, từng đàn chim én từ dãy núi biếc từ đằng xa bay tới, lượn vòng trên những bến đò, đuổi nhau xập xè chung quanh những mái nhà tỏa khói. Những ngày mưa phùn, người ta thấy trên những bãi sỏi dài

nổi lên đây đó giữa sông, những con dang, con sếu cao gần bằng người, không biết từ đâu về, theo nhau lững thững bước thấp thoáng trong bụi mưa trắng xóa. Có những buổi cả một quãng sông phía gần chân núi bỗng rợp đi vì hàng nghìn đôi cánh của những đàn sâm cầm tới tấp sà xuống, chẳng khác nào từng đám mây bỗng rụng xuống tan biến trong các đầm bãi rậm rạp lau sậy.

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa đổi mới, tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà sinh sôi nẩy nở với một sức mạnh không cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng cựa mình vì một lá cỏ non vừa xòe nở, hình như mỗi giọt khí trời cũng rung động không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay...

(*Vỡ bờ* - Nguyễn Đình Thi)

66 - ĐỀ BÀI:

Hãy giới thiệu một số hương vị đậm đà nơi quê mẹ đất cha mà em mang nặng trong lòng mình

Bài đọc tham khảo

Hương vị quê nhà

Cũng vào khoảng cuối tháng ba, các cây sầu đâu mọc ở các vùng quê Bắc Kì đâm hoa và người ta thấy hoa sầu đâu nở như cười. Hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen, nở từng chùm, đu đưa như đưa võng mỗi khi có gió. Có người cho hoa đó là một thứ hoa không vương giả như hoa đào, phong lan, mai mận,... Nhưng các cụ thực biết thưởng hoa lại quả quyết không có một loài hoa nào thơm một cách chân thật, quê mùa như thế.

(...) Hỡi người du khách đa xuân tứ! Tôi đố anh nhìn thấy những cái cây mảnh mai yểu điệu mang từng chùm hoa diễm kiều như thế mà lại không dừng chân đứng lại! Tự nhiên anh thấy tim anh nhoi nhói.

Ở đời, thỉnh thoảng ta lại có cảm giác như thế mỗi khi sung sướng quá, mỗi khi yêu nhiều quá. Yêu hoa sầu đâu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sầu đâu ở quê hương ta không biết mấy mươi! Người mắc bệnh lưu lí đã xa cách phần tử mấy chục năm rồi mà lạ thay sao cứ đến tháng ba, nhớ đến sầu đâu mình vẫn cảm như thấy thoang thoảng đâu đây một mùi thơm mát mẻ, dịu dàng, mát mẻ còn hơn cả hương cau, mà dịu dàng có khi hơn cả mùi thơm hoa mộc! Mùi thơm huyền diệu đó hòa với mùi của đất ruộng cày vỡ ra, mùi dậu đã già mà người nông phu đi hái để đem về phơi nắng, mùi mạ non lên sớm xanh màu hoa lí và đẹp như những bức tranh lập thể, mùi khoai sắn, mùi rau cần ở các ruộng xâm xấp nước đưa lên... bao nhiêu thứ đó, bấy nhiêu thương yêu... có phải đã có một lúc anh cảm thấy như ngây ngất, như nhức đầu, như say một thứ men gì phải không ?

(...) Giữa bầu không khí thơm ngát hương sầu đâu ấy, anh thử bảo người nhà hái về mấy ngọn rau cần đầu mùa, nấu một bát canh với tôm he mà ăn với chén cơm gạo vàng xem có phải anh thấy đúng in những cảm giác đó không ? Rau cần là một thứ rau rẻ tiền cấy trong ao, cứ đến giữa tháng ba thì tốt lá, dài rễ, nhổ lên ăn ngay thì ngọt lừ, khó có thứ rau nào sánh kịp. Nếu nấu canh mãi chán, anh có thể xào rau cần với huyết heo, thịt bò. Rau cần, với cải bắp, cho một ít rau răm vào, muối xổi, lấy ra ăn với thịt đông hay kho tầu, nó lạ miệng và có khi thú hơn cả dưa cải nữa... Nhưng

ăn cháo ám mà không có rau cần thì... hỏng, y như thể là vào một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.

Tháng ba mà không có những ao rau cần xanh ngăn ngắt, tươi hơn hớn không phải là tháng ba Bắc Việt.

"Gió xuân mơn cánh hoa đào,
Mưa xuân phấp phới trên ao rau cần".

Ấy, đất nước này chỉ đẹp giản dị thế thôi, hiền lành thế thôi, ai muốn nói thế nào thì nói chớ dân nước chúng tôi vẫn nhận là đẹp nhất thế giới, đáng yêu nhất trần hoàn. Đố ai chê được! Đố ai cướp được!

(*Thương nhớ mười hai* - Vũ Bằng)

67 - ĐỀ BÀI:

Hãy tả một cảnh biển đẹp từng làm em xúc động

Bài đọc tham khảo

Biển đẹp

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.

Lại đến một buổi chiều gió đông bắc vừa dừng. Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên.

Rồi ngày mưa rào. Mưa dăng dăng bốn phía. Có quãng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu: xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc... Có quãng biển thâm sì, nặng trịch. Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bối hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.

Có buổi sớm nắng mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy núi xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời.

Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những núi xa lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lăn tăn như bọt phấn trên da quả nhót.

Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh chai. Núi xa tím pha hồng. Những con sóng nhè nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào.

Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ chỗ. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui.

Thế đấy, biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời ầm ầm giông gió, biển đục ngầu, giận dữ... Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng. Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. Nhưng có một điều ít ai chú ý là: vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc ấy phần rất lớn là do mây, trời và ánh sáng tạo nên.

(*Hoa nắng* - Vũ Tú Nam)

68 - ĐỀ BÀI:

Tả cảnh núi rừng hùng vĩ của quê hương, đất nước em

Bài đọc tham khảo

Lào Cai đáng quý đáng mến lắm chứ anh

Từ Hà Nội ngược quốc lộ 6 là đi thẳng tới Điện Biên. Vui chân, ta hãy đi thẳng luôn sang Lai Châu, qua Phòng Tô, qua Bình Lư, qua Sa Pa, qua Lào Cai... Ta đã đến và sống giữa lòng Tây Bắc rồi đó. Tuy còn lắm đèo, nhiều dốc nhưng đường lên Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai ngày nay đã bớt ngại ngùng cho du khách gần xa.

Buổi sáng vượt sông Đà đến non trưa qua sông Hồng thì chiều tà, xe đã tới Lào Cai phố. Nắng chiều nhuộm tía cả mấy ngọn núi lam Ngũ Chỉ Sơn đang như cái bàn tay Lào Cai xòe đủ năm ngón mà chào khách từ xa lại. Chao ơi, chỉ trong một ngày mà vượt qua hai con sông hùng vĩ của miền Bắc; qua đất Tam Đường núi nhú nhú lên như 99 cái banh bao tày đình; qua cánh đồng Bình Lư mà ao nhớn ao con là 99 cái đĩa đựng tài báo; băng qua chân dãy Pu Cam Cáp ngọn lênh khênh trên trời Tây Bắc; rồi là lọt vào trận địa tiền tiêu của sơn hệ Hoàng Liên hiểm trở, và chọc thủng xong mấy dặm sương mù buốt óc, thì lồ lộ bên tay phải anh là đỉnh Phăng Xi Păng cao nhất Tổ quốc tươi đẹp ta đấy ! Lại mây Ô Quy Hồ đang đội mũ cho Phăng Xi Păng tuyệt đỉnh, và hết đèo Ô Quy Hồ thì qua khu thừa lương Sa Pa mà thẳng ruổi về thành phố biên phòng Lào Cai.

Lào Cai đáng quý đáng mến lắm chứ anh. Quả trái mấy mùa ở đây thường được liệt vào loại quý. Cảnh ở đây đẹp và tôn hơn bất cứ tranh vẽ ảnh chụp nào, và con người ở đây thì không phải là không có kẻ dữ, nhưng người hiền người tốt thì quả là tuyệt đại đa số. Công nghiệp hóa địa phương đã có nhiều hứa hẹn. Có lẽ vì thế mà trời đất đã biệt đãi Lào Cai những hai khu vực an dưỡng Sa Pa và Bắc Hà nức tiếng gần xa.

Sông Hồng bắt nguồn từ Vân Nam, nhập cảnh vào nước ta (...).Lào Cai là tỉnh được đăng kí hộ khẩu cho con sông lớn nhất miền Bắc. Lào Cai còn là nơi đột khởi một ngọn Phăng Xi Păng cao nhất nước. Từ thuở đầu dựng nước cho tới nay, chưa có tỉnh gần tỉnh xa nào phá được cái kỉ lục vươn cao 3142 thước tột đỉnh của Lào Cai. Sông thì đầu nguồn, núi thì tuyệt đỉnh, non nước Lào Cai thật đã chí tình.

Tôi có lóp ngóp lên tới tuyệt đỉnh Phăng Xi Păng rồi. Trên ấy, tuyệt đối không một con vắt, không một con muỗi, không một con ruồi. Không khí trong lành. Tốt giời thì đêm nhìn thấy quầng ánh sáng công nghiệp Việt Trì. Bụi thì hiếm mà trúc thì giống như cái phất trần và mặt núi thì như mâm xôi. Mâm núi nào, hoa đỗ quyên ngũ sắc cũng nở bạt ngàn. Tôi nghĩ rằng mâm núi đỗ quyên nở trên đỉnh Phăng Xi Păng đó là hoa dành cho đồng bào Lào Cai, những chủ nhân đáng quý đáng mến.

Nguyễn Tuân
(Lược trích bài tùy bút *Tây Bắc và Lào Cai*)

69 - ĐỀ BÀI:

Tả quang cảnh một đêm trung thu đẹp và vui mà em nhớ mãi.

Bài làm

Trung thu đến, đến thực sự rồi, trong sự chờ mong từng ngày từng phút của Hảo. Sao mà lâu, lâu quá. Lòng Hảo lâng lâng, nhẹ nhàng. Hảo hếch cái mũi hít thật

sâu mùi hương cốm mới thoang thoảng. Trung thu năm nay lạ lắm! Hảo không đón trăng, đón chú Cuội ở nhà với bố mẹ mà được về quê với bà, với bao nhiêu là anh chị.

Bà bảo trăng méo rồi trăng lại tròn nhưng Hảo chẳng thấy méo, cũng chẳng thấy tròn, trăng là quả chuối rồi biến thành quả bưởi của mâm quả đấy. Trung thu ở quê không có điện sáng trưng, chẳng có đèn nhấp nháy mà chỉ có ông trăng tròn, đẹp ơi là đẹp. Trời rộng mênh mông, rộng hơn cả cái sân gạch nhà bà. Trăng lên rồi trăng lại lên, Hảo thấy trăng bay bay trên trời. Các bạn trong quê ùa ra kéo Hảo đến xếp cỗ rằm. Kia là con cún bông trắng xoá làm bằng tép bưởi hé miệng cười với Hảo. Kia là Bu-ra-ti-nô, cái đầu bằng quả hồng này, cái thân bằng cam này, chân dài ngủng ngoẳng bằng hai thân mía dóc bé xíu này. Ô kia nữa là tháp mía cao chót vót, bông cúc làm nụ, bông ngô làm hoa, nở xoè trên đỉnh. Hảo thấy mình vui quá, thấy trăng đẹp quá và bạn bè đông quá. Chợt Hảo ngó quanh, nhìn lên nhìn xuống không thấy bánh nướng, bánh cá đâu. Trung thu ở thành phố chỉ toàn bánh nướng, bánh dẻo. Nho nữa cũng không thấy đâu cả. Hảo nhớ trung thu năm ngoái, Hảo còn đang ngắm trăng ở ti-vi, ăn những quả nho đen thẫm, ngọt lịm. Trung thu thì phải có bánh nướng chứ. Nhưng bao ngạc nhiên nghĩ ngợi bay hết đi, cô bạn hàng xóm tóc vểnh hai bên kéo Hảo chạy ùa quanh mâm cỗ. "Tùng dinh dinh...", Hảo thấy ai cũng cười toe toét, cả anh Hà, chị Hải của Hảo ghét giận nhau mà cũng nắm tay ca hát.

Trăng lên, mâm cỗ bừng sáng lên và đẹp hơn bao giờ hết. Trăng còn dính đầu ngọn tre lơ lửng giờ đã bay cao, cánh diều theo gió lượn theo trăng du dương tiếng sáo. Luỹ tre làng rì rào trong tiếng vui cười. Hương cốm thoang thoảng đâu đây với gió mát ùa vào mặt Hảo vừa thơm vừa mát. Ở quê không có đèn thỏ, đèn bướm, chỉ có đèn sao và đèn cá thôi. Cái gì đối với Hảo cũng mới, cũng lạ. Những chiếc đèn đưa lên đưa xuống, chao chao liệng liệng như bay làm Hảo thấy thích. Hảo cũng đánh trống bùng bùng cùng một đám trẻ con và tự nhiên Hảo cũng hát vang theo tiếng hát bạn bè.

Bỗng "Thùng thùng thùng thùng"... cả sân reo lên tiếng múa sư tử. Rồi Hảo thấy cái chị buồn cười mẹ gọi là ông địa quạt lung tung, thấy đuốc sáng chập chờn lên xuống, thấy cả đầu sư tử to, đuôi rất dài hai người cầm mới hết, múa lượn vòng quanh mâm cỗ. Trống vẫn giục giã, đuốc vẫn sáng phừng lên khi cái đầu sư tử thổi phù ra lửa. Tất cả đều vỗ tay rào rào và nhảy lên thích thú. Sư tử lại đi xa, trăng không còn như quả bưởi mà tròn hệt "cái mâm cỗ bán hàng" của Hảo. Hảo nhìn thấy chú Cuội, thấy chú đang ngồi dưới gốc cây đa vẫy tay cười như bảo Hảo cùng mọi người phá cỗ. Chú Cuội hôm nay cũng vui chứ không ỉu xìu như mọi ngày nữa. Tất cả cũng ca vang gọi chú Cuội về phá cỗ. Đèn sao được tắt đi để mình ông trăng rọi. Chưa trung thu nào Hảo vui như đêm nay. Hảo thấy trời rộng trăng tròn, thấy bao la mênh mông kỳ diệu, thấy mùi đòng đòng non sữa ngọt ngào, thấy bè bạn chan hoà thân ái.

Trung thu ơi! Sao Hảo yêu đến thế! Đồng quê ơi! Sao Hảo thương đến thế! Bạn bè ơi! Hảo yêu, yêu lắm! Hảo cắn một cái tai của chú cún bông mà thấy trăng trong tép bưởi. Hảo thấy cái Hoa, em mình đang giật chiếc mũi Bu-ra-ti-nô của bạn chun chun mũi cười. Nó cũng quên thành phố rồi.

Trịnh Hoài Thu – Lớp 6 Văn
Trường THCS Trần Phú - Hải Phòng

Phần thứ ba
VĂN CẢM THỤ, CẢM NHẬN TÁC PHẨM VĂN HỌC

70 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*".

Bài làm

Truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" qua mối tình Lạc Long Quân và Âu Cơ với bao yếu tố li kì đã giải thích một cách đầy thi vị nguồn gốc của dân tộc Việt Nam.

Lạc Long Quân là một vị thần thuộc nòi Rồng, con trai thần Long Nữ. Thần mình rồng, có sức khoẻ vô địch và có nhiều phép lạ, sống ở dưới nước, thỉnh thoảng mới lên cạn đi khắp đó đây. Thần đã trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh để bảo vệ dân lành. Thần đã dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi, cách ăn ở. Những kì tích đó của Lạc Long Quân đã phản ánh quá trình khai phá và mở mang đất nước của dân tộc.

Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, từ phương Bắc xa xôi đã tìm đến đất Lạc, nơi có nhiều hoa thơm cỏ lạ. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, rồi yêu nhau, nên vợ nên chồng, sống ở cung điện Long Trang.

Sau đó ít lâu, Âu Cơ có mang, rồi sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không bú mớm mà lớn nhanh như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần. Một thời gian sau, Lạc Long Quân đưa năm mươi người con xuống vùng biển. Âu Cơ đưa năm mươi người con lên núi, với lời ước hẹn "*khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau*". Đàn con toả ra khắp các nơi làm ăn và trấn giữ nước non.

Người con trai trưởng theo mẹ Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Con cháu truyền ngôi được mười mấy đời. Bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta - con cháu Vua Hùng thường nhắc đến nguồn gốc của mình là "*con Rồng, cháu Tiên*".

Từ cách giải thích nguồn gốc của dân tộc, truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" có ý nghĩa đề cao nguồn gốc dòng dõi của mình là vô cùng cao quý, thiêng liêng. Ý thức tốt đẹp đó được vun đắp và phát triển thành tinh thần tự hào dân tộc.

Truyện đã khẳng định mọi con người Việt Nam đều là anh em ruột thịt, anh em một nhà. Hai tiếng *đồng bào* (cùng chung một bọc) đã khơi dậy tình yêu thương, đoàn kết, gắn bó giữa những con người, giữa các dân tộc anh em trên khắp mọi miền đất nước Việt Nam yêu quý.

71 - ĐỀ BÀI:

Giải thích ngắn gọn 2 tiếng "*đồng bào*" và nêu ý nghĩa truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*"

Bài làm

Lạc Long Quân lấy Âu Cơ là một thiên diễm tình kì diệu. Cha Rồng mẹ Tiên nên mới có thể sinh ra được một cái bọc có một trăm trứng, nở ra một trăm đứa con xinh đẹp, tuấn tú, con cả là Hùng Vương. Hai tiếng "*đồng bào*" nghĩa là cùng chung một bọc, bắt nguồn từ sự tích thiêng liêng "*Con Rồng, cháu Tiên*". Nó nói lên mối

con người Việt Nam chúng ta đều cùng chung một cội nguồn, chung một dòng giống, cùng một huyết hệ vô cùng thân thiết. Hai tiếng *"đồng bào"* biểu lộ một cách chân thành tình yêu thương đoàn kết dân tộc.

Truyện *"Con Rồng, cháu Tiên"* là một huyền thoại tuyệt đẹp, giàu ý nghĩa. Nó giải thích, ca ngợi và khẳng định nguồn cội, dòng giống của con người Việt Nam ta là vô cùng cao quý (dòng giống Rồng Tiên). Truyện đã thể hiện một cách sâu xa niềm tự tôn tự hào dân tộc, khơi dậy tình yêu thương, đoàn kết dân tộc trong tâm hồn mỗi con người Việt Nam chúng ta. Nó nhắc nhở tình nghĩa đồng bào là tình nghĩa cốt nhục vô cùng cao cả thiêng liêng. Đúng như nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã viết:

... "Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ..."

(*Đất Nước* - Trường ca mặt đường khát vọng)

72 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ của em về truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"*

Bài làm

Thế giới thần linh cũng có ngôi thứ, vị thứ cao, thấp, trên, dưới, và được chia làm hai loại: *Phúc thần* và *hung thần*. Lạc Long Quân và Âu Cơ rất đẹp duyên, một bên là thuộc nòi Rồng, một bên thuộc dòng Tiên, một bên là trai tài có sức khỏe phi thường, nhiều phép lạ, một đằng thì xinh đẹp tuyệt trần. Lạc Long Quân lấp lánh chiến công huyền thoại: Diệt Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh và tiễu trừ nhiều loài yêu quái khác từng làm hại dân lành. Lạc Long Quân còn là vị thần của lao động và sự sống, Thần đã dạy dân trồng trọt, chăn nuôi, đánh cá, săn bắn... để xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Lạc Long Quân kết duyên cùng Âu Cơ là một cuộc tình duyên kì lạ, một thiên diễm tình. Âu Cơ đã đẻ ra một cái bọc trăm trứng, nở ra đúng một trăm người con tuấn tú, khôi ngô, xinh đẹp lạ kì. Sự tích trăm trứng là một huyền thoại vô cùng kì diệu biểu lộ biết bao tự hào về nòi giống. Hai tiếng *đồng bào* bắt nguồn từ sự tích thiêng liêng ấy. Tình tiết năm mươi người con theo cha xuống biển, năm mươi người con theo mẹ lên núi, chia nhau đi bốn phương trời lập nghiệp, trấn giữ bờ cõi xứ sở.

Truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" đã giải thích nguồn gốc giống nòi, biểu lộ niềm tự tôn tự hào dân tộc, khơi dậy tình yêu thương đoàn kết dân tộc, khẳng định nghĩa *đồng bào* vô cùng cao cả thiêng liêng. Cuộc đời và chiến công của Lạc Long Quân, chuyện sinh nở kì lạ của Âu Cơ với cái bọc *trăm trứng* đã tạo cho truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" một màu sắc huyền thoại, diễm lệ.

73 - ĐỀ BÀI:

Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về truyền thuyết *"Bánh chưng, bánh dày"*

Bài làm

1. Trong truyện cổ dân gian, sự xuất hiện của Thần, Tiên, Bụt, Phật,... đã tạo nên yếu tố hoang đường, yếu tố kì diệu. Những nhân vật siêu nhiên ấy nhằm giúp đỡ, độ trì người nghèo, bênh vực kẻ yếu, ban phép lạ cho người tốt, trừng phạt bọn xấu xa, gian ác trong cuộc đời.. Truyện cổ *"Sự tích bánh chưng, bánh dày"* cũng có nhân vật Thần. Thần xuất hiện trong giấc mộng, mách bảo cho Lang Liêu làm bánh để lễ Tiên Vương. Nói rằng: *"Nhờ có Thần mách bảo mà Lang Liêu mới được nối ngôi vua"* tuy đúng, nhưng chưa thật đầy đủ. Chưa thật đầy đủ ở điểm nào? Vì ý kiến ấy chưa đề cập đến yếu tố con người, vai trò con người. Đó là Lang Liêu và nhà vua.

Lang Liêu là một ông hoàng *"chỉ chăm lo việc đồng áng trồng lúa, trồng khoai..."*. Đó là một ông hoàng giàu nhân đức, rất cần cù, sống gần dân, biết trọng nghề nông là nghề căn bản của dân tộc. Ông mồ côi mẹ, một ông hoàng bị *"lép vế"* trong hoàng tộc nên mới được Thần hiến kế và độ trì. Chuyện kể Lang Liêu gặp Thần trong giấc mộng, có nghĩa là Lang Liêu được lòng dân, bởi lẽ: *"Thần bảo như nhân bảo"*.

Lang Liêu là một con người rất sáng tạo. Thần chỉ nói về giá trị của gạo, và mách bảo Lang Liêu nên lấy gạo để làm bánh, chứ không chỉ vẽ cách thức cụ thể làm bánh ra sao. Thế nhưng Lang Liêu đã biết lấy gạo nếp đem vo sạch, lấy đỗ đem ngâm đãi sạch vỏ và thịt lợn làm nhân, lấy lá dong gói thành bánh hình vuông đem nấu chín; biết đồ gạo nếp, giã nhuyễn, nặn thành hình tròn. Lang Liêu đã sử dụng chất liệu hương vị sẵn có của nhà nông, của quê hương xứ sở, sáng tạo thành hai thứ bánh rất ngon. Chàng rất xứng đáng nhận mọi phần thưởng cao quý.

2. Bánh của Lang Liêu sáng tạo nên không chỉ ngon mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu xa, tốt đẹp. Bánh dày tượng Trời; bánh chưng tượng Đất. Thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài. Có thể nói đó là sự hòa hợp giữa con người với đất trời, thiên nhiên tạo vật. Lá dong bọc ngoài, mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Vua Hùng qua chiếc bánh chưng xanh gói bằng lá dong mà nêu cao bài học thương yêu đoàn kết. Nhà vua ngầm nhắc các hoàng tử và quần thần bài học giữ nước. Bánh chưng bánh dày với biểu tượng cao quý ấy đã thể hiện cái tâm và cái tài, nhất là lòng trung hiếu của Lang Liêu. Lang Liêu đã làm vừa ý vua cha, biết nối chí vua cha, xứng đáng được vua Hùng truyền ngôi báu, có Tiên Vương chứng giám.

3. Truyện cổ tích này đã giải thích nguồn gốc và tính nhân văn của bánh chưng, bánh dày. Truyện đã biểu lộ niềm tự hào về một nét tuyệt đẹp: hương vị của đất nước ta rất phong phú, hương vị Tết cổ truyền dân tộc rất đậm đà. Và đó chính là bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa, nền văn hiến Việt Nam.

Sâu xa hơn nữa, *"Sự tích bánh chưng, bánh dày"* còn thể hiện ý thức lấy nước, lấy dân làm gốc, coi trọng nghề nông, quý hạt gạo, biết ơn tổ tiên, kính Trời, Đất với tất cả tấm lòng hồn hậu, chân thành của con người Việt Nam chúng ta.

Lê Thị Lành – Lớp 8B
(Trường THCS, quận Lê Chân, Hải Phòng)

74 - ĐỀ BÀI:

Phân tích ý nghĩa truyền thuyết "*Bánh chưng, bánh dày*"

Bài đọc tham khảo

Cả hai thứ bánh đều là đặc sản của đất nước ta. Theo tục lệ thì ngày Tết là dịp trang trọng nhất trong năm nên mới có tục lệ gói bánh chưng, bánh dày. Mới đọc qua tưởng chừng như truyện kể này chỉ giải thích nguồn gốc hai thứ bánh, giải thích hình dáng của chúng (bánh chưng vuông, tượng trưng cho đất; bánh dày tròn, tượng trưng cho trời. Trời tròn, đất vuông). Gói bánh chưng, làm bánh dày để cúng trời đất, tổ tiên là có ý nghĩa nhất.

Nhưng đọc kĩ, chúng ta có thể đặt câu hỏi: "*Tại sao vua Hùng truyền ngôi mà không chọn người tài giỏi nhất trong hai mươi người con, để trị vì đất nước, đem thái bình thịnh trị cho muôn dân mà lại tìm người làm được mâm cao cỗ đầy, có món ăn quý, vừa ý Ngài?*".

Trong mấy anh em thì hoàng tử mười tám, Lang Liêu là thiệt thòi nhất. Mồ côi mẹ sớm, sống cô đơn, không ai bày vẽ, Thua là cái chắc! Buồn bã, ban ngày suy nghĩ nên ban đêm ngủ nằm mơ thấy một vị Thần trên trời xuống mách nước cho. Hãy chú ý lời Thần nói:

"*...Của quý nhất trần gian không có gì bằng hạt gạo*". Rồi Thần bày cho cách gói bánh nếp, nhân thì bằng đậu xanh với thịt mỡ, đùm lá dong. Toàn là những thứ có sẵn, nhưng đạm bạc, quê mùa, làm sao sánh được với các món "*nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê*" mà các vị hoàng tử khác đưa tới.

Ấy thế mà Vua cha lại cho các món cao lương mĩ vị kia không "*ngon*" bằng các thứ bánh "*đạm bạc, quê mùa*" của Lang Liêu. Rồi chọn Lang Liêu nối ngôi.

Hãy lắng nghe lời Vua cha phán:

"*...Hai thứ bánh này bày tỏ được lòng hiếu thảo của con cháu, tôn ông bà tổ tiên như Trời Đất. Nó chứa đầy tình quê hương, đồng ruộng, bởi nó làm bằng những hạt ngọc quý nhất của Trời Đất, và những hạt ngọc ấy, mọi người đều làm ra được. Chẳng phải đó là những món ăn ngon nhất, quý nhất để ta dâng cúng tổ tiên hay sao?*".

Như vậy là rõ. Ý Vua cha giống với ý của Thần trong mộng! Truyền ngôi cho Lang Liêu, Vua cha muốn phát triển nghề trồng trọt và chăn nuôi. Đó là cách làm cho dân giàu nước mạnh hiệu quả nhất.

Gs. Vũ Ngọc Khánh
(*Bình giảng Thơ ca - Truyện dân gian*)

75 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyền thuyết "*Thánh Gióng*"

Bài làm

Truyền thuyết Thánh Gióng xuất hiện từ thời các Vua Hùng và được nhân dân ta truyền tụng từ đời này qua đời khác đến tận bây giờ.

Đây là một truyền thuyết vào loại hay nhất diễn tả lòng yêu nước của dân tộc ta. Tình yêu đất nước là một tình cảm thiêng liêng của mỗi người dân nước Việt

chúng ta. Tình cảm đó được nảy nở từ lâu đời, từ rất xa xưa. Dân ta yêu nước nên khi có giặc xâm lược, ai cũng muốn chống giặc để cứu nước. Mà khi đứng lên bảo vệ đất nước, ai cũng cảm thấy mình như lớn lên, mạnh thêm. Và khi đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, con người lại trở về cuộc sống những ngày trước đó. Thánh Gióng là hình ảnh tiêu biểu cho nhân dân ta, là hình tượng người anh hùng đánh giặc giữ nước đầu tiên trong lịch sử nước ta. Câu chuyện diễn biến theo mấy bước chính như sau: Thánh Gióng sinh ra thật kì lạ; Thánh Gióng nhận đi đánh giặc và lớn vụt lên thật kì lạ; Thánh Gióng đánh giặc và khi dẹp xong giặc thì bay lên trời cũng rất kì lạ; Dấu tích còn lại đến giờ.

Ngày xưa, nhân dân ta quan niệm rằng, anh hùng phải là người phi thường, có tài như thần thánh, là người do Trời sai xuống giúp đỡ... Do đó dân gian tưởng tượng ra chuyện Gióng được sinh ra một cách kì lạ: mẹ Gióng có thai do "*ướm chân mình vào vết bàn chân khổng lồ*", mẹ Gióng mang thai không phải là chín tháng mười ngày như mọi phụ nữ khác mà là mười hai tháng; Gióng ba tuổi nhưng không biết nói, không biết cười, không biết đi... Quả là rất phi thường, rất bí ẩn.

Thực ra Gióng không phải là đứa trẻ tật nguyền. Ba năm không nói năng chi nhưng lời nói đầu tiên của Gióng là lời nói yêu nước; còn đang nằm ngửa mà đòi có áo giáp sắt, ngựa sắt, roi sắt để đánh giặc! Trong khi chờ đợi thì lớn nhanh như thổi: "*Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ*". Dân gian truyền tụng rằng: ăn thì "*bảy nong cơm với ba nong cà*"; uống thì "*uống một hơi, nước cạn đi khúc sông*". Vậy là Gióng cũng được nuôi dưỡng bằng cơm, gạo, những thứ vẫn nuôi sống con người. Gióng không hề xa lạ với nhân dân. Gióng là con em của nhân dân. Gióng ăn nhiều, ăn khoẻ phi thường như vậy là để cho mau lớn. Phải lớn nhanh thì mới kịp đi cứu nước được chứ. Việc cứu nước là rất hệ trọng và cấp bách nên càng thôi thúc Gióng phải lớn thật nhanh. Mà Gióng lớn không chỉ do sự nỗ lực của mình mà còn nhờ sự chăm bẵm của toàn dân. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh của cộng đồng. Gióng tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân.

Khi sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến nhà, Gióng mới "*vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt*". Dân gian kể rặng: ngựa của Gióng phun ra lửa, thiêu cháy bao quân giặc; ngọn roi của Gióng làm quân giặc chết như ngả rạ, ai cũng theo Gióng đi đánh giặc - từ quân đến dân, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà... Roi sắt gẫy, Gióng nhổ tre bên đường để đánh giặc. Cây tre quê hương lúc đó cũng lập công cùng con người. Gióng đã đánh giặc bằng sức mạnh kì diệu của sắt, bằng tất cả những gì mà quê hương đất nước ban cho.

Giặc tan, đến chân núi Sóc, Gióng trút bỏ bộ áo giáp sắt rồi "*cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*", biến mất. Thật là kì lạ và cũng là cao cả : Gióng là bậc Thánh nên đánh giặc xong, cứu được sinh linh phải bay về trời, mới xứng. Vua phong là "*Phù Đổng Thiên Vương*" ý muốn nói Gióng là người nhà Trời. Đó là cách nghĩ của người xưa, là ý tưởng của người xưa gửi gắm vào hình tượng nghệ thuật của Thánh Gióng.

Đến nay, ở huyện Sóc Sơn (ngoại thành Hà Nội) vẫn còn đền thờ Thánh Gióng. Ngày hội làng - Hội Gióng hằng năm, nhân dân vẫn biểu diễn mô phỏng cách đánh giặc ngày xưa. Nhân dân vẫn tin rằng : những bụi tre cháy, những vết chân ngựa lún thành hồ ao là có thật cốt để chứng minh lòng yêu nước của nhân dân ta có từ ngàn xửa ngàn xưa.

Thánh Gióng là một truyền thuyết lịch sử. Nhân vật Thánh Gióng không phải là một người anh hùng bằng xương bằng thịt. Đó là một hình tượng nghệ thuật do nhân dân ta tưởng tượng ra, là sự kết tinh của truyền thống vừa dựng nước vừa đấu tranh giữ nước từ thời các Vua Hùng. Nó thể hiện ước mơ của nhân dân ta về một sức mạnh phi thường để có thể chống trả mọi kẻ thù xâm lược, đồng thời cũng nói lên tình cảm yêu quý, trân trọng của nhân dân đối với những người con anh hùng đã có công với dân với nước.

Nguyễn Kim Phong
(*Bình giảng Văn học lớp 6*)

76 - ĐỀ BÀI:

Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyền thuyết *"Thánh Gióng"*

Bài làm

Truyện cổ dân gian Việt Nam vô cùng phong phú, mang vẻ đẹp nhân văn tuyệt vời. Câu chuyện, cảnh vật, con người... được nói đến trong truyện cổ dân gian rất gần gũi, thân thiết với cuộc sống vật chất và đời sống tâm hồn của mỗi con người Việt Nam chúng ta. Truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cười, truyện ngụ ngôn,... mỗi truyện có một sắc thái riêng, ý vị riêng, thật đáng yêu và đáng nhớ.

"Thánh Gióng" là một trong những truyện cổ phản ánh sức mạnh Việt Nam từ thuở bình minh dân tộc vào đời Hùng Vương thứ 6. Đúng như có ý kiến đã cho rằng:

"Thánh Gióng là một truyện cổ tràn đầy tinh thần yêu nước và hình tượng nghệ thuật tuyệt đẹp".

1. Truyện *"Thánh Gióng"* tràn đầy tinh thần yêu nước - Đất nước Văn Lang thân yêu bị giặc Ân xâm lăng. Thế giặc như sóng dữ tràn tới. Làng xóm ta bị giặc đốt phá. Nhân dân ta bị giặc tàn sát dã man. Nhà vua kêu gọi các bậc hiền tài ra đánh giặc cứu nước. Mới lên 3 tuổi, Gióng đã ngồi dậy ứng nghĩa, đáp lời kêu gọi của non sông. Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói yêu nước, nêu cao khí phách anh hùng, quyết tâm đánh giặc, đền ơn vua trả nợ nước. Một tiếng nói vang dội núi sông đến muôn đời:

"Nhà ngươi hãy về tâu với Đức vua đúc cho ta một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt, một áo giáp sắt, ta sẽ đánh tan lũ giặc này!".

Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi, ăn bao nhiêu cũng không no, áo mới may mặc vào đã chật. Nhà mẹ Gióng rất nghèo. Cả làng thương Gióng, bà con đem cơm gạo, lụa vải đến để nuôi Gióng. Tình tiết ấy nói lên khi Tổ quốc lâm nguy, nhân dân ta đoàn kết một lòng, đem nhân tài, vật lực ra đánh giặc cứu nước.

Trên chiến trường, Gióng thúc ngựa sắt xông vào lũ giặc. Ngựa sắt phun lửa. Gióng vung roi sắt đánh cho giặc Ân tơi bời, kinh hồn bạt vía! Như câu ca còn lưu truyền:

"Đứa thì sứt mũi, sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà".

Roi sắt gãy khi trận đánh đang diễn ra ác liệt. Gióng mưu trí nhổ tre làm vũ khí quật vào quân cường bạo. Giặc chết như ngả rạ. Gióng đã biến cái gốc tre bình dị thành vũ khí vô cùng lợi hại để tiêu diệt quân xâm lược.

Hình ảnh người con trai làng Gióng xông pha giữa rừng tên mũi giáo của giặc Ân, lúc thì vung roi sắt đánh giặc, lúc thì nhổ tre quật giặc đã thể hiện tinh thần chiến

đầu quả cảm, mưu trí vô song và sức mạnh vô địch của người anh hùng dân tộc trong buổi đầu dựng nước và giữ nước.

Đánh tan giặc, Gióng cùng ngựa sắt bay về trời. Vua sai lập đền thờ, truy phong Gióng là Phù Đổng Thiên Vương. Sự việc ấy nói lên Thánh Gióng là một anh hùng bất tử được nhân dân ta đời đời ngưỡng mộ và biết ơn.

Có thể nói, chàng trai làng Gióng là một anh hùng thần thoại, cuộc đời lấp lánh chiến công. Truyện *"Thánh Gióng"* mãi mãi là bài ca yêu nước thể hiện sức mạnh quật khởi của dân tộc ta.

2. *"Thánh Gióng"* là một truyện cổ thần kì có hình tượng nghệ thuật tuyệt đẹp. Từ cái dấu chân người khổng lồ trên ruộng cà đến cái vươn vai của chú bé làng Gióng thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt đã thể hiện hào hùng bước đi lên của lịch sử dân tộc và sức mạnh vươn mình của đất nước ta trước họa xâm lăng. Ngựa sắt phun lửa, hí vang trời. Gióng vung roi sắt đánh giặc, nhổ tre quật vào đầu giặc tơi bời, truy kích đến chân núi Sóc Sơn thì giặc tan. Gióng cởi áo giáp sắt mắc lên cành cây. Gióng cùng ngựa sắt bay lên trời. Những hình tượng ấy rất thần kì, tuyệt đẹp nói lên trí tưởng tượng kì diệu ca ngợi tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta.

Truyện *"Thánh Gióng"* không chỉ có hình tượng tuyệt đẹp, mà còn tràn đầy tinh thần yêu nước. Hình tượng Thánh Gióng đánh giặc và thắng giặc tượng trưng cho lòng yêu nước mãnh liệt và sức mạnh anh hùng quật khởi của đất nước và con người Việt Nam chúng ta.

Truyện *"Thánh Gióng"* bồi đắp tâm hồn tuổi thơ niềm tự hào dân tộc. Thánh Gióng đã đem đến cho ta giấc mơ đẹp:

"Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân
Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa
Nhổ bụi tre làng, đuổi giặc Ân!".

(Tố Hữu)

77 - ĐỀ BÀI:

Phát biểu cảm nghĩ về truyện *"Ông Gióng"*

Bài đọc tham khảo

Câu chuyện về Phù Đổng Thiên Vương, chúng ta đã biết nhiều. Sách cũng đã kể lại đầy đủ. So với nhiều truyện dân gian khác thì truyện này cũng có nhiều chi tiết rất đặc sắc, gây nhiều hứng thú, chúng ta nên chú ý các chi tiết ấy.

Gióng đã ba tuổi mà không biết nói, biết cười. Đó là một điều lạ. Vì tật nguyền chăng? Không phải! Khi nhà vua cần người cứu nước, ra lời kêu gọi thì Gióng nói được ngay. Tiếng nói được cất lên khi tình yêu nước giục giã. Thì ra là Gióng chờ đón tiếng gọi của non sông!

Gióng còn là đứa bé lên ba, nhưng khi dân mời ăn thì cậu ăn một lúc hết "*bảy nong cơm, ba nong cà*" rồi vươn vai thành người cao lớn. Chỉ có cơm cà mà cậu bé trở thành con người khổng lồ! Đó là tượng trưng sức mạnh tiềm tàng của dân tộc ta!

Gióng đánh giặc bằng roi sắt, ngựa sắt. Khi roi gãy, cậu nhổ cả luỹ tre lên, quật vào giặc. Như thế là ta đánh giặc cả bằng gươm dao, cả bằng gậy gộc. Tất cả mọi phương tiện ta có, ta đều dùng để chiến đấu. Gióng dùng tất cả mọi thứ xung quanh

mình làm khí giới chống quân thù. Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân kháng chiến cũng nói : "*Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc...*".

Thắng giặc rồi, Gióng không làm quan mà bay lên trời! Nghĩa là cậu chỉ làm nhiệm vụ cứu nước cứu dân mà thôi. Ở trên trời, cậu sẽ sống mãi với nhân dân, đất nước. Nhân dân ta mãi mãi nhớ thương và thờ phụng người anh hùng dân tộc ấy.

Ông Gióng quê ở làng Phù Đổng, tỉnh Bắc Ninh: Hằng năm, làng mở hội gọi là Hội Gióng. Cả nước đều về dự hội. Trong Hội Gióng, người ta tổ chức cả một cuộc diễn tập để ghi nhớ chiến công oanh liệt của ông Gióng. Trong hội này có nhiều thiếu niên tham gia chia ra hai phe "*quân áo đỏ*". "*quân áo xanh*"; có cảnh *vây bắt cọp*; có cảnh *bắt tướng giặc quỳ trước đền thờ*. Bài hát trong Hội Gióng có nhiều câu hay lắm :

Trời sai Thánh tướng giáng sinh,
Giáng về Phù Đổng ẩn hình ai hay,
Mới lên ba tuổi thơ ngây,
Roi sắt, ngựa sắt, ngày rày ra quân

G.s Vũ Ngọc Khánh
(*Bình giảng Thơ ca*- Truyện dân gian)

78 - ĐỀ BÀI:

Học thuộc lòng đoạn thơ *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"*.

Sơn Tinh Thủy Tinh

"...Trống lầu vừa mới tan canh,
Kiệu hoa đã thấy Sơn Tinh chực ngoài,
Ước sao lại cứ như lời,
Xe loan trăm cỗ, đưa người nghi gia.
Cung đàn tiếng địch xa xa,
Vui về non Tản, oán ra bể Tần.
Thủy Tinh lỡ bước, chậm chân,
Đùng đùng nổi giận đem ân làm thù.
Mưa tuôn gió thổi mịt mù,
Ào ào rừng nọ, ù ù núi kia.
Sơn thần hóa phép cũng ghê,
Lưới giăng sông Nhị, phên che ngàn đoài.
Núi cao sông cũng còn dài,
Năm... năm báo oán, đời đời đánh ghen..."

(Trích *Đại Nam quốc sử diễn ca*)

79 - ĐỀ BÀI:

Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyền thuyết *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"*.

Bài làm

Thời đại Hùng Vương còn lưu lại trong lòng người bao truyền thuyết độc đáo, kì thú. Tiêu biểu nhất là truyền thuyết *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"* mà hầu như người Việt Nam nào cũng nhớ, cũng biết. Hành động ghen của Thủy Tinh đã có câu ca ghi lại:

"Núi cao sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen".

(Ca dao)

Truyện gồm có hai phần: 1, vua Hùng thứ 18 kén rể, Sơn Tinh, Thủy Tinh cùng đến một lúc cầu hôn; và hai thần đã thi tài; 2, Sơn Tinh đã lấy được Mị Nương đưa về núi Tản Viên; Thủy Tinh đến chậm, mất người đẹp, đem quân dâng nước đánh Sơn Tinh để báo thù.

Phần thứ nhất vừa giàu kịch tính vừa thấm đẫm màu sắc li kì. Vua Hùng chỉ có một nàng công chúa xinh đẹp mà lại có hai thần cùng đến một lúc cầu hôn. Chuyện thi tài giữa hai kì phùng địch thủ tất sẽ diễn ra. Thủy Tinh đã hô mưa gọi gió, gây sấm sét đùng đùng, mây đen bao phủ đất trời... Sơn Tinh thì hóa phép chuyển đổi dời núi, và thần chỉ giơ cao gậy, tức thì mưa tạnh, sông lặng, trời trong... Cả hai thần đều tài giỏi cả. Vua Hùng chỉ còn một cách duy nhất để kén rể: *"Hễ đến ngày mai, thần nào mang sính lễ của lạ vật quý đến trước thì được làm lễ chạm mặt, ta khắc gả cho".*

Của lạ vật quý đối với hai thần chẳng khó khăn gì. Nếu Sơn Tinh có ngọc vàng châu báu, có voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,... thì Thủy Tinh cũng chẳng kém gì. Trân châu, đồi mồi, san hô, với bao giống tôm cá đặc biệt quý giá khác. Chỉ vì đến sau, chậm chân, chậm bước mà Thủy Tinh bị mất người đẹp. Thủy Tinh và Sơn Tinh đã trở thành tình địch bất cộng đới thiên. Tin vào sức mạnh, phép lạ, Thủy Tinh quyết đánh Sơn Tinh để báo thù, để giành lại Mị Nương. Thủy Tinh đã hành xử như một kẻ thất phu cường bạo nơi cõi trần.

Phần thứ hai của truyền thuyết càng trở nên hấp dẫn khi nói về chuyện hai thần đánh nhau. Thủy Tinh hóa phép gây ra mưa to, gió lớn, sấm sét ầm ầm, dâng nước đánh Sơn Tinh. Đoàn thủy quái đông đúc: thuồng luồng, cá sấu, ba ba, rắn rết... hàng ngàn, hàng vạn con xông lên. Mây đen bao phủ trời đất. Cả một vùng Phong Châu rộng lớn chìm trong biển nước. Sông Đà, núi Tản Viên trở thành bãi chiến trường. Sơn Tinh cùng bộ tướng, quân sĩ đóng cọc chắn sóng, ném đá, bắn nỏ, gõ cối, reo hò. Mưa gió tầm tã. Thủy Tinh dâng nước lên cao bao nhiêu thì Sơn Tinh hóa phép nâng núi lên cao bấy nhiêu! Nước sông Đà đỏ ngầu máu thủy quái, xác ba ba thuồng luồng nổi lên nhiều vô kể. Chi tiết này nói lên sức mạnh vô địch của Sơn Tinh và sự thất bại nặng nề của Thủy Tinh.

Đánh mãi không được, Thủy Tinh hậm hực rút quân về. Nhưng oán nặng thù sâu không thể quên được. Vì thế cứ đến tháng 7, tháng 8 âm lịch hằng năm, Thủy Tinh lại kéo đại binh lên Tản Viên đánh Sơn Tinh hòng giành lại người đẹp, và đã gây ra mưa to gió lớn, lũ lụt tàn phá nặng nề. Thủy tai trên miền Bắc nước ta đã thành quy luật nghiệt ngã bởi cuộc *"báo oán"* khôn nguôi của Thủy Tinh!

Hình tượng *nâng núi lên cao lên cao mãi...* của Sơn Tinh là kì diệu nhất, thể hiện ước mơ của người Việt cổ xưa muốn có sức mạnh thần kì để chiến thắng thiên tai, lũ lụt. Cách giải thích hiện tượng mưa bão lũ lụt trên miền đất Văn Lang của người Việt xưa thật hồn nhiên mà không kém phần bay bổng, lãng mạn.

Thủy Tinh vẫn đánh Sơn Tinh. Lũ lụt, bão tố vẫn cứ xảy ra. Chuyện đắp đê, phòng chống bão, lũ... trở thành ý chí của nhân dân ta, mà truyện *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"* đã đem đến cho con người Việt Nam niềm tin và sức mạnh thần kì, chiến thắng, mong được sống yên vui hạnh phúc.

80 - ĐỀ BÀI:

Phân tích ý nghĩa truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*"

Bài làm

Truyền thuyết Hồ Gươm kể lại chuyện Lê Lợi được Long Quân cho mượn gươm thần để đánh giặc; đất nước được giải phóng, lên làm vua. Lê Lợi đã trả lại gươm thần cho Long Quân.

Ngoài việc giải thích tên Hồ Hoàn Kiếm, nhân dân ta còn ca ngợi, khẳng định một địa danh, một thắng cảnh của Thăng Long ngàn xưa là vô cùng thiêng liêng rất đáng tự hào, ai cũng có nghĩa vụ bảo tồn, làm cho Hồ Gươm ngày một thêm đẹp.

Hai chữ *"Thuận Thiên"* khắc trên lưỡi gươm báu nghĩa là thuận theo ý trời. Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc Minh để cứu dân, cứu nước. Hành động ấy rất cao cả, chính nghĩa, trên thì hợp ý trời, dưới thì hợp lòng người, được lòng dân.

Đức Long Quân không cho Lê Lợi mượn thanh gươm thần ngay từ lúc đầu. Trước hết chỉ cho mượn lưỡi gươm. Sau một thời gian mới cho mượn chuôi gươm nạm ngọc. Phải chăng Long Quân muốn thử chí khí và tài trí Bình Định Vương như *"Bình Ngô đại cáo"* đã viết:

"Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng chí khắc phục gian nan
Nhân dân bốn cõi một nhà
Dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới;
Tướng sĩ một lòng phụ tử,
Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào"

(*Bình Ngô Đại Cáo* - Nguyễn Trãi)

Câu nói của Lê Thận khi dâng gươm báu cho Lê Lợi, vị lãnh tụ lỗi lạc của nghĩa quân đã nói lên sức mạnh đoàn kết chiến đấu của toàn dân, của tướng sĩ. Ý trời và lòng dân là một, làm nên sức mạnh nhân nghĩa vô địch của Đại Việt, vì thế Lê Lợi mới đánh đâu thắng đó:

"Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo".

Lam Sơn là nơi Long Quân cho Lê Lợi mượn gươm thần. Hồ Tả Vọng là nơi Lê Lợi trả lại gươm báu cho Long Quân. Lam Sơn, Hồ Tả Vọng là linh địa. Có vay có trả là tình nghĩa, ân nghĩa thủy chung. Tâm hồn Việt Nam rất đẹp.

Nguyễn Thu Trang – Lớp 6B
(Trường THCS Trần Phú- Hải Phòng)

81 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*"

Bài làm

Đọc truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*", ta không chỉ được sống lại những năm tháng gian lao và anh dũng của ông cha ta thuở "*bình Ngô*" mà còn được bồi đắp, nâng cao thêm niềm tự hào dân tộc, được chiêm ngưỡng những di tích lịch sử, văn hóa trên cố đô Thăng Long.

Chàng trai làm nghề đánh cá tên là Lê Thận đã vinh dự được Long Quân trao cho lưới gươm báu. Hai lần đầu, Lê Thận chỉ cho đó là "*thanh sắt*", một vật tầm thường mắc vào lưới. Mãi đến lần thứ ba anh đưa thanh sắt lại cạnh mồi lửa nhìn xem, rồi ngạc nhiên sung sướng reo lên: "*Ha ha! Một lưỡi gươm!*" Thanh sắt ấy, lưỡi gươm ấy như biết "*bơi*" trên sông, vì thế Lê Thận dù đã thay đổi nơi thả lưới ở ba khúc sông khác nhau mà "*báu vật*" vẫn tìm đến với anh. Chi tiết ấy gợi lên màu sắc li kì, linh nghiệm.

Chủ tướng Lê Lợi và mấy người tuỳ tùng đến nhà Thận đã bất ngờ thấy thanh sắt "*sáng rực lên*" trong túp lều tối om. Khi Lê Lợi cầm lên xem và thấy hai chữ "*Thuận Thiên*" khắc sâu vào lưỡi gươm, nhưng mọi người vẫn không biết đó là báu vật. Hình như Long Quân vẫn còn thử lòng người!

Chỉ đến khi bọn giặc Minh truy đuổi vô cùng nguy nan, Lê Lợi bỗng thấy ánh sáng lạ trên ngọn đa, trèo lên lấy xuống mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Ba ngày sau đem tra gươm vào chuôi thì "vừa như in".

Được gươm thần, các nghĩa sĩ Lam Sơn có thêm niềm tin và sức mạnh chiến đấu. Câu nói của Lê Thận khi dâng gươm báu cho chủ tướng Lê Lợi vang lên như một lời thề:

"*Đây là trời có ý phó thác cho minh công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công, cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc!*".

Long Quân trao gươm báu cho nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi là đã trao cho gươm báu, nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay chủ tướng, lưỡi gươm thần tung hoành khắp các trận địa, quân Minh bị đánh tan tác, bạt vía kinh hồn. Nghĩa quân càng đánh càng mạnh, càng thắng to. Lưỡi gươm thần như đã đem đến cho họ một sức mạnh vô cùng to lớn, xốc tới, đánh tràn ra mãi cho đến lúc không còn bóng một tên giặc nào trên đất nước ta.

Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn sau mười năm gian lao và anh dũng chiến đấu, với lưỡi gươm thần Long Quân trao cho đã hoàn thành sự nghiệp cao cả mà Trời đã phó thác.

Phần cuối truyền thuyết kể lại chuyện Long Quân sai Rùa Vàng bơi theo thuyền ngự của Lê Lợi trên hồ Tả Vọng để đòi lại thanh gươm thần. Chi tiết Rùa Vàng cất tiếng nói và há miệng đớp lấy thanh gươm rồi lại lặn sâu dưới nước; dưới mặt hồ xanh còn "*sáng le lói*", đã tạo nên màu sắc thần kì thiêng liêng của truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*". Ánh sáng le lói ấy là ánh sáng của lưỡi gươm thần, và đó cũng là ánh sáng của hồn thiêng sông núi, là hào khí Đại Việt rực sáng đến muôn đời.

Truyền thuyết "*Sự tích Hồ Gươm*" vừa giải thích tên hồ Tả Vọng – Hồ Hoàn Kiếm, một cảnh quan, một di tích lịch sử, văn hoá của cố đô Thăng Long, vừa chỉ rõ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là một sự nghiệp cao cả, chính nghĩa thuận theo ý trời (*Thuận Thiên*) nên đã toàn thắng. Long Quân đã cho Lê Lợi mượn gươm thần để đánh giặc; giặc nước đuổi xong rồi, Lê Lợi lại trả gươm thần cho Long Quân. Chi tiết ấy đã thể hiện một cách tuyệt đẹp lòng yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta. "*Sự tích Hồ Gươm*" là một huyền thoại khơi gợi lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc cho mỗi con người Việt Nam chúng ta.

82 - ĐỀ BÀI:

Chứng minh rằng: Truyền thuyết là những bài ca thần kì về lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc

Bài làm

Truyền thuyết là kho báu dân gian tỏa sáng đến ngàn thu, có tác dụng to lớn bồi đắp tâm hồn mỗi công dân ngay từ thời thơ ấu. Trong hành trang của mỗi con người Việt Nam đi lên phía trước, ai mà chẳng có những truyện kể của bà, những lời ru của mẹ, những trang sách tuổi thơ nói về các anh hùng thời cổ đại, thắp sáng tình thương nước yêu nòi. Mỗi một truyền thuyết là một bài ca thần kì về lòng yêu nước, đã được nhân dân ta giữ gìn và lưu truyền qua hàng nghìn năm. Những Lạc Long Quân, Âu Cơ, những Phù Đổng Thiên Vương, Thánh Tản Viên... mãi mãi là hồn thiêng đất nước, đem đến cho ta bao niềm tin, lòng tự hào và sức mạnh Việt Nam.

Em không chỉ yêu sông xanh núi biếc, yêu hoa thơm trái ngọt của quê hương, mà còn mang nặng trong lòng một tình yêu nồng nàn về đất nước và con người Việt Nam. Chính một phần không nhỏ trong suối nguồn tình cảm ấy là do truyền thuyết bồi đắp nên.

Những anh hùng xa xưa rất tài giỏi, có nhiều phép lạ, lập nên bao kì tích. Lạc Long Quân đã đem sức mạnh, tài trí tiêu diệt Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh, đem lại cuộc sống yên vui cho trăm họ. Mẹ Âu Cơ đã khơi ngòi, uốn sông, dạy dân làm nhà, trồng lúa, dệt vải, làm bánh,... Công đức to lớn ấy mang nặng trong lòng dân ta, ai cũng lấy làm tự hào dân tộc mình là *"con Rồng, cháu Tiên"*.

Quân đội ta ngày nay đã có nhiều vũ khí hiện đại để bảo vệ Tổ quốc, nhưng em thấy náo nức trong lòng khi được nghe ai đó, hoặc đọc trên trang sách ghi lại, nhắc lại nỏ thần Kim Quy bắn mỗi phát giết hàng vạn tên giặc, con ngựa sắt, chiếc roi sắt và cái gốc tre trong tay người anh hùng làng Gióng vung lên, quật tơi bời giặc Ân, làm cho quân cướp nước chết như ngả rạ:

"Đứa thì sứt mũi sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà".

Em ghê tởm tên Trọng Thủy bao nhiêu thì em lại thương nàng Mị Châu bấy nhiêu! Truyền thuyết *"Nỏ thần"* là niềm vui và nỗi đau về bài học giữ nước của tổ tiên ông cha truyền lại vô cùng sâu sắc thấm thía.

Hình ảnh Sơn Tinh hóa phép nâng núi lên cao, lên cao mãi để chống lại Thủy Tinh, tình tiết Bộ tướng và quân sĩ của Sơn Tinh đóng cọc, gõ trống, bắn tên nỏ, phóng lao tiêu diệt bầy thủy quái của Thủy Tinh, làm cho nước sông Đà đỏ ngầu máu, xác ba ba, thuồng luồng nổi lên nhiều vô kể đã dấy lên trong tâm hồn ta niềm tin và ý chí chiến thắng bão tố, lũ lụt của con người Việt Nam xưa nay. Mỗi lần ngắm những con đê như bức trường thành chạy dọc đôi bờ sông Hồng, em lại bâng khuâng nghĩ tới công đức và oai linh của Thánh Tản Viên.

Truyền thuyết *"Bánh chưng bánh dày"* nhắc nhở ta bài học về lao động sáng tạo, tinh thần đùm bọc đoàn kết cộng đồng, tình ân nghĩa thủy chung, biết uống nước nhớ nguồn.

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là trang sử vàng chói lọi của nhân dân ta trong thế kỉ XV. Truyền thuyết *"Sự tích Hồ Gươm"* mãi mãi là bài ca thần kì về lòng yêu nước. Phải chăng Long Quân cho Lê Lợi mượn gươm thần để đánh giặc Minh tượng trưng cho ý chí chống xâm lăng của tổ tiên truyền lại cho con cháu. Có kẻ thù nào không bị tiêu diệt bởi lưỡi gươm thần và tinh thần đoàn kết chiến đấu của dân ta? Hồ Tả Vọng (Hồ Gươm) là dấu tích linh thiêng ghi lại chuyện Lê Lợi trả gươm báu cho Long Quân. Trên đất nước ta, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau nơi nào mà chẳng có linh địa:

"Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước,
một lối sống ông cha
Ôi! Đất Nước sau bốn nghìn năm
đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta"...

(*Đất Nước* - Nguyễn Khoa Điềm)

Em ước mơ, mỗi thiếu nhi Việt Nam đều trở thành một chàng trai Phù Đổng *"vươn vai thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt"*, mỗi chú bộ đội có chiếc mũ đầu mâu cắm vuốt rồng như chiếc mũ của Triệu Quang Phục nơi đầm Dạ Trạch mấy nghìn năm về trước.

Bài học về tinh thần đoàn kết chống xâm lăng, về khát vọng độc lập tự do, ý chí tự lực, tự cường... là những bài ca thần kì về lòng yêu nước, lúc nào cũng mới mẻ và kì diệu đối với mỗi người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lê Thiên Nga - Lớp 6B
Trường THCS Ngô Gia Tự - Hà Nội

83 - ĐỀ BÀI:

Truyện cổ tích là gì? Hãy kể tên một số truyện cổ tích mà em biết và yêu thích

Bài làm

Truyện cổ tích là một trong những loại truyện cổ dân gian, ra đời khi xã hội đã phân chia giai cấp. Truyện cổ tích hay kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật như: *nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ và có nhiều phép lạ, nhân vật thông minh hoặc ngốc nghếch, nhân vật động vật - người kì lạ,...* Truyện cổ tích thường mang yếu tố hoang đường. Nó thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân về cái thiện thắng cái ác, cái tốt thay thế cái xấu, ước mơ về ấm no, hạnh phúc.

Truyện cổ tích có kết cấu hai loại nhân vật đối lập (thiện/ác), kết thúc có hậu, thấm đượm triết lí dân gian: *ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, tham thì thâm, thật thà là cha mách qué*, v.v...

Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam vô cùng phong phú. Những truyện cổ tích như *"Tấm Cám"*, *"Sọ Dừa"*, *"Thạch Sanh"*, *"Cây tre trăm đốt"*, *"Cây khế"*, *"Em bé thông minh"*,... được nhiều người biết và yêu thích, trong đó có em.

84 - ĐỀ BÀI:

Phân tích và nêu cảm nghĩ về truyện "*Sọ Dừa*"

Bài làm

"Sọ Dừa" là một truyện cổ tích đặc sắc và độc đáo trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Đặc sắc và độc đáo về cốt truyện, hấp dẫn về các tình tiết, yếu tố li kì mà lại rất đời, đan xen vào nhau tạo nên nhiều tình huống đã tô đậm cảm hứng nhân văn. Ước mơ và niềm tin về một sự đổi đời, về hạnh phúc tỏa sáng tâm hồn mỗi chúng ta khi nghĩ về số phận, thân phận, về những nhân vật *"bé nhỏ"* như chàng Sọ Dừa trong cổ tích.

Yếu tố thần kì, tính chất thần kì trong truyện *"Sọ Dừa"* không phải do một lực lượng siêu nhiên như Phật trong *"Tấm Cám"*, như Tiên ông trong *"Cây tre trăm đốt"*, như Ngọc Hoàng... trong truyện *"Thạch Sanh"*, v.v... mà là ở tự thân nhân vật Sọ Dừa, là ở những khả năng tiềm tàng, tiềm ẩn trong tâm hồn và tính cách nhân vật. Hai con gà biết gáy và biết truyền tin từ hai quả trứng do Quan Trạng trao lại cho vợ trước khi đi sứ, cũng không giống con chim phượng hoàng biết nói trong truyện *"Cây khế"*. Yếu tố thần kì là sức mạnh vươn lên, là khát vọng được làm người, được sống trong hạnh phúc và sự toàn thiện toàn mĩ của nhân vật Sọ Dừa.

Hai mẹ con Sọ Dừa để lại trong lòng ta nhiều ấn tượng tuyệt đẹp. Sọ Dừa có một tuổi thơ đầy bất hạnh. Mồ côi bố, gia đình nghèo khổ, mang dị hình dị dạng rất đáng thương: *"không chân không tay, tròn như một quả dừa..."*. Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, *"cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì!"*. Đứa con là hột máu cắt đôi của mẹ, là sự kết tụ bao tình thương của mẹ hiền. Thế nhưng có lúc bà mẹ Sọ Dừa lại *"toan vứt"* Sọ Dừa đi, vì bà *"buồn lắm"*. Nỗi khổ tâm ấy, bi kịch ấy kể làm sao cho xiết được? Câu nói đầu tiên của một em bé dị dạng là một tiếng kêu thương, muốn được làm người, muốn được sống mãi bên cạnh mẹ hiền: *"Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp"*. Câu nói thứ hai của Sọ Dừa là câu nói khẳng định chất người của mình, khả năng lao động của mình, mặc dù không có chân, không có tay: *"Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được..."*. Và thật sự Sọ Dừa đã chăn bò giỏi. Chú chẳng quản nắng mưa. Đàn bò của phú ông ngày một trở nên béo tốt. Phú ông *"mừng lắm"*. Mẹ già chắc là vui mừng nhiều hơn. Còn chúng ta, ai mà chẳng ngạc nhiên thú vị? Kì diệu thay, từ một mục đồng, Sọ Dừa có lúc biến thành *"một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ"*. Sọ Dừa đã biến thành một Tiên đồng vừa chăn bò vừa thổi sáo, thổi khúc nhạc Thiên Thai. Hình dáng thì *"khôi ngô"*, tâm hồn thì yêu đời, tính cách thì phi phàm. Thiên hạ không thể biết. Mẹ hiền cũng chẳng hay. Chỉ có người đẹp - cô gái út của phú ông là nghe được tiếng sáo véo von và biết được hình ảnh chàng trai khôi ngô đang ngồi trên võng đào thổi sáo *"không phải là người phàm trần"*. Tình tiết này là mộng hay thực? Tính độc đáo của truyện *"Sọ Dừa"*, trước hết là ở tình tiết ấy. Câu nói thứ ba của Sọ Dừa là *"giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ"* vào cuối mùa ở đợ. Sính lễ mà phú ông nêu ra là một thách thức vô cùng to lớn đối với mẹ con Sọ Dừa. Thế mà đúng ngày hẹn, túp lều của hai mẹ con đã biến thành một tòa nhà ngói năm gian to đẹp, có hàng chục gia nhân ăn mặc lộng lẫy đủ màu sắc cùng hai mẹ con Sọ Dừa đem sính lễ sang nhà phú ông. Một lễ ăn hỏi hiếm có xưa

nay: *"một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm"*. Chẳng do Tiên, Phật ban cho. Lễ vật ấy là do phép lạ của chính Sọ Dừa mà có. Sọ Dừa đã cưới được con gái phú ông, cô út xinh đẹp. Trong lễ cưới, Sọ Dừa đã cởi lốt *"sọ"* mà trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Cả hai họ đều *"sửng sốt, mừng rỡ"* .

Từ một kẻ dị dạng, không có chân tay, chỉ biết lăn..., Sọ Dừa dần dần biến đổi thành mục đồng, biết thổi sáo, biết yêu rồi lấy được vợ đẹp, thay hình đổi dạng, trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Đó là một sự đổi đời, đổi kiếp rất kì lạ, kì diệu của Sọ Dừa. Hầu như tình tiết nào cũng bao phủ yếu tố hoang đường, mộng ảo. Cảnh lấy vợ của Sọ Dừa đã thể hiện ước mơ của nhân dân ta từ bao đời nay: *muốn được làm người, muốn được sống trong hạnh phúc ấm êm gia đình.*

Sọ Dừa không chỉ có phép lạ, có chất người mà còn có nhiều tài năng. Sau ngày cưới vợ, tài năng của chàng ngày một phát lộ và phát triển. Ca dao cổ có câu nói lên mơ ước của các cô gái ngày xưa về đường tình duyên:

"Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Tham vì cái bút, cái nghiên anh đồ".

Đó cũng là ước mơ của cô út. Sọ Dừa là một người chồng lí tưởng của cô út. Rất thông minh, ngày đêm miệt mài đèn sách. Sọ Dừa thi đỗ Trạng nguyên. Sọ Dừa còn có tài làm quan nên được nhà vua cử đi sứ. Sọ Dừa là nhà tiên tri. Con dao, hòn đá lửa, hai quả trứng gà mà Quan Trạng đưa cho vợ, kèm theo lời dặn *"phải giắt luôn trong người..."* đã thể hiện tài năng đó. Nhờ những thứ bình thường ấy mà khi cô út bị hai người chị độc ác, tàn nhẫn đẩy xuống biển, cô đã có đủ phương tiện để tự cứu, được sống sót, được gặp lại chồng. Quan Trạng Sọ Dừa sau khi đi sứ về, tuy biết rõ *"tim đen"* và hành vi tội lỗi của hai người chị vợ, vẫn ứng xử một cách tế nhị và độ lượng. Một mặt, Quan Trạng giấu kín vợ trong buồng, mặt khác vẫn gặp gỡ hai người chị vợ, nhưng *"không nói gì"*. Sau đó Quan Trạng mới cho vợ xuất hiện, ra chào hai chị và mọi người đang dự tiệc... Không mắng chửi. Không trả thù. Thế mà hai người chị vợ cảm thấy xấu hổ, bỏ nhà trốn đi biệt xứ. Cái kết có hậu của truyện *"Sọ Dừa"* vừa ca ngợi sự bao dung độ lượng của Quan Trạng, đồng thời thể hiện tấm lòng đức độ, hồn hậu của nhân dân.

Truyện cổ tích *"Sọ Dừa"* có bao yếu tố hoang đường, có bao tình huống hấp dẫn. Mạch truyện và cốt truyện phát triển hợp lí, tự nhiên. Sọ Dừa - đứa ở chăn bò - Tiên đồng thổi sáo - có chĩnh vàng cốm... để hỏi vợ, rồi cưới vợ, trở thành chàng trai tuấn tú - đỗ Trạng nguyên, vua cử đi sứ... Người mẹ, người vợ được nói đến rất giàu tình thương, nhân hậu và vị tha, nhẫn nhục và dũng cảm tháo vát. Do uống nước đựng trong cái sọ dừa mà người đàn bà ngoài 50 tuổi thụ thai rồi đẻ ra một đứa bé không chân không tay... mà biết chăn bò. Sọ Dừa hóa thành một Tiên đồng ngồi trên võng đào thổi sáo, đã hóa phép để có một sính lễ sang trọng gồm một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm... Sọ Dừa trở thành một chàng trai tuấn tú khi cưới vợ... và con gà gáy tiếng người trên hoang đảo... Đó là những yếu tố hoang đường tạo nên sự hấp dẫn, cảm hứng nhân văn, và ước mơ đổi kiếp, đổi đời được sống trong hạnh phúc - là mơ ước của nhân dân ta từ bao đời nay.

"Sọ Dừa" là một truyện cổ tích thần kì, một giấc mơ đẹp.

85 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ của em về nhân vật bà mẹ và nhân vật phú ông trong truyện cổ tích "*Sọ Dừa*"

Bài làm

"Sọ Dừa" là một truyện cổ tích nói về một con người dị dạng mà tài trí tuyệt vời. Bên cạnh nhân vật Sọ Dừa, cô út còn có nhân vật bà mẹ, nhân vật phú ông, rất sống, rất đậm đà, cho ta nhiều ấn tượng sâu sắc.

Bà mẹ Sọ Dừa là hiện thân của tình mẫu tử mênh mông, bao la. Đi kiếm củi trong rừng, mẹ đã uống nước trong cái sọ dừa; uống vì khát, uống vì để sống. Mẹ đã thầm lặng, nhẫn nhục nuôi con suốt những năm dài, dù đứa con chẳng có chân tay! Mẹ đã chiều con, đã *"dũng cảm"* hai lần đến gặp phú ông, để xin cho đứa con tội nghiệp được đi ở chăn bò, được lấy vợ... Nếu không có mẹ hiền giàu tình thương con, giàu đức hi sinh thì Sọ Dừa làm sao có thể thay hình đổi kiếp và trở nên vinh hiển, hạnh phúc? Bà mẹ Sọ Dừa là một trong những hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất về bà mẹ được nói đến trong cổ tích và cả trong cuộc đời.

Phú ông trong truyện *"Cây tre trăm đốt"* là một tên nhà giàu lắm thủ đoạn và lật lọng. Phú ông trong truyện *"Sọ Dừa"* được đánh giá không giống nhau. Có người chê phú ông là một kẻ khinh bạc, coi người bằng nửa con mắt và rất tham lam! Nên nhìn nhận phú ông bằng cái nhìn thể tất hơn, nhân tình hơn. Khi nghe bà mẹ Sọ Dừa xin cho con bà đến ở chăn bò, phú ông *"ngần ngại"*. Mẹ Sọ Dừa còn cho con trai mình *"chẳng được tích sự gì"* huống chi là người ngoài. Phú ông *"ngần ngại"* là đúng. Việc phú ông thách cưới rất cao, trong hoàn cảnh chàng rể chỉ là một kẻ dị dạng *"không chân không tay, tròn như một quả dừa"*, thì cũng là một cách ứng xử thường tình. Vả lại, khi hai mẹ con Sọ Dừa mang đủ sính lễ đến như đã thách cưới, thì phú ông lần lượt hỏi từng cô con gái một. Và khi cô út *"e lệ, cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng"* thì phú ông đã thực hiện đúng lời hứa, gả cô út cho Sọ Dừa. Có thể nói phú ông là một nhân vật đóng vai trò quan trọng tạo điều kiện và hoàn cảnh để Sọ Dừa trổ tài, thay hình đổi lốt, trở thành một con người cao quý. Phú ông là một con người *rất người, cận nhân tình.*

86 - ĐỀ BÀI

Nêu một vài cảm nhận về truyện cổ tích "*Thạch Sanh*"

Bài làm

1. Truyện cổ tích *"Thạch Sanh"* kể về một dũng sĩ phi thường. Chàng là Thái tử của Ngọc Hoàng đầu thai xuống cõi trần. Trải qua những năm đầu cơ cực: mồ côi, sống cô đơn, tự đốn củi kiếm sống, lấy gốc đa trú thân. Thạch Sanh đã được thiên thần dạy đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

Qua cuộc đời của Thạch Sanh, nhân dân ta thể hiện ước mơ về người dũng sĩ để diệt trừ cái ác, vạch mặt những kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược.

2. Truyện *"Thạch Sanh"* có nhiều yếu tố thần kì như chàng dũng sĩ chém Chằn tinh, đốt xác quái vật mà được cung tên vàng; bắn trọng thương rồi tiêu diệt Đại bàng, cứu nàng công chúa, giải thoát hoàng tử con vua Thuỷ Tề, được xuống chơi thủy phủ,

được tặng đàn thần. Tuy bị Lý Thông lợi dụng và đánh lừa, bị hồn ma Chằn tinh và Đại bàng báo thù, quân 18 nước chư hầu vây hãm kinh thành, nhưng Thạch Sanh đã vượt qua và chiến thắng bằng sức mạnh và tình nhân đạo, lòng yêu hoà bình. Búa thần, cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần và những sự vật thần kỳ đã làm cho truyện cổ tích Thạch Sanh mang vẻ đẹp kì ảo và nên thơ.

3. Thạch Sanh đã trở thành phò mã, được nhà vua nhường ngôi báu. Còn mẹ con Lý Thông bị vạch mặt, bị sét đánh chết, hoá kiếp thành bọ hung. Cái kết ấy đã thể hiện ước mơ về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, tình yêu hoà bình của nhân dân ta. Đẹp nhất, kỳ diệu nhất là tiếng đàn thần; tiếng đàn thần đã giải oan, để vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, tiếng đàn thần để lui giặc, buộc các hoàng tử của 18 nước chư hầu phải cởi giáp xin hàng, hoà bình được vãn hồi.

87 - ĐỀ BÀI:

Phát biểu cảm nghĩ về truyện cổ tích "*Thạch Sanh*"

Bài làm

"Thạch Sanh" là một truyện cổ tích kì diệu nhất trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam. Hình ảnh chàng dũng sĩ chém Chằn tinh, bắn Đại bàng; và với cây đàn thần, niêu cơm thần, chàng dũng sĩ đã đem đến cho thế giới tuổi thơ bao kì thú, bao giấc mơ đẹp.

Thạch Sanh là con Trời. Vợ chồng Lục ông hiền lành, tốt bụng, gần xa ai cũng quý mến. Ngọc Hoàng đã thương tình cho Thái tử xuống trần đầu thai. Khác với người trần, Thạch Sanh nằm trong bụng mẹ (Lục bà) nhiều năm mới cất tiếng chào đời. Yếu tố hoang đường ấy tạo nên chất kì diệu của truyện, ca ngợi tính phi phàm của Thạch Sanh. Vợ chồng Lục ông đã được Ngọc Hoàng thương cho đứa con trai khôi ngô tuấn tú nối dõi tông đường. Đó là niềm tin của dân gian: *"Ở hiền thì gặp lành"*.

Mọi thứ hạnh phúc ở cõi trần đều có giá và phải trả giá. Con đường của Thạch Sanh cũng đầy gian truân. Phải chăng Ngọc Hoàng muốn thử thách Thái tử? Mồ côi cả bố lẫn mẹ. Nhà nghèo, một túp lều ở gốc đa. Chỉ một chiếc búa cùn. Chỉ có một nghề kiếm củi độ thân. Tuổi thơ bơ vơ, thật đáng thương! Thiên thần đã đến với đứa con mồ côi: dạy võ nghệ, các phép thần thông biến hóa, và trao cho chiếc búa thần. Thạch Sanh đã đổi đời, đã có ít nhiều sức mạnh. Sức mạnh về võ nghệ cao cường, về phép thuật thần thông biến hóa, về vũ khí, chiếc búa thần. Qua các chi tiết hoang đường ấy, nhân dân gửi gắm bao ước mơ: *phải có sức mạnh vô địch để sống, để tồn tại, để chiến thắng trong một thế giới đầy ma quỷ!*

Cuộc đời Thạch Sanh là những năm tháng đầy gian truân thử thách, chiến công nối tiếp chiến công.

Thạch Sanh đến miếu thần là để thế mạng cho Lý Thông. Nhưng chàng đâu có biết? Chằn tinh là một yêu quái khổng lồ, có nanh sắc, có nọc độc, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng hình, lắm phép lạ, người đời sợ khiếp, vua quan chịu bó tay. Chằn tinh xuất hiện bất ngờ khi Thạch Sanh đang lim dim mắt nằm ngủ... Trong thế bị động, nhưng Thạch Sanh cực kì dũng cảm, tài trí đã dùng phép và búa thần giáng trả quái vật. Chằn tinh bị Thạch Sanh chém chết, bị cắt đầu, bị bổ xác. Một bộ cung tên

vàng hiện ra. Thạch Sanh đã diệt trừ quái vật, trừ hậu họa cho nhân dân. Chàng dũng sĩ có thêm vũ khí mới: *cung tên thần.* Thạch Sanh đã có búa thần để đánh gần, đánh ở tầm thấp, giờ đây lại có cung tên thần, để đánh ở tầm cao, tầm xa. Thử hỏi, kẻ thù nào địch nổi chàng dũng sĩ?

Đại bàng là một kẻ thù rất nguy hiểm vì nó ở trên trời, lại có hang ổ sâu kín bí mật. Thái tử con vua Thủy tề còn bị Đại bàng bắt sống, giam giữ, trong cũi sắt! Công chúa con vua còn bị Đại bàng quắp đi giữa thanh thiên bạch nhật trong lễ hội kén phò mã trước mắt bách võ bá quan và đông đủ anh tài trong thiên hạ! Thạch Sanh chỉ bắn một mũi tên vàng mà đã làm cho Đại bàng bị trọng thương. Lần theo vết máu, dũng sĩ tìm đến hang ổ ác điểu. Đại bàng có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm lao tới mổ, cắn xé Thạch Sanh. Chàng dũng sĩ đã vung búa thần giáng trả, dùng cung tên bắn mù hai mắt quái vật. Đại bàng bị giết, bị phanh xác. Một kẻ thù nguy hiểm nữa của nhân dân đã bị chàng dũng sĩ tiêu diệt! Chiến công diệt Đại bàng là một kì tích vì Thạch Sanh đã cứu được nàng công chúa và Thái tử con vua Thủy tề! Chiến công chấn động cõi đời và còn vang dội tới vương quốc Thủy tề. Từ thủy phủ trở về, Thạch Sanh chỉ cầm trong tay một cây đàn thần làm kỉ niệm về một chuyến viễn du thú vị. Chàng lại trở về gốc đa, chốn cũ yêu thương. Với chàng dũng sĩ thì vàng bạc châu báu cũng như dinh thự nguy nga, của ngon vật lạ đều trở nên xa lạ. Túp lều gốc đa là nơi chàng đã sinh ra, lớn lên, với bao kỉ niệm buồn vui. Thạch Sanh trở về gốc đa, một tình tiết, phải chăng nói lên quan niệm nhân sinh tốt đẹp của nhân dân thời xưa: *"Một túp lều gianh, một trái tim vàng"?*

Với Thạch Sanh, cây đàn thần không phải là một nhạc cụ để mua vui mà là một vũ khí vô cùng linh nghiệm. Nơi chàng đánh đàn, gảy đàn là trong ngục. Tiếng đàn để giãi bày. Tiếng đàn như một thứ *"thần dược"* làm cho công chúa đang bị câm nghe tiếng đàn mà nói lên được! Nhờ tiếng đàn mà chàng dũng sĩ được gặp lại người đẹp, rồi được minh oan, để vạch trần bộ mặt thật của Lý Thông, tên bán rượu xảo quyệt, kẻ cướp công, độc ác, âm mưu hãm hại người...

Thạch Sanh không dùng búa thần, cung tên thần để giao với tranh các hoàng tử và tướng sĩ 18 nước chư hầu, mà chỉ dùng đàn thần để lui giặc. Đó là tiếng đàn hoà bình. Niêu cơm Thạch Sanh là niêu cơm hàng vạn người ăn mãi không hết; niêu cơm ấm no, hạnh phúc. Đàn thần và niêu cơm thần đã góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu truyện *"Thạch Sanh"*.

Thạch Sanh tha tội cho Lý Thông, kẻ đã cướp công và hãm hại mình. Hành động ấy thể hiện đức độ lượng, lòng nhân ái bao dung cao đẹp.

Nhân vật Thạch Sanh thật đẹp. Với búa thần, cung tên vàng, đàn thần, với võ nghệ và phép thần thông biến hóa, chàng dũng sĩ đã chém Chằn tinh, giết Đại bàng, trừ diệt cái ác, mọi tai họa cho nhân dân, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, đem lại hòa bình. Thạch Sanh đã trải qua bao gian truân thử thách, lấp lánh bao chiến công hiển hách. Anh đã được kết duyên với công chúa. Anh đã được nhà vua nhường ngôi báu. Chiến công và hạnh phúc ấy đã thể hiện ước mơ của nhân dân, những ước mơ hồn nhiên, trong sáng và rất đẹp. Thật vậy, truyện *"Thạch Sanh"* là một truyện cổ tích thần kì, nói lên một giấc mơ đẹp của nhân dân ta bao đời nay.

88 - ĐỀ BÀI:

Dũng sĩ Thạch Sanh qua cổ tích thần kì

Bài đọc tham khảo

Truyện cổ tích này rất phổ biến ở nước ta, đã được đặt thành thơ. Có một truyện Nôm khuyết danh cũng có tên là truyện *Thạch Sanh*. Thạch Sanh là một dũng sĩ, có nhiều đức tính tốt và có hành động anh hùng. Rất nhiều sự việc đã diễn ra trong cuộc đời chàng.

Trước hết, Thạch Sanh bị Lý Thông lừa, thay hắn nộp mạng cho Xà Tinh. Chàng đã giết được Xà Tinh, chặt được đầu nó nhưng lại bị Lý Thông lừa xuống hang sâu. Xuống hang, chàng đánh nhau với Đại bàng, một con chim dữ đã thành tinh. Cuối cùng chàng giết được Đại bàng, cứu được công chúa.

Lập công nhưng chàng phải ở lại dưới hang vì Lý Thông đã lấp cửa hang không cho chàng lên. Chàng lùng sục chỗ ở của Đại bàng và cứu được thái tử con vua Thuỷ tề. Ở đây, Thạch Sanh lại bắt được con cáo đã thành tinh. Chàng được vua Thuỷ tề đưa về cõi trần, lại được tặng một chiếc đàn làm kỉ niệm. Mặc dù suốt thời gian nghèo khổ, thiếu thốn, Thạch Sanh vẫn là một người tốt, diệt được rắn độc, trừ được chim dữ, khuất phục được cáo ngạo ngược, giải thoát cho hai người - một công chúa, một thái tử - nhưng chàng không nhận sự đền ơn, không lấy vàng bạc, không ham chức tước. Vẫn là một con người bình thường, chuyên làm việc nghĩa, dù đạt nhiều thành tích huy hoàng, chàng vẫn bình dị, trong sáng.

Lý Thông là một con người gian ác. Hắn lừa Thạch Sanh nộp mạng thay hắn. Thạch Sanh giết được yêu quái. Hắn tìm cách đánh lừa, nhờ chàng đi cứu công chúa. Hắn lại táng tận lương tâm, định chôn sống chàng và đưa công chúa về để lên ngôi phò mã. Ít người tàn ác đến như thế. Nhưng khi tội ác của hắn đã rõ, Thạch Sanh vẫn rộng lòng tha thứ cho hắn. Có điều người tha nhưng trời không tha. Sét đã đánh chết hắn, còn bắt hắn hoá thành bọ hung, suốt đời rúc trong đống phân.

Công chúa Quỳnh Nga cũng là một nhân vật đẹp. Nàng bị Đại bàng bắt giữ, rồi được Thạnh Sanh cứu. Nàng hẹn kết duyên với Thạch Sanh, nhưng đã bị Lý Thông lừa gạt. Không thể nói ra được câu chuyện với ai, vì nếu nói cũng chẳng ai tin. Lý Thông có bao nhiêu thế lực, bao nhiêu kẻ hầu người hạ, chỉ sẽ nói tốt cho Lý Thông. Nhà vua chỉ có thấy Lý Thông đưa được con mình về chứ có thấy Thạch Sanh đâu. Sự đau đớn và bất bình của công chúa đã khiến cho nàng thành con người câm. Nàng từ chối không chịu theo Lý Thông, cũng là để giữ mối tình cảm của mình trong im lặng. Câm, thực ra là sự chung thuỷ không diễn đạt được bằng lời. Nàng chỉ nói khi nghe tiếng đàn Thạch Sanh. Truyện dân gian đã có cách thể hiện tình duyên thật kì diệu. Tiếng đàn là bằng chứng của hai tấm lòng cảm thông. Tiếng đàn khơi gợi tình yêu chân thành say đắm. Tiếng đàn làm cho người câm biết nói. Tiếng đàn làm rõ được trắng đen. Tiếng đàn là tiếng tơ lòng mà cũng là tiếng nói của chân lí. Tiếng đàn lại có một sức mạnh thần kì hơn nữa. Khi quân ngoại xâm kéo đến, Thạch Sanh đã dạo đàn lên. Tiếng đàn làm cho giặc khủng khiếp, thấy được gây sự đánh nhau là vô ích. Chúng xin đầu hàng. Tiếng đàn hoá thành một lợi khí dẹp mọi nguy nan. Đó là tiếng đàn địch vận. Thạch Sanh biết dùng âm nhạc để chinh phục lòng người. Anh còn có một phép lạ: chỉ nấu một niêu cơm mà bọn giặc đông hàng vạn người, ăn mãi không hết.

Niêu cơm Thạch Sanh tượng trưng cho của cải vô tận của nước nhà. Tiếng đàn Thạch Sanh và niêu cơm Thạch Sanh là hai vật quý có ý nghĩa tiêu biểu cho tinh thần hoà bình, cho khả năng vô tận của con người và đất nước Việt Nam. Thạch Sanh là một chàng dũng sĩ tiêu biểu cho dân tộc ta. Người Việt Nam yêu mến Thạch Sanh vì chàng hào hiệp cứu khốn phò nguy. Gặp chuyện bất bình, thấy bọn người hay bọn quỷ làm hại đồng bào là Thạch Sanh xông vào tiêu diệt, không tính toán và không ham của cải, không cầu danh lợi, làm ơn không cần báo đáp và sẵn sàng tha thứ cho những kẻ xấu, dù bọn xấu ấy chỉ một mực làm hại mình. Chàng còn tiêu biểu cho nguyện vọng yêu hòa bình, yêu tự do của dân tộc, và còn chứng minh cho sự bền bỉ, cho sự thịnh cường của đất nước. Hình ảnh Thạch Sanh với chúng ta luôn luôn hấp dẫn.

GS. Vũ Ngọc Khánh
(*Bình giảng Thơ ca - Truyện cổ dân gian*)

89 - ĐỀ BÀI:

Nhận xét của em về nhân vật Lí Thông trong truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*

Bài đọc tham khảo

Truyện *"Thạch Sanh"* thuộc loại truyện cổ tích thần kì rất hấp dẫn. Đối lập với con người bất hạnh tài ba là nhân vật Lý Thông, một con người gian hiểm, nhiều mưu mô xảo quyệt. Mỗi một tình tiết của truyện như một nấc thang của tội ác mà Lý Thông leo lên, dấn thân vào, hai bàn tay thấm đầy máu và nước mắt của *"người em kết nghĩa!"*.

Lý Thông là một kẻ nấu rượu và bán rượu. Gặp Thạch Sanh gánh củi về gốc đa. Hắn nghĩ chàng trai cô độc, nghèo khổ mà có sức khỏe cường tráng này có thể lợi dụng được. Cái âm mưu đưa Thạch Sanh về nhà và kết nghĩa anh em của Lý Thông xét đến cùng vẫn có thể cảm thông được. Vì Lý Thông mới chỉ lợi dụng sức lao động của chàng trai mồ côi mà thôi.

Lý Thông đến phiên mình phải nộp mạng cho Chằn tinh. Kẻ tham sống sợ chết này đã ranh ma đánh lừa Thạch Sanh đi thế mạng, với lí do anh *"dở cất mẻ rượu"*... Người đời thiếu gì kẻ tham sống sợ chết như Lý Thông?

Hành động Lý Thông cướp công Thạch Sanh là một hành động vô cùng trắng trợn. Hắn dọa Thạch Sanh là đã giết vật báu *"vua nuôi đã lâu"*, tất sẽ bị *"tội chết"*. Có vẻ *"nhân đức"*, hắn khuyên Thạch Sanh *"trốn ngay đi"*, mọi hậu quả hắn sẽ *"lo liệu"*. Lý Thông đã đem đầu quái vật dâng nộp Triều đình, được nhà vua trọng thưởng phong cho làm Quận công. Lòng tham vô đáy, mờ mắt vì danh lợi bổng lộc mà anh bán rượu đã *"khôn ngoan"* đánh lừa đứa em kết nghĩa để cướp công một cách *"tài tình"*.

Quận công đã *"chém"* được Chằn tinh sao lại không bắt được Đại bàng? Muốn trở thành phò mã, Lý Thông lại dấn sâu vào tội ác bằng mưu mô mới. Hắn rất *"khôn ngoan"* tổ chức hội hát xướng mười ngày để *"nghe ngóng"*. Đúng đến ngày thứ 10, quan Quận công đã tìm được đứa em *"kết nghĩa"*. Lần thứ hai, Lý Thông đã xảo quyệt cướp công Thạch Sanh. Hắn rất nhẫn tâm và dã man sai quân lính vần đá lấp kín hang để giết Thạch Sanh, người đã xông pha nguy hiểm chém Chằn tinh, giết Đại bàng, cứu nàng công chúa, để Lý Thông được giàu sang, vinh hiển. Hành động sai quân lính lấp hang cho thấy anh bán rượu hiện nguyên hình là kẻ táng tận lương tâm, đôi bàn tay thấm đầy máu và nước mắt đồng loại.

Tiếng đàn thần là một yếu tố hoang đường kì diệu tạo nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích *"Thạch Sanh"*; nó mang ý nghĩa như một biểu tượng về sức mạnh công lí. Tiếng đàn thần được Thạch Sanh gảy lên trong ngục tối đã chữa được bệnh *"câm"* của nàng công chúa, đã vạch mặt chân tướng xảo quyệt của Lý Thông trước Triều đình.

Cái kết của truyện thật sâu sắc lí thú. Mẹ con Lý Thông bị lột hết mọi chức tước, bị đuổi về quê, bị sét đánh chết hóa thành bọ hung. Lưới trời lồng lộng?

Anh bán rượu trở thành Quận công, sắp trở thành phò mã..., cuối cùng biến thành bọ hung! Tham thì thâm, ác giả ác báo là vậy! Tên Lý Thông đã bị người đời phỉ nhổ! Chết trong nhục nhã!

Trích giáo án cô Lê Thu Ba
Giáo viên trường THCS Lý Tự Trọng - Hải Phòng

90 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyện ngụ ngôn *"Kiến giết Voi"*

Bài làm

"Kiến giết Voi" là một truyện dân gian thú vị như một màn tiểu phẩm. Kiến lại giết được Voi, một chuyện lạ đời khó tin, giàu kịch tính.

1. Voi to lớn, hung dữ, có đôi ngà ghê gớm. Voi chưa hề lùi bước trước bất kì một con thú nào trong rừng. Voi rất kiêu ngạo, đi dạo nghênh ngang rừng này, suối nọ.

Thế rồi, một tình huống đã xảy ra chuyển động núi rừng. Voi gặp một đàn kiến vàng bò qua đường. Voi cho rằng đàn kiến vô lễ! Vốn hách dịch coi thiên hạ bằng nửa con mắt, Voi quát tháo om sòm. Nó gọi đàn kiến là *"ranh con"*, đòi *"giẫm chân"* một cái, làm họ hàng nhà kiến *"chết cả nút"*. Voi không ngờ, đàn kiến dám cự lại và tuyên bố: *"không sợ"*, *"không lùi bước"* trước bất cứ ai! Rõ ràng đó là một lời tuyên chiến.

Cuộc đấu giữa Voi và Kiến đã diễn ra dữ dội. Voi to mà Kiến thì bé nhỏ. Voi chỉ có một mình, Kiến là cả một đàn. Voi kiêu ngạo, chủ quan, Kiến chủ động, mưu trí có lối đánh hiểm. Đàn kiến bám lấy chân Voi, leo lên mình Voi, lưng Voi mà đốt. Chúng đái vào mắt Voi làm cho mắt Voi *"cay xè"*, không sao mở được mắt ra nữa! Kiến còn chui vào vòi Voi, tai Voi mà đốt, mà cắn. Voi rống lên chuyển động rừng núi, giãy giụa rồi ngã lăn ra, quằn quại đau đớn. Đàn kiến kéo đến mỗi lúc một đông thêm, xúm vào, lăn xả vào, đốt cho Voi đến chết. Một kết cục quá bất ngờ!

2. *"Kiến giết Voi"* là một truyện ngụ ngôn độc đáo. Nhân dân ta đã mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, nêu lên bài học luân lí sâu sắc. Voi ám chỉ cho kẻ mạnh, lắm quyền uy, kiêu ngạo và hống hách. Đó là tầng lớp trên trong xã hội, cậy thế ức hiếp kẻ yếu. Đàn kiến đông đảo là biểu tượng cho nhân dân lao động, kẻ bị trị, thấp cổ bé họng trong xã hội.

Kẻ mạnh đã chà đạp lên quyền sống và hạnh phúc của nhân dân, đã bị đông đảo nhân dân giáng trả, bị thất bại thảm hại. Kẻ yếu nếu biết tin vào chính nghĩa, biết đoàn kết và chiến đấu mưu trí, dũng cảm, nhất định sẽ đánh thắng kẻ mạnh.

Bài học luân lí sâu sắc của truyện ngụ ngôn *"Kiến giết Voi"* là bài học đoàn kết trong đấu tranh, biết lấy yếu để thắng mạnh, mưu trí đánh hiểm để bảo vệ quyền sống và hạnh phúc của cộng đồng.

Tính giáo dục, tính trí tuệ của truyện *"Kiến giết Voi"* thật là vô giá!

91 - ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nhận về truyện cổ tích "*Em bé thông minh*"

Bài làm

Trong truyện cổ tích, hình thức dùng câu đố để thử tài nhân vật khá phổ biến. Ví dụ: *truyện Yết Kiêu, truyện Lương Thế Vinh*,... Còn truyện cười dân gian như *truyện Trạng Quỳnh, truyện Ông Ó, truyện Xiển Bột*,... thì hình thức dùng câu đối là một thủ pháp nghệ thuật vừa để tạo tiếng cười vừa làm nổi bật tính cách nhân vật.

Sự mưu trí, thông minh của em bé được thử thách qua 5 lần; lần sau càng khó hơn lần trước.

- Lần đầu, em đối đáp với viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan hỏi cha em trâu cày một ngày được mấy đường thì em hỏi lại ngựa ông mỗi ngày đi được mấy bước, làm cho viên quan *"há hốc mồm sửng sốt"*, không biết đáp sao cho ổn!

- Lần thứ hai, em bé đã bảo cha thưa với làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sướng miệng; còn một con trâu và một thúng gạo, xin làng làm phí tổn cho cha con ta trẩy kinh lo liệu sự việc. Em bé đã thông minh giải *"câu đố"* của vua về việc phải nuôi ba con trâu đực chỉ sau một năm đẻ thành 9 con.

- Lần thứ ba, tại sân rồng, trước nhà vua và các quan đại thần, em bé đã lập mưu khóc để giải tiếp *"câu đố"* một cách hóm hỉnh, tài tình: giống đực, dù là người hay trâu đều không đẻ được. Nghe em bé nói nhà vua đã cười.

- Lần thứ tư, tại nhà công quán, em bé đã đưa cho sứ nhà vua một chiếc kim đem về tâu với vua rèn cho một con dao để xẻ con chim sẻ dọn thành ba cỗ thức ăn. Lần này thì đức vua *"mới phục hẳn"* và ban thưởng rất hậu.

- Lần thứ năm, em bé đã tài tình giải *"câu đố"* của vị sứ giả nước láng giềng về việc xâu sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột một con ốc xoắn. Trong lúc bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái được vua triệu vào triều đình *"đều lắc đầu bó tay"* thì em bé cho là chuyện dễ ợt. Em vừa chơi đùa vừa hát lên một bài ca:

Tang tình tang! Tính tình tang
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng
Bên thời lấy giấy mà bưng
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
Tang tình tang...

Chỉ mới nghe bài ca viên quan tâu lên, vua và triều thần *"mừng như mở cờ trong bụng"*. Và khi con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc, vị sứ giả nước láng giềng phải thán phục. Lần giải *"câu đố"* này, tài năng của em bé được khẳng định. Vua phong cho em bé làm trạng nguyên, xây dinh thự cho em trong hoàng cung để vua tiện *"hỏi han"*. Có thể nói, lần trổ tài thứ năm của em bé rất hóm hỉnh, thú vị. Em bé là một thần đồng, một bậc kì tài, xứng đáng được nhà vua trọng thưởng.

Truyện cổ tích *"Em bé thông minh"* có nhiều tình tiết, chi tiết hấp dẫn, đầy kịch tính, mang dáng dấp như một truyện cười, nhất là ở phần cuối.

Ý nghĩa của truyện khá sâu sắc: *đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian; biểu lộ niềm tự hào đối với thần đồng đất Việt.*

92 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ về truyện cổ tích "*Em bé thông minh*"

Bài làm

Trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam có rất nhiều truyện kì thú kể về những em bé tài trí, thông minh tuyệt vời. Phần lớn là những chú bé tóc còn để chỏm, cưỡi trâu chăn trâu... Thế mà đã bao phen làm cho các quan đại thần phải kinh ngạc, sứ Tàu phải *"lác mắt"*, nhà vua và hoàng hậu hết lời ban khen, trọng thưởng. Chú bé trong truyện *"Em bé thông minh"* là một trong muôn nghìn gương sáng mà dân gian quý mến, trân trọng.

Trí thông minh của em bé được trổ tài trong bốn lần.

Lần thứ nhất, trước câu hỏi oái oăm của tên quan: *"Trâu... cày một ngày được mấy đường?"* Thì em bé đã hỏi vặn lại: *"Ngựa... đi một ngày được mấy bước?"*. Em đã lấy cái không xác định để giải đáp cái không xác định. Thể thức này ta thường bắt gặp trong nhiều truyện dân gian. Ví dụ hỏi: *"Trên đầu có bao nhiêu sợi tóc"* thì vặn lại: *"Lỗ mũi có bao nhiêu sợi lông?"*v.v...

Lần thứ hai, vua ban cho làng em 3 thúng gạo nếp, 3 con trâu đực, hạn trong một năm, ba con trâu ấy phải đẻ thành 9 con nghé. Thật kì quặc vì trâu đực sao đẻ được? Có loại trâu nào đẻ được 3 con trong một năm? Lệnh vua ai dám chống lại? Dí dỏm ở chỗ: Cả làng thì lo, còn em bé lại có cách xử trí rất *"lạ"*: Giết hai trâu, đem hai thúng gạo nếp đồ xôi, cả làng ăn... một trận cho sướng miệng; còn một thúng gạo nếp, một con trâu thì đem bán đi để hai cha con em làm lộ phí lên kinh một chuyến. Em đã tìm cách gặp được vua. Cuộc đối đáp của em rất thông minh. Em gặp vua và em khóc vì mẹ em đã chết mà cha em không đẻ được một em bé nào nữa. Câu hỏi ngây thơ ngộ nghĩnh của em đã làm cho ông vua phì cười, cắt nghĩa: *"Bố mày là giống đực thì làm sao đẻ được!"*. Em đã *"giương bẫy"* để vua mắc mưu, và em có cớ vặn lại: *"Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi 3 con trâu đực cho đẻ thành 9 con để nộp Đức vua?..."*. Em bé rất thông minh vì đã biết sử dụng *phép luận suy* là lấy cái vô lí, cái phi lí để giải thích, để bác bỏ cái phi lí, cái vô lí: *Đàn ông không đẻ được thì trâu đực cũng không đẻ được*, đó là chuyện đương nhiên!

Vua vẫn chưa tin em bé này thông minh, nên lần thứ ba đã sai sứ mang đến một con chim sẻ bắt cha con em phải dọn thành 3 cỗ thức ăn. Em đã gửi sứ giả một chiếc kim đem về tâu với Đức vua rèn cho một con dao. Trong điều kiện thủ công lạc hậu, thô sơ thì một cái kim không thể nào rèn được một con dao. Đã không có dao, hoặc chưa có dao thì chưa thể giết được chim sẻ để dọn cỗ cho vua. Rất dí dỏm, thú vị. Em bé thông minh lắm: *Em đã lấy cái không thể nào làm được để giải thích sự việc không thể nào làm được!* Không thể nào rèn được một chiếc kim thành một con dao cũng như không thể giết một chim sẻ dọn thành 3 cỗ thức ăn được!

Lần thứ tư em đọ trí với sứ giả một nước láng giềng *"cũng như Trạng Quỳnh gặp sứ Tàu thuở nào!"*. Làm sao xâu sợi chỉ luồn qua đường ruột con ốc xoắn? Trong lúc Trạng nguyên, đại thần, văn võ bá quan vô kế khả thi thì em bé ung dung, hát lên một bài vè:

"Tang tình tang! Tang tình tang!
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng
Bên thời lấy giấy mà bưng,

Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
Tang tình tang!..."

Câu đố tưởng là hóc hiểm nhưng đối với em bé thật là dễ ợt! Em đã làm cho vị sứ giả nước láng giềng phải thán phục khi nhìn thấy con kiến càng kéo sợi chỉ qua ruột con ốc xoắn.

Sau bốn lần trổ tài, em bé đã được phong Trạng nguyên, được ở gần vua để vua tiện hỏi han, nghĩa là em đã trở thành Thái sư của Hoàng đế! Ông nông dân có đứa con như thế mới sướng chứ!

Truyện cổ tích *"Em bé thông minh"* na ná một truyện Trạng Quỳnh. Truyện hàm chứa nhiều chất dí dỏm, hài hước. Một em bé 7, 8 tuổi (nghĩa còn sợ ma, nghĩa là còn...) thế mà được phong Trạng nguyên, trở thành cố vấn đầu triều cho Hoàng đế, làm cho sứ giả nước láng giềng phải trố mắt thán phục. Cuộc sống lam lũ, nên nhân dân ta tưởng tượng ra một câu chuyện dí dỏm để mua vui, để yêu đời...

Truyện đề cao trí khôn dân gian. Em bé thông minh tiêu biểu cho trí khôn dân gian, mẫn tiệp, sắc sảo trong ứng xử. Qua truyện cổ tích này, nhân dân ta thể hiện lòng quý mến, trân trọng những con người thông minh, tài trí trong xã hội, đồng thời khẳng định: *trí khôn, sự thông minh, tính sáng tạo là vô giá! Ai cũng phải rèn luyện trí thông minh.*

93 - ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nhận về truyện cổ tích *"Cây bút thần"*

Bài làm

Mã Lương thuộc kiểu nhân vật thần đồng có tài năng kì lạ trong truyện cổ tích. Một số nhân vật tương tự trong truyện cổ tích như em bé trong truyện *"Em bé thông minh"*, Sọ Dừa trong truyện *"Sọ Dừa"*, Thạch Sanh trong truyện cổ tích cùng tên.

Mã Lương là một chú bé có năng khiếu hội hoạ. Sau khi được cụ già tặng bút thần, những bức tranh vẽ của em vừa đẹp vừa kì diệu: vẽ chim thì chim biết hót, biết bay; vẽ cá thì cá biết bơi lượn. Những điều ấy cho thấy giữa tài năng và nghệ thuật, giữa nghệ thuật và phương tiện, điều kiện có quan hệ gắn bó chặt chẽ, thúc đẩy nhau phát triển.

Mã Lương đã dùng bút thần để giúp đỡ người nghèo. Em đã vẽ cày, vẽ cuốc, vẽ đèn, vẽ thùng múc nước cho họ, vẽ những thứ giúp đỡ họ trong cuộc sống lao động và sinh hoạt. Đối với những kẻ tham lam như tên địa chủ, tên bạo chúa thì em khảng khái từ chối, hoặc vẽ những thứ sẽ gây tai hoạ cho chúng nó. Em đã vẽ cung tên làm vũ khí bắn đúng họng tên địa chủ khi hắn phi ngựa xua bọn lâu la đuổi bắt em. Mã Lương đã vẽ biển, vẽ sóng, vẽ bão tố để nhấn chìm tên bạo chúa, trừ hậu hoạ cho dân.

Qua đó, ta thấy Mã Lương đã dùng bút thần để chống lại cái ác, lòng tham lam và phục vụ nhân dân. Với em thì nghệ thuật đích thực là vũ khí để chống cường quyền, bạo lực. Nghệ thuật vì tiến bộ xã hội và hạnh phúc của con người.

Truyện *"Cây bút thần"* được xây dựng theo trí tưởng tượng rất phong phú và độc đáo của nhân dân. Có nhiều chi tiết rất lý thú và gợi cảm. Mã Lương được cụ già tặng bút thần. Mã Lương bị tên địa chủ bắt giam, em đã vẽ lò sưởi, vẽ bánh để ăn, vẽ thang để thoát ngục, vẽ cung tên để bắn trúng họng tên địa chủ, làm cho hắn ngã

nhào xuống đất. Em đã vẽ ngựa để chạy trốn. Chi tiết Mã Lương vẽ cóc ghẻ, vẽ gà trụi lông vừa xấu xí, vừa bẩn thỉu, nhảy nhót tứ tung bên cạnh nhà vua là một chi tiết rất hóm hỉnh. Em đã vẽ biển nổi sóng dìm chết tên bạo chúa.

Truyện *"Cây bút thần"* đã thể hiện quan niệm của nhân dân về sức mạnh của nghệ thuật, về mục đích của tài năng nghệ thuật, về công lí xã hội, đồng thời nói lên ước mơ về những khả năng kì diệu của người nghệ sĩ.

94 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về truyện cổ tích *"Cây bút thần"*

Bài làm

"Cây bút thần" là một truyện cổ tích thần kì của Trung Quốc. Ngoài nhân vật thần kì, sự vật thần kì, truyện cổ tích này còn hàm chứa một triết lí nhân sinh và một quan điểm nghệ thuật vô cùng sâu sắc. Truyện được lưu truyền nhiều nơi trên đất nước Trung Hoa, nhưng sâu rộng nhất là ở vùng Vân Nam, Tứ Xuyên,...

Mã Lương nghèo khổ, có năng khiếu vẽ, biết tự luyện tập nên vẽ giỏi. Em vẫn chưa có bút vẽ, mơ ước mãi mà chưa được. Cụ già đã đến với em trong mơ. Cụ râu tóc bạc phơ, hiền hậu. Cụ cho em cây bút bằng vàng và khích lệ em:

"Đây là một cây bút thần, nó sẽ giúp con rất nhiều". Rõ ràng cụ già là Tiên rồi, như Bụt trong *"Tấm Cám"*, như cụ già trong *"Cây tre trăm đốt"*. Cụ già cho Mã Lương cây bút thần là biểu tượng nói lên mơ ước có một báu vật, một vật thiêng liêng sẽ giúp Mã Lương, cũng như nhân dân lao động biến mơ ước của mình thành sự thật và niềm tin. Chỉ những người có chí lớn, có tài đức mới được Trời, được Tiên, được Phật phù trợ. Vì thế cụ già mới nói với em: *"Nó (cây bút thần) sẽ giúp con rất nhiều"*.

Cây bút thần đã phát huy rực rỡ tài năng của Mã Lương. Trước đây, em cũng đã từng dùng que, dùng ngón tay vẽ chim, vẽ cá... Bức vẽ nào của em cũng đẹp, nhưng chưa đạt đến độ kì diệu. Giờ đây, với cây bút thần trong tay, em vẽ chim thì chim biết hót líu lo và tung cánh bay lên trời; em vẽ cá thì cá vẫy đuôi, trườn xuống sông bơi lượn. Nhờ thế mà thiên nhiên vốn đã đẹp lại càng đẹp thêm.

Mã Lương đã trải qua những năm dài vất vả tự kiếm sống. Với cây bút thần trên tay, em đã vẽ cày, vẽ đèn, vẽ thùng múc nước giúp bà con nghèo trong làng. Những cuốc, cày, đèn, thùng múc nước... của em *"tặng"* chắc giúp cho cuộc đời của họ dễ chịu hơn, có cơm ăn, áo mặc, và có ánh sáng... Chắc là người xưa muốn qua chuyện Mã Lương vẽ cày, vẽ cuốc, vẽ đèn... này mà gửi gắm một ý tưởng, một quan niệm, một quan điểm: *hãy đem nghệ thuật phục vụ lao động, phấn đấu cho ấm no, hạnh phúc của người nghèo, của nhân dân.*

Trên đời vốn đầy rẫy bọn ăn bám, tham lam, độc ác. Cây bút thần của Mã Lương sẽ giúp gì cho đời trong cuộc đấu tranh của nhân dân để *"trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược"* này? Cuộc đối đầu giữa Mã Lương với tên địa chủ là một cuộc đấu tranh mất - còn. Căng thẳng và kì diệu, kì lạ thật. Sức mạnh lúc đầu chưa thuộc về Mã Lương! Em đã bị tên địa chủ nhốt vào chuồng ngựa, bắt em phải chết đói, chết rét! Kẻ thù vừa tham lam, vừa tàn nhẫn, độc ác. Cây bút thần đã cứu em thoát nạn. Em đã vẽ ra lò sưởi để sưởi; em đã vẽ ra bánh để ăn. Rồi em vẽ ra thang, như một vũ khí lợi hại để em *"vượt ngục"* và tạo ra một cái *"bẫy"* làm cho tên gian ác *"chưa trèo qua 3 bậc"* đã ngã lộn nhào xuống đất như bị trời giáng! Tên ác bá phóng tuấn mã, vung

dao đuổi bắt em, em đã vẽ thành cung tên, em lấy cung tên bắn trúng họng nó! Con ngựa em vẽ cho mình là con tuấn mã đưa em đến chân trời mới tự do. Bao yếu tố kì diệu, bao sức mạnh thần kì trong những tình tiết nói về chuyện nhờ bút thần mà Mã Lương đã diệt trừ được tên địa chủ ghê tởm. Ở đây cây bút thần tượng trưng cho sức mạnh chính nghĩa diệt trừ cái ác, hướng tới cái thiện.

Mã Lương không hề lạm dụng bút thần khi sống ở một thị trấn xa lạ. Em không vẽ vàng ngọc, châu báu... để trở nên giàu sang. Em chỉ vẽ tranh, như vẽ chim thiếu mắt, thiếu mỏ... để bán lấy tiền đủ sống. Đây là một tình tiết rất sâu sắc.

Vì vô ý lúc vẽ cò, mà làm cho cò biết bay, Mã Lương một lần nữa lại rơi vào tay bọn ác độc, tham lam. Kẻ thù mới của em đầy quyền lực. Em không thể đem cây bút thần để phục vụ tên vua từng gây bao điều tàn ác đối với nhân dân. Không thể bẻ cong cây bút thần để thỏa mãn dục vọng của tên vua xấu xa. Em chỉ vẽ cóc ghẻ, vẽ gà trụi lông... để chúng đái vào cung điện, làm cho mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Đây là một trong những chi tiết hóm hỉnh nhất trong truyện *"Cây bút thần"*.

Tên vua tham tàn cướp được bút thần, hạ ngục Mã Lương, hắn hí hửng tưởng vẽ gì được nấy. Hắn vẽ vàng nhưng chỉ thành núi, thành đá, thành mãng xà. Bất ngờ núi sập, đá lăn, mãng xà lao tới đớp; tí nữa thì hắn tan xương, bị thú độc cắn chết. Tham thì thâm là như thế đó.

Mã Lương đâu thèm vàng bạc, đâu mê công chúa lá ngọc cành vàng, em giả vờ nhận mọi yêu cầu của bạo chúa để tìm cách chống lại nó. Em đã vẽ biển, vẽ thuyền, vẽ gió, vẽ bão tố... Tên vua, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa, lũ đại thần đã bị chôn vùi dưới đáy đại dương. Cây bút thần trong tay Mã Lương đã có một sức mạnh thần kì, thể hiện ước mơ về công lí, về lẽ đời: *ác giả ác báo, bọn phi nghĩa tàn ác nhất định sẽ bị trừng phạt*.

Cây bút thần kì diệu, là biểu tượng cho sức mạnh nhiệm màu về nghệ thuật. Nó ca ngợi sức mạnh của chính nghĩa, của thiện tâm, nói lên ước mơ của nhân dân trong cuộc đấu tranh diệt trừ ác độc, tham lam để vươn tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Cũng như đàn thần, niêu cơm Thạch Sanh,... cây bút thần của Mã Lương cho ta thấy trí tưởng tượng bay bổng, tài sáng tạo của nhân dân trong cổ tích thần kì.

95 - ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nhận về truyện cổ dân gian "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*"

Bài làm

Truyện cổ tích *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"* có 4 nhân vật: ông lão đánh cá, mụ vợ, con cá vàng và biển xanh. Con cá vàng và biển xanh là hai nhân vật hoang đường, kì ảo.

Truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"* là một truyện cổ dân gian Nga, Đức. Thi hào Pu-skin đã kể lại bằng thơ. Cho rằng đó là truyện cổ tích của A.Pu-skin như sách Ngữ văn 6 là không đúng. Phần cuối chú thích nên viết: Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn đã chuyển dịch thành văn xuôi mới chính xác! Đó là hai nhầm lẫn mà sách giáo khoa Ngữ văn không nên có.

Sau lần đánh cá bắt được con cá vàng biết nói, ông lão đánh cá thả nó về biển khơi mà vùng vẫy..., ông còn phải tuân theo lệnh mụ vợ đi ra biển gọi cá đến 5 lần nữa.

Lần thứ nhất, bị mụ vợ mắng là *"đồ ngốc"*, ông phải đi ra biển xin con cá vàng cho mụ ta một cái máng lợn ăn mới.

Lần thứ hai, ông lão lại đi ra biển xin con cá vàng cho mụ vợ một toà nhà đẹp, sau khi bị mụ ta quát mắng là *"đồ ngu!"*

Lần thứ ba, sau khi bị mụ vợ mắng như tát nước vào mặt là *"Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế!"*, ông lại lóc cóc ra biển xin cá vàng cho mụ ta làm Nhất phẩm phu nhân!

Ông lão lại phải lủi thủi ra biển lần thứ tư, sau khi bị mụ vợ nổi trận lôi đình, tát vào mặt, bắt phải đi xin cá vàng cho mụ ta làm Nữ hoàng.

Lần thứ năm, sau khi mụ vợ nổi cơn thịnh nộ, mụ bắt ông lão phải đi ra biển xin cá vàng cho mụ ta làm Long Vương ngự trên mặt biển.

Biện pháp lặp lại nhiều lần như vậy là để làm nổi bật lòng tham vô đáy đến mức điên rồ của mụ vợ ông lão đánh cá, đồng thời làm nổi bật tình huống đầy kịch tính của câu chuyện.

Biển là một nhân vật hoang đường, kì ảo trong truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*. Trước những thèm khát vật chất và quyền lực của mụ vợ ngày một ghê gớm như nổi cơn điên, biển xanh đã 5 lần tỏ thái độ và biểu cảm, càng về sau càng dữ dội.

- Lần thứ nhất, *"biển gợn sóng êm ả"*.
- Lần thứ hai, *"biển xanh đã nổi sóng"*.
- Lần thứ ba, *"biển xanh nổi sóng dữ dội"*.
- Lần thứ tư, *"biển nổi sóng mù mịt"*.
- Lần thứ năm, *"mặt biển nổi sóng ầm ầm"*.

Nếu ông lão nhân hậu bao nhiêu thì mụ vợ lại tham lam và bội bạc bấy nhiêu! Càng được voi, mụ càng đòi tiên! Được cái máng lợn ăn mới mụ đòi một toà nhà đẹp. Được cái toà nhà đẹp mụ đòi làm Nhất phẩm phu nhân. Được làm Nhất phẩm phu nhân, mụ lại đòi làm Nữ hoàng. Và khi được làm Nữ hoàng, mụ lại nổi cơn thịnh nộ đòi được làm Long Vương ngự trên mặt biển, *"để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý muốn của mụ"*.

Nhân vật mụ vợ trong truyện "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*" tiêu biểu cho những kẻ tham lam tiền của, hám danh vị trong xã hội xưa nay. Hình ảnh mụ vợ, lúc làm Nhất phẩm phu nhân thì "mình khoác áo lông, đầu đội mũ nhiều hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giầy đỏ", lúc làm Nữ hoàng thì sống trong cung điện nguy nga, uống rượu quý, ăn những thứ bánh ngon lành,... và cuối truyện, mụ ta ngồi trên bậc cửa, trước cái máng lợn sứt mẻ trong túp lều nát là một sự bi hài. Đúng *"tham thì thâm"* như dân gian đã cảnh báo!

Truyện cổ tích "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*" ca ngợi lòng biết ơn đối với những con người nhân hậu, đồng thời châm biếm và lên án những kẻ tham lam, bội bạc trong xã hội.

96 - ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nhận của em về nhân vật mụ vợ trong truyện cổ tích "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*"

Bài làm

Truyện cổ dân gian Nga *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"* có giá trị phê phán sâu sắc. Nó đã giễu cợt và lên án những kẻ hám vàng, hám danh vị và quyền lực mà

mất hết tất cả tính người. Mụ vợ ông lão đánh cá là một người đàn bà ghê gớm và đáng ghét như vậy.

Sau 3 lần đòi cá vàng cho mụ được cái máng lợn mới, một cái nhà rộng, được làm Nhất phẩm phu nhân, mụ lại muốn làm Nữ hoàng. Được khoác áo lông, đầu đội mũ nhiễu hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ... giàu sang phú quý nhất đời, thế mà mụ vẫn chưa thỏa mãn. Tính nết thay đổi hẳn, mụ trở thành kẻ ác độc xấu xa. Mụ chửi mắng kẻ hầu người hạ. Mụ biến ông chồng hiền lành thành một tên nô lệ quét dọn chuồng ngựa. Với lòng tham vô đáy, mụ muốn được thành Nữ hoàng. Lạ thay, lần thứ 4, cá vàng vẫn thỏa mãn yêu cầu của mụ. Mụ ăn tiệc trong cung điện nguy nga, uống rượu quý, ăn những thứ bánh ngon lành, chung quanh có vệ binh gươm giáo chỉnh tề đứng hầu.

Mụ vợ sai vệ binh đuổi ông chồng khốn khổ đi. Làm Nữ hoàng được ít tuần, mụ lại nổi cơn thịnh nộ sai người đi bắt ông lão đến. Mụ lại sai ông lão đi gặp cá vàng. Mụ đòi làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mụ và làm theo ý mụ. Mụ khát quyền lực, khát quyền uy đến cực độ. Cá vàng đã *"quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển"*. Và lần này, cảnh tượng biển thật dữ dội: cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Phải chăng trời đã trừng phạt? Ông lão đánh cá trở về chỉ thấy Nữ hoàng hôm nào nay đã trở thành một người đàn bà rách rưới ngồi trước cái máng lợn ăn sứt mẻ. Lâu đài, cung điện biến đâu mất. Như một cơn ác mộng.

Thói đời hiền quá hóa ngu, tham thì thâm. Đọc truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*, ta càng ghê tởm về lòng tham vô độ của người đời. Tham vàng bạc, tham quyền lực đến táng tận lương tâm là nguồn gốc mọi tội ác, làm mất tính người! Mụ vợ ông lão đánh cá khác nào một con quỷ đội lốt người!

97 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về nhân vật "*biển*" trong truyện cổ tích "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*"

Bài làm

Cũng như Tiên, Bụt, Thần, Thánh... trong các truyện cổ dân gian Việt Nam, hình tượng *biển* trong truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"* cho ta nhiều ấn tượng. Biển cũng biểu lộ tình cảm, thái độ, nó tượng trưng cho đạo lí và sức mạnh của công lí.

Chuyện ông lão đánh cá bắt được con cá vàng, không giết thịt nó, ông đã thả nó về với biển. Con cá biết nói, muốn đền ơn ông lão đánh cá phúc hậu. Nghe cá vàng nói: *"Ông sinh phúc thả tôi trở lại xuống biển, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được"*, ông lão nói: *"Trời phù hộ cho ngươi! Ngươi trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì"*. Ông đã thương con cá vàng như thương con người trong hoạn nạn.

Đền ơn đáp nghĩa là đạo lí làm người. Xưa nay, người giàu lòng nhân ái *"làm ơn há dễ trông người trả ơn?"*. Ông lão đánh cá rất hiền lành, chất phác, bị bắt buộc phải làm theo lệnh mụ vợ tham lam. Lần thứ nhất ông gọi cá xin cho mụ vợ một cái máng lợn mới. *"Biển gợn sóng êm ả"*. Biển như mang niềm vui được trả ơn người. Lần thứ hai, *"Biển xanh đã nổi sóng"* khi nghe ông lão nói: *"Mụ đòi một tòa nhà đẹp"*. Biển

mếch lòng nhưng vẫn chiều lòng mụ. Biển cảm thông vì mụ đang sống trong túp lều rách nát. Lần thứ ba, *"Biển xanh nổi sóng dữ dội"* khi mụ vợ ông lão đánh cá đòi làm Nhất phẩm phu nhân. Biển giận nhưng vẫn cho mụ vợ ông lão đánh cá toại nguyện. Lần thứ tư, *"Biển xanh nổi sóng mù mịt"* khi mụ ta đòi làm Nữ hoàng. Kì lạ thay, biển bất bình nổi giận nhưng vẫn cho người đàn bà tham lam vô độ được làm Nữ hoàng.. Và lần thứ năm, *"một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm"* khi mụ vợ ông lão đòi làm Long Vương ngự trên mặt biển, bắt cá vàng phải hầu hạ mụ, làm theo ý muốn của mụ. Biển đã nổi *trận* lôi đình, trừng phạt kẻ lòng tham vô đáy, táng tận lương tâm, *được voi đòi tiên*.

Cùng với con cá vàng biết nói và có phép lạ, hình tượng *biển* đã tạo nên màu sắc hoang đường kì diệu của truyện *"Ông lão đánh cá và con cá vàng". Biển đã tượng trưng cho đạo lí và sức mạnh của công lí.*

98 - ĐỀ BÀI:

Chứng minh rằng: *"Truyện cổ tích dân gian đem đến cho ta những giấc mơ đẹp"*

Bài làm

Kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam vô cùng phong phú, mang vẻ đẹp nhân văn kì diệu. Là thần thoại, truyền thuyết hay cổ tích, tuy ra đời trong những điều kiện xã hội khác nhau, nhưng tất cả đều phản ánh một cách đậm đà đời sống tinh thần và vật chất của cộng đồng, giải thích một cách hồn nhiên, chất phác các hiện tượng, nguồn gốc các sự việc quanh ta, ghi lại những thăng trầm, những biến cố lịch sử dân tộc qua bao huyền thoại bi hùng, tráng lệ. Có nhiều truyện cổ dân gian đã nói lên những khát vọng của nhân dân từ những thuở xa xưa về sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, ước mơ về ấm no, hạnh phúc.

Đúng như có ý kiến cho rằng: *"Truyện cổ dân gian đem đến cho ta những giấc mơ đẹp"*.

1. Trong lúc ngủ, ta thường gặp những giấc mơ. Có giấc mơ dữ dội. Có giấc mơ đẹp. Nằm trong nhà tù Tưởng Giới Thạch (1942-1943), Bác Hồ đã có lúc mơ:

"Mơ thấy cưỡi rồng lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ".

Đó là một giấc mơ đẹp nói lên khát vọng tự do. Đọc truyện cổ dân gian, có lúc ta tưởng mình đang nằm mơ, gặp Thần, Tiên, gặp Bụt, Phật... Những giấc mơ đẹp ấy đối với tuổi thơ chúng ta thật là diệu kì, hạnh phúc. Truyện cổ dân gian như đã chắp cánh cho tâm hồn thơ bé mỗi chúng ta bay lên, được sống trong những khoảnh khắc thần tiên.

Thế giới các vị thần trong thần thoại thật đáng yêu. Ai đã một lần đến thăm núi Kinh Thiên Trụ ở tỉnh Hải Dương, dấu tích của thần Trụ Trời thuở hỗn mang để lại. Mỗi độ thu về, ngắm bầu trời xanh mênh mông, tôi lại mơ, lại nhớ, lại xôn xao trong lòng câu hát: *"Ông Tát Bể - Ông Kể Sao - Ông Đào Sông - Ông Trồng Cây - Ông Xây Rú - Ông Trụ Trời"*. Các Thần đều có sức mạnh vạn năng.

Bạn có còn nhớ câu đồng dao:

"Núi cao sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen".

Lễ vật Sơn Tinh dâng lên vua Hùng sao nhiều và quý hiếm thế? *"Voi chín ngà gà chín cựa, ngựa chín hồng mao..."* là những báu vật đâu dễ tìm, đâu dễ có? Núi Tản Viên cao chót vót ở phía tây kinh thành Thăng Long là dấu tích, là chiến công hóa phép *"nâng núi lên"* của Sơn Tinh để bảo vệ người đẹp, để đánh thắng Thủy Tinh. Sơn Tinh là ước mơ của người xưa muốn có sức mạnh và phép lạ để chiến thắng lũ lụ thiên tai. Sơn Tinh... cũng là giấc mơ đẹp cho em, cho bạn, cho tuổi thơ gần xa:

"Núi Tản như con gà cổ đại
Khổng lồ, mào đỏ thắp bình minh
Mênh mông gọi nắng cho mùa chín
Từ buổi Sơn Tinh thắng Thủy Tinh".

(Huy Cận)

2. Sẽ là bất hạnh biết bao, nếu không được đọc, được nghe kể chuyện cổ dân gian? Sẽ hạnh phúc biết bao khi được nghe bà kể chuyện cổ tích? Bà và chuyện cổ tích là ngọn nguồn những giấc mơ đẹp tuổi thơ:

"Chuyện con cóc, nàng tiên
Chuyện cô Tấm ở hiền
Thằng Lý Thông ở ác...
Mái tóc bà thì bạc
Con mắt bà thì vui
Bà kể đến muôn đời
Cũng không sao hết chuyện..."

(Xuân Quỳnh)

Chú Sọ Dừa chỉ có mắt, mũi... không chân tay, chỉ biết lăn lông lốc mà không biết đi. Chú lại biết chăn bò giỏi. Chú tìm đâu ra mười tấm lụa đào, mười con lợn béo mười vò rượu tăm và một chĩnh vàng cốm để làm sính lễ cưới cô út xinh đẹp con gá phú ông? Sọ Dừa... chàng trai lịch sự... quan Trạng nguyên..., một sự hóa thân nhiệm mầu đã trở thành giấc mơ đẹp của nhân dân, của những con người *"nhỏ bé"* bất hạnh trong cõi đời.

Con chim phượng hoàng biết nói, rất tình nghĩa với lời hứa: *"Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng"*; ông tiên râu tóc bạc phơ đã ban cho anh Khoai câu thần chú *"Khắc nhập! Khắc xuất!"*; ông Bụt và đàn chim sẻ, chiếc giày thêu với hình ảnh cô Tấm xinh tươi gặp Hoàng tử trong ngày hội... tất cả đều trở thành mơ ước tuyệt đẹp của nhân dân ta từ bao đời nay về ấm no hạnh phúc, về một sự đổi đời. Cổ tích thần kì đã nuôi lớn tâm hồn ta bằng bao niềm tin, bao ước mơ đẹp:

"Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật
Biết bao nhiêu hạnh phúc có trên đời
Dẫu phải khi cay đắng dập vùi
Rằng cô Tấm cũng về làm hoàng hậu
Cây khế chua có đại bàng đến đậu
Chim ăn rồi trả ngọn ngọt cho ta...".

(*Đất Nước* - Nguyễn Khoa Điềm)

3. Truyện cổ dân gian, nhất là truyền thuyết, với các yếu tố kì diệu, bao sự tích và hình tượng thần kì đã trở thành những bài ca yêu nước tráng lệ đem đến cho ta nhiều giấc mơ đẹp. Cái vươn vai của Thánh Gióng, từ một chú bé lên ba bỗng trở

thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Ngựa sắt phun lửa. Gióng vung roi sắt đánh cho lũ giặc Ân tơi bời. Roi sắt gãy. Gióng nhổ tre làm vũ khí quật cho lũ giặc chết như ngả rạ. Đánh tan giặc, Gióng đã bay về trời. Gióng là mơ ước của tuổi thơ Việt Nam ngàn đời:

"Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt,
Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng".

(*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?* - Chế Lan Viên)

"Sự tích trăm trứng" đã nhập hồn ta từ thuở trong nôi theo lời ru của mẹ. Lưỡi gươm khắc hai chữ *"Thuận Thiên"* là vật báu của Long Quân cho Lê Lợi mượn để đánh giặc Minh. Cái lẫy nỏ thần Kim Quy bắn một phát giết hàng vạn giặc. Triệu Quang Phục chống giặc Lương ở đầm Dạ Trạch được Rồng Vàng tháo móng chân đem cho, và dặn: *"Cắm lên mũ đâu mâu, sẽ đánh đâu thắng đấy!"*. Nhờ thế mà Triệu Quang Phục chém được đầu tướng giặc Dương Sản, thu phục lại giang sơn.

Truyền thuyết lịch sử tuy mang yếu tố hoang đường nhưng nó đã diễn tả một cách bay bổng thần kì sức mạnh Việt Nam, truyền thống yêu nước, anh hùng của đất nước và con người Việt Nam qua những chặng đường lịch sử vẻ vang. Ta lớn lên cùng truyền thuyết. Ta tự hào và yêu thêm đất nước. Một đất nước có *"nghìn núi trăm sông diễm lệ..."*. Một đất nước có Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên... oai hùng.

Chúng ta sinh ra và lớn lên dưới trời xanh và hương lúa được nuôi dưỡng bằng tình thương của cha, bằng sữa mẹ, bằng sự dạy bảo của thầy cô giáo. Tiếng đàn bầu, khúc dân ca, câu thơ Kiều của Nguyễn Du... đã trở thành mảnh tâm hồn mỗi chúng ta. Bạn có nghe tiếng gà gáy trên hoang đảo:

"Ò... ó... o...
Phải thuyền quan Trạng rước cô tôi về?"

Bạn còn có nhớ câu hát dân gian trong ngày hội Gióng:

"Đứa thì sứt mũi, sứt tai,
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà!"?

Thật vậy, truyện cổ dân gian đã đem đến cho ta những giấc mơ đẹp. Ta như nghe tiếng thầm thì của ông cha từ ngàn xưa vọng nói về. Và ta càng yêu thêm truyện cổ. Một quyển sách ước. Một cây bút thần. Cái đàn thần và cái niêu cơm thần... của Thạch Sanh... đã trở thành mơ ước và hành trang trong tâm hồn mỗi em thơ.

Một dân tộc cần cù, dũng cảm, thông minh và tài hoa mới có một kho tàng truyện cổ dân gian đậm đà, hấp dẫn thế!

99 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ của em về nhân vật ông Tiên, ông Bụt trong một số truyện cổ tích mà em đã học, đã đọc

Bài làm

Đã có ai gặp Tiên, gặp Bụt trong cuộc đời? Nhưng truyện cổ tích lại đem đến cho tuổi thơ bao giấc mơ đẹp. Trong những giấc mơ cổ tích, hình ảnh những ông Bụt, bà Tiên giàu tình thương yêu, lắm phép lạ choáng ngợp tâm hồn chúng ta. Đầu tóc bạc phơ, đôi mắt sáng ngời, miệng cười tươi, tiếng nói ân cần, tay chống gậy… đó là

hình ảnh ông Bụt, bà Tiên trong thế giới cổ tích. Bụt, Tiên hiện ra, bầu trời bừng sáng, nước mắt người đau khổ được lau sạch, hạnh phúc và niềm vui được trao cho, cỏ cây nở hoa, chim cất tiếng hót...

Cô bé trong truyện "*Bát cơm nguội*" đã gặp Tiên. Mỗi ngày mẹ vào rừng lấy củi, mẹ nghèo chỉ có để phần cho em một bát cơm nguội. Bà lão ăn mày rách rưới, đói khổ ba lần đến nhà, cô bé đã cho bà cả ba bát cơm nguội. Cả ngày phải nhịn đói, nhưng cô bé rất vui. Một ngày nọ, mẹ bị ốm nặng, cô bé đi vào rừng tìm lá thuốc cho mẹ. Khi sắp bị hổ vồ thì bà lão ăn mày ấy xuất hiện. Hổ dữ phải bỏ chạy khi bà giơ cao chiếc gậy tre. Bà trao cho cô bé nắm lá rừng và chiếc giỏ, ân cần dặn: "*Về nhà mới mở ra*". Nhờ lá thuốc mà mẹ khỏi bệnh. Mở giỏ ra thấy một giỏ đầy vàng! Bà lão ăn mày ấy chính là bà Tiên. Lòng tốt của cô bé đã được đền đáp.

Bụt trong truyện "*Tấm Cám*" xuất hiện nhiều lần, mở rộng tình thương che chở cho cô Tấm hiền lành, tội nghiệp. Bụt bày cho Tấm nuôi con cá bống để cho đời Tấm đỡ cô quạnh. Bống bị mẹ con mụ dì ghẻ giết chết, Bụt bày cho Tấm chôn xương bống vào hũ, để sau này xương biến thành áo quần, giày dép cho Tấm mặc đi hội. Tấm bị sát hại, Bụt lại hoá phép cho Tấm biến thành chim, thành cây xoan đào, thành quả thị thơm tho, thành cô gái xinh đẹp biết têm trầu cánh phượng. Chi tiết Bụt sai bầy chim sẻ bay đến nhặt thóc cho Tấm để Tấm được đi hội, thật cảm động. Tấm chết đi, sống lại nhiều lần, phải thay đổi kiếp. Phép màu nhiệm của Bụt đã làm cho Tấm biến hoá: lúc là người, lúc là chim, lúc là cây, lúc là quả, lúc là đồ vật. Dù mang hình thức gì đi nữa thì vẫn là cô Tấm xinh đẹp, nết na, trường tồn, bất diệt.

Anh Khoai trong truyện "*Cây tre trăm đốt*" đã gặp Bụt giữa rừng sâu. Bụt đã trao cho anh câu thần chú: "*Khắc nhập! Khắc xuất*" để anh tạo ra cây tre trăm đốt. Chẳng cần vàng ngọc làm sính lễ chỉ với câu thần chú ấy, anh Khoai cần cù, chất phác đã lấy được con gái phú ông làm vợ! Bụt đã làm thay đổi cuộc đời anh. Bụt đã đem đến cho anh nhiều hạnh phúc.

Nhân vật Bụt, Tiên đã tạo nên yếu tố hoang đường trong cổ tích, đem đến cho tuổi thơ chúng ta nhiều say mê, thích thú khi được nghe bà kể chuyện. Những giấc mơ đẹp mà cổ tích đem lại đã làm cho tâm hồn tuổi thơ giàu có sáng trong. Bà Tiên, ông Bụt đã làm cho cái thiện thắng cái ác, kẻ gian tà bị trừng phạt, người lương thiện được đền bù, ước mơ về công lí, về hạnh phúc được thực hiện bằng "*tưởng tượng và ước mơ*":

Ở hiền thì lại gặp hiền,
Người ngay thì được người tiên độ trì.
Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa"

(*Chuyện cổ tích nước mình* – Lâm Thị Mỹ Dạ)

100 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyện ngụ ngôn *"Ếch ngồi đáy giếng"*

Bài làm

"Ếch ngồi đáy giếng" là một truyện ngụ ngôn rất hóm hỉnh và lí thú. Ếch chỉ là một loài vật bé nhỏ, tầm thường. Nơi sống là đáy giếng, một nơi chật hẹp; tối tăm, khép kín. Mối quan hệ của ếch chỉ là những con vật nhỏ bé, tầm thường: vài con nhái,

con cua, con ốc mà thôi. Môi trường sống ấy, quan hệ *"cộng đồng"* ấy nơi *"vương quốc"* đáy giếng đã làm cho ếch hợm mình, tự phụ, kiêu căng. Tiếng kêu của ếch chỉ *"ồm ộp"* trong đáy giếng, nhưng lũ cua cáy, ốc nhái thì *"rất hoảng sợ"*. Vì sống *"lâu ngày"* trong hoàn cảnh ấy, tật xấu phát triển thành *"bệnh"* trầm trọng. Điểm nhìn thì thấp bé, nhỏ hẹp. Tầm nhìn thì mù mờ chủ quan. Do đó, nằm ở đáy giếng, ngồi ở đáy giếng mà *"ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung"*. Đáng sợ hơn nữa là thái độ sống của ếch rất tự cao, tự đại, nó cho mình *"oai như một vị chúa tể"*. Ếch đã tự ru ngủ mình trong vương quốc *"đáy giếng"*, không phải ngày một ngày hai, mà là đã *"lâu ngày"*.

Ở đời, ai có thể *"ngủ yên mãi trong đời chật"*! Ếch cũng thế thôi. Một trận mưa to đã làm cho nước giếng *"dềnh lên tràn bờ"*. Như một cuộc *"mở cửa"*. Môi trường sống của ếch đã thay đổi. Từ đáy giếng, ếch bò lên, bơi lên bờ giếng, rồi ếch *"ra ngoài"*. Môi trường sống đã thay đổi rộng lớn hơn. Thế nhưng cách sống của ếch vẫn *"quen thói cũ"*. Thái độ sống vẫn hợm hĩnh, coi thiên hạ bằng nửa con mắt, *"ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp"*. Từ đáy giếng lên bờ giếng và mặt đất, điểm nhìn đã thay đổi, nhưng tầm nhìn, cách nhìn của ếch vẫn như cũ *"nó đã nhâng nháo đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời"*; ếch vẫn *"coi trời bằng vung"*. Bầu trời bao la thế, mênh mông thế, nhưng đối với ếch thì vẫn nhỏ bé bình thường.

Trước đây nơi đáy giếng, ếch chỉ biết có cua, ốc, nhái, nhỏ bé mà thôi. Lên mặt đất, môi trường sống thay đổi, quan hệ trong cuộc sống đã thay đổi rất nhiều, xung quanh ếch là muôn loài, là bàn dân thiên hạ, có những tên *"khổng lồ"* rất đáng sợ như *"con trâu"*. Thế nhưng ếch vừa *"nghênh ngang"*, vừa chủ quan, *"chả thèm để ý đến xung quanh..."*. Cái giá thật đắt mà ếch phải trả đã xảy ra, ếch *"đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp!"*. Đó là một kết cục thật đau đớn và đáng thương!

Trong truyện ngụ ngôn *"Ếch ngồi đáy giếng"*, hàng loạt ẩn dụ được sáng tạo nên làm cho cốt truyện hấp dẫn, ý nghĩa truyện, bài học luân lý của truyện được thể hiện sâu sắc, thấm thía. Ngoài ếch còn có nhái, cua, ốc,... và con trâu. Có *"đáy giếng"*, *"bầu trời"* và *"chiếc vung"*. Còn có cảnh *"trời mưa to"*, và cái chết của ếch bị trâu *"giẫm bẹp"*. Đó là cuộc sống con người, cách sống của con người được nói đến.

Truyện ngụ ngôn *"Ếch ngồi đáy giếng"* đã nêu lên bài học nhân sinh rất lí thú, sâu sắc về môi trường sống, quan hệ sống, góc nhìn và tầm nhìn, thái độ sống. Khi môi trường sống, quan hệ sống đã thay đổi thì góc nhìn và tầm nhìn phải thay đổi cho phù hợp. Bài học luân lí càng giàu ý nghĩa và thiết thực đó là sự ám chỉ những kẻ sống quẩn quanh, tầm nhìn hạn hẹp thì trí năng tầm thường, kiến thức nông cạn đáng thương! Bài học ngụ ngôn khẽ nhắc mọi người phải khiêm tốn, sáng suốt, không được tự cao, tự đại, hợm mình *"coi trời bằng vung"*, coi thiên hạ bằng nửa con mắt! Nếu cứ sống theo cách *"ếch ngồi đáy giếng"* thì có ngày phải trả giá đau đớn. Trong ngôn ngữ dân tộc: *"Ếch ngồi đáy giếng"* vừa là *ngụ ngôn*, vừa là *thành ngữ*.

101 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận về truyện *"Ếch ngồi đáy giếng"*

Bài đọc tham khảo

Trong *"Truyện ngụ ngôn Việt Nam"* có câu chuyện kể về một chú ếch hợm hĩnh, nông nổi, đáng thương.

Số là, có một con ếch, do một sự ngẫu nhiên nào đó, ngay từ khi sinh ra đã ở trong một cái giếng nọ (cũng có thể không phải do ngẫu nhiên mà còn là do sở thích của họ hàng nhà ếch nữa. Chả thế trong kho thành ngữ, tục ngữ của ta còn có câu: *"Giếng đâu thì ếch đó"*). Sống cùng với ếch ở trong giếng chỉ có vài con nhái, cua ốc, nhỏ.

Từ dưới đáy giếng nhìn lên, ếch ta chỉ nhìn thấy một khoảng trời bé bằng cái vung. Nó nghĩ: Tất cả vũ trụ chỉ có vậy, vì thế ếch tự coi mình là chúa tể. Hằng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng khiến các con vật bé nhỏ kia hoảng sợ. Nó càng lấy làm oai.

Nhưng có một năm, có thể do thái độ xấc xược *"coi trời bằng vung"* của ếch thấu đến tai Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nổi giận đùng đùng và quyết định *"phế truất"*, *"ngai vàng"* nơi đáy giếng của ếch nên đã làm một trận mưa thật to. Nước trong giếng dềnh lên, tràn qua bờ, đưa ếch ta ra ngoài.

Quen thói cũ, ếch nhâng nháo nhìn lên trời. Nó bỗng thấy cả một bầu trời rộng lớn hơn nhiều cái khoảng trời nó vẫn thấy. Ếch ta không tin và thấy bực bội vì điều đó. Để ra oai, nó cất tiếng kêu ồm ộp. Vị chúa tể hi vọng là sau tiếng kêu của mình mọi thứ đều phải trở lại như cũ. Nhưng bầu trời vẫn là bầu trời. Còn nó vì mải nhìn lên trời, chả thèm để ý đến xung quanh, nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

Từ cách nhìn thế giới bên ngoài chỉ thông qua miệng giếng của chú ếch nọ mà thành ngữ này trước hết dùng để chỉ *"những người hiểu biết ít do điều kiện tiếp xúc hẹp"*.

(...) Sau nữa, lại từ thái độ nhâng nháo *"coi trời bằng vung"* của ếch mà thành ngữ này còn hàm ý nói về sự chủ quan, coi thường thực tế. Số phận của những người đó, nếu không giống như con ếch huênh hoang, hợm hĩnh nọ, thì chí ít, họ cũng phải trả bằng những thất bại chua xót khi tiếp xúc với thực tiễn phong phú và sinh động, mà khi hiểu ra thì sự đã rồi.

(Trích *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*)

102 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyện *"Thầy bói xem voi"* và nói lên cảm nghĩ của em

Bài làm

Nhân dân vẫn lấy tiếng cười để mua vui giải trí, để đánh địch, để chế giễu những thói hư tật xấu quanh ta. Truyện *"Thầy bói xem voi"* là một truyện cười mang tính ngụ ngôn sâu sắc.

Truyện nói về một cuộc hội ngộ của năm ông thầy bói nhân buổi chợ ế hàng. Họ tranh luận về con voi mà họ xem bằng *"tay"*; tất cả đều mù nên mỗi *"thầy"* nhận diện con voi một cách khác nhau.

Thầy bói sờ vòi voi thì bảo *"sun sun như con đỉa"*.

Thầy bói sờ ngà lại phán con voi *"chần chẫn như cái đòn càn"*.

Lão thầy bói sờ tai voi lại khẳng định nó *"bè bè như cái quạt thóc"*.

Lão thầy bói thứ tư sờ chân voi, lại cãi là voi *"sừng sững như cái cột nhà"*.

Lão thầy bói thứ năm sờ đuôi lại nói con voi *"tun tủn như cái chổi sể cùn"*.

Cả năm ông thầy bói đều thuộc thế giới mù, nên thầy nào cũng dùng cách ví von so sánh tả con voi thật hóm hỉnh, buồn cười. Năm thầy bói đều có nhận xét đúng nhưng chỉ đúng một bộ phận của con voi. Vì mù quen nói mò, nhưng thầy bói nào cũng tin là mình tuyệt đối đúng, đạp tai trước chân lí, trước sự thật rành rành.

Cuộc cãi vã của năm ông thầy bói trở nên ồn ào. Cuộc đấu khẩu thành cuộc xô xát. Màn hài kịch trở thành màn bi - hài kịch. Năm lão thầy bói đã *"đánh nhau toạc đầu, chảy máu"* làm cho thiên hạ được một bữa ôm bụng mà cười!

Từ câu chuyện cười *"Thầy bói xem voi"* mà nhân dân ta có câu tục ngữ: *"Thầy bói nói mò"*. Truyện cười này nhằm chế giễu bọn thầy bói mắt đã mù mà còn giở trò bịp bợm, kiếm ăn bằng trò mê tín dị đoan.

Truyện *"Thầy bói xem voi"* còn mang tính ngụ ngôn sâu sắc. Nhân dân nêu lên bài học về cách nhìn và cách đánh giá sự vật, hiện tượng. Không được chủ quan, phiến diện. Phải có quan điểm toàn diện. Trong học tập và cuộc sống hằng ngày, bài học ấy rất cần thiết đối với mỗi người.

103 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyện *"Thầy bói xem voi"* và nói lên cảm nghĩ của em

Bài làm

Thầy bói xem voi là một truyện ngụ ngôn dân gian Việt Nam. Ngụ ngôn nghĩa đen nghĩa là lời nói gửi, lời nói có ngụ ý kín đáo. Truyện ngụ ngôn là loại truyện đề cập đến những bài học về đạo lí hoặc triết lí bằng một hình thức kín đáo, thâm thuý. Nhân vật trong các truyện ngụ ngôn có khi là cỏ cây, muông thú, có khi là con người. Nhưng cả người lẫn vật trong các truyện ngụ ngôn đều chỉ là những phương tiện nhằm giúp cho tác giả đưa ra những bài học về đạo lí đối với người đời.

Truyện "*Thầy bói xem voi*" có kết cấu tương đối rõ ràng, nó như một vở kịch ngắn gồm ba màn kịch khá đặc sắc.

Màn thứ nhất có thể gọi tên là "*Cuộc họp mặt và xem voi của năm thầy bói*". Trong màn kịch này, ta thấy các thầy bói họp mặt nhân buổi ế hàng để đi đến một quyết định quan trọng là cần xem voi, xem để bù đắp cho sự thiếu thốn trong hiểu biết, để thoả trí tò mò. Cuộc xem voi của các thầy bói khá đặc sắc: họ *xem voi bằng tay*; không ai bảo ai, mỗi người chỉ xem một bộ phận trên cái cơ thể đồ sộ của con voi.

Cuộc họp mặt của các thầy bói chứa đầy kịch tính. Cái tò mò của các thầy bói muốn biết về con voi cũng kích thích trí tò mò của người đọc, khiến họ phải chú tâm theo dõi cuộc họp mặt và cách thức "*xem voi*" của cả năm thầy.

Màn thứ nhất của vở kịch được thể hiện trọn vẹn ở đoạn mở đầu của truyện. Mỗi câu trong đoạn văn là một thông tin. Các thông tin cứ nối tiếp nhau tạo ra sức hấp dẫn đối với người đọc, buộc họ phải xem tiếp màn sau của vở kịch.

Màn thứ hai có thể gọi tên là "*cuộc tranh luận*". Sang màn này, kịch tính cứ từng bước tăng thêm qua cuộc đối thoại giữa các thầy bói. Các câu đối thoại đều rất ngắn gọn, cứ từng nấc làm bộc lộ nội dung, cứ qua một câu đối thoại thì mâu thuẫn giữa các thầy bói lại tăng thêm một bước.

Người nói sau thì phủ nhận người nói trước, người nói sau cùng thì phủ nhận tất cả! Sự bực tức của các thầy bói cứ tăng dần lên theo từng lời đối thoại của người khác, đẩy mâu thuẫn và sự hài hước lên một bước cao hơn.

Phải thừa nhận rằng mỗi thầy bói đều có chỗ đúng trong nhận xét của mình, nhưng nó lại chỉ đúng với một bộ phận của con voi mà họ đã sờ được. Song họ lại sai, bởi vì ai cũng khăng khăng đem một cái rất nhỏ, rất cá biệt nhằm khẳng định cái toàn thể. Cái bộ phận thì làm sao có thể bao quát hết được cái toàn thể! Những mâu thuẫn ở *màn thứ hai* này đã đẩy đến kết cục ở *màn chót*.

Màn chót của vở kịch có thể gọi tên là "*cuộc ẩu đả*". Màn này diễn ra cảnh ồn ào nhất do mâu thuẫn của tấn kịch đã lên tới đỉnh điểm. Các thầy bói đã "*đánh nhau toác đầu chảy máu*", bởi vì "*thầy nào cũng cho mình đúng, không ai chịu ai*". Cuộc xô xát xảy ra là không thể tránh khỏi, vì các thầy bói đều rất bảo thủ, người nào cũng cứ khư khư giữ lấy ý kiến của mình và cho rằng mình đã tìm ra quan niệm đúng nhất về hình thù con voi!

Cuộc ẩu đả giữa các thầy bói nhằm "*giải quyết mâu thuẫn*", "*bảo vệ chân lí*" mang đầy tính bi và hài. *Cái bi* thể hiện ở chỗ các thầy bói đều muốn thoả mãn sự hiểu biết, nhưng rốt cuộc vẫn chẳng hiểu được gì, sự đau khổ vì thiếu tri thức như vẫn còn nguyên vẹn. Hơn thế nữa lại còn phải đổ máu mà vẫn không biết được chân lí là đâu! *Cái hài* thể hiện ở chỗ thầy bói nào cũng chỉ căn cứ vào một bộ phận của con voi để nhận định khái quát về cả con voi và cứ một mực cho thế là đúng, rồi cứ thế mà cãi nhau và đánh nhau!

Truyện "*Thầy bói xem voi*" được xây dựng trên cơ sở sự khiếm khuyết về thị giác của các thầy bói. Họ không thể nhận biết được sự vật bằng chức năng của mắt, phải nhờ vào bàn tay, tức là nhờ vào chức năng của xúc giác và căn cứ vào đó để đánh giá sự vật. Nguy hại hơn nữa là lại chỉ dựa vào một bộ phận của sự vật để đánh giá toàn bộ sự vật ấy. Cách "*nhìn nhận*" đó đã làm cho sự vật méo mó, thiếu chính xác và không khách quan.

"*Thầy bói xem voi*" là câu chuyện giàu kịch tính, có kết cấu khá mạch lạc. Nghệ thuật của truyện ngụ ngôn dân gian ở đây đã đạt tới đỉnh cao. Tác giả đã rất khéo chọn lựa một con vật đồ sộ như voi để cho các thầy bói cùng một lúc đều có thể "*xem*" bằng tay, và từ đó sẽ thuận lợi cho việc tưởng tượng, hư cấu nhằm rút ra những điều bổ ích cho con người về việc nhận xét, bình giá và ứng xử trong mọi quan hệ ở đời. Rõ ràng đây là một tấn bi – hài kịch về một cách nhận thức, một bài học quý để người đời cùng học. Bài học ấy nhắc chúng ta rằng muốn hiểu biết đầy đủ về một sự vật, một hiện tượng hay một con người nào đó thì phải nhìn nhận thật toàn diện, không nên mới chỉ biết có một ít mà đã suy ra quá nhiều hoặc phán đoán mò mẫm.

Đến đây, ta càng thấy đầu đề "*Thầy bói xem voi*" hàm chứa đầy tính hài hước. Đầu đề này cũng đã đi vào vốn ngôn ngữ thông thường của đời sống mỗi khi nhận xét hoặc bình giá một sự việc nào đó làm chưa đến đầu đến đũa hoặc còn phiến diện.

Truyện "*Thầy bói xem voi*" mang đậm tính phê phán, có ý nghĩa triết học sâu sắc, nó như một bài học quý không chỉ cho ngày xưa, cho ngày nay mà cho cả mai sau...

Cao Đức Tiến

(*Bình giảng Văn học lớp 6*)

104 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyện *"Đeo nhạc cho mèo"* và nêu cảm nghĩ của em

Bài làm

Ba tiếng *"hội đồng chuột"* là tiếng cười châm biếm, chế giễu của dân gian. Truyện ngụ ngôn *"Đeo nhạc cho mèo"* cũng là một trong những chuyện *"hội đồng chuột"* ấy.

1. Làng chuột hội họp đông đủ, bàn việc rất hệ trọng. Chiếu trên ngất ngưởng ông Cống. Chiếu giữa có anh Nhắt. Chiếu cuối có anh Chù. Cống trình bày một chủ trương vô cùng quan trọng, đó là bàn chuyện *đeo nhạc cho Mèo* để làng chuột được báo động từ xa mà an tâm làm ăn. *"Hay quá! Cao kiến quá!"*, cả làng chuột reo lên khi ông Cống dứt lời.

Mấy ngày sau, nhạc đã mua về. Làng chuột lại nhóm họp để cử *"người"* đi đeo nhạc vào cổ Mèo. Ai sẽ được vinh dự lĩnh ấn tiên phong?

Người đầu tiên được cả làng chuột đồng thanh nhất trí giới thiệu là ông Cống. Ông là người chức trọng quyền cao, danh giá nhất trong làng chuột. Nhưng ông vểnh râu khước từ cho đó là *"việc làm tầm thường"* không xứng với danh hiệu cao quý của mình.

Anh Nhắt được cử đi. Anh nhanh nhẹn được cả làng chuột tín nhiệm. Anh bảo là giữa làng chuột thì anh vẫn là người có vai vế *"ở chiếu trên"*. Việc tẹp nhẹp ấy dành cho bọn *"đàn em"*...

Cuối cùng, Chù được vinh dự nhận công việc vinh quang *"đeo nhạc cho Mèo"*.

Chù thấp cổ bé họng, chối không được, phải cõng cái nhạc ra đi. Gặp Mèo, Chù đánh bạo đến gần. Mèo liền nhe nanh giương vuốt, gầm gừ. Chù cắm đầu tháo chạy, vứt cái nhạc lại, không biết cái nhạc bon đi đâu! Cả làng chuột vừa thấy Chù chạy về, vô cùng sợ hãi *"bỏ chạy tán loạn"*.

Cái hay, cái thú của truyện ngụ ngôn này là ở ba tình tiết. Một, ông Cống đưa ra sáng kiến đeo nhạc cho Mèo. Hai, cả làng chuột đùn đẩy nhau. Ba, Chù phải cõng nhạc đi. Mới gặp Mèo, Chù sợ quá vứt nhạc lại hổn hển chạy về... Cả làng chuột bạt vía kinh hồn, mạnh ai nấy chạy, lo bảo toàn tính mạng của mình.

2. *"Đeo nhạc cho mèo"* là một truyện cười pha chất ngụ ngôn hóm hỉnh. Truyện đã phản ánh và châm biếm *"việc làng"*, *"hội đồng chuột"* ngày xưa. *"Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau"*. Giữa chốn đình trung, quyền ăn, quyền nói, quyền cắt đặt, phán xét mọi công việc trong làng đều thuộc về bọn chức sắc, bọn vai vế, bọn tai to mặt lớn... định đoạt hết. Mọi công việc nặng nhọc, nguy hiểm, đầu chày đít thớt đều đổ lên đầu bọn con em, dân bạch đinh, thấp cổ bé họng!

"Đeo nhạc cho mèo" cứ ngỡ là một sáng kiến, nhưng chỉ là một ý đồ viển vông, không thực tế. Trong cuộc sống, mọi kế hoạch, mọi *"sáng kiến"* phải mang tính khả thi mới có giá trị. Đó là bài học luân lí hàm chứa trong truyện cười - ngụ ngôn *"Đeo nhạc cho mèo"*.

105 - ĐỀ BÀI:

Bình giảng truyện ngụ ngôn *"Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng"*.

Bài làm

Truyện là câu chuyện về mấy bộ phận trong thân thể con người suy bì tị nạnh với nhau - chủ yếu là giữa Chân, Tay, Tai, Mắt và Miệng. Chân, Tay, Tai, Mắt tự cho là phải chịu vất vả vô lí để nuôi Miệng đã rủ nhau nhất loạt bỏ việc để mặc Miệng tự kiếm sống. Chúng không biết rằng làm như thế, chúng đã tự hại mình. Nhận ra sai lầm, chúng lại làm lành với nhau, sống thuận hoà như cũ.

Truyện vui này mượn chuyện các bộ phận cơ thể để nói về chuyện người. Mối quan hệ giữa của bộ phận trên chẳng khác nào mối quan hệ giữa người và người trong xã hội. Nếu Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng phải phụ thuộc lẫn nhau, phải nương tựa vào nhau để tồn tại, thì mỗi cá nhân trong tổ chức, trong cộng đồng cũng bị ràng buộc với nhau, phải bổ sung và hỗ trợ cho nhau, cũng như phải chia sẻ với nhau. Không có bộ phận nào thừa. Không bộ phận nào hoàn toàn tách khỏi các bộ phận khác mà có thể sống được. Con người ở với nhau cũng vậy. Vì thế, bài học có thể rút ra được từ truyện này là : Trong tập thể, trong cộng đồng, mọi thành viên đều có quan hệ chặt chẽ với nhau. Cá nhân muốn tốt thì phải chăm lo xây dựng tập thể, phải quan tâm trước hết đến lợi ích chung! Nếu làm ngược lại, thì chỉ dẫn đến suy thoái và diệt vong.

Bài học nghe có lý, thuyết phục được người nghe vì nó dựa trên cơ sở thực tế hiển nhiên; mỗi bộ phận trong cơ thể người có chức năng riêng, không thể lẫn lộn, không thể phủ nhận - chân để đi, tay để làm, tai để nghe, mắt để nhìn, miệng để ăn. Giữa các bộ phận ấy lại có một chức năng chung là duy trì sự sống bình thường của con người. Chức năng chung ấy buộc các bộ phận riêng lẻ phải phối hợp với nhau, lệ thuộc vào nhau, vừa nhịp nhàng, vừa chặt chẽ theo một quy luật chung. Không bộ phận nào yếu kém mà lại không làm tổn hại ít hay nhiều cho toàn thể. Cũng như một con người lành mạnh là một con người có cơ thể hoàn chỉnh, trong đó có các bộ phận đều tốt và luôn luôn "*ăn ý*" với nhau. Khám sức khoẻ chính là một hình thức kiểm tra thực trạng và tình hình hoạt động của các bộ phận trong cơ thể người. Chân, Tay, Tai, Mắt tách ra để cô lập Miệng là vô lí chính vì đã vi phạm quy luật chung của tự nhiên.

Bài học rút ra từ truyện ngụ ngôn trên là đúng đắn, sâu sắc, nhưng cũng có nhưng khía cạnh cần phải làm rõ thêm. Khẳng định mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa bộ phận và toàn thể, giữa cá nhân với cộng đồng hoàn toàn không có nghĩa là khuyến khích sự ỷ lại, dựa dẫm, làm cầm chừng, phó mặc tất cả cho người khác, luôn luôn trông chờ ở người khác và tập thể. Mặt khác, sự khẳng định ấy cũng không có nghĩa là không coi trọng sự phát huy đúng mức vai trò, tính tích cực của mỗi thành viên trong cộng đồng. Nếu sự ỷ lại, dựa dẫm của mỗi thành viên làm yếu cộng đồng, thì ngược lại sự tích cực của họ lại làm cho cộng đồng càng thêm củng cố, vững mạnh, phát triển. Trong bất cứ tình huống nào, con đường đúng đắn nhất cho mỗi thành viên, mỗi bộ phận của cộng đồng cũng phải là nỗ lực cao để hoàn thành tốt phần việc của mình. Triển vọng của mỗi cá thể tuỳ thuộc ở đấy. Triển vọng của cả cộng đồng cũng tuỳ thuộc ở đấy.

Nguyễn Văn Chính
(*Bình giảng Văn học lớp 6*)

106 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyện cười *"Treo biển"*.

Bài làm

Cái biển hàng có sáu chữ: *"Ở đây có bán cá tươi"*.

Có bốn người lần lượt góp ý. Người thứ nhất góp ý bỏ 2 chữ *"ở đây"*. Nghe ra thì cũng có lí. Người thứ hai bàn nên bỏ tiếp hai chữ *"có bán"*. Cái biển chỉ còn lại hai chữ: *"cá tươi"*. Người thứ ba khuyên nên xóa chữ *"tươi"*. Người cuối cùng lại góp ý là đã có mùi tanh rồi cần chi phải đề chữ *"cá"*. Nhà hàng cất ngay biển. Chẳng cần suy nghĩ gì!

Tiếng cười ở truyện *"Treo biển"* đã hàm chứa một lời khuyên nhẹ nhàng, vui vẻ: *nên biết lắng nghe ý kiến mọi người, nhưng phải có chủ kiến.* Ở đời *"lắm thầy thối ma"*, đừng nên *"rằm cũng ừ, mười tư cũng gật"*. *"Treo biển"* là một truyện cười mang màu sắc ngụ ngôn.

107 - ĐỀ BÀI:

Phân tích truyện cười *"Lợn cưới, áo mới"*

Bài làm

Truyện này tiếng cười bật ra ở tình huống buồn cười. Hai anh hay khoe gặp nhau và cùng khoe. Có cử chỉ nực cười. Anh này thì: *"tất tưởi chạy đến hỏi to"*. Anh kia thì *"giơ ngay vạt áo, bảo"*. Một anh thì khoe *"con lợn cưới"*... Một anh lại khoe *"cái áo mới"*. Anh nào cũng vừa hả hê vừa bực dọc! Hả hê vì có người để được dịp mà khoe! Bực dọc vì đợi suốt một ngày mới có dịp để khoe *"cái áo mới"*. Bực dọc vì *"con lợn cưới"* chạy đi đằng nào, chưa tìm ra!

Tiếng cười ở truyện *"Lợn cưới, áo mới"* là tiếng cười châm biếm thói khoe khoang. Và đó cũng là bài học luân lí nhẹ nhàng mà sâu sắc: *hay khoe khoang là lố bịch, để lại tiếng cười cho thiên hạ!*

108 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ về nhân vật mồ côi trong truyện cổ tích

Bài làm

Truyện cổ tích là loại truyện cổ dân gian kể về những câu chuyện tưởng tượng, thường có tính chất phiêu lưu, chung quanh số phận cuộc đời những con người bất hạnh, những nhân vật tài trí thông minh hoặc khờ khạo, những nhân vật là loài vật mang tính người... Trong đó, truyện cổ tích thần kì là hấp dẫn nhất, thú vị nhất.

Những nhân vật đáng thương, đáng yêu nhất trong truyện cổ tích là những người mồ côi, những thân phận bất hạnh, nhỏ bé, thấp hèn, lam lũ...

Cô Tấm, chàng Thạch Sanh, chú Sọ Dừa, anh Khoai,... là những con người, những nhân vật đáng thương, đáng yêu kì lạ !

Xã hội được nói đến trong cổ tích là một xã hội đã phân chia giai cấp, có người giàu và người nghèo, có kẻ ác và người lương thiện. Trong xã hội ấy có bao thân phận

đáng thương. Người thì mồ côi ở với dì ghẻ như cô Tấm, người thì phải ở với người anh tham lam, như người em trong truyện *"Cây khế"*; người thì vất vưởng không chốn nương thân, chỉ còn biết lấy gốc đa che mưa che nắng như Thạch Sanh. Người thì như Tầm Dang, Nha Rúi, cha mẹ chết hết, bọn chủ làng cướp sạch ruộng đất, nhà cửa, cả hai phải đi ở đợ kiếm cơm. Ở cõi trần đã khổ, trên cõi trời còn khổ hơn, bị vùi dập, bị xua đuổi.

Những con người bất hạnh ấy rất cần cù trong lao động. Cô Tấm biết làm đủ việc, làm giỏi giang: chăn trâu, cắt cỏ, mò cua bắt tép, xay giã giần sàng. Thạch Sanh chỉ có một cái khố, một cái búa rìu mà lăn lộn rừng xanh kiếm củi kiếm sống. Sọ Dừa biết chăn trâu giỏi; đàn trâu bò của phú ông được Sọ Dừa chăn dắt con nào con nấy cũng béo tốt. Anh Khoai rất siêng năng, cày sâu cuốc bẫm. Người em trong truyện *"Cây khế"* sống hiền lành, chăm chỉ làm ăn vượt lên cảnh nghèo.

Những con người *"nhỏ bé"* ấy còn có bao phẩm chất tốt đẹp. Cô Tấm nhân hậu, dịu dàng. Tiếng gọi bống của Tấm như tiếng hát ru em, đầy thiết tha ngọt ngào: *"Bống bống bang bang ! Bống ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta - Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người..."*. Nha Rúi đẹp người đẹp nết, sống tình nghĩa thủy chung. Cái phái ba ngăn có sợi chỉ hồng nhuộm bằng máu cô, có bức thêu hình Tầm Dang, gửi lên trời cho chồng đã thể hiện một tình yêu chung thủy vươn lên trong hoạn nạn. Tầm Dang thì thà *"tóc bạc"* chứ quyết không để cho *"lòng bạc"*. Nỗi buồn nhớ làng cũ của Tầm Dang chính là tình yêu buôn làng của nhân dân ta từ bao đời nay. Sọ Dừa lúc thì biến thành một chàng trai nằm trên võng đào thổi sáo cho bò gặm cỏ, lúc thì biến thành một người chồng lịch sự. Về sau, Sọ Dừa lại đi thi đậu trạng nguyên, được vua cử đi sứ... Thạch Sanh chém trăn tinh, bắn đại bàng, gảy đàn thần để lui giặc. Dũng sĩ Thạch Sanh đã trở thành phò mã, rồi được nhà vua truyền cho ngôi báu. Những con người ấy, tuy có nhờ Tiên, Phật độ trì, nhưng bản chất họ rất tốt đẹp: cần cù trong lao động, thủy chung trong tình yêu, nhân hậu, thông minh, dũng cảm, bền bỉ đấu tranh vươn lên trước hoạn nạn, số phận để giành lấy hạnh phúc và tự do.

Qua số phận người mồ côi... trong cổ tích, ta càng thấy rõ mặt trái của xã hội khi phân chia giai cấp. Người lương thiện bị áp chế trong đau thương. Cái ác ngự trị, là nguyên nhân gây nên mọi đau khổ trong cuộc đời.

Ta càng thương cảm, quý mến những thân phận bất hạnh, mồ côi vì cuộc đời của họ đầy mồ hôi, máu và nước mắt. Vì họ là những con người lao động chân chính có bao phẩm chất tốt đẹp.

Xây dựng nên những hình tượng tốt đẹp như cô Tấm, Sọ Dừa, anh Khoai, Tầm Dang và Nha Rúi, Thạch Sanh,... nhân dân ta gửi gắm bao ước mơ tốt đẹp, khẳng định một niềm tin ngời sáng: *"Ở hiền gặp lành"*. Những người hiền lành ăn ở có tình nghĩa thủy chung sẽ được Phật, Tiên *"độ trì"*. Những ước mơ ấy nói lên đạo đức trong sáng của nhân dân, đồng thời tạo nên tính nhân văn của truyện cổ tích.

Hình ảnh nhân vật mồ côi, những con người *"nhỏ bé"* trong truyện cổ tích rất đáng thương và đáng yêu. Hậu vận của họ đã làm cho truyện cổ tích mãi mãi là bài ca lạc quan yêu đời của nhân dân lao động. Truyện cổ tích đã bồi đắp ước mơ, tình nhân ái... cho mỗi chúng ta, nhất là đối với tuổi thơ gần xa.

109 - ĐỀ BÀI:

Phân tích ý nghĩa bài thơ ngụ ngôn *"Thỏ và Rùa"* của La Phông-ten

Thỏ và Rùa

La Phông-ten (1621 - 1695)

Chạy ích chi ? Cốt đi đúng lúc
Truyện Thỏ Rùa ngẫm thực rõ thay!

Rùa rằng: "Ta đánh cuộc này:
Đích kia chạy đến, anh tày tôi chăng ?"
"Chị điên chắc! Nghĩ xằng mơ hão
Chạy hơn ta ? Tẩy não đi thôi!"
Khăng khăng Rùa cứ giữ lời:
"- Điên hay không, tôi vẫn chơi cuộc này!"
Họ vào cuộc theo ý Rùa thách,
Giải hai bên cạnh đích cùng bày
Hỏi chi vật nọ món này ?
Lại cần chi biết ai đây trọng tài!
Thỏ chỉ việc nhảy vài bốn cái
(Cái nhảy khi suýt phải sa cơ
Nhảy làm bầy chó ngẩn ngơ
Rượt theo mà chẳng bao giờ bén chân).
Vâng! Thỏ đủ giờ ăn giờ ngủ.
Giờ vểnh tai nghe gió đông tây,
Mặc cho cái ả Rùa này
Như ông quan cụ, khoan thai lê mình
Rùa dời gót, tận tình tận lực
Ì ạch lê từng bước... cố mau
Hợm mình, Thỏ định chạy sau,
Khởi hành cùng lúc hơn nhau quá thường.
Thỏ nghĩ bụng: "Không bươn bả vội
Càng phất phơ càng nổi tài ba!"
Thỏ gặm cỏ, Thỏ lê la,
Thỏ nằm Thỏ nghỉ... nhởn nhơ đủ trò.
Nhởn nhơ chẳng buồn lo tranh cuộc,
Cuối cùng... khi Thỏ ngước nhìn lên:
Đích kia Rùa đã kề bên,
Thỏ ta vội phóng như tên bay vù.
Nhưng bay nhảy quá ư vô ích
Chị Rùa ta tới đích nhanh thay!
Rùa cười: "Tôi nói chẳng sai
Có ai ăn được cái tài chạy nhanh ?
Tôi thì thắng còn anh thì bại
Nếu anh bê một cái mai vào
Thì còn ì ạch đến đâu ?"

(Huỳnh Lý - Nguyễn Đình dịch)

Thơ ngụ ngôn là một chuyện ngụ ngôn được kể dưới hình thức thơ. Tính chất ngụ ngôn là nội dung tư tưởng của bài thơ. Bài thơ ngụ ngôn này, kể chuyện Rùa và Thỏ chạy thi, nhưng ngụ ý là nói chuyện loài người, qua đó nêu lên một bài học luân lí bổ ích, thấm thía.

Trước hết nói về con Rùa. Hội họa, điêu khắc Việt Nam, Trung Quốc có bức tứ bình nói về *"tứ linh"* (4 con vật linh thiêng): *"Long, Ly, Quy, Phượng"*. Lại có câu ca dao:

"Thương thay thân phận con Rùa
Lên đình đội hạc, xuống chùa đội bia".

Thần Kim Quy" hay *"Nỏ thần"* là truyền thuyết bi hùng thấm đẫm tình yêu nước. Trong dân gian vẫn có câu nói, cách nói, nào là *"chậm như Rùa"*, nào là *"nhanh như thỏ"*. Ở đây, bài thơ ngụ ngôn *Thỏ và Rùa"* nói về cuộc chạy thi giữa *"chị Rùa"* và *"anh Thỏ"*, một cuộc đua không cân sức giữa 2 địch thủ, phần thắng được đoán là *"Thỏ nhất định thắng!"*. Đường đua, thời gian đua không xác định, hơn nữa lại không có trọng tài, đòi hỏi *"chị Rùa"* và *"anh Thỏ"* phải hết sức đàng hoàng, sòng phẳng!

Mở đầu là hai câu thơ nêu lên một chân lí:

"Chạy ích chi ? Cốt đi đúng lúc
Chuyện Thỏ, Rùa ngẫm thực rõ thay!"

Câu thơ mở đầu nói lên suy nghĩ của nhà thơ về **tính thời gian** (đúng lúc), **yếu tố thời gian** giữa chạy và đi chứ không phải tốc độ.

Thật hóm hỉnh, *"chị Rùa"* và *"anh Thỏ"* cả hai đều được nhân hóa. Rùa là phía yếu mà dám cả gan thách Thỏ chạy thi. Tác giả đã tạo nên một tình huống đầy kịch tính qua lời đối đáp giữa Rùa và Thỏ:

Rùa rằng: "Ta thách cuộc này:
Đích kia chạy đến anh tày tôi chăng ?"

Thỏ như thấy mình bị xúc phạm, phải *"ăn miếng trả miếng"* ngay. Thỏ vừa tự kiêu vừa coi Rùa bằng nửa con mắt:

"Chị điên chắc nghĩ xằng mơ hão
Chạy hơn ta ? Tẩy não đi thôi!"

Thỏ quá coi thường Rùa, lên giọng châm biếm, chê Rùa là loại người chẳng biết mình biết ta, tâm trí hình như điên loạn, ý nghĩ thì xằng bậy, chỉ mơ tưởng hão huyền. Đằng sau lời *"trả miếng"* là một nụ cười ngạo mạn, tự phụ của Thỏ. Thế nhưng chị Rùa không hề bị khiêu khích, vẫn quyết tâm thi đấu. Rùa thật tự tin: *"Điên hay không, tôi vẫn chơi cuộc này"*.

Một cuộc đua hơi lạ. Cũng có giải. Cũng có đích. Chẳng cần mời ai làm trọng tài. Thỏ chỉ cần *"nhảy vài bốn cái"* cũng bằng Rùa ì ạch hàng giờ. Chó săn vốn chạy đã nhanh, nhưng đối với Thỏ cũng chẳng thấm vào đâu: *"Nhảy làm bầy chó ngẩn ngơ - Rượt theo mà chẳng bao giờ bén chân"*. Trong cuộc đua, *"lượng"* thời gian là sức mạnh vật chất, làm nên yếu tố thắng, bại. Thế nhưng Thỏ cứ dềnh dàng, lúc thì ăn, lúc thì ngủ, cứ đủng đà đủng đỉnh nhởn nhơ như người dạo chơi, *"vểnh tai nghe gió đông tây"*. Thỏ đã cậy sức, cậy tài, bỏ phí thời gian và rất chủ quan. Vì thế, Thỏ càng nhìn Rùa bằng nửa con mắt, coi thường lắm! Chị Rùa chạy thi gì mà lạ thế, chẳng khác nào một ông quan già nua đang lê mình bước đi trên đường dài:

"Mặc cho cái ả Rùa này
Như ông quan cụ khoan thai lê mình"

Đoạn thơ ghi lại một hoạt cảnh, thể hiện hai tinh thần, hai thái độ, hai ý thức trong một cuộc đua hoàn toàn khác nhau, đối lập nhau. Trong lúc Thỏ *"dù giờ ăn giờ ngủ"*, hoặc *"vểnh tai nghe gió đông tây"* thì Rùa đang hết mình, gắng sức, tận tình, tận lực, bền bỉ để hạn chế cái sở đoản ngắn chân, nặng nề, sự ì ạch của mình. Rùa đang khắc phục cái yếu, phát huy cái mạnh của mình để vươn lên:

"Rùa dời gót, tận tình, tận lực
Ì ạch lê từng bước... cố mau"

Thỏ càng hợm hĩnh, càng chủ quan coi thường đối thủ. Chẳng cần khởi hành một lúc với Rùa, vì Thỏ cho như thế mà *"hơn nhau quá thường"*. Chẳng cần phải *"bươn bả"* gắng sức. Muốn *"nổi tài ba"* thì phải *"phất phơ"*. Và Thỏ đã dành phần lớn thời gian cuộc đua cho *"lê la"* và *"nhởn nhơ"* như đi du ngoạn:

"Thỏ gặm cỏ, Thỏ lê la,
Thỏ nằm, Thỏ nghỉ... nhởn nhơ đủ trò"

"Gặm cỏ, lê la, nằm nghỉ, nhởn nhơ..." đâu phải là cách để thi tài, để chạy về trước đích?

Bằng biện pháp tương phản đối lập và nghệ thuật nhân hóa, La Phông-ten đã quan sát và miêu tả Rùa và Thỏ trong 2 mối tương quan: Thỏ nhanh, Rùa chậm; trong 2 thái độ và tinh thần lúc đua: Thỏ chủ quan cậy sức cậy tài, chạy đua mà như đi chơi nhởn nhơ, trái lại, Rùa bền bỉ, gắng sức, triệt để tận dụng thời gian để chạy thi.

Phần cuối bài thơ càng giàu kịch tính. Lúc Rùa gần tới đích thì Thỏ mới phát hiện ra. Thỏ hoảng hốt, rồi ra sức phóng lên, nhưng đã thua cuộc thảm hại:

"Đích kia Rùa đã kề bên,
Thỏ ta vội phóng như tên bay vù.
Nhưng bay nhảy quá ư vô ích
Chị Rùa ta tới đích nhanh thay!"

Cuộc đua đã kết thúc. Thỏ đã thua đau. Rùa vừa cười vừa nói *"mát"* Thỏ. Kháy *"cái tài chạy nhanh"* của Thỏ *"có ăn ai được"*. Rõ ràng: *"Tôi thì thắng còn anh lại bại"*. Cái giả định mà chị Rùa nêu ra tuy nhẹ nhàng nhưng rất *"đau"* đối với Thỏ. Nếu anh mang cái mai vào lưng thì còn *"ì ạch"* và càng chạy càng thua:

"Nếu anh bê một cái mai vào
Thì còn ì ạch đến đâu ?"

Có điều trước lúc vào cuộc thi, Thỏ lên giọng khinh thường Rùa hết mức thì sau khi cuộc đua kết thúc, Thỏ biết thân, nghe Rùa nói, nhìn Rùa cười mà chẳng nói được nửa lời. Cái giá của thói kiêu ngạo, tự phụ phải trả là quá lớn, quá đau!

Bài thơ ngụ ngôn *"Thỏ và Rùa"* tựa như một màn kịch nhỏ. Chất thơ ở đây là chất hài hước, hóm hỉnh. Mượn chuyện Thỏ và Rùa chạy thi, hai con vật được nhân hóa, mỗi con có một giọng điệu riêng, kết quả cuộc thi rất bất ngờ: Rùa thắng, Thỏ thua. Qua đó, tác giả nói về chuyện loài người. Và bài học luân lí được nêu ra kín đáo, giản dị, sâu sắc. Nhà thơ nhắc khẽ mọi người đừng cậy tài, cậy sức mà chủ quan, hợm mình. Đức tính bền bỉ, gắng sức phấn đấu... là nguồn gốc cho mọi thắng lợi. Còn một bài học nữa là phải biết quý trọng thời gian. Yếu tố bất ngờ, sự tận dụng giây phút, không lãng phí thời gian... là bài học lớn. Thời đại tin học, bài học ấy lại càng lớn. Học tập cũng là một cuộc đua tranh, nên bài học về tận dụng thời gian, quý trọng thời gian là vô giá đối với học sinh.

110 - ĐỀ BÀI:

Phân tích câu chuyện bà đỡ Trần đỡ đẻ cho hổ trong truyện *"Con hổ có nghĩa"*

Bài làm

Vũ Trinh (1759-1828) đỗ Hương cống (cử nhân), từng làm quan dưới thời Lê - Trịnh, sau làm quan cho triều Nguyễn. Ông để lại nhiều thơ văn chữ Hán, trong đó có cuốn *"Lan trì kiến văn lục"*. Gọi tắt là *"Kiến văn lục"* gồm 45 truyện ngắn, đó là những truyện truyền kì lưu hành trong dân gian mà ông đã ghi chép lại. Truyện *"Con hổ có nghĩa"* rút trong cuốn *"Lan trì kiến văn lục"*.

"Con hổ có nghĩa" nói về chuyện bà đỡ Trần và bác tiều phu gặp hổ, họ đã được hổ đền ơn đáp nghĩa. Truyện đề cao đạo lí nhân nghĩa thủy chung ở đời. Truyện gồm có hai phần, phần nào cũng tinh giản mà kì thú, gợi cảm.

Mẩu chuyện thứ nhất nói về bà đỡ Trần ở Đông Triều gặp hổ. Tình huống li kì hồi hộp: đêm, nghe có tiếng gõ cửa, bà đỡ ra mở cửa, rồi bị con hổ *"lao tới cõng bà đi"*. Bị hổ bắt thì làm sao sống được? Bà đỡ, ban đầu *"sợ chết khiếp"*. Hổ *"dùng một chân ôm lấy bà chạy như bay"*, hễ gặp bụi rậm, gai góc thì *"dùng tay rẽ lối chạy vào rừng sâu"*. Phải chăng hổ bắt được mồi, nên vội vã tha mồi về hang ổ? Nhưng cái cử chỉ *"một chân ôm lấy bà"*, *"một tay rẽ lối"* của hổ thì có vẻ như nương nhẹ, cẩn trọng? Một tình tiết hồi hộp, hấp dẫn.

Cảnh thứ hai cũng đầy kịch tính. Bà đỡ nhìn thấy hổ cái *"đang lăn lộn cào đất"*, bà đỡ *"run sợ không dám nhúc nhích"*. Bà sợ lắm vì tưởng hổ định ăn thịt mình. Hổ đực dùng cử chỉ để thay cho lời nói. Nó *"nhỏ nước mắt"*, thương hổ cái lắm. Nó *"cầm tay bà nhìn hổ cái"* như kêu van, như xin được cứu giúp. Người và hổ đã tương tri, đã biết cảnh ngộ nhau, biết tấm lòng của nhau. Bà đỡ rất mẫn cảm, có tay nghề giỏi, bà chỉ nhìn bụng hổ cái *"như có cái gì động đậy"* thế là bà *"biết ngay hổ cái sắp đẻ"*. Thật nhân đức, bà đỡ hòa thuốc với nước suối cho hổ cái uống, bà còn dám *"xoa bụng cho hổ"*. Cử chỉ của bà đầy tình thương. Đã mấy ai trong thiên hạ dám đưa tay xoa bóp bụng hổ. Với bà đỡ Trần thì hổ cái là một sản phụ, đang đau đẻ cần được giúp đỡ để cứu cả mẹ lẫn con.

Cảnh thứ ba, là cảnh hổ cái đẻ con và hổ đực đưa tiễn bà đỡ. Hổ đực rất tình cảm và có nghĩa. Nó vui mừng *"đùa giỡn với con"*. Nó *"quỳ xuống"* bên một gốc cây, *"lấy tay đào lên một cục bạc"* để tặng cho bà đỡ. Nó *"đứng dậy đi, quay nhìn bà"* để ra hiệu đưa tiễn bà về. Nghe bà đỡ nói: *"Xin chúa rừng quay về"*, nó *"cúi đầu vẫy đuôi"*, rồi *"gầm lên một tiếng"*. Cảnh tiễn biệt đầy lưu luyến và sâu nặng tình nghĩa biết bao!

Câu chuyện thật hay, thật hồi hộp cảm động. Người đỡ đẻ giúp hổ cái mẹ tròn con vuông. Hổ đền ơn người một cục bạc (về nhà cân được hơn mười lạng): nhờ món quà ấy mà gia đình bà đỡ sống qua được năm mất mùa đói kém. Chuyện hổ cũng là chuyện người. Bài học đền ơn đáp nghĩa thật kì thú, gợi cảm.

111 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về câu chuyện bác tiều phu ở Lạng Giang cứu hổ trong truyện "*Con hổ có nghĩa*"

Bài làm

Ở đời, có lúc có nơi, ta thấy những kẻ mặt người dạ thú mà ghê tởm. Chuyện con chó, con ngựa chí tình thì hầu như ai cũng thấy. Nhưng truyện *"Con hổ có nghĩa"* thì thật vô cùng kì lạ đối với số đông trong chúng ta. Vũ Trinh, nhà văn trung đại đã ghi lại hai mẩu chuyện lạ lưu truyền trong dân gian, đọc lên thật vô cùng xúc động.

Mẩu chuyện thứ nhất nói về chuyện bà đỡ Trần ở Đông Triều gặp hổ. Mẩu chuyện thứ hai kể lại sự việc bác tiều phu ở Lạng Giang cứu con hổ thoát nạn, và con hổ đã mang nặng ơn sâu. Câu chuyện xảy ra trong rừng, khi bác tiều phu đang bổ củi. Rất hấp dẫn đầy kịch tính thú vị. Cả ba cảnh đều hay. Nhìn thấy con hổ trán trắng đang mắc nạn *"nhảy lên vật xuống"*, *"mở miệng nhe răng, máu me nhớt dãi trào ra"*; một khúc xương to *"mắc ngang họng"*, hổ càng móc *"khúc xương càng vào sâu"*. Thương con hổ mắc nạn như thương con người gặp tai ương, vì đã *"uống rượu say"* mà bác tiều phu dám cả gan cất tiếng gọi hổ: *"Cổ họng ngươi đau phải không, đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho"*. Sự kì lạ ở đây là con hổ cũng nghe được và hiểu được tiếng người. Cử chỉ hổ *"nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều"* cho thấy hổ nghe được, hiểu được tiếng người. Nó chờ đợi và cầu cứu bác tiều phu.

Cảnh thứ hai ghi lại hình ảnh bác tiều phu cứu hổ thoát nạn. Bác đã *"lấy tay thò vào cổ họng hổ lấy ra một chiếc xương bò, to như cánh tay"*. Sau khi hổ được cứu thoát, nó *"liếm mép, nhìn bác tiều phu rồi bỏ đi"*. Cái *"liếm mép"* ấy, cái *"nhìn"* ấy của hổ chứa đầy tình cảm biết ơn. Hành động của bác tiều phu rất dũng cảm, dám *"lấy tay thò vào cổ họng hổ..."*. Vì thương con hổ bị nạn, vì tin mình và tin hổ nên bác tiều phu mới dám làm như thế! Tình huống bác tiều phu móc họng hổ lấy khúc xương bò... rất hấp dẫn. Câu nói của bác tiều phu với con hổ thể hiện sự chất phác, chân thật và hồn nhiên: *"Nhà ta ở thôn Mổ, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé!"*. *"Miếng lạ"* là miếng ngon, *"nhớ nhau nhé"* vì hoạn nạn có nhau, ngọt bùi cũng nên có nhau.

Cảnh thứ ba là cảnh đền ơn của con hổ. Nó mang đến nhà bác tiều phu một con nai để làm quà... Mười năm sau, khi bác tiều chết, nó về đưa tiễn *"dấu dụi vào quan tài gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi"*. Đó là cử chỉ thương tiếc đau xót của hổ đối với ân nhân mình. Từ đó về sau, hổ vẫn mang lễ vật - dê rừng, lợn rừng- về giỗ bác. Con hổ đã sống đầy tình người, rất ân nghĩa thủy chung.

Tóm lại, truyện *"Con hổ có nghĩa"* là một truyện rất hay. Tác giả đã lấy chuyện loài vật để nêu lên bài học đạo lí: *Ân nghĩa thủy chung là đạo lí làm người*. Nhân vật, ngôn ngữ, hành động cử chỉ, chi tiết... đều toát lên ý nghĩa ấy, bài học ấy. Một cách viết rất ngắn, tinh tế, tình huống giàu kịch tính nên câu chuyện kể càng hay, càng hấp dẫn thú vị. Có thể nói, truyện *"Con hổ có nghĩa"* là một truyện ngắn mi-ni trong văn xuôi chữ Hán trung đại vậy!

112 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ của em về bà mẹ Mạnh Tử trong truyện "*Mẹ hiền dạy con*".

Bài làm

Nếu không có người mẹ thì cũng không thể có anh hùng, thi sĩ. Mỗi một đứa trẻ trên trái đất đều có một người mẹ sinh ra; hạnh phúc nhất của đứa con là có người mẹ hiền. Mạnh Tử sinh năm 372 và mất năm 289 trước Công nguyên, là một nhà hiền triết lỗi lạc của Trung Hoa thời Chiến quốc. Ông có một bà mẹ vĩ đại, mà sách cổ chỉ nhắc tới hai chữ *"Mạnh mẫu"* đầy kính trọng. Sách *"Liệt nữ truyện"* cổ xưa có nhắc tới bà qua bài *"Mẹ hiền dạy con"*. Ai đã từng đọc qua bài này một đôi lần, đâu dễ có thể quên những lời dạy con của Mạnh mẫu?

Mẹ hiền là người mẹ sinh thành, nuôi dưỡng đứa con. Tục ngữ có câu: *"Đứa con là hạt máu cắt đôi của mẹ"*. Mẹ hiền là người yêu thương, dạy bảo con nên người, biết nuôi dưỡng chí hướng và lẽ sống cho con, hình thành nhân cách văn hóa cho con. Bà mẹ Mạnh Tử là một người mẹ hiền lí tưởng xưa nay.

Bà thay đổi nơi ở nhiều lần. Lần thứ nhất dời nhà đến ở gần nghĩa địa, bà quan sát thấy con chỉ biết bắt chước *"đào, chôn, lăn, khóc"*. Đó là những việc của phu đào huyệt, là những biểu hiện đau buồn của tang gia. Mạnh mẫu nói với mình, nói cho mình: *"Chỗ này không phải chỗ con ta ở được"*. Lần thứ hai, bà phải dời nhà; dời nhà vì con thơ. Đến nơi ở mới, gần chợ, con trai bà *"cũng bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo"*. Không thể để con nhiễm phải tính xấu ấy, bà lại nói như nhắc khẽ mình: *"Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được"*. Bà lại dời nhà đến nơi khác. Tất cả vì con. Lần thứ ba, Mạnh mẫu chuyển nhà đến ở gần trường học. Con bà *"thấy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở"*, về nhà cũng bắt chước *"học tập lễ phép, cắp sách vở"*. Mẹ Mạnh Tử rất vui lòng, nói: *"Chỗ này là chỗ con ta ở được đây"*. Qua đó, ta thấy Mạnh mẫu rất quan tâm đến con, luôn luôn theo dõi những biến đổi, những tiến bộ của con, tìm môi trường sống, môi trường học tập tốt đẹp cho con. Đó là cách dạy con rất tích cực, rất tiến bộ.

Bà mẹ Mạnh Tử quan tâm giáo dục con tính trung thực, thật thà. Mẹ không được nói dối con thơ. Mẹ phải làm gương cho con trong nói năng, ứng xử, trong mọi việc lớn nhỏ. Nhỡ nói đùa con: *"Để cho con ăn đấy"*, khi con hỏi: *"Người ta giết lợn làm gì thế"*, bà nghĩ và hối hận. Bà tự trách mình: *"Ta nói lỡ mồm rồi! Con ta thơ ấu, tri thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng hóa ra ta dạy nó nói dối hay sao?"*. Mẹ hiền liền đi mua thịt lợn, đem về cho con ăn thật. Lời nói ấy, cách suy nghĩ ấy, việc làm ấy cho thấy người mẹ hiền rất gương mẫu trong giáo dục đạo đức cho con thơ.

Mạnh mẫu rất thương con, nhưng không nuông chiều. Bà rất nghiêm khắc, rất kiên quyết trước ý thức vô kỉ luật trong học tập của con. Mạnh Tử *"đang đi học, bỏ học về nhà chơi"*. Cử chỉ người mẹ trông thấy con bỏ học *"liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung"* thể hiện thái độ rất giận trước ý thức kém cỏi của con. Tấm vải đang dệt mà bị cắt đứt, xem như bị hỏng. Không la mắng! Không roi vọt! Bà chỉ nói với con: *"Con đang đi học mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy"*. Một lời dạy con rất nghiêm, rất sâu sắc. Mạnh mẫu đã dạy con tính nghiêm túc, tính chăm chỉ trong học tập. Nhờ công giáo dục quý báu của mẹ hiền mà từ đó về sau, Mạnh Tử học tập rất chuyên cần, chẳng bao lâu trở thành một bậc đại hiền, được người đời ngưỡng mộ.

"Mẹ hiền dạy con" là một truyện lí thú. Một cách viết ngắn, lớp lang mạch lạc, giản dị mà sâu sắc. Ba lần chuyển chỗ ở, một lần hối hận vì *"nói đùa"* với con, một lần cắt đứt tấm vải đang dệt... để dạy con ý thức học tập. Mạnh mẫu rất yêu con, lại có phương pháp dạy con, quan tâm giáo dục đạo đức và chí hướng học hành cho con. Mạnh mẫu là một bà mẹ hiền vĩ đại. Mạnh Tử là một nhà hiền triết vĩ đại. Có người mẹ vĩ đại mới có người con vĩ đại. Đọc truyện *"Mẹ hiền dạy con"*, càng kính trọng Mạnh mẫu bao nhiêu thì chúng ta càng yêu quý mẹ cha mình bấy nhiêu!

113 - ĐỀ BÀI:

Phân tích nhân vật quan Thái y lệnh Phạm Bân trong truyện *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"*

Bài làm

Tác giả của *"Nam Ông mộng lục"* là Hồ Nguyên Trừng, hiện còn 28 thiên, mỗi thiên là một truyện nói về việc cũ của quê hương đất nước mình, kí thác nỗi sầu xa xứ qua những hồi ức của người đang sống nơi đất khách quê người. Có một số thiên mang yếu tố li kì như những truyền kì, thần thoại. Có một số thiên gần như những *"thi thoại"* khá lí thú. Tất cả sự việc, cảnh vật và con người được tác giả nhớ đến là sự thấp thoáng một số nét về xã hội, lịch sử, văn hóa thời Lý - Trần.

Thiên thứ 8, nhan đề chữ Hán là *"Y thiện dụng tâm"* (Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng) kể chuyện Phạm Bân, một thầy thuốc giỏi, qua đó ca ngợi y đức, kín đáo biểu lộ niềm tự hào về ông cha, tổ tiên mình.

1. Phạm Bân là cụ tổ bên ngoại của Hồ Nguyên Trừng, một thầy thuốc giỏi *"có nghề y gia truyền"* giữ chức Thái y lệnh dưới thời Trần Anh Vương (1293-1314). Tiên sinh là một thầy thuốc có địa vị cao sang, lại còn giàu lòng nhân ái. Ông không tích của mà tích đức, đã đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo. Gặp người tật bệnh cơ khổ, ông cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị. Ông không *"né tránh"* máu mủ đầm đề của bệnh nhân. Bệnh nhân chữa trị *"tới khi khỏe mạnh rồi đi"*, ông không lấy tiền. Trong truyện thơ *"Ngư tiều y thuật vấn đáp"*, ta cũng bắt gặp một cụ lương y cao đẹp như thế; cụ đã nói:

"Đứa ăn mày cũng trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không".

(Nguyễn Đình Chiểu)

Những năm đói kém dịch bệnh nổi lên, Phạm Bân còn *"dựng thêm nhà"* đón những kẻ *"khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở"*. Ông đã cứu chữa được hơn ngàn người. Nhà ông đã trở thành một bệnh viện làm phúc. Quan Thái y không làm giàu mà chỉ làm phúc. Y đức của ông tỏa sáng, cho nên *"ngài được người đương thời trọng vọng"*. Tác giả nêu lên một số sự việc rất điển hình để làm nổi bật *"y thiện dụng tâm"* của Phạm Bân với bao tự hào ngợi ca.

2. Truyện *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"* có một tình huống gay cấn, đầy xung đột giữa tâm đức và danh lợi, giữa cái sống và cái chết, giữa an và nguy. Qua đó, tính cách, nhân cách, bản lĩnh xử thế của người thầy thuốc được tỏ rõ. Cùng một lúc có hai bệnh nhân. Người đàn bà bình dân thì *"nguy kịch, máu chảy như xối, mặt mày xanh lét"*. Con bệnh thứ hai là bậc quý nhân trong cung đang *"bị sốt"*. Một

bên là *"người đến gõ cửa mời gấp"*, một bên là *"vương triệu đến khám"*. Đã mấy ai dám trái lệnh vua? Phạm Bân đã có một cách ứng xử rất đẹp. Ông đã *"đi ngay"* đến cứu bệnh nhân khi *"mệnh sống... chỉ ở trong khoảnh khắc"*, còn bệnh của quý nhân thì *"không gấp"*, sẽ đến vương phủ sau: *"Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ"*. Cứu mệnh sống cho con bệnh nguy kịch là trên hết, trước hết. Phạm Bân đã ứng xử như vậy, cho dù *"phận làm tôi"* không trọn vẹn, có thể nguy hiểm đến tính mệnh mình. Câu đối đáp của quan Thái y lệnh với quan Trung sứ đã thể hiện tầm vóc cao đẹp của một vị danh y. Trái lệnh vua là tội lớn: *"Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào"*. Thật là dũng cảm, giàu đức hi sinh. Có tâm đức, giàu y đức mới có sự lựa chọn vô cùng dũng cảm và đầy tình người, như ông nói: *"Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu"*. Ông nói lên niềm tin về sự anh minh của đức vua: *"Tính mệnh của tiểu thần còn trông cậy vào chúa thượng may ra thoát"*. Vì trái lệnh vua triệu, ông dũng cảm nhận: *"Tội tôi xin chịu"*. Qua đó, ta thấy Phạm Bân đã có *"một tấm lòng"* cao cả khi đứng trước sự lựa chọn giữa y đức và danh lợi, giữa mệnh sống bệnh nhân và sự nguy hiểm có thể chết đối với bản thân mình. Câu nói của Phạm Bân vừa có lí vừa có tình, rất nhân bản, tỏa sáng một nhân cách cao quý. Có phần thưởng nào to lớn hơn khi Phạm Bân được Trần Anh Vương ngợi khen: *"Ngươi thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức..."*.

Phạm Bân là hình ảnh tuyệt đẹp về người thầy thuốc giàu tình thương người, tỏa sáng tâm đức, y đức, để lại bao kính yêu và ngưỡng mộ trong lòng ta. Lương y như từ mẫu. Cùng với các bậc đại danh y như Tuệ Tĩnh, Lãn Ông Lê Hữu Trác..., nhân vật Phạm Bân, tên tuổi và y đức của họ sống mãi trong thời gian và lòng người. *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"* là một truyện giản dị mà hấp dẫn, chứa chan tình người, nêu cao đạo đức của người thầy thuốc chân chính.

114 - ĐỀ BÀI:

Hãy phân tích tính chất giáo huấn của truyện *"Con hổ có nghĩa"* và *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"*

Bài làm

Thời trung đại Việt Nam thường được tính từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX.

Loại truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại có nội dung phong phú, có lối viết đa dạng. Có tác phẩm ghi chép những truyện truyền kì được lưu truyền trong dân gian. Có tác phẩm gần với kí (ghi chép sự việc), với sử (ghi chép chuyện thật). Cũng có tác phẩm hư cấu, giàu yếu tố tưởng tượng nghệ thuật. Cốt truyện hầu hết đơn giản, ngắn gọn; nội dung thường mang tính chất giáo huấn.

Truyện "*Con hổ có nghĩa*" và "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" tiêu biểu cho nội dung và hình thức nghệ thuật của loại truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại. Tính chất giáo huấn in đậm trong hai truyện ngắn này.

Giáo huấn nghĩa là *lời dạy bảo của các bậc cha anh*. Giáo huấn về đạo làm người, cách ăn ở hiền lành, sống có tình có nghĩa thuỷ chung, coi trọng chữ *tín* trong ứng xử, biết yêu thương giúp đỡ đồng loại trong hoạn nạn, thương người như thể thương thân, v.v... Giáo huấn mà không khô khan, vì truyện nào cũng chân thực, cảm động, thấm đẫm tình người, lay động sâu xa tâm hồn người đọc.

1. Truyện "*Con hổ có nghĩa*" rút trong tác phẩm "*Lan trì kiến văn lục*" của Vũ Trinh. Truyện có hai phần, bố cục ngắn gọn, chặt chẽ, chủ đề thống nhất. Phần thứ nhất kể chuyện bà đỡ Trần ở huyện Đông Triều đang đêm bị hổ "*bắt*", "*cõng bà*" đưa về hang. Lúc đầu bà "*run sợ không dám nhúc nhích*", nhưng với linh cảm và kinh nghiệm của một bà đỡ giỏi, giàu tình nhân ái, bà biết mình phải làm gì. Trước cử chỉ, hổ đực "*cầm tay bà nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt*", bà nhìn bụng hổ cái "*có cái gì động đậy, biết ngay là hổ sắp đẻ*". Vượt qua sự sợ hãi ban đầu, bà đỡ Trần đã lấy thuốc mang sẵn trong túi, hòa với nước suối cho hổ cái uống, "*lại xoa bóp bụng hổ*". Cử chỉ ấy cho thấy bà đỡ Trần có một trái tim nhân ái mênh mông. Nhờ bà mà hổ cái mẹ tròn con vuông, hổ đực được "*mừng rỡ đùa giỡn với con*". Chi tiết hổ đực lấy tay đào lên một cục bạc hơn mười lạng tặng ân nhân mình thật giàu ý nghĩa. Sự đền ơn đáp nghĩa của vợ chồng con hổ đối với bà đỡ Trần ngoài sức tưởng tượng của chúng ta.

Phần thứ hai kể chuyện bác tiều phu ở Lạng Giang "*dám cả gan thò tay vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò, to như cánh tay*". Hổ nghe được tiếng người. Đang đau đớn quằn quại vì bị hóc xương, nhưng khi nghe bác tiều kêu lên: "*Cổ họng ngươi đau phải không, đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho*" thì nó "*nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều ra dáng cầu cứu*". Nó cảm nhận được bác tiều phu đang đến cứu giúp nó. Khi chiếc xương bò to mắc ở cổ họng được bác tiều phu lấy ra, con hổ "*liếm mép*" nhìn bác tiều "*rồi bỏ đi*". Cái nhìn ấy là để ghi nhớ hình ảnh ân nhân của mình. Câu nói của bác tiều: "*Nhà ta ở thôn Mỗ, hễ được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé*" tưởng chỉ là một câu nói vui, vô tư. Một con nai đem đến bỏ ngoài cửa nhà bác tiều. Lúc bác tiều mất, con hổ trán trắng từ rừng xanh ra "*dụi đầu vào quan tài*"... Lúc thì con dê, lúc thì con lợn được hổ đưa đến mỗi dịp ngày giỗ bác tiều. Hơn mười năm sau và mãi mãi sau này con hổ ấy vẫn làm đúng như thế. Nó là một con hổ có nghĩa.

Truyện "*Con hổ có nghĩa*" rất thực, rất xúc động. Tính chất giáo huấn toát ra là bài học đền ơn đáp nghĩa, là cách sống tình nghĩa thuỷ chung. Bà đỡ Trần, bác tiều phu ở Lạng Giang đã làm ơn, làm phúc, đem tình thương yêu mà hết lòng cứu người, cứu vật. Có giàu lòng nhân ái mới có cử chỉ, hành động cao đẹp như thế.

2. Nhân dân ta có câu: "*Lương y như từ mẫu*" ca ngợi những thầy thuốc giàu *y đức*. Nhân vật Phạm Bân, quan Thái y lệnh của Trần Anh Vương trong truyện "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" là một lương y được người đương thời trọng vọng. Lúc thì đem hết của cải trong nhà mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo cấp cơm cháo, chữa trị kẻ bệnh tật cơ khổ. Lúc thì dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng và bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người. Dù bệnh nhân "*dầm dề máu mủ*" ngài cũng không hề né tránh. Gặp những năm đói kém, dịch bệnh nổi lên, nhà của Phạm Bân như một bệnh viện làm phúc, "*bệnh nhân đến chữa tới khi khỏe mạnh rồi đi*".

Quan Thái y lệnh lúc nào cũng lấy phương châm trị bệnh cứu người làm trọng. Danh lợi cụ cũng chẳng màng. Kẻ quyền quý giàu sang, người dân đen nghèo khổ, ai có bệnh, cụ đều thương, đều hết lòng cứu giúp, không hề phân biệt đối xử. Người đàn bà bị bệnh nguy kịch "*máu chảy như xối*", một bậc quý nhân trong cung "*bị sốt*", "*vương triệu đến khám*" nhưng Phạm Bân đã có một cách ứng xử đầy tình người: "*Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu*"... "*Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ*". Quả nhiên, người đàn bà "*máu chảy như xối*" ấy được cứu sống. Khi nghe quan Thái y lệnh tâu bày, nhà vua đã hết lời khen ngợi:

- Người thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đỏ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi.

Tính giáo huấn thấm sâu, tỏa rộng trong truyện "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" là bài học về danh lợi và tình thương yêu con người, con người đau khổ hoạn nạn. Cách sống, lối ứng xử và tài trị bệnh cứu người của quan Thái y lệnh Phạm Bân mãi mãi là bài ca tình nghĩa ở đời.

Nguyễn Trãi có câu thơ: "*Tích đức cho con hơn tích của - Đua lành cũng thể mựa đua khôn*" ("*Tự thán*" - 41). Phạm Bân đã "*tích đức*" nên con cháu cụ làm quan lương y đến hàm ngũ phẩm, tứ phẩm có tới hai, ba vị, được người đời khen ngợi "*họ không để sa sút nghiệp nhà*".

Qua các tác phẩm *"Con hổ có nghĩa"*, *"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"*, ta càng thấy rõ tính giáo huấn tỏa sáng truyện văn xuôi chữ Hán thời trung đại. Hơn bao giờ, bài học về đạo làm người càng trở nên thấm thía.

115 - ĐỀ BÀI:

Giới thiệu một vài nét về nhà văn Tô Hoài và truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"*

Bài làm

Tô Hoài là bút danh của Nguyễn Sen, sinh năm 1920, nhà văn Hà Nội, có gần 200 tác phẩm. *Dế Mèn phiêu lưu kí, Vợ chồng A Phủ, Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ, Mười năm,...* là những tác phẩm nổi tiếng của ông.

"Dế Mèn phiêu lưu kí" được Tô Hoài viết từ năm 1941; tác phẩm được dịch ra hơn 120 thứ tiếng trên thế giới. Ở Việt Nam, hầu như em học sinh nào cũng đã đọc kiệt tác này.

Truyện kể về những bước đường phiêu lưu của chú Dế Mèn, qua đó thể hiện và ca ngợi một thiếu niên ham hiểu biết, chuộng lẽ phải, trọng tình nghĩa, khao khát lí tưởng, hăm hở bước vào đời và quyết tâm hành động cho những mục đích và ước mơ cao đẹp của mình.

"Bài học đường đời đầu tiên" trích từ chương I của truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"*. Tác giả kể lại niềm ân hận của Dế Mèn sau khi đã gây ra cái chết đau đớn của Dế Choắt.

116 - ĐỀ BÀI:

Phân tích ý chí tự lập, tinh thần tự chủ của chú Dế Mèn sau ngày được mẹ cho ra ở riêng trong truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"*

Bài làm

Đoạn *"Tôi sống độc lập..."* trích trong chương I truyện *"Dế Mèn phiêu lưu kí"*. Sau hai ngày ở với mẹ, 3 anh em Mèn được mẹ đưa ra bờ ruộng cho đi ở riêng. Mèn là đứa con út, sau khi được mẹ đưa vào hang, mẹ còn bỏ cho một ít ngọn cỏ non trước cửa. Một cuộc đời tự lập bắt đầu. Khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Sục sạo trong hang, Mèn ra đứng trước cửa hang ngắm trời xanh, vỗ đôi cánh còn ngắn, gáy lên mấy tiếng rõ to. Mèn muốn cho thiên hạ biết là mình đã lớn, đã sống độc lập rồi!

Mèn bắt tay vào xây dựng hang, hì hục khoét một cái ổ làm giường, đào đường tắt hai ngả, cửa sau, ngách thượng để phòng thân. Chập tối, Mèn ra đứng trước cửa hang, họp mặt hàng xóm, cao hứng gảy đàn hát một bài hát hoàng hôn chào tạm biệt ông mặt trời. Rất yêu đời và lạc quan, Mèn có một cách nhìn sâu rộng và biết lo xa. Đêm nào Mèn cũng tụ hội với cả xóm *"uống sương đọng, ăn cỏ ướt, cùng nhau gảy đàn, thổi sáo, nhảy múa, ca hát thâu đêm tận sáng mới về nhà"*. Cuộc sống ấy tuy êm đềm, yên vui, nhưng Mèn chán dần, không hợp với tính cách của Mèn. Đó là một bước phát triển về ý chí tự chủ của Dế Mèn.

117 - ĐỀ BÀI:

Phân tích ngoại hình và tính tình của Dế Mèn qua đoạn tự thuật của chú về "*Bài học đường đời đầu tiên*" trong truyện "*Dế Mèn phiêu lưu kí*"

Bài làm

Tô Hoài là một nhà văn có biệt tài trong miêu tả cảnh vật thiên nhiên, miêu tả thế giới loài thú, lũ côn trùng. Đoạn văn tả Dế Mèn tiếp theo là một đoạn văn độc đáo, đặc sắc, mẫu mực. Mèn tự nói về mình một cách hồn nhiên: *"Tôi ăn uống điều độ... làm việc có chừng mực... tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng"*. Đôi càng thì *"mẫm bóng"*. Những cái vuốt *"cứ cứng dần và nhọn hoắt"* có kém gì nhát dao mỗi khi Mèn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt đã co cẳng lên *"đạp phanh phách"* vào các ngọn cỏ làm cho ngọn cỏ *"gãy rạp"*. Chất kiêu hùng, thượng võ của Mèn đã lộ rõ. Đôi cánh nay đã *"thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi"*; Mèn vũ lên *"nghe tiếng phanh phách giòn giã"*. Mèn rất oai vệ kiểu cách và đẹp mã khi chú ta đi bách bộ thì *"rung rinh một màu bóng mỡ soi gương được và ưa nhìn"*. Đầu to *"nổi từng tảng rất bướng"*. Hai cái răng thì *"đen nhánh"*, nhai *"ngoàm ngoạp"* như hai cái lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu dài một vẻ *"rất đỗi hùng dũng"*. Điệu bộ vừa *"trịnh trọng"* vừa *"khoan thai"* khi Mèn *"vuốt râu"*. Những tính từ chỉ tính chất, chỉ màu sắc, những động từ gợi tả, những từ láy, những so sánh... được nhà văn sử dụng rất hay, vừa tả được ngoại hình, vừa tả được tâm tính của Mèn... rất đáng yêu. Một chú dế cường tráng, bướng bỉnh, điệu bộ, rất trịnh trọng và kiểu cách, tự ý thức về mình một cách kiêu hùng.

Bước vào đời, Mèn tự hào về đôi càng, những chiếc vuốt, về cái đầu to, về cái răng, về cái râu... của mình, nên chú ta đi đứng oai vệ lắm, làm điệu nhún nhảy, rung lên rung xuống hai chiếc râu... Mèn tự xem mình, kiểu cách mình là *"con nhà võ"*, *"tợn lắm"*, coi thường bất cứ ai. Lúc thì chú ta *"cà khịa"*, lúc thì chú ta *"to tiếng"*. Tự cho mình là *"giỏi"*, là *"tài ba"*. Người ta *"nhịn"*, người ta *"nể"* nhưng Mèn lại lầm tưởng mình là *"tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ"*. Mèn đá anh Gọng Vó một cái, quát mấy chị Cào Cào có khuôn mặt *"trái xoan"*, tuy sợ nhưng đã *"đưa mắt lên nhìn trộm"*. Cái hay của đoạn văn là Mèn tự nói về tính xấu của mình, cái ngông nghênh của một thanh niên mới lớn. Mèn rất trung thực. Sau này, khi đã trưởng thành, đã đi chu du thiên hạ, học được nhiều điều khôn, điều hay, Mèn rất ân hận về những hành động ngu dại và nông nổi của mình.

118 - ĐỀ BÀI:

Phân tích nỗi ân hận của Dế Mèn sau cái chết của Dế Choắt qua "*Bài học đường đời đầu tiên*"

Bài làm

Bước vào đời, Mèn vốn hay cà khịa, hung hăng đã dám *"vuốt râu cọp"*, dám trêu chọc chị Cốc: *"Vặt lông cái Cốc cho tao – Tao nấu, tao nướng, tao xáo, tao ăn"*. Mèn cất tiếng hát véo von (Mèn học ca dao, dân ca bao giờ vậy, mà thuộc và hát hay thế?), làm cho chị Cốc *"trợn tròn mắt giương cánh lên"*. Trước phản ứng của chị Cốc, Mèn biết sợ *"chui tọt luôn vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ"*. Sợ nhưng vẫn *"tỏ vẻ"* thách thức thầm: *"... Mày ghè vỡ đầu mày ra không chui nổi vào tổ tao đâu!"*. Mèn đâu biết cái trò ngu dại của mình mà gây nên tai họa cho người láng giềng gầy gò tội nghiệp. Dế Choắt đã bị chị Cốc mổ cho một cái *"quẹo xương sống, lăn ra, kêu váng"*. Mèn ân hận về cái chết thê thảm của Choắt là do *"cái tội ngông cuồng dại dột"* của mình gây ra. Mèn đưa xác Choắt chôn vào một vùng cỏ um tùm, đắp thành nấm mộ to. Lời trăng trối của Choắt mãi mãi là bài học đường đời cho Mèn và cho những ai đó: *"... ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy!"*.

Đoạn văn *"Bài học đường đời đầu tiên"* cho thấy Tô Hoài có tài quan sát, nghệ thuật miêu tả dáng hình, tính tình của Dế Mèn rất độc đáo. Ông viết truyện này lúc mới 16 tuổi, thật tài ba và chững chạc. Bài học về sự khao khát sống tự do, độc lập, tinh thần lao động để sống, không nên ngông cuồng mà làm điều ngu dại, biết ăn năn hối hận về những khuyết điểm của mình... đó là những bài học sâu sắc, thấm thía được Tô Hoài tê nhị đưa vào dưới hình thức *"tự bạch, hồi kí"* của chú Dế Mèn đáng yêu.

119 - ĐỀ BÀI:

Phân tích cuộc tranh hùng giữa Dế Mèn và võ sĩ Bọ Ngựa

Bài làm

Cuộc tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa là một trang đời phiêu lưu của chú Dế Mèn. Mèn đã đi trẩy hội hoa may cùng họ chuồn chuồn. Một dịp may hiếm có đối với Mèn là nhân hội hoa may năm nay, dân cả vùng mở luôn hội thi võ để kén ai tài giỏi nhất đứng ra coi sóc việc chung trong vùng. Mèn trẩy hội với bao hăm hở của một tráng sĩ.

Chưa lên võ đài, nhưng Mèn đã có vinh dự lớn *"sơ kiến"* võ sĩ Bọ Ngựa. Võ sĩ có *"bước chân ngổng"*, con mắt *"đu đưa"*, lưỡi có *"răng cưa"*. Hai lưỡi gươm lợi hại cặp bên mạng sườn. Hai sợi râu *"phất lên phất xuống"*. Rất *"hách dịch"*, đi đứng *"ra lối quan dạng"* tỏ vẻ ta đây, coi thiên hạ bằng nửa con mắt! Tại quán hàng cỏ, võ sĩ Bọ Ngựa đã *"bổ luôn"* một nhát gươm vào đầu Mèn *"đau điếng"* vì cái tội đi đứng *"đủng đỉnh"* mục hạ vô nhân của Mèn. Mèn *"đá hậu cú song phi"* nhưng võ sĩ Bọ Ngựa đã né được! Dưới mắt Mèn thì Bọ Ngựa chỉ có *"mấy miếng võ xoàng"*, *"cái oai rơm rác và lố bịch"* ấy chẳng cần để mắt đến. Võ sĩ Bọ Ngựa là *"cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa"*, phen này sẽ tranh được *"chân trạng võ"*, ai cũng sợ và tin như thế nên bác Cành Cạch đã hết lời khuyên Dế Mèn *"mau mau tránh đi nơi khác..."*.

Tình tiết này rất hấp dẫn, tạo nên độ *"căng"* của tình thế. Liệu Mèn có dám thượng đài tỉ thí với võ sĩ Bọ Ngựa hay không? Sau khi Dế Trũi, người anh em kết nghĩa hạ đo ván võ sĩ Bọ Muỗm, Bọ Ngựa đã *"nhảy vót lên"* võ đài với tiếng đáp vang động: *"Có ta đây!"* để đấu với Dế Trũi. Nhưng Dế Mèn đã nhảy phắt lên đài, quát: *"Khoan khoan, đây trước đã. Nhớ hẹn chứ?"*. Một tiếng *"à"* của Bọ Ngựa, hai thanh gươm nghênh lên. Mèn quyết đấu với Bọ Ngựa vừa để tranh tài, vừa để rửa hận!

Tô Hoài kể chuyện rất hấp dẫn. Dế Mèn với Bọ Ngựa trở thành kì phùng địch thủ. Trước khi vào đấu là màn trổ tài. Võ sĩ Bọ Ngựa đi bài song kiếm rất điêu luyện. Bóng kiếm *"loang loáng mù mịt như hoa may"* rất đẹp mắt. Còn Mèn chỉ *"ra oai sức khỏe"*, hếch đôi càng mẫm bóng *"đạp phóng tanh tách"* tuôn ra những luồng gió lớn... Hai võ sĩ đã xông vào nhau ra đòn bằng uy lực và sở trường của mình, với những thế đánh, những miếng võ cực hiểm nhằm đánh gục đối thủ. Cuộc tranh hùng đã diễn ra qua ba hiệp.

Hiệp một, lợi thế nghiêng về võ sĩ Bọ Ngựa. Bọ Ngựa *"cao nên lợi đòn"* đã dùng hai gươm bổ xuống đầu Mèn những nhát *"chan chát"*. Mèn dùng *"đầu gỗ lim"* để chống đỡ, đồng thời áp sát vào đánh gần, cứ *"nhè bụng"* Bọ Ngựa mà đá, khiến địch thủ phải *"hạ gươm xuống đỡ, mất đà đâm loạng choạng"*. Mèn đã đánh thấp, đánh gần, công thủ mưu trí nên về sau giành được thế chủ động làm cho võ sĩ Bọ Ngựa rối loạn đấu pháp.

Hiệp hai, Bọ Ngựa *"đổi miếng ác"*, co gươm quắp cổ Mèn, *"định lách gươm nghiêng vào khe họng"* của Mèn, nơi có khe thịt dễ đứt! Mèn đã nhanh trí đối công *"cúi xuống, thúc nhanh một răng rất sâu vào bụng"* Bọ Ngựa, làm cho địch thủ *"choáng người"*.

Hiệp ba, Bọ Ngựa thất thế hoàn toàn *"nhảy lộn qua lưng Mèn"*. Và Mèn đã bồi một đòn hiểm, giáng một đòn quyết định, hạ đo ván cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa. Mèn lấy tấn, đá hậu đánh phách một đá trời giáng vào giữa mặt Bọ Ngựa làm cho hắn *"rú lên"* rơi tọt xuống võ đài. Đó là miếng võ gia truyền của họ nhà dế. Đám hội trở nên ồn ào nhốn nháo vì không ai ngờ võ sĩ Bọ Ngựa lại *"thua nhanh và thua đau"* như thế!

Dế Mèn và Dế Trũi được đám hội tôn lên làm chánh, phó thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may. Cả hai được đám hội xô vào làm kiệu rước. Dế Mèn đã đạt tới vinh quang tột đỉnh trên con đường phiêu lưu và chu du.

Đọc chương *"Tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa"*, ta cảm thấy mình như đang được mục kích những cuộc giao phong đọ tài của các trang hiệp sĩ thời trung cổ. Tô Hoài đã sử dụng rất hay một số từ ngữ về võ thuật như: *giang hồ, võ đồng môn, song kiếm, chùy, lên tấn, miếng võ, đường quyền, đá hậu, tranh lèo giật giải...*, gợi tả không khí đua tranh của khách giang hồ thượng võ. Nghệ thuật tả loài vật, tả hoạt cảnh, lối kể chuyện có thắt, có mở, tạo đỉnh điểm cao trào cuộc tranh hùng giữa võ sĩ Bọ Ngựa và Dế Mèn... vô cùng hấp dẫn.

Qua đoạn văn này, ta thấy nhân vật Dế Mèn thật đáng yêu. Chú đã có một lối sống cao đẹp, đàng hoàng trước thiên hạ, dám đọ trí, đua tài với người đời.

Dế Mèn đánh thắng võ sĩ Bọ Ngựa đâu chỉ để tranh lèo giật giải mà còn thể hiện một cách ứng xử của các hảo hán, anh hùng xưa nay:

"Anh hùng tiếng đã gọi rằng
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!"

(*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

120 - ĐỀ BÀI:

Phân tích nghệ thuật tả cảnh của Tô Hoài qua cảnh trẩy hội hoa may của họ chuồn chuồn trong *"Dế Mèn phiêu lưu kí"*

Bài làm

Phần đầu chương *"Tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa"*, nhà văn Tô Hoài đã miêu tả tuyệt hay, tuyệt đẹp cảnh sắc cánh rừng hoa cỏ may và cảnh trẩy hội của họ chuồn chuồn. Năm nay, nhân hội hoa may còn có hội thi võ để kén người tài giỏi nhất... nên mới tưng bừng náo nhiệt thế!

1. Cảnh sắc cánh rừng hoa cỏ, đứng từ xa, Mèn thấy *"mờ mờ xanh"*. Khắp bốn phía chân trời phất lên *"một màu trắng bàng bạc, xam xám những ngù bông hoa may"*. Mèn cùng các bạn đi *"mịt mờ dưới bóng hoa may"*. Và đó chính là nơi ngụ những xóm chuồn chuồn.

Các màu sắc: *"xanh xanh"*, *"trắng bàng bạc"*, *"xam xám"*, *"mịt mờ"* là màu sắc tâm tưởng. Rừng hoa cỏ may *"mịt mờ"* như dẫn hồn chú Dế Mèn nhập vào thế giới mộng ảo thần tiên. Mượn màu sắc rừng hoa cỏ may, tác giả thể hiện sự ngạc nhiên và tinh thần hăm hở của Mèn trên con đường chu du đây đó. Ngòi bút của Tô Hoài rất tinh tế trong miêu tả và biểu cảm.

2. Cảnh trẩy hội hoa may và hội thi võ của họ chuồn chuồn thật đông vui tấp nập. Thế giới loài vật dưới ngòi bút Tô Hoài bao giờ cũng sống động, hồn nhiên. Mỗi con vật được tả bằng những đường nét, dáng vẻ, màu sắc nổi trội và có cá tính rất đáng yêu. Ở đây là họ chuồn chuồn *"láng giềng lâu năm"* của họ dế. Chúng gặp nhau về mùa hè ở bờ cỏ, sống thân tình *"anh đậu ngọn, anh nằm gốc"*... Mèn đã giới thiệu với chúng ta về họ chuồn chuồn ở rừng cỏ may, đó là một thế giới đầy cá tính, có một đời sống tinh thần rất phong phú.

Chuồn chuồn Chúa có vẻ *"dữ dội, hùng hổ"* mà lại *"rất hiền"*. Chuồn chuồn Ngô chao cánh *"nhanh thoăn thoắt"*. Chuồn chuồn ớt thì *"rực rỡ... chói lọi"*. Chuồn chuồn tương có đôi cánh kép *"vàng điểm đen"*. Anh Kìm Kìm Kim thì *"lẩy bẩy"*, cánh *"tí tẹo"*, đuôi *"dài nghêu"* bằng chiếc tăm, đôi mắt *"lồi to"* hơn đầu...

Họ chuồn chuồn *"bay sát cánh rợp cả nắng"*. Ai cũng *"hớn hở"* trẩy hội *"trong xống áo mới tinh"* giữa hoa may. Phấn khởi nhất là cậu Kìm Kìm Kim gầy còm, tuy chỉ bay được dưới thấp nhưng cũng *"tung tăng ra dáng lắm"*.

Với tài quan sát và óc thẩm mĩ, Tô Hoài đã sử dụng rất thành công các từ láy diễn tả hình dáng, cá tính từng loại, từng con chuồn chuồn một: *dữ dội, hùng hổ, thoăn thoắt, rực rỡ, chói lọi, lẩy bẩy, tí tẹo...*

Người đọc có cảm giác Tô Hoài là một nhà côn trùng học đang viết văn, một nhà đạo diễn và quay phim hoạt hình điệu nghệ! Tuổi thơ mỗi chúng ta đã mấy ai thông thuộc và nhận diện được cái họ chuồn chuồn này?

Cũng như chú Dế Mèn, họ chuồn chuồn đã được nhân hóa có cuộc sống vui tươi, hồn nhiên như con người. Cảnh họ chuồn chuồn trẩy hội hoa may và xem đấu võ có khác nào cảnh trẩy *hội Đạp thanh* trong *"Truyện Kiều"*:

"Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm...".

Nghệ thuật tả cảnh, tả loài vật của Tô Hoài cho ta nhiều nhã thú văn chương và bài học bổ ích về nghệ thuật viết văn miêu tả.

121 - ĐỀ BÀI:

Giới thiệu một vài nét về nhà văn Đoàn Giỏi và truyện *"Đất rừng Phương Nam"*

Bài làm

Đoàn Giỏi (1925-1989) là nhà văn Nam Bộ, quê ở huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Ông để lại một số kịch thơ, vài ba tập truyện ngắn; nổi tiếng nhất là tác phẩm *"Đất rừng phương Nam"*, xuất bản năm 1957.

Tác phẩm kể lại những tháng ngày lưu lạc của bé An khi cuộc kháng chiến chống Pháp mới bùng nổ ở Nam Bộ. Một vùng sông nước Cà Mau mênh mông, những cánh rừng U Minh hoang dã kì thú, giàu có và bí ẩn, những con người chất phác và nghĩa hiệp, đội du kích trong rừng, phường săn cá sấu, sróc Miên, sân chim,... Với lối kể chuyện vừa giản dị, vừa đậm đà chất Nam Bộ, tác giả đã đưa người đọc từ ngạc nhiên thú vị này tới ngạc nhiên thú vị khác.

"Đất rừng phương Nam" có sức hấp dẫn cuốn hút lớn, đặc biệt là đối với bạn đọc nhỏ tuổi, mở rộng tầm mắt, toả sáng tâm hồn, tình yêu giang sơn Tổ quốc.

"Đất rừng phương Nam" có 20 chương. *"Sông nước Cà Mau"* trích từ chương XVIII của tác phẩm. Cảnh sông nước hùng vĩ mênh mông, những rừng đước cao ngất như trường thành, chợ Năm Căn ồn ào, đông vui tấp nập, những ngôi nhà bè, đêm đêm sáng rực ánh đèn măng-sông, những món xào nấu, những cút rượu đậm đà, những người bán hàng xởi lởi, ăn vận sặc sỡ, giọng nói líu lo,... tất cả đã tạo nên tính hấp dẫn, độc đáo trang văn *"Sông nước Cà Mau"* của Đoàn Giỏi.

122 - ĐỀ BÀI:

Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về cảnh sắc độc đáo, sự ồn ào, đông vui, tấp nập của chợ Năm Căn *"một thị trấn anh chị rừng xanh"* qua trang văn *"Sông nước Cà Mau"* của Đoàn Giỏi

Bài làm

Vẻ đẹp độc đáo của Cà Mau là chợ Năm Căn. Là hình ảnh độc đáo của *"xóm chợ vùng rừng cận biển"* với *"những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa..."*, những ngôi nhà gạch *"văn minh hai tầng"*, *"những đống gỗ cao như núi"*, *"những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buôn..."*. Tất cả tạo nên sự *"ồn ào, đông vui, tấp nập"*.

Năm Căn là một thị trấn *"anh chị rừng xanh"* rất trù phú nơi vùng đất cuối cùng Tổ Quốc. Đoàn Giỏi vừa liệt kê vừa miêu tả làm nổi bật sức sống và vẻ đẹp độc đáo của Năm Căn. Đây là một cậu văn sử dụng rất đắt ẩn dụ, nhân hóa thể hiện cách nghĩ, cách nói của người nông dân Nam Bộ: *"Nhưng Năm Căn còn có cái bề thế của một thị trấn anh chị rừng xanh"* đứng kiêu hãnh phô phang sự trù phú của nó trên một vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Cảnh vật và cuộc sống đa dạng, phong phú, sôi nổi. Có những hầm than gỗ đước... Có cảnh buôn bán rất độc đáo mà ở miền Bắc

không có. Những ngôi nhà bè - những khu phố nổi - ban đêm đèn măng - sông chiếu rực trên mặt nước. Người đi mua *"có thể cập thuyền lại, bước sang..."*, hoặc gọi một món xào, một món nấu Trung Quốc, hoặc mua một đĩa thịt rừng nướng ướp kèm theo vài cút rượu. Cũng có thể mua cây kim cuộn chỉ, một bộ quần áo may sẵn, một món nữ trang đắt giá *"mà không cần phải bước khỏi thuyền"*. Thật dân dã mà thuận tiện, sông nước mà văn minh. Người bán hàng, hoặc là những người con gái Hoa kiều *"xởi lởi"*, hoặc những người Chà Châu Giang *"bán vải"*, hoặc những bà cụ già người Miên *"bán rượu"*. *"Những khu phố nổi"* với cảnh mua bán tấp nập, với đủ các giọng nói *"líu lo"*, đủ kiểu ăn vận *"sặc sỡ"*, đã tô điểm cho Năm Căn *"một màu sắc độc đáo"*... Có yêu mến Năm Căn mới viết hay và đậm đà thế!

Trang văn *"Sông nước Cà Mau"* cho thấy bút pháp nghệ thuật miêu tả đặc sắc của Đoàn Giỏi. Cảnh vật biến hóa, màu sắc biến hoá. Bầu trời, biển đông, dòng sông, kênh, rạch, rừng đước, chợ Năm Căn vừa hoang dã hùng vĩ, vừa dào dạt sức sống, xa lạ mà mến thương. Thiên nhiên bao la, hào phóng; con người thì mộc mạc, hồn hậu.

Trang văn của Đoàn Giỏi như đưa ta đi thăm thú sông nước Cà Mau, tận hưởng hương rừng Cà Mau, tưởng như được đến chơi chợ Năm Căn, bước lên ngôi nhà bè mua một món hàng lưu niệm...

123 - ĐỀ BÀI:

Phân tích vẻ đẹp hùng vĩ, hoang dã và dào dạt sức sống của miền *"Sông nước Cà Mau"* qua trang văn của Đoàn Giỏi

Bài làm

Đoàn Giỏi (1925-1989) là nhà văn Nam Bộ, tên tuổi và sự nghiệp văn chương sáng chói với tác phẩm *"Đất rừng phương Nam"*, một kiệt tác trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Chương 18 mở ra một không gian nghệ thuật hoành tráng về sông nước Cà Mau, một thiên nhiên hùng vĩ, bao la, giàu đẹp, hoang dã, dào dạt sức sống. Rừng tiếp sông rạch, biển tiếp trời, rừng đước Cà Mau và chợ Năm Căn... như mở ra trong tâm hồn chúng ta biết bao kì thú và khát khao. Ngòi bút của Đoàn Giỏi như đang vẫy vùng, tung hoành cùng sông nước Cà Mau.

Càng xuôi dòng về hướng mũi Cà Mau, du khách như lạc vào thế giới mênh mông sông nước: *"Sông ngòi kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện"*. Cảnh sắc thiên nhiên bát ngát một màu xanh vô tận. Có *"trời xanh"*, *"nước xanh"* và *"chỉ toàn một sắc xanh cây lá"*. Tất cả *"quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu"* của rừng tiếp trời, sông tiếp biển. Giữa màu xanh bao la ấy là *"tiếng rì rào bất tận"* của rừng xanh, là *"tiếng sóng rì rào"* của biển Đông, của vịnh Thái Lan vọng về trong *"hơi gió muối"*.

Một thế giới hoang sơ, hoang dã mở ra bao địa danh xa lạ ở vùng cực nam Tổ quốc. Tên con kênh, con rạch, tên làng, xã... đều gợi lên một nét riêng về sinh thái, phản ánh một lối sống thuần phác, mộc mạc, hồn hậu của bà con vùng sông nước Cà Mau. Là Chà Là, Cái Keo, sông Bảy Háp. Là rạch Mái Giầm, đôi bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm *"chỉ xòa ra độc một cái lá xanh hình chiếc bơi chèo nhỏ"*. Là kênh Bọ Mắt, nơi tụ tập không biết cơ man nào là bọ mắt, đen như hạt vừng, bay theo thuyền như những đám mây nhỏ, đốt vào da thịt *"ngứa ngáy nổi mẩn đỏ tấy lên"*. Ai đã một lần qua kênh Bọ Mắt chắc đã nhớ đời? Là kênh Ba Khía, hai bên bờ tập trung

toàn những con ba khía, loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon. Là xã Năm Căn xa xưa chỉ độc có một cái lán năm gian của những người đốn củi hầm than dựng lên. Cà Mau, tiếng Miên nói trại đi thành *"Tức khơ mâu"*, có nghĩa là *"Nước đen"*. Đúng là trang văn Đoàn Giỏi mở rộng tầm mắt ta, làm phong phú tâm hồn ta, trí tuệ ta, để ta yêu thêm miền Nam nước Việt.

"Chèo thoát qua" kênh Bọ Mắt là không còn bị bọ mắt đốt nữa, là *"đổ ra"* sông Cửa Lớn mênh mông hơn, rồi *"xuôi về"* Năm Căn, êm ả hơn. Con thuyền xuôi dòng, vượt qua bao kênh, rạch, dòng sông. Thế giới Năm Căn mênh mông, hùng vĩ, giàu có và dào dạt sức sống: Sông mênh mông, *"nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác"*, cá nước bơi hàng đàn *"đen trũi"*... Rừng đước là biểu tượng cho vẻ đẹp hoang dã, sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ của Cà Mau. Rừng đước *"ngọn bằng tăm tắp"*, *"dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận"*. Màu xanh của đước là vẻ đẹp, là sức sống Cà Mau: *"Màu xanh lá mạ"*, *"màu xanh rêu"*, *"màu xanh chai lọ"*,... Cách so sánh và cảm nhận của Đoàn Giỏi thật phong phú và đầy chất thơ. Rừng đước Cà Mau như đưa hồn ta vào cõi mộng của màu xanh vô tận *"lòa nhòa ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai"*. Cây đước trong văn Đoàn Giỏi cũng như trong thơ Xuân Diệu đều sâu nặng tình yêu đất nước:

"Những dòng sông lớn hơn ngàn thước
Trùng điệp một màu xanh lá đước
Đước thân cao vút, rễ ngang mình
Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước".

(Mũi Cà Mau)

124 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ về nhân vật Kiều Phương trong truyện "*Bức tranh của em gái tôi*" của Tạ Duy Anh.

Bài làm

1. Với truyện ngắn *"Bức tranh của em gái tôi"*, tên tuổi của cây bút trẻ Tạ Duy Anh trở nên thân thiết đối với hàng triệu độc giả thiếu nhi trên mọi miền Tổ quốc. Một truyện ngắn xinh xắn, với cách viết nhẹ nhàng, Tạ Duy Anh đã sáng tạo nên một tác phẩm chan chứa tình yêu thương, đó là lòng yêu quý anh trai của đứa em gái - họa sĩ tí hon, tác giả bức tranh *"Anh trai tôi"*, bức tranh được giải nhất trại thi vẽ quốc tế. Nhân vật Kiều Phương, nữ họa sĩ tí hon ấy đã để lại bao ấn tượng đẹp, đầy cảm mến đối với mỗi chúng ta.

2. Kiều Phương hình như đang học Tiểu học (chúng ta có cảm nhận ấy, niềm tin ấy)? Cô bé này thật đáng yêu. Rất ngây thơ, hồn nhiên và yêu đời, hiếu động. Bộ mặt xinh xắn lại hay tự tay mình *"bôi bẩn"*. Có niềm *"thích thú"* riêng là hay *"lục lọi"* các đồ vật trong gia đình. Được anh trai tặng cho biệt hiệu *"Mèo"*, cô em gái *"vui vẻ chấp nhận"*, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Tuổi thơ, đứa em nào mà chẳng có lúc *"cãi lại"* hoặc *"bắt nạt"* chị gái, anh trai trong gia đình? Kiều Phương cũng thế. Bị anh trai phàn nàn về chuyện hay *"lục lọi"*, thì Kiều Phương đã *"vênh mặt"* cãi lại: *"Mèo mà lại! Em không phá là được..."*. Đó là một thái độ *"bướng bỉnh"* đáng yêu của cô bé này, của tuổi thơ.

Kiều Phương là một đứa con ngoan. Sau công việc *"tự chế"* thuốc vẽ, em đã làm những công việc bố mẹ phân công, em *"vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm"*. Chăm chỉ siêng năng là một nét đẹp đáng yêu của Mèo.

Kiều Phương càng đáng yêu hơn. Chắc là cô bé học rất giỏi. Cô bé này có một đời sống nội tâm phong phú, có một sở thích riêng rất yêu hội họa và có năng khiếu mĩ thuật bẩm sinh. Không vòi vĩnh bố mẹ mua sắm *"đồ nghề"*. Em tự chế thuốc vẽ. Em cũng có một *"kho báu"* riêng, đó là 4 cái lọ nhỏ *"cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục..."*. Các nghệ nhân dân gian Đông Hồ ngày xưa vẽ tranh *"Thầy đồ Cóc"*, *"Đám cưới chuột"*, *"Hứng dừa"*, *"Đánh du"*, tranh Gà, tranh Lợn... bằng thứ *"màu dân tộc"*. Màu đen được họ sáng chế từ than lá tre. Thi sĩ nào đã viết câu thơ này nhỉ:

"Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp"...

Nữ họa sĩ tí hon Kiều Phương cũng có cách điều chế thuốc vẽ màu đen rất độc đáo. Đít xoong chảo đã bị cô *"cạo trắng cả"* để có một chất liệu mới *"màu đen nhọ nồi"*. Hoạt động mĩ thuật của Kiều Phương rất lặng lẽ và bí mật. Bố mẹ cũng không biết. Anh trai phải *"bí mật theo dõi"* mới biết em gái mình đang *"chế thuốc vẽ"*. Và cũng chỉ biết thế thôi! Tác phẩm nghệ thuật, thế giới nghệ thuật của Kiều Phương là *"mọi thứ trong ngôi nhà"* rất gần gũi thân thiết với em. Là cái bát múc cám lợn, sứt một miếng. Là con mèo vằn... vô cùng dễ mến,... Em vẽ bằng *"những nét to tướng..."* ngộ nghĩnh... Khán giả thứ nhất được xem tranh vẽ Kiều Phương là bé Quỳnh, con gái *họa sĩ Tiến Lê. Bé đã "reo lên khe khẽ"* khi xem tranh. Khán giả thứ hai là chú Tiến Lê với niềm vui *"rạng rỡ lắm"* sau khi thưởng thức tác phẩm *"đồng nghiệp"*. Cha mẹ bé Kiều Phương là sung sướng nhất. Người mẹ thì *"không kìm được cơn xúc động"*. Bố em thì *"ôm thốc Mèo lên"*: *"Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn"*, sau khi nghe họa sĩ Tiến Lê nói: *"Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?"*. Tranh vẽ của Kiều Phương qua sự *"thẩm định"* của họa sĩ Tiến Lê là *"rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào"*. Với bé Kiều Phương thì nghệ thuật là sự say mê, là tình yêu thương, là sự phát sáng, nên chúng ta lại thêm quý mến *"họa sĩ Mèo"*.

3. Kiều Phương rất đáng mến, vì em có một tấm lòng nhân hậu bao la. Lòng nhân hậu biểu hiện sâu sắc nhất ở tình yêu thương quý mến anh trai của mình; tình yêu thương, lòng nhân hậu ấy đã được em gửi gắm, trang trải vào những bức tranh vẽ *"rất độc đáo"* của mình. Có lúc Mèo đã bị anh trai *"quát"* thì *"xịu xuống, miệng dẩu ra"*, làm cho anh trai tưởng là em gái *"chọc tức"* mình. Yêu quý anh trai, họa sĩ Mèo đã chủ định đưa hình ảnh anh trai vào tranh vẽ của mình khi được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế, nên trước khi đi, em *"có vẻ hay xét nét"* anh trai mình. Em đang quan sát hình mẫu, em đang tìm cảm hứng, nhưng anh trai đâu có biết! Từ trại thi sáng tác trở về, Kiều Phương đã giành được giải nhất, em muốn được san sẻ niềm vui vinh quang với anh trai. Em đã *"ôm cổ"* anh trai *"thì thầm"* vào tai anh trai: *"Em muốn cả anh cùng đi nhận giải"*. Kiều Phương nhân hậu biết bao! Vì có anh trai thì mới có bức tranh của em gái được giải. Vì có yêu quý anh trai thì Kiều Phương mới *"muốn cả anh cùng đi nhận giải"*.

4. Bức tranh được giải nhất của Kiều Phương là sự kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ, tài năng của họa sĩ Mèo tí hon. Đó là hình ảnh *"một chú bé đang ngồi nhìn ra*

ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh". Tư thế ngồi và cái nhìn ấy thể hiện một ước mơ, một hoài bão lớn. *"Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ"*, thứ ánh sáng của tài năng và trí tuệ cao siêu. Chú bé còn có một tâm hồn *"rất mơ mộng nữa"*. Đó là hình ảnh của người anh trai hiện tại, và là hình bóng người anh trai lí tưởng của ngày mai. Bức tranh ấy đã được *"đóng khung, lồng kính"* treo trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, mà bốn bức tường đã treo kín những bức tranh của thí sinh. Người mẹ xúc động tự hào, hồi hộp, hai lần *"thì thầm"* nói với cậu con trai thơ bé yêu thương: *"Con có nhận ra con không?..."*, *"Con đã nhận ra con chưa?"*. Nghệ thuật đích thực đã nhân đạo hóa đồng loại *"làm cho người gần người hơn"*, đã *"thanh sạch hóa hơn người"*. Bức tranh của Kiều Phương cũng vậy, nó đã làm người anh trai trong tuổi ấu thơ *"thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ"*. Bức tranh của em gái đã làm cho người anh trai vô cùng xúc động *"giật sững người"*, rồi như bị thôi miên khi nhìn vào dòng chữ để trên bức tranh: *"Anh trai tôi"*. Người anh trai *"muốn khóc quá"*. Cậu bé dễ thương sẽ nói với mẹ rằng, sau khi nghe mẹ nhắc: *"Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy"*. Thi hào nào đã viết câu thơ này nhỉ: *"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*? Chữ *"tâm"* đã tỏa sáng bức tranh *"Anh trai tôi"*, là sự hội tụ lòng nhân hậu, tình yêu thương quý mến của Kiều Phương đối với người anh trai của mình.

Con đường nghệ thuật của Kiều Phương chỉ mới là bước đầu; những kiệt tác làm nên một sự nghiệp lớn còn ở chân trời tương lai. Có điều, cái hiện hữu của Mèo: Tình yêu quý anh trai bằng tất cả tấm lòng nhân hậu, niềm say mê hội họa của một tài năng chớm nở - đã để lại trong lòng tuổi thơ mỗi chúng ta bao cảm mến nồng hậu. Nhân vật Kiều Phương đã làm đẹp trang văn của Tạ Duy Anh.

125 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ về nhân vật người anh trai của Kiều Phương qua "*Bức tranh của em gái tôi*" của Tạ Duy Anh

Bài làm

1. Truyện ngắn *"Bức tranh của em gái tôi"* của Tạ Duy Anh là một truyện ngắn hay. Hay ở lối kể chuyện, bình dị mà có sức lay, sức gợi sâu xa. Hay ở nghệ thuật xây dựng nhân vật - nhân vật tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng, nhân hậu rất đáng yêu. Trong hai nhân vật: Kiều Phương và người anh trai, ai là nhân vật chính của truyện? Cả hai anh em đều là nhân vật trung tâm của tác phẩm. Nhân vật nào cũng để lại trong tâm hồn chúng ta những ấn tượng đẹp, gần gũi, mến thương. Ta như gặp cả hai anh em Kiều Phương dưới mái trường Tiểu học, đã cùng nhau thả diều, cùng ăn me, ăn sấu,...

Ta sẽ nói đến nhân vật Kiều Phương sau. Ta hãy đến với nhân vật *"Tôi"*, người đang kể chuyện, đó là anh trai của Kiều Phương. Truyện *"Bức tranh của em gái tôi"* vừa có hình ảnh người anh trai trong gia đình, vừa có hình ảnh người anh trai trong bức tranh, cả hai hình ảnh đều đáng yêu.

2. Người anh trai của Kiều Phương đang độ tuổi chơi diều, hồn nhiên, rất yêu quý em gái. Cái biệt hiệu *"Mèo"* tặng em gái đã nói lên tính hồn nhiên, ngây thơ của người anh trai nhỏ tuổi. Đã là người anh trai thì phải ra dáng anh trai chứ! Anh trai của Kiều Phương cũng *"khó chịu"* khi thấy đứa em gái hay *"lục lọi các đồ vật với sự*

thích thú". Cũng rất *"hách"* khi bắt bẻ em gái: *"Này, em không để chúng nó yên được à?"*. Cũng tò mò và xét nét *"bí mật theo dõi em gái"* khi nó chế tạo thuốc vẽ.

Kể từ khi họa sĩ Tiến Lê phát hiện ra tài năng của Kiều Phương, hết lời ca ngợi, người bố *"ngây người ra"* nhìn 6 bức tranh do Mèo vẽ, *"ôm thốc"* Mèo lên, và nói: *"Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn"*. Người mẹ hiền thì *"không kìm được cơn xúc động"* khi kịp nghe, kịp chứng kiến chuyện vui về con gái. Chú Tiến Lê hứa *"sẽ giúp Kiều Phương phát huy tài năng"*. Trong không khí ấy, người anh trai thơ bé *"luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài"*; ngồi bên bàn học, chú bé ấy *"chỉ muốn gục xuống khóc"*, chú cảm thấy mình chẳng có *"một năng khiếu gì"*. Tâm trạng đó rất thực, rất người, nhất là đối với tuổi thơ. Chú buồn vì cảm thấy mình không có tài năng. Chú cảm thấy cô đơn vì bị bố mẹ *"bỏ rơi"*, bố mẹ hầu như chỉ săn sóc, yêu quý con gái nhiều hơn, nhất là khi thấy bố mẹ *"hào hứng mua sắm cho em gái những gì cần cho công việc vẽ"*. Có nhà giáo cho rằng đó là *"lòng tự ái, thói đố kị"* của người anh trai (!?). *"Bi kịch"* của người anh một phần do bố mẹ thiếu sự tinh tế trong thể hiện tình yêu thương, săn sóc các con. Chú bé buồn, cảm thấy mình không có một năng khiếu gì, đó là một sự tự ý thức giàu nhân bản. Hay gì những con người, những trẻ em có thói tự phụ, kiêu căng, tự cho mình là tài giỏi nhất!

Tạ Duy Anh đã phát hiện ra *"phần mờ"* trong tâm hồn trong sáng tuổi thơ. Người anh đã *"xem trộm"* những bức tranh của Mèo, một việc làm mà chú *"vẫn coi khinh"*. Chú đã *"trút ra một tiếng thở dài..."*. Thở dài vì cảm thấy mình bất tài, chứ không phải đố kị tài năng. Có lúc chú *"gắt um lên"* khi em gái có một lỗi nhỏ; *"không thân"* với Mèo như trước nữa, nhưng *"không hiểu vì sao"*.... Trước kia thấy *"rất ngộ"* gương mặt *"lem nhem"* của em gái, nhưng giờ đây thấy em gái *"xịu xuống, miệng dẩu ra"* khi bị *"quát"* thì anh trai lại tưởng là em gái *"chọc tức"* mình. Em gái trước khi đi thi vẽ đã quan sát người mẫu... thì anh trai lại tưởng là *"nó có vẻ cứ hay xét nét tôi, khiến tôi rất khó chịu"*. Em gái từ trại thi vẽ quốc tế trở về vui sướng giành được giải nhất, muốn được anh chia vui cho, ôm lấy cổ anh nói thầm: *"Em muốn cả anh cùng đi nhận giải"* thì anh lại *"viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra"*. Những biểu hiện ấy là những nhược điểm của tuổi thơ, khi mà nhân cách đang hình thành và phát triển. *"Bi kịch"* của người anh được tự người anh nói ra một cách thành thực, chân thật. Ta càng cảm thông và quý mến.

3. Cảnh cuối truyện nói về tâm trạng người anh khi cùng mẹ đến phòng trưng bày xem bức tranh được giải nhất của em gái. Cảnh này có hai người anh. Người anh trong bức tranh rất đẹp: *"Một chú bé đang ngồi nhìn ra cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa"*. Đó là hình ảnh người anh lí tưởng rất thông minh, nhiều khát vọng, có tâm hồn mơ mộng. Bức tranh ấy được vẽ bằng bút pháp lãng mạn, hội tụ cái tài và cái tâm của họa sĩ Mèo tí hon.

Người anh đứng xem tranh với bao tâm trạng. Xúc động cao độ *"giật sững người"*, *"phải bám chặt lấy tay mẹ"* vì ngạc nhiên ngỡ ngàng khi nghe mẹ *"thì thầm"* vào tai: *"Con có nhận ra con không?"*. Tâm hồn người anh xao động: *"Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ"*. Ngỡ ngàng vì cảm thấy người anh trong bức tranh kì diệu quá, ngoài sức tưởng tượng của mình. Hãnh diện vì mình có một cô em gái nhiều tài năng và giàu năng khiếu hội họa, có tấm lòng

nhân hậu bao la. Xấu hổ vì bản thân mình *"bất tài"*, không có một năng khiếu gì, thậm chí tình cảm đối với em gái có lúc còn *"gợn"*. Ý nghĩ: *"Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo thế kia ư?"* đã thể hiện rất rõ sự xấu hổ của mình. Người anh như bị thôi miên khi ngắm bức tranh có dòng chữ: *"Anh trai tôi"*. Lại nghe mẹ nhắc, mẹ hỏi: *"Con đã nhận ra con chưa?"* thì chú bé *"muốn khóc quá"*. Nếu nói được với mẹ thì chú bé sẽ nói rằng: *"Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy"*. Chú bé cảm thấy mình chưa được hoàn hảo, phải cố gắng vươn lên, càng yêu thương, quý mến em gái hơn bao giờ hết.

Trước bức tranh của em gái, ta cảm thấy nhân vật người anh trai *"đang lớn lên về mặt tâm hồn"*, ta càng thấy chú trở nên gần gũi và đáng quý trọng biết bao! Nghệ thuật đích thực hướng tới *Chân, Thiện, Mĩ*. Truyện *"Bức tranh của em gái tôi"* của Tạ Duy Anh cho ta cảm nhận ấy. Dưới ánh sáng nghệ thuật, hai anh em Kiều Phương thật đáng yêu, như đang cùng tuổi thơ khắp mọi miền đất nước đồng hành hướng về *"Tương lai vẫy gọi"*.

126 - ĐỀ BÀI:

Phân tích và nêu cảm nghĩ qua cảnh *"Vượt thác"* trong tác phẩm *"Quê nội"* của Võ Quảng

Bài làm

Cảnh *"Vượt thác"* trích từ chương XI truyện dài *"Quê nội"* của nhà văn Võ Quảng. Con sông được nói đến là sông Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam. Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân làng Hòa Phước chủ trương xây trường học cho con em mình. Dượng Hương Thư được cắt cử đưa thuyền lên Dùi Chiêng mua gỗ đem về xây trường học. Đoàn đi Dùi Chiêng có bốn người: dượng Hương Thư, chú Hai Quân và hai thiếu niên là Cù Lao và Cục. Cảnh vượt thác Cổ Cò được miêu tả và cảm nhận qua cảm xúc và tâm hồn của Cục. Đây là lần đầu tiên trong đời chú, một chuyến lên rừng, vượt thác đầy háo hức và thú vị. Chất thơ trên trang văn Võ Quảng dào dạt qua cảnh *"Vượt thác"* này.

1. Cảnh xuất phát rất gợi. Thuyền trưởng - dượng Hương *"nhổ sào"* khi *"gió nồm vừa thổi"*. Hình ảnh cánh buồm rất đẹp, đầy khí thế: *"Cánh buồm nhỏ căng phồng"*. Đó là cảnh *"buồm căng gió lộng"*. Con thuyền được nhân hóa *"đang nhớ núi rừng"* nên *"rẽ sóng lướt bon bon"*, như nóng ruột *"phải lướt cho nhanh để về cho kịp"*. Đó cũng là tâm trạng háo hức của chú bé Cục trong cuộc *"viễn du"* này.

2. Con thuyền ngược dòng, cảnh sắc thiên nhiên nối tiếp xuất hiện. *"Ngã ba sông chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến những làng xa tít"*. Tác giả không nói đến chân trời, đến màu xanh, đến mênh mông của dòng sông mà ta vẫn cảm nhận được. Một miền quê trù phú trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa hiện ra gợi lên sự ấm no thanh bình. Tâm hồn mỗi chúng ta bâng khuâng liên tưởng. Một câu cổ thi: *"Ngàn dâu xanh ngắt một màu..."* (*Chinh phụ ngâm*). Một cảnh sắc làng quê bên hữu ngạn sông Đuống: *"Xanh xanh bãi mía bờ dâu..."* (Hoàng Cầm). Hoặc là ngã ba con sông Thâm, quê hương nhà thơ Huy Cận thuộc Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh:

"Tới ngã ba sông, nước bốn bề,
Nửa chiều gà lạ gáy bên đê.
Làng xa lặng lẽ sau tre trúc;
Bến cũ thuyền em sắp ghé về...".

Gợi mở liên tưởng là một nét đẹp trong câu văn xuôi của Võ Quảng. Do đó, chất thơ từ cảnh vật, từ tâm hồn đồng hiện. Bé Cục nhìn thấy bao la cảnh lạ. Những con thuyền xuôi dòng *"chất đầy cam tươi, đầy mây, dầu rái"*. Có những thuyền *"chở mít, chở quế"*. Con sông Thu Bồn là mạch máu, là nguồn sống xứ Quảng. Vì chở đầy, chở nặng lâm thổ sản, nên *"thuyền nào cũng xuôi chầm chậm"*. Một cuộc sống ấm no, một miền rừng hào phóng... Càng ngược dòng sông, cảnh sắc sông núi càng đầy sức sống, hữu tình nên thơ. Vườn tược tốt tươi *"um tùm"*. Những chòm cổ thụ *"dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước"*. Cổ thụ được nhân hóa gợi tả vẻ đẹp hùng vĩ, thâm nghiêm của chốn đại ngàn rừng thiêng, rừng thẳm. Gần 200 năm về trước, một nữ sĩ tài ba đã viết:

"Xanh om cổ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ".

(Bà Huyện Thanh Quan)

Đã sắp đến chân thác rồi. Lòng sông như thắt lại. Tầm mắt người đi thuyền bị thu hẹp dần. *"Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt"*. Đó là lúc dượng Hương, chú Hai Quân, bé Cù Lao, bé Cục đã đưa con thuyền ngược dòng Thu Bồn đến Phường Rạnh. Mọi người, nhất là bé Cục đã *"Đi một đoạn đàng học một sàng khôn"*, đã nhìn thấy bao cảnh lạ của quê hương.

127 - ĐỀ BÀI:

Hãy giới thiệu một vài câu văn hoặc đoạn văn trong bài *"Vượt thác"* được Võ Quảng sáng tạo nên bằng biện pháp nghệ thuật nhân hoá hoặc so sánh

Bài làm

Trang văn "*Vượt thác*" của Võ Quảng đã để lại cho người đọc bao ấn tượng đẹp về cảnh hùng vĩ, thơ mộng của dòng sông Thu Bồn, về cảnh vượt thác Cổ Cò của dượng Hương Thư.

Võ Quảng đã sử dụng sáng tạo biện pháp nghệ thuật nhân hoá và so sánh để viết nên nhiều câu văn, đoạn văn rất đặc sắc.

Dưới đây là một số câu văn, đoạn văn tiêu biểu:

- Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

- Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh.

- Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lấn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

- Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. Đã đến Trung Phước.

128 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ của em về nhân vật Hương Thư và cảnh vượt thác Cổ Cò qua bài "*Vượt thác*"

Bài làm

Cảnh vượt thác Cổ Cò dưới ngòi bút Võ Quảng là một trang văn đẹp, đầy chất thơ. Cuộc vượt thác thực sự là một cuộc chiến đấu căng thẳng, dữ dội. Vốn nhiều kinh nghiệm vượt thác băng ghềnh, vị thuyền trưởng *"sai nấu cơm ăn để được chắc bụng"*, phải chuẩn bị vì *"nước còn to"*, *"phải chống liền tay không phút hở"*. Vũ khí là con thuyền và 3 chiếc sào tre đầu bịt sắt. Dòng thác thật đáng sợ: *"Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn"*. *"Chảy đứt đuôi rắn"* là cách nói so sánh của dân gian gợi tả dòng thác phóng từ cao xuống, nước chảy mạnh và xiết, cuồn cuộn như xoắn lại, như đứt tung ra. Dượng Hương Thư là người chỉ huy cuộc vượt thác trông thật đẹp, vẻ đẹp oai phong, gân guốc, mạnh mẽ. Người thì *"đánh trần"*. Động tác rất nhanh và mạnh: *"co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soạc!"*. Tư thế rất dẻo dai cường tráng: *"ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại,..."*. Chiếc sào *"cong lại"*. Dượng Hương Thư đã *"giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước"*. Giữa dòng thác *"nước bị cản văng bọt tứ tung"*, ba thủy thủ đã chèo chống cật lực, mà có lúc *"thuyền vùng vằng chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước"*. Con thuyền được nhân hóa để cực tả cuộc vượt thác vô cùng gian truân, vất vả. Cả ba tay chèo rất thiện nghệ, phối hợp nhịp nhàng: *"Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt"*. *"Nhanh như cắt"* là thành ngữ gợi tả sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, sắc bén: những con sào lao xuống, phóng xuống, rút lên liên tục rất nhanh và dứt khoát. Dượng Hương Thư được đặc tả qua hàng loạt chi tiết như những nét khắc, nét tạc: Các bắp thịt thì *"cuồn cuộn"*, hàm răng thì *"cắn chặt"*, quai hàm thì *"bạnh ra"*, cặp mắt thì *"nảy lửa"*.... Đó là hình ảnh một vị thuyền trưởng rất dũng mãnh, quyết đoán và tài ba, không chịu lùi bước trước dòng thác mạnh, đã làm chủ cuộc sống, làm chủ thiên nhiên. Trong sinh hoạt đời thường, dượng Hương hiền lành, khiêm tốn: *"nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ"*. Cảnh vượt thác đã phát lộ thêm một nét đẹp tính cách của dượng. Tác giả *"Quê nội"* đã sử dụng hai hình ảnh so sánh thoát sáo: *"Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc"*, *"như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ"* để ca ngợi vẻ đẹp của một con người chân chính trong lao động. Và đó là cảm nghĩ, lòng kính trọng, sự ngưỡng mộ của bé Cục đối với dượng Hương Thư thân thiết của mình. Trong *"Quê nội"*, nhà văn Võ Quảng hai lần tả cảnh vượt thác băng ghềnh, cả hai lần đều ấn tượng. Sau nửa thế kỉ, đọc trang văn của Võ Quảng, tuổi thơ gần xa cảm thấy mình đang cùng Cù Lao và Cục ngược sông Thu Bồn, vượt thác, thăm thú sông núi đại ngàn xứ Quảng. Ta thấy, tác giả sống hồn nhiên, sống hết mình với tuổi thơ, với trang văn của mình.

Vượt qua thác Cổ Cò thì chiều tối. Một ngày vượt thác vất vả đã dần trôi qua. Chú Hai *"vứt sào, ngồi xuống thở không ra hơi"*. Dòng sông Thu Bồn ở vùng Trung

Phước *"cứ nhảy quanh co dọc những núi cao sừng sững"*. Sông như hẹp lại. Nước sông cuồn cuộn, không chảy băng băng mà là *"nhảy quanh co"*, như đang múa lượn. Một lần nữa, tác giả lại nói về cổ thụ tạo nên một so sánh - liên tưởng thú vị: *"Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước"*. Rừng xanh như đang vẫy gọi. Chốn đại ngàn với núi cao, thác hiểm không còn màu sắc huyền bí mà trở nên thân thiết, gắn bó với con người miền xuôi. Qua thác Cổ Cò là đến Trung Phước. Cảnh quan lại mở ra, trải dài trải rộng. Câu văn cũng nhẹ nhàng thanh thoát: *"Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra"*... phải dừng chân để nghỉ ngơi: *"Đã đến Trung Phước"*. Câu văn rút ngắn lại còn 4 chữ đầy gợi cảm. Đoàn lữ hành tạm dừng chân trên đường đi lấy gỗ.

Tuổi thơ chúng ta, ai đã được một lần nhìn thấy thác, ai đã một lần được vượt thác? Đọc trang văn *"Vượt thác"*, ta cảm thấy mình đang cùng Cù Lao và Cục,... vượt thác trên sông Thu Bồn hơn nửa thế kỉ trước. Đó là cái tài và cái tâm của Võ Quảng - nhà văn, nhà thơ thân thiết của tuổi thơ chúng ta. *"Vượt thác"* là trang hồi kí trữ tình đầy chất thơ. Chất thơ của vẻ đẹp hùng vĩ và hữu tình sông núi xứ Quảng mà trước đây cụ Phan Bội Châu từng ca ngợi là *"địa linh nhân kiệt"*. Chất thơ trong tâm hồn và chí khí con người: dũng cảm, phóng khoáng, hồn nhiên, yêu đời, yêu thiên nhiên,... Chất thơ thấm sâu vào từng câu văn, giọng văn: trong sáng, tươi đẹp, lúc thì mạnh mẽ hào hùng, lúc thì hồn nhiên thơ mộng. Cổ nhân có nói: *"Thi phú dục lệ"* (Thơ phú phải đẹp). *"Vượt thác"* là một trang văn đẹp trong giai phẩm *"Quê nội"*. Ta cảm thấy yêu thêm sông Thu Bồn, yêu thêm cuộc sống, yêu thêm chú Cục và Cù Lao, yêu thêm đất Quảng...

Tình yêu ấy làm ta lớn lên cùng trang văn *"Quê nội"* của Võ Quảng.

129 - ĐỀ BÀI:

Giới thiệu một vài nét về nhà văn Võ Quảng
và trích đoạn *"Vượt thác"* trong truyện *"Quê nội"*

Bài làm

Võ Quảng(1920 - 2007), quê ở Quảng Nam, vừa làm thơ vừa viết văn. Tác phẩm của ông toả sáng một tấm lòng nhân hậu yêu thương đối với tuổi thơ, đối với những sinh vật nhỏ bé quanh ta, đối với tình quê tha thiết vơi đầy. Một thế giới tuổi thơ hồn nhiên ham sống và yêu đời, dám dấn thân để mở rộng tầm mắt, xây đắp tình bạn được thể hiện qua các hình tượng đẹp như *"Mầm non"*, *"Anh Đom Đóm"*, qua các nhân vật đáng yêu như Cù Lao và Cục,...

Võ Quảng là tác giả đã vinh dự chiếm lĩnh tâm hồn tuổi thơ, nhất là hai tác phẩm *"Quê nội"* và *"Tảng sáng"*.

"Vượt thác" trích từ chương XI của truyện *"Quê nội"*, xuất bản năm 1974. Nhân vật chính của truyện là hai em thiếu niên tên là Cù Lao và Cục. Truyện viết về cảnh sắc, con người và cuộc sống ở làng Hoà Phước, ven bờ sông Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam vào những ngày sau Cách mạng tháng Tám 1945 và những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

"Vượt thác" kể lại hành trình dượng Hương Thư đưa thuyền ngược sông Thu Bồn, qua Phường Rạnh, vượt thác Cổ Cò đến Trung Phước để lấy gỗ về xây dựng

trường học cho con em Hoà Phước. Cù Lao và Cục được vượt thác trong chuyến đi đáng nhớ này.

Nghệ thuật tả cảnh, tả người rất đặc sắc. Ngòi bút nghệ thuật của Võ Quảng đã được thể hiện qua đoạn văn đầy chất thơ *"Vượt thác"* này.

Bài đọc tham khảo

Bình giảng bài thơ *"Mầm Non"* của Võ Quảng

Bài làm

Võ Quảng là nhà thơ trẻ mãi với những tác phẩm viết cho thiếu nhi. Thơ ông nhẹ nhàng, hóm hỉnh như khúc đồng dao. Ngôn ngữ và cảm xúc trong sáng, ý tưởng tươi tắn, hồn nhiên, cách diễn đạt tinh tế, đó là phong cách nghệ thuật và hồn thơ đậm đà của Võ Quảng.

Bài thơ *"Mầm Non"* với 26 câu thơ ngũ ngôn đã hội tụ tất cả những phẩm chất tốt đẹp của phong cách nghệ thuật và hồn thơ đáng yêu ấy.

Hai chữ *"Mầm Non"* xuất hiện 3 lần trong bài thơ, được viết hoa mang tính biểu trưng cho một linh hồn thơ bé, cho cái mới tươi non xinh đẹp trong cuộc đời.

Mở đầu bài thơ là một cây bàng cuối đông (nơi sân trường ?) chỉ còn lại *"một vài lá đỏ"*. Khi ấy, một Mầm Non đang nín thở đợi chờ. Sự tinh tế của thi sĩ là đã *"nghe"*, đã *"thấy"*, đã *"biết"* bước đi của mùa xuân qua 2 tín hiệu *"lá đỏ"* và *"Mầm Non"*:

"Dưới vỏ một cành bàng
Còn một vài lá đỏ,
Một ***Mầm Non*** *nho nhỏ*
Còn nằm ép lặng im."

Đang nín thở, đang đợi chờ, đang *"lim dim"* đôi mắt, Mầm Non *"cố nhìn qua kẽ lá"* thấy và nghe vũ trụ đang chuyển mình. Tạo vật đang chuyển mình theo những bước đi cuối cùng của mùa đông. Mây *"hối hả"* bay. Mưa phùn *"lất phất"* rây bụi mờ:

"Mầm Non *mắt lim dim*
Cố nhìn qua kẽ lá
Thấy mây bay hối hả
Thấy lất phất mưa phùn".

Cảnh vật tưởng như và còn nhiều vương vấn. *"Mầm Non"* vẫn nép mình nằm im đợi chờ mùa xuân. Lắng nghe lá rơi *"rào rào"* theo chiều gió cuốn. Mặt đất rải vàng lá cây. Không gian trở nên thoáng đãng. Rừng thưa thớt. Cây trụi lá trơ cành. Mùa đông đã tàn. Mùa xuân đang tới:

"Rào rào trận lá tuôn
Rải vàng đầy mặt đất
Rừng cây trông thưa thớt
Như chỉ cội với cành..."

Cảnh vật đổi thay trước mùa đông tàn. Thỏ giật mình. Ngọn cỏ, làn rêu đều nín thở đợi chờ mùa xuân đang đến. Cùng với *"Mầm Non"*, thi sĩ đã mơ hồ cảm thấy một sự chuyển mình của tạo vật:

"Một chú thỏ phóng nhanh
Chạy nấp vào bụi vắng
Và tất cả im ắng
Từ ngọn cỏ làn rêu..."

Mùa xuân đã đến rồi. Một buổi sớm mai. Quá bất ngờ trước một tiếng chim, một tín hiệu vui, ngân vang thánh thót. Xuân tới cùng khúc nhạc mùa xuân:

"Chợt một tiếng chim kêu
- Chiếp chiu, chiu ! Xuân tới !".

Nước suối dâng đầy, như vừa *"róc rách"* chảy vừa cất tiếng *"reo mừng"*. Ngàn vạn chim muông tung cánh *"hát ca vang dậy"* đón chào mùa xuân tới. Khúc nhạc mùa xuân thêm tưng bừng. Vũ điệu mùa xuân thêm náo nức, hớn hở. Điệp ngữ *"tức thì"* như 2 nốt nhạc du dương trong giai điệu, nhịp điệu hối hả mùa xuân. Suối reo, chim hót hay Mầm Non và nhà thơ cùng reo, cùng hát:

***"Tức thì** trăm con suối*
Nối róc rách reo mừng
***Tức thì** ngàn chim muông*
Nổi hát ca vang dậy"

Và *"Mầm Non"* sau bao ngày đêm *"nằm ép lặng im"* đợi chờ, đã *"nghe thấy"*, đã cựa mình, rồi *"đứng dậy"*, rồi *"khoác áo"*:

"Mầm Non vừa nghe thấy
Vội bật chiếc vỏ rơi
Nó đứng dậy giữa trời
Khoác áo màu xanh biếc."

"Mầm Non" "đứng dậy" rồi *"khoác áo màu xanh biếc"* là một hình tượng đẹp và khỏe, tượng trưng cho sức sống mùa xuân, vẻ đẹp thanh xuân và tinh khôi của thiên nhiên.

Hình tượng Mầm Non còn mang hàm nghĩa ngợi ca cái mới, cái trẻ trung, cái tươi đẹp xuất hiện đã thay thế cho cái già nua, cái tàn tạ, cũ kĩ trong cuộc đời.

"Mầm Non" là ca khúc mùa xuân, là vũ điệu mùa xuân, nó còn là khát vọng mùa xuân. Ý vị triết lí, chính là giá trị đích thực của bài thơ ngũ ngôn *"Mầm Non"* vậy!.

130 - ĐỀ BÀI:

Giới thiệu một vài nét về nhà văn An-phông-xơ Đô-đê và truyện "*Buổi học cuối cùng*"

Bài làm

An-phông-xơ Đô-đê (1840-1897) là nhà văn lỗi lạc của nước Pháp trong nửa sau thế kỉ XIX. Ông lao động cực nhọc và tự học mà thành tài. Ông viết kịch, viết tiểu thuyết, nhưng thành tựu nổi bật nhất, xuất sắc nhất là truyện ngắn. *"Những bức thư từ cối xay gió của tôi"* (1869) và *"Chuyện kể ngày thứ hai"* (1873) là hai kiệt tác văn chương của ông để lại cho đời. Truyện của ông thấm đượm chất đồng dao, dân ca, nhẹ nhàng và trong sáng, diễn tả cảm động những nỗi đau và tình thương, đặc biệt là tình yêu đồng quê, tình yêu đất nước quê hương.

Truyện *"Buổi học cuối cùng"* trích trong tập truyện *"Chuyện kể ngày thứ hai"*. Cậu học trò nhỏ Phrăng kể lại tâm trạng của mình về hình ảnh thầy Ha-men, nói lên không khí lớp học trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng trên quê hương em. Câu chuyện thấm thía bao nỗi buồn đau mất nước của người thầy, của tuổi thơ vì dưới ách thống trị của ngoại bang không được dạy và học tiếng mẹ đẻ thân thiết yêu thương của dân tộc mình.

(...) Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!

(...) Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế...

Thầy quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to:

"Nước Pháp muôn năm".

131 - ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nghĩ của em về truyện ngắn *"Buổi học cuối cùng"* của An-phông-xơ Đô-đê

Bài làm

Truyện ngắn *"Buổi học cuối cùng"* là buổi học về tình yêu nước, là niềm tự hào yêu quý, là ý thức bảo vệ, giữ gìn tiếng nói của dân tộc mình. *"Buổi học cuối cùng"* là buổi học về tình thương yêu nhân dân, là sự gắn bó suốt đời đối với hạnh phúc của nhân dân.

Thầy Ha-men là *"một người thầy lớn lao"*, một trí thức yêu nước vĩ đại. Suốt đời thầy đã tận tụy vì học sinh, đã trọn đạo vì Tổ quốc. Trong những năm tháng đen tối nhất của đất nước, thầy vẫn có những phương pháp khơi dậy tình yêu nước và thắp sáng niềm tin trong tâm hồn tuổi thơ về đất nước. Thầy đã khơi dậy ý thức công dân trong lòng tuổi thơ. Riêng đối với Phrăng, chú đã *"lớn lên"* trong *"Buổi học cuối cùng"*.

An-phông-xơ Đô-đê có một lối viết nhẹ nhàng, gợi cảm. Tâm trạng cậu học trò Phrăng được diễn tả một cách tinh tế, lắng đọng qua những cảm xúc và suy nghĩ về cảnh vật và không khí, về những hình ảnh thân thương của thầy Ha-men. Cử chỉ, giọng nói, trang phục của thầy Ha-men, nội dung các bài dạy trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng của thầy Ha-men được kể, được miêu tả, được cảm nhận qua tâm hồn Phrăng, đã cho thấy nghệ thuật xây dựng nhân vật của Đô-đê rất đặc sắc.

Có thể nói chất thơ tỏa rộng và thấm sâu trên trang văn *"Buổi học cuối cùng"*. Hơn một thế kỉ sau, nó vẫn rung động hồn ta.

132 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về thầy Ha-men qua những điều suy nghĩ của cậu học trò nhỏ Phrăng trong truyện *"Buổi học cuối cùng"*

Bài làm

Hình ảnh người thầy Ha-men là hình ảnh tiêu biểu nhất cho nỗi đau của mọi người dân Pháp mất nước. Vẫn như mỗi lần, thầy Ha-men *"đi đi lại lại với cây thước sắt khủng khiếp kẹp dưới nách"*. Không phải ngày lễ phát phần thưởng hoặc có thanh tra đến trường, nhưng *"hôm nay"* thầy Ha-men ăn mặc rất trang trọng: mặc áo rơ-

danh-gốt màu xanh lục,... đội cái mũ tròn bằng lụa đen thêu... Lớp học của trường làng, trước đây ồn ào, vui vẻ thế, nhưng hôm nay trở nên *"khác thường và trang trọng"*. Ngoài đông đủ học trò, buổi học hôm nay lại có nhiều bà con dân làng đến dự, có cụ Hô-de, bác phát thư,... *"ai nấy đều có vẻ buồn rầu"*.

Thầy Ha-men *"với giọng dịu dàng và trang trọng"* thông báo cho mọi người biết: *"Lệnh từ Béc-lin là từ nay, chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren... Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con"*. Phrăng vô cùng *"choáng váng"* khi nghe thầy nói. Cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870-1871, Pháp thất trận; vùng An-dát và Lo-ren của Pháp bị nhập vào nước Phổ. Tiếng thầy Ha-men chứa đựng bao nỗi đau của một trí thức yêu nước bị mất nước: *"Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con"*. Thầy Ha-men đã gắn bó với ngôi trường làng vùng An-dát gần 40 năm, thầy đã *"phụng sự hết lòng"*, thầy đã *"trọn đạo với Tổ quốc"*. Các cụ già và nhiều người đến dự *"buổi học cuối cùng"* là để *"tạ ơn"* thầy Ha-men, trước khi thầy giã từ, ra đi... Thầy nói lên một cách chân thành, xúc động về sự coi nhẹ học hành... là một trong những nguyên nhân thất trận: *"Ôi! Tai họa lớn của An-dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai"*, ai cũng nghĩ: *"Còn khối thì giờ. Ngày mai ta sẽ học"*. Phrăng là một cậu bé hay trốn học đi rong chơi ngoài đồng nội, được gọi lên, nhưng không *"đọc được trót lọt"* cái quy tắc *phân từ* rất hay của tiếng Pháp, thầy nhẹ nhàng nói: *"Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu..."*, *"con vẫn chưa phải là người đáng tội nhất! Mà tất cả chúng ta cũng có phần đáng tự chê trách"*. *"Học tập là nghĩa vụ của tuổi trẻ"*, *"học tập là yêu nước"* bài học lớn lao ấy đã được thầy Ha-men nói lên một cách giản dị và thấm thía biết bao!

Giờ *Ngữ pháp*, thầy phân tích, thầy giảng giải, thầy tự hào ca ngợi tiếng Pháp *"là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất"*. Bảo vệ, giữ gìn tiếng Pháp là nghĩa vụ của mỗi công dân: *"phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên nó"*. Yêu tiếng mẹ đẻ là yêu nước, là để giữ lấy hồn thiêng của núi sông, bảo vệ lấy nền văn hóa lâu đời của dân tộc, giữ vững và nuôi dưỡng ý chí tự lập, tự cường, để vươn lên giành lấy tự do thoát khỏi vòng nô lệ, như thầy Ha-men đã nói: *"... một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù..."*. Có thể nói buổi học cuối cùng là buổi học về lòng yêu nước mà trước hết là yêu tiếng Pháp, bảo vệ và giữ gìn tiếng Pháp. Bài học ấy thiêng liêng biết bao, nhất là đối với thầy Ha-men, đối với Phrăng và các cô cậu khác, đối với cụ già Hô-de và bao người dân vùng An-dát trong những năm tháng đen tối, đau thương! Đối với người Việt Nam chúng ta, yêu quý, giữ gìn tiếng mẹ đẻ là bài học xương máu. Một nghìn năm Bắc thuộc, 20 năm bị giặc Minh đô hộ, 80 năm bị thực dân Pháp thống trị, nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân ta đã bảo vệ, giữ gìn tiếng Việt, chúng ta đã *"nắm được chìa khóa chốn lao tù"*, làm cho tiếng Việt trở nên giàu đẹp như ngày nay.

Với thầy Ha-men thì mỗi môn học, mỗi giờ học trong buổi học tiếng Pháp cuối cùng là những bài học về lòng yêu nước. Yêu nước Pháp là yêu tiếng Pháp, là yêu chữ (văn tự) Pháp. Phải biết viết kiểu *chữ rông* thật đẹp, phải trang trọng khi viết tên Tổ quốc mình, quê hương mình: *"Pháp, An-dát, Pháp, An-dát"*. Những tờ mẫu mới tinh thầy đã chuẩn bị trước, treo trước bàn học *"trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp"*. Qua đó, ta thấy thầy Ha-men là một nhà giáo vĩ đại, một trí

thức giàu lòng yêu nước. Giờ tập viết dễ khô khan, nhưng thầy đã truyền cho học trò tình yêu nước, ý thức học tập và giữ gìn văn tự Pháp. Cảnh tượng và không khí lớp học trong giờ *viết tập* thật trang nghiêm: *"Ai nấy đều chăm chú hết sức và cứ im phăng phắc! Chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy"*. Các em nhỏ thì *"cặm cụi"* tập viết *"những nét số với một tấm lòng, một ý thức, như thể cái đó cũng là tiếng Pháp"*. Phrăng vốn là một học sinh mải chơi thế mà buổi học cuối cùng hôm nay, em cảm thấy rất hạnh phúc *"kinh ngạc thấy sao mình hiểu đến thế"*, chẳng để ý đến con bọ dừa bay vào lớp, chú xúc động khi nghe tiếng gù của chim bồ câu trên mái nhà trường, rồi tự hỏi, tự nhủ: *"Liệu người ta có bắt cả chúng nó cũng phải hót bằng tiếng Đức không nhỉ?"*. Bao tình cảm cao quý đã được khơi dậy trong lòng chú.

Buổi học cuối cùng đối với thầy Ha-men là buổi học giã từ những cái gì gắn bó thân thiết yêu thương suốt 40 năm trời, với bao kỉ niệm sâu sắc. Chỉ ngày mai thôi, thầy *"phải ra đi, rời khỏi xứ sở này mãi mãi"*. Thầy quên sao được *"ngôi trường nhỏ bé của thầy"*, thầy quên sao được chỗ ngồi của thầy, khoảng sân, lớp học, những chiếc ghế dài, những bàn học trải qua màu thời gian đã *"nhẵn bóng"*. Thầy là một con người *"tội nghiệp"* chắc sẽ *"nát lòng"* khi phải giã biệt những cây hồ đào ngoài sân, cây hu-blông tự tay thầy trồng, giờ đây *"quấn quýt quanh các khung cửa sổ lên tận mái nhà"*. Thầy Ha-men gần như một con người quá đau khổ đến mất hồn. Thầy *"đứng lặng im"* trên bục giảng, thầy *"đăm đăm nhìn"* những đồ vật quanh mình *"như muốn mang theo trong ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy"*.

Sau giờ *viết tập* là giờ *lịch sử*. Thầy Ha-men *"vẫn đủ can đảm"* dạy đến hết buổi. Tiếng đọc đồng thanh như hát *"Ba Be Bi Bo Bu"* cất lên. Hình ảnh cụ già Hô-de đeo kính lên, nâng cuốn sách vỡ lòng bằng hai tay, giọng đọc *"run run vì xúc động"*, làm cho ai cũng *"muốn khóc"*. Phrăng xúc động khẽ thốt lên trong lòng: *"Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!"*.

Những khoảnh khắc chót buổi học tiếng Pháp cuối cùng ở vùng An-dát 130 năm về trước sao mà buồn thế! Khi đồng hồ nhà thờ điểm 12 giờ, khi chuông cầu nguyện buổi trưa rung lên, khi bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ, thì thầy Ha-men *"nghẹn ngào"* nói lời giã biệt: *"Các bạn, thầy nói, hỡi các bạn, tôi... tôi..."*. Và thầy viết lên bảng dòng chữ thật to, thầy *"dằn mạnh hết sức"*:

"Nước Pháp muôn năm!"

Người thầy *"tái nhợt"*, *"đầu dựa vào tường"*, và chẳng nói, giơ tay ra hiệu cho chúng tôi: *"Kết thúc rồi... đi đi thôi!"*.

Ngày mai thầy Ha-men sẽ ra đi. Nhưng hình ảnh thầy vẫn in sâu trong tâm hồn người dân vùng An-dát và lũ học trò nhỏ thân yêu. Ha-men là một ông thầy vĩ đại, đúng như Phrăng đã nghĩ: *"Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế!"*.

133 - ĐỀ BÀI:

Đọc và nêu cảm nghĩ đoạn văn sau:

... "Thế là chiều qua đàn gia súc trở về. Từ sáng sớm, cổng trang trại đã mở toang hai cánh đón chờ, chuồng nào chuồng ấy đầy ắp rơm tươi. Chốc chốc người ta lại bảo nhau: Lúc này họ đã tới Ây-gli-e, lúc này họ đã ở Pa-ra-đu. Rồi thình lình, vào chiều tối,một tiếng reo to: "Họ kia rồi!" và từ xa, chúng tôi thấy đàn gia súc tiến

bước giữa đám bụi hồng rạng rỡ. Cả con đường cũng dường như rình rịch theo bước chân đi của chúng. Đi đầu là những con cừu đực già, sừng giương ra phía trước và dữ tợn; đằng sau chúng là đông đảo họ nhà cừu, những cừu mẹ dáng hơi mệt mỏi, lũ cừu con chạy quấn dưới chân; những con la cái đeo ngù trang trí màu đỏ, mang những chiếc giỏ đựng những chú cừu non mới đẻ, lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi; rồi đến những con chó đẫm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất và sau cùng là hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng..."

(*Đàn gia súc trở về* - A. Đô-đê)

Bài làm

"*Đàn gia súc trở về*" là nửa sau truyện ngắn "*Dọn đến nhà mới*" của nhà văn Pháp An-phông-xơ Đô-đê (1840 - 1897). Đoạn văn: "*Thế là chiều qua đàn gia súc trở về... hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng*" rút từ trích đoạn "*Đàn gia súc trở về*".

1. Đô-đê tả cảnh đàn gia súc xuống núi trở về trang trại vô cùng sống động, thần tình. Cảnh vật được tả từ xa đến gần, trong sự chờ mong, đón đợi. Không có một chi tiết nào thừa. Cổng trại "*đã mở toang hai cánh đón chờ*"; chuồng gia súc "*đầy ắp rơm tươi*". Người ở nhà chờ mong sốt ruột, chốc chốc lại bảo nhau: "*Lúc này họ đã tới Ây-gli-e, lúc này họ đã ở Pa-ra-đu*"... Niềm vui sướng chờ mong khi nhìn thấy đàn cừu trở về, từ xa được diễn tả bằng một câu văn nhiều chấn động và cảm xúc: "*Rồi thình lình, vào chiều tối, một tiếng reo to: "Họ kia rồi!" và từ xa, chúng tôi thấy đàn gia súc tiến bước giữa đám bụi hồng rực rỡ*". Trước mắt chúng ta là một cảnh tượng náo nức rộn ràng. Bước chân đàn cừu phải là đông đúc lắm, có đến mấy nghìn con mới làm cho con đường "*rình rịch*" lên như thế. Đàn cừu được chia thành từng nhóm để tả bằng những nét vẽ tài tình. Những con cừu đực già đi đầu như những lão tướng tiên phong "*Sừng giương ra phía trước và dữ tợn*". Họ nhà cừu theo sau, những cừu mẹ "*dáng hơi mệt mỏi*", lũ cừu con thì "*chạy quấn dưới chân*", hồn nhiên, ngây thơ, những con la cái "*đeo ngù trang trí màu đỏ*" rất đẹp tựa như những chiến sĩ hậu cần "*mang những chiếc giỏ đựng các chú cừu non mới đẻ, lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi*"; những con chó tựa như các chiến binh đi cản hậu, bảo vệ đàn cừu, con nào cũng "*đẫm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất*". Và sau cùng là hai chú chăn cừu, thân hình thì "*lực lưỡng*", trông thật oai phong như ông tướng chỉ huy đoàn quân thắng trận trở về, "*khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng*".

2. Hình ảnh đàn cừu là hình ảnh trung tâm được tả bằng 6 nét vẽ, cho thấy bố cục chặt chẽ, tài quan sát, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ rất tinh tế, biểu cảm và điển hình. Tả cừu đực qua cặp sừng và nét "*dữ tợn*". Cừu mẹ thì "*mệt mỏi*", cừu con thì tung tăng "*chạy quấn dưới chân*", bầy la cái đeo ngù đỏ, mang giỏ nhịp bước đi "*lắc lư như ru*". Những con chó "*lưỡi lè dài sát đất*", hai chú chăn cừu lực lưỡng với bộ áo khoác len thô màu đỏ hoe dài chấm gót. Câu văn dài, nhưng mạch lạc làm hiện lên sự "*đông đảo họ nhà cừu*", một đàn cừu được nuôi nấng, chăm sóc, thuần dưỡng, được bảo vệ chu đáo, có tổ chức nề nếp, trật tự. Bao trùm lên tất cả đàn cừu là cái nhìn chăm chú, là tấm lòng yêu mến của nhà văn. Có thể nói đây là đoạn văn tả súc vật đặc sắc nhất, mẫu mực nhất hiếm có.

134 – ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nhận của em về đoạn văn sau:

"Tất cả cùng tưng bừng diễu qua mặt chúng tôi, ùa vào cổng lớn, sầm sập như trời đổ mưa rào... Hãy xem cảnh trang trại náo động đến mức nào. Những con công lớn màu xanh lam vàng óng, mào mỏng như vải lưới, đậu ngất nghểu trên giàn cao nhận ra những kẻ mới trở về và cất lên tiếng kèn chào inh ỏi. Bầy gà đang ngủ giật mình thức giấc. Hết thảy đều bật dậy: nào chim câu, nào vịt, nào gà tây, gà Nhật Bản. Cả đàn gia cầm vui mừng như điên; đám gà mái bàn nhau sẽ thức thâu đêm... Tưởng chừng như mỗi con cừu đã mang theo về trong bộ lông của nó, cùng với vị hoang dã của núi An-pơ, một chút khí trời lồng lộng của cao nguyên làm hết thảy đều ngây ngất và muốn nhảy múa"...

(Đàn gia súc trở về - A. Đô-đê)

Bài làm

Phiên cảnh thứ hai được Đô-đê miêu tả là cảnh đàn gia cầm tiếp đón đàn gia súc trở về. Một cảnh tượng tưng bừng náo nhiệt. Cách so sánh rất tài, đàn cừu *"ùa vào cổng lớn, sầm sập như trời đổ mưa rào"*, làm cho cảnh trang trại *"náo động"* cả lên. Đã nửa năm ly biệt bạn cũ nay mới gặp lại, đàn gia cầm *"vui mừng như điên"*. Chúng được nhân hóa để làm nổi bật nỗi vui mừng hạnh ngộ. Những con công lớn như đã trang điểm cho đẹp thêm để đón bạn, khoác một *"màu xanh lam và vàng óng"*, mào như vải lưới, *"ngất nghểu"* đậu trên giàn cao, không phải *"tố hộ"* như ngày thường mà là *"cất lên tiếng kèn chào inh ỏi"*. Cách biểu hiện tình cảm của mỗi loài mang một sắc thái riêng. Bầy gà vốn đi ngủ sớm *"giật mình thức giấc"*. Chim câu, vịt, gà tây, gà Nhật Bản *"hết thảy đều bật dậy"*. Đàn gà mái vốn là những ả *"lắm lời"* thì *"bàn nhau sẽ thức thâu đêm"*. Niềm vui tràn ngập trang trại. Nhà văn lấy âm thanh, lấy *"tiếng nói"* đàn gia cầm để làm nổi bật cảnh tưng bừng náo nhiệt, một niềm vui mới, một sức sống mới đang dâng lên ở vùng quê. Đây là một câu văn tuyệt bút sử dụng thủ pháp giả định và so sánh trong miêu tả để tạo nên tính truyền cảm của văn chương. Lời văn đẹp, trang nhã như *"tan vào"* tâm hồn người đọc. Hãy đọc chậm và đọc khẽ:

"Tưởng chừng như những con cừu đã mang về theo trong bộ lông của nó, cùng với hương vị hoang dã của núi An-pơ, một chút khí trời lồng lộng của cao nguyên làm hết thảy đều ngây ngất và muốn nhảy múa".

Văn của Đô đê *đầy cảm giác* và *thấm đẫm chất thơ* là như thế!

135 - ĐỀ BÀI:

Phân tích cảm xúc và ý nghĩ của anh đội viên về *"Người Cha mái tóc bạc"* trong bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* của Minh Huệ

Bài làm

Trong bài *"Đêm nay Bác không ngủ"*, bên cạnh hình ảnh Bác Hồ là hình ảnh anh đội viên, được nhà thơ thể hiện khá đẹp. Anh chợt thức giữa đêm khuya, và anh vô cùng ngạc nhiên suy nghĩ:

"Mà sao Bác vẫn ngồi - Đêm nay Bác không ngủ". Thương Bác, anh khẽ nói: *"Bác ơi! Bác chưa ngủ? - Bác có lạnh lắm không?"*. Anh bồn chồn lo lắng:

"Anh nằm lo Bác ốm...".

Cảm xúc của anh đội viên phát triển theo chiều dài của thời gian đêm khuya: *"Anh đội viên thức dậy - Thấy trời khuya lắm rồi... Lần thứ ba thức dậy..."*. Người lính trẻ nằng nặc, thiết tha:

"Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!".

Nghe Bác nói về tình thương và nỗi lo,... anh đội viên vô cùng hạnh phúc vì đã thấu hiểu tấm lòng và sự vĩ đại của lãnh tụ:

"Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác".

Qua hình ảnh chú đội viên, Minh Huệ đã thể hiện một cách chân thành cảm động lòng kính yêu của đồng bào và chiến sĩ đối với Hồ Chủ tịch vĩ đại.

"Đêm nay Bác không ngủ" mãi mãi là một bài ca *"làm rung động trái tim muôn triệu con người"*. Hai nhân vật, hai tâm hồn chung đúc, chan hòa trong một tình yêu lớn: *"yêu nước, thương người"*. Màu sắc dân ca kết hợp với không khí cổ tích thần kì làm nên vẻ đẹp độc đáo của bài thơ viết về lãnh tụ. Cảnh rừng chiến khu Việt Bắc, một đêm mưa lâm thâm, ngọn lửa hồng, mái tóc bạc, chòm râu im phăng phắc là bốn nét vẽ đầy ấn tượng về Bác Hồ thể hiện tình yêu nước, thương dân bao la của Bác.

136 - ĐỀ BÀI:

Hình ảnh Bác Hồ được cảm nhận qua tâm hồn người chiến sĩ trẻ trong bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* của Minh Huệ

Bài làm

Minh Huệ với bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* là hiện tượng thi sĩ bất tử với một giai phẩm văn chương. Độc đáo bởi vì một nhà thơ xứ Nghệ, sử dụng làn điệu dân ca hát dặm Nghệ Tĩnh đã sáng tạo nên một bài thơ tuyệt bút ca ngợi tình yêu nước, thương dân mênh mông của một người con vĩ đại của xứ Nghệ - Bác Hồ Chí Minh kính yêu.

Bài thơ gần như một truyện cổ tích vừa thực vừa mộng dẫn hồn ta vào một không khí lung linh huyền thoại: một ông tiên với chòm râu im phăng phắc, bóng cao lồng lộng trước ngọn lửa hồng chập chờn giữa rừng khuya. Một đêm đông lạnh lẽo mưa lâm thâm thời chiến tranh, loạn lạc. Xung quanh đống lửa là những chiến binh trẻ tráng (tiên đồng) đang nằm ngủ. Không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật ấy đã góp phần đặc sắc tạo nên sắc điệu trữ tình và tính thẩm mĩ độc đáo của bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"*.

Tác giả đã sử dụng biến hóa ngôn ngữ kể, ngôn ngữ tả, ngôn ngữ nhân vật, và bình luận trữ tình hòa quyện trong những vần thơ 5 chữ dung dị, lắng đọng, liền mạch, mến thương.

Hình ảnh Bác Hồ được khắc họa rất đậm nét qua tâm hồn anh đội viên. Mối quan hệ giữa lãnh tụ với chiến sĩ trở thành tình bác - cháu, cha - con. Tố Hữu từng viết: *"Người là Cha, là Bác, là Anh - Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ"* (*Sáng tháng năm*). Ở đây Minh Huệ đã cảm nhận được:

"Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm
Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng"...

Việc làm *"đốt lửa"*, hành động *"đi dém chăn"*, cử chỉ *"nhón chân nhẹ nhàng"* - đã thể hiện sự chăm chút yêu thương của *"Người Cha mái tóc bạc"* đối với từng người lính như tình cha - con, tình ông - cháu.

Chú đội viên *"mơ màng"* trong khoảnh khắc hạnh phúc thần tiên. Chất thơ vừa thực vừa mơ đầy ấn tượng:

"Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng".

Ngoài trời thì mưa lâm thâm lạnh lẽo. Trong mái lều xơ xác, suốt đêm *"Lặng yên bên bếp lửa - Vẻ mặt Bác trầm ngâm"*. Bác vẫn ngồi... Bác vẫn không ngủ, *"Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ..."* (Tố Hữu). Bác vĩ đại và ấm áp biết bao! Một so sánh rất đẹp, rất thơ đã ca ngợi tình nhân ái Hồ Chí Minh:

"Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng".

Tình huống thơ được đẩy tới cao trào. Chế Lan Viên trong bài *"Người đi tìm hình của nước"* từng viết: *"Hiểu sao hết tấm lòng lãnh tụ..."*. Anh đội viên cũng vậy, anh chưa hiểu vì sao đêm nay Bác trầm ngâm thao thức. Nghe Bác nói, anh đội viên *"vui sướng mênh mông"*. Tình nhân ái của lãnh tụ đã soi sáng tâm hồn người lính trẻ:

"Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt!
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau...".

Trong bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"*, Minh Huệ đã sáng tạo nên một số chi tiết nghệ thuật rất cụ thể và điển hình về mái tóc, chòm râu, ngọn lửa, bóng Bác, vẻ mặt trầm ngâm, về hành động, cử chỉ (đốt lửa, dém chăn, nhón chân...) nhằm tô đậm và ca ngợi tình thương bao la của Bác Hồ kính yêu. Chòm râu là một nét vẽ thân tình bức chân dung lãnh tụ gợi lên sự gần gũi, thân thiết mà cao cả, thiêng liêng:

"Bác vẫn ngồi đinh ninh
Chòm râu im phăng phắc".

137 - ĐỀ BÀI:

Hãy phân tích và giải thích cái *"lẽ thường tình"* mà Minh Huệ nói đến trong khổ thơ cuối bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"*

Bài làm

Minh Huệ là nhà thơ xứ Nghệ. Bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* viết năm 1951 là bài thơ hay nhất của ông. Với thể thơ 5 chữ mang âm điệu trữ tình dân ca *hát dặm*, tác giả đã ca ngợi tình thương mênh mông của Bác Hồ đối với chiến sĩ đồng bào, và lòng kính yêu của người lính trẻ đối với lãnh tụ.

Phần cuối bài thơ, Minh Huệ giải thích lí do đêm nay Bác không ngủ một cách giản dị mà sâu xa:

"Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ

Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh".

Cái *"lẽ thường tình"* mà nhà thơ nói đến chính vì *"Bác là Hồ Chí Minh"*, là lãnh tụ có tấm lòng nhân ái bao la. Trên đường đi chiến dịch *"rừng lắm dốc lắm ụ"*, Bác đã xông pha, nếm trải gian khổ với chiến sĩ. Đêm đông, mưa lâm thâm lạnh lùng, dưới *"mái lều tranh xơ xác"*, Bác đốt lửa cho chiến sĩ nằm ngủ, Bác nhẹ nhàng đi *"dém chăn"* cho từng chiến sĩ một... Bác *"trầm ngâm"* nhìn ngọn lửa. Bác không ngủ được vì *"Bác thương đoàn dân công - Đêm nay ngủ ngoài rừng - Rải lá cây làm chiếu - Manh áo phủ làm chăn..."*.

"Cái lẽ thường tình" ấy vì *"Người là Cha, là Bác, là Anh - Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ"* (Tố Hữu). Cái *"lẽ thường tình"* ấy chính là tấm lòng lo nước thương dân (lòng ưu ái) của lãnh tụ:

"Lòng riêng riêng những bàn hoàn
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng".

(*Đi thuyền trên sông Đáy*)

Khổ cuối được xem như một câu bình luận trữ tình. Minh Huệ chỉ gợi mở về cái *"lẽ thường tình"*, tạo nên bao liên tưởng chấn động tâm hồn người yêu thơ về tình nhân ái Hồ Chí Minh, về đạo đức, nhân cách cao đẹp Hồ Chí Minh. Bác Hồ vô cùng vĩ đại, Người đã hiến dâng cả cuộc đời *"79 mùa xuân"* cho độc lập, tự do của Tổ quốc, và đã *"ôm cả non sông, mọi kiếp người"* (Tố Hữu).

Lê Kim Lan, lớp 9B
(Trường THCS Lạc Viên - Hải Phòng)

138 - ĐỀ BÀI:

Phân tích đoạn thơ: *"Lần thứ ba thức dậy... Bác là Hồ Chí Minh"* trong bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* của Minh Huệ.

Bài làm

Thơ ca kháng chiến chống Pháp có một số bài thơ rất hay viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh như *"Sáng tháng năm"* (Tố Hữu), *"Đêm nay Bác không ngủ"* (1951- Minh

Huệ). Minh Huệ viết bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* giữa lúc cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bằng những vần thơ sâu lắng thiết tha, Minh Huệ đã khắc họa hình ảnh lãnh tụ qua cách nhìn, cách cảm của người chiến sĩ giữa rừng sâu Việt Bắc trong một đêm mưa rét. Bác Hồ cùng chiến sĩ ra trận, cùng trú quân dưới tán lá rừng già Việt Bắc mưa rét.

Phần cuối bài thơ đã miêu tả một cách cảm động và sâu sắc tình yêu thương mênh mông của Bác Hồ. Âm điệu dân ca *"Hát dặm Nghệ Tĩnh"* được Minh Huệ vận dụng sáng tạo để viết nên những vần thơ trữ tình thiết tha:

"Lần thứ ba thức dậy...
... Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh".

Phần đầu bài thơ, tác giả ghi lại một vài cử chỉ của lãnh tụ. Giữa đêm khuya lạnh, Bác nhóm lửa, dém chăn cho từng chiến sĩ một. Bác nhón chân đi lại giữa lán rừng canh giấc ngủ cho các cháu ngủ ngon. Anh đội viên chợt tỉnh giấc, nhìn thấy Bác, anh xúc động và mơ màng *"như chìm trong giấc mộng"*.

Bảy khổ thơ cuối ghi lại cảnh anh đội viên nhìn thấy Bác *"lần thứ ba thức dậy"*. Đêm đã sang canh... trời sắp sáng, thế mà Bác vẫn không ngủ. Anh đội viên *"hốt hoảng giật mình"*, vừa lo âu vừa thương Bác:

"Bác vẫn ngồi đinh ninh,
Chòm râu im phăng phắc".

"Ngồi đinh ninh" là ngồi bất động trong trạng thái suy tư, nhiều băn khoăn lo lắng. Cả tâm hồn Bác như chìm sâu vào những dòng suy nghĩ triền miên. Hình ảnh *"chòm râu im phăng phắc"* là một nét vẽ thần tình diễn tả nội tâm của Bác giữa đêm khuya làm nổi bật cảnh rừng đêm vắng lặng, trang nghiêm.

Đoạn thơ tiếp theo ghi lại cuộc đối thoại giữa anh đội viên với lãnh tụ. Anh lên tiếng nhẹ nhàng, thiết tha mời Bác:

"Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!".

Hai tiếng *"Bác ơi..."* được nhắc lại hai lần thể hiện một tình thương, một tấm lòng. Nhờ những từ ngữ ấy mà giọng thơ đằm thắm, gợi cảm. *"Nằng nặc"* nghĩa là kêu van, đòi bằng được, mời bằng được. Những từ láy: *"hốt hoảng"*, *"vội vàng"*, *"nằng nặc"* liên kết với chữ *"mời"* và từ cảm *"ơi"* đã làm nổi bật tấm lòng yêu kính, lo lắng của anh chiến sĩ đối với Bác. Ngôn ngữ thơ bình dị như tiếng nói của quần chúng nhưng chứa đựng bao tình cảm đẹp.

Ba khổ thơ tiếp theo nói lên tình yêu thương bao la của lãnh tụ. Sau khi ân cần khuyên nhủ người lính: *"Chú cứ việc ngủ ngon - Ngày mai đi đánh giặc"*..., Bác trang trải nỗi lòng của mình *"Bác ngủ không an lòng"*. *"Không an lòng"* nghĩa là không yên tâm, nhiều băn khoăn, lo lắng. Bác thương chiến sĩ, thương dân công trên chiến trường đang dãi dầu mưa gió, đang trải qua nhiều gian khổ hi sinh. Trời mưa rét. Thiếu chăn chiếu. Muôn vàn khó khăn, thiếu thốn giữa thời kháng chiến:

*"Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt..."*

Đoạn thơ làm sống lại một thời gian khổ trong máu lửa. Trời mưa rét dân công bộ đội đi đánh giặc trú quân giữa rừng, lấy lá cây làm chiếu, lấy manh áo (áo mỏng) làm chăn. Câu thơ hay vì có nhiều chi tiết điển hình, cụ thể, hiện thực. Chữ *"thương"* đi cùng câu thơ *"Làm sao cho khỏi ướt"* biểu hiện tình nhân ái của Bác: thương lắm nên lo nhiều. Tình thương của Bác sâu sắc như tình người cha, sâu nặng như tình người mẹ hiền, cao cả rộng lớn như nước non. Trong bài thơ, nhiều lần Minh Huệ nói đến chữ *"thương"* bằng thủ pháp nhấn ý tăng cấp:

*"Bác thương đoàn dân công...
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau..."*

Sau đối thoại ngắn, tâm hồn lãnh tụ và chiến sĩ chan hòa trong tình yêu thương. Hai câu thơ đăng đối hài hòa đẹp:

*"Anh đội viên nhìn Bác
Bác nhìn ngọn lửa hồng".*

Hai cái *"nhìn"* nói lên hai tâm trạng. Anh đội viên nhìn Bác với lòng kính yêu, anh sung sướng phát hiện ra bao phẩm chất cao quý trong tâm hồn lãnh tụ. Lần thứ ba hình ảnh *"ngọn lửa hồng"* tái hiện. Lần thứ nhất: *"Bóng Bác cao lồng lộng - Ấm hơn ngọn lửa hồng"*. Lần thứ hai: *"Bác nhìn ngọn lửa hồng"*. Cái nhìn của Bác chứa chất bao tình thương mến. *Ngọn lửa hồng* soi sáng tâm hồn cao đẹp của lãnh tụ.

Khổ thơ cuối, Minh Huệ nói rõ vì sao *"Đêm nay Bác không ngủ"*. Tác giả không lí luận dài dòng mà viết:

*"Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh".*

"Lẽ thường tình" đơn giản, dễ hiểu mà sâu sắc. Vì tên Người là Nguyễn Ái Quốc. Vì Bác là lãnh tụ *"yêu nước, yêu người, yêu cỏ hoa"*. Bác cùng với chiến sĩ và dân công ra trận, đồng cam cộng khổ với nhau... Ba chữ *"lẽ thường tình"* gợi ra trong lòng người đọc nhiều liên tưởng đẹp về lãnh tụ.

Với thể thơ năm chữ giàu âm điệu và sắc thái kể chuyện dân ca, Minh Huệ phối hợp các hình thức tự sự, miêu tả trữ tình để khắc họa tâm hồn vĩ đại, cao cả của Bác Hồ. Tất cả mọi hình ảnh: mái tóc bạc, chòm râu im phăng phắc đến cử chỉ, hành động, lời nói của Bác được nhà thơ miêu tả nhằm làm nổi bật tình yêu thương bao la, mênh mông của Bác Hồ kính yêu. Có nhạc sĩ đã viết: *"Xin hát lên bài ca dâng Người"*. Thật vậy, *"Đêm nay Bác không ngủ"* cũng là một bài ca cảm động nói về lãnh tụ kính yêu của dân tộc, cũng là một trong những *"bài ca dâng Người"* rất hay, rất đẹp.

139 - ĐỀ BÀI:

Giới thiệu một vài nét về nhà thơ Tố Hữu và bài thơ "*Lượm*"

Bài làm

Tố Hữu(1920 - 2002) quê ở Thừa Thiên- Huế là nhà thơ lớn của dân tộc ta trong thế kỉ XX. Ông là tác giả của các tập thơ: *Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa, Một tiếng đờn.*

Bài *"Lượm"* được Tố Hữu viết vào năm 1949, thời kháng chiến chống Pháp xâm lược, theo thể thơ bốn chữ. Qua bài thơ, tác giả đã ca ngợi chú đội viên liên lạc nhỏ bé đáng yêu đã anh dũng hi sinh trong lửa đạn, tiêu biểu cho lòng yêu nước và chí khí anh hùng của thiếu nhi Việt Nam.

140 - ĐỀ BÀI:

Phân tích hình ảnh chú đội viên liên lạc qua đoạn thơ "*Ngày Huế đổ máu... Cháu đi xa dần*" trong bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu

Bài làm

Có bài thơ hay, câu thơ hay vì thơ nên họa, thơ nên nhạc. (*Thi trung hữu họa, thi trung hữu cầm*). Phần đầu bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu rất đặc sắc, thơ nên họa, đó là bức chân dung truyền thần chú đội viên liên lạc thời 9 năm kháng chiến đánh Pháp: dáng người bé nhỏ, nhưng nhanh nhẹn, tinh nghịch mà lạc quan yêu đời, tuổi nhỏ mà chí cao, rất đáng yêu đáng mến.

Đọc đoạn thơ, ta tưởng như đang được ngắm nhìn bức chân dung người chiến sĩ nhỏ hơn nửa thế kỉ trước:

"Ngày Huế đổ máu
... Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
... Cháu đi xa dần...".

1. Khổ thơ đầu nhắc lại một kỉ niệm khó quên lần gặp gỡ cuối cùng của nhà thơ với chú đội viên liên lạc, giữa hai chú, cháu trên thành phố Huế thân thương. Đó là những ngày *"Huế đổ máu"*, năm 1946, giặc đánh chiếm cố đô Huế, quê mẹ nhà thơ:

"Ngày Huế đổ máu
Chú Hà Nội về,
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè.

Đoạn thơ nhắc lại, gợi lại một con người, nơi phố cũ thành xưa, thời gian đã mấy năm về trước *"Ngày Huế đổ máu"*, nay đã trở thành kỉ niệm, hoài niệm. Sau câu chữ, vần thơ là cảm xúc, là nỗi nhớ thương lắng đọng, rung động nơi sâu kín nhất cõi tâm hồn.

2. Tám câu thơ tiếp theo là những nét vẽ đầy ấn tượng về Lượm, chú đội viên liên lạc. Thân hình quá nhỏ bé, thấp bé, gầy gò *"loắt choắt"*. Trang phục người lính là *"cái xắc xinh xinh"*. Chú rất nhanh nhẹn, hiếu động, đáng yêu. Đôi chân thì *"thoăn thoắt"*. Cái đầu ngẩng lên, cúi xuống *"nghênh nghênh"* có giá trị gợi tả đặc sắc, làm hiện lên hình ảnh chú đội viên rất nhỏ bé, nhưng nhanh nhẹn, hồn nhiên, thật đáng

yêu. Các từ láy đặt cuối câu thơ, liên kết thành 2 cặp vần cách (1 với 3, 2 với 4) tạo nên nhạc điệu, âm điệu, đọc lên nghe rất thú vị:

"Chú bé loắt choắt,
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh."

Chữ *"cái"* được điệp lại 3 lần qua 3 nét vẽ: *"cái xắc"*, *"cái chân"*, *"cái đầu"* đã làm cho nét vẽ sắc và khỏe, giọng thơ trở nên hóm hỉnh yêu thương.

Lượm ngây thơ và hồn nhiên, tinh nghịch và yêu đời. Dáng điệu và cử chỉ của chú thật đáng yêu biết bao: *"Ca lô đội lệch - mồm huýt sáo vang"*. Lượm khác nào con chim non cất tiếng hót rộn ràng, tung bay trong nắng mới, nhảy nhót trên đường vàng.

Một so sánh thật đắt:

"Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng."

"Con đường vàng", một hình ảnh sáng giá tượng trưng cho con đường đầy nắng đẹp đi tới tương lai xán lạn mà cách mạng đã đem đến cho thiếu nhi Việt Nam. Qua ngôn ngữ giàu hình tượng và biểu cảm, Tố Hữu đã dành cho chú đội viên nhiều trìu mến, trân trọng và yêu thương.

3. Những dòng thơ cuối đoạn, giọng thơ, điệu thơ thay đổi. Từ kể và miêu tả, Tố Hữu chuyển thành đối thoại. Cháu nói với chú niềm vinh dự lớn lao mà cháu được tham dự. Quê hương bị giặc chiếm đóng tàn phá, Lượm vui sướng được trở thành người chiến sĩ nhỏ cùng cha anh đánh giặc. Các từ ngữ như: *"Vui lắm"*, *"thích hơn"* đã biểu lộ một cách hồn nhiên tinh thần yêu nước và nhiệt tình kháng chiến của Lượm:

"Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!"

Quân đội đã trở thành đại gia đình của chú. Cuộc đời người đội viên liên lạc khác nào một cánh chim tung bay trong bão tố? Sao chẳng *"vui"*, chẳng *"thích"*, chẳng tự hào? Lượm là một trong những hình ảnh tuyệt đẹp của tuổi nhỏ chí cao:

"Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình
Để tham gia kháng chiến
Để gìn giữ hòa bình".

(*Thư Trung thu* - Hồ Chí Minh)

Nụ cười *"híp mí"*, và cái *"Má đỏ bồ quân"* là hai nét vẽ làm cho bức chân dung chú liên lạc thêm sinh động. Một tâm hồn trẻ trung, phơi phới hồn nhiên. Chú liên lạc *"đi xa dần"* sau một tiếng chào *"đồng chí"* nhiều thân thương:

"Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân
- Thôi chào đồng chí!
Cháu đi xa dần..."

Câu thơ *"Cháu đi xa dần"* như một dự báo: phút giã biệt ở phố Hàng Bè *"Ngày Huế đổ máu"* cũng là phút vĩnh biệt. Người chú chẳng bao giờ gặp lại người cháu thân thương ấy nữa!

Đoạn thơ trên đây cũng như bài thơ *"Lượm"* là một thành công đặc sắc của Tố Hữu viết về gương anh hùng của thiếu nhi Việt Nam trong thời kháng chiến. Một dáng hình dễ mến, một tâm hồn trong sáng, phơi phới yêu đời thật đáng yêu. Với chú liên lạc, lòng yêu nước, nhiệt tình kháng chiến đã trở thành lí tưởng chiến đấu say mê!

Tố Hữu đã sáng tạo nên những vần thơ bốn chữ trong sáng, giàu nhạc điệu, giàu hình ảnh như một khúc đồng dao. Các từ láy tượng hình là những nét vẽ tinh tế nhất, biểu cảm nhất về chân dung người chiến sĩ nhỏ, một liệt sĩ anh hùng, được thể hiện trong thơ ca kháng chiến. Bài thơ *"Lượm"* là một tượng đài tráng lệ người chiến sĩ *"tuổi nhỏ chí cao!"* của đất nước ta, nhân dân ta thời kháng chiến chống Pháp.

141 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận về tinh thần chiến đấu quả cảm của Lượm chú đội viên liên lạc trong bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu

Bài làm

Viết về những gương thiếu nhi Việt Nam anh hùng, bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu là một tác phẩm đặc sắc nhất của nền thi ca kháng chiến.

1. Sau khi miêu tả vẻ đẹp ngoại hình và tâm hồn trong sáng đáng yêu của Lượm, nhà thơ đã viết nên những vần thơ tuyệt đẹp ca ngợi tinh thần chiến đấu hi sinh và phẩm chất anh hùng của chú đội viên liên lạc.

Hình ảnh Lượm bỗng *"cao lớn"* phi thường:

"Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo?".

Giữa mặt trận *"đạn bay vèo vèo"*, chú liên lạc đã xông lên, vượt qua, *"vụt qua"*. Hai chữ *"vụt qua"* thể hiện động tác chiến đấu nhanh nhẹn, quả cảm vô cùng. Không thể do dự và chậm trễ khi đang mang trên mình bức thư *"thượng khẩn"*. Vì đó là mệnh lệnh chiến đấu. Câu thơ *"Sợ chi hiểm nghèo?"* vang lên như một lời thách thức, như một lời thề chiến đấu coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Người chiến sĩ nhỏ khác nào *"một tiên đồng"* đang dạo chơi trên đồng lúa trổ đòng đòng. Từ láy *"nhấp nhô"* gợi tả một tư thế hồn nhiên, bình tĩnh của chú liên lạc trên đường băng qua mặt trận đầy khói lửa:

"Đường quê vắng vẻ
Lúa trổ đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng...".

Nhà thơ như đang *"nín thở"* dõi theo. Và Lượm đã ngã xuống. Câu thơ có lửa và máu, có lời than và nỗi đau. Hai câu cảm thán liên tiếp như tiếng nấc đau đớn cất lên:

Để gìn giữ hòa bình".

(*Thư Trung thu* - Hồ Chí Minh)

Nụ cười *"híp mí"*, và cái *"Má đỏ bồ quân"* là hai nét vẽ làm cho bức chân dung chú liên lạc thêm sinh động. Một tâm hồn trẻ trung, phơi phới hồn nhiên. Chú liên lạc *"đi xa dần"* sau một tiếng chào *"đồng chí"* nhiều thân thương:

"Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân
- Thôi chào đồng chí!
Cháu đi xa dần..."

Câu thơ *"Cháu đi xa dần"* như một dự báo: phút giã biệt ở phố Hàng Bè *"Ngày Huế đổ máu"* cũng là phút vĩnh biệt. Người chú chẳng bao giờ gặp lại người cháu thân thương ấy nữa!

Đoạn thơ trên đây cũng như bài thơ *"Lượm"* là một thành công đặc sắc của Tố Hữu viết về gương anh hùng của thiếu nhi Việt Nam trong thời kháng chiến. Một dáng hình dễ mến, một tâm hồn trong sáng, phơi phới yêu đời thật đáng yêu. Với chú liên lạc, lòng yêu nước, nhiệt tình kháng chiến đã trở thành lí tưởng chiến đấu say mê!

Tố Hữu đã sáng tạo nên những vần thơ bốn chữ trong sáng, giàu nhạc điệu, giàu hình ảnh như một khúc đồng dao. Các từ láy tượng hình là những nét vẽ tinh tế nhất, biểu cảm nhất về chân dung người chiến sĩ nhỏ, một liệt sĩ anh hùng, được thể hiện trong thơ ca kháng chiến. Bài thơ *"Lượm"* là một tượng đài tráng lệ người chiến sĩ *"tuổi nhỏ chí cao!"* của đất nước ta, nhân dân ta thời kháng chiến chống Pháp.

141 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận về tinh thần chiến đấu quả cảm của Lượm chú đội viên liên lạc trong bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu

Bài làm

Viết về những gương thiếu nhi Việt Nam anh hùng, bài thơ *"Lượm"* của Tố Hữu là một tác phẩm đặc sắc nhất của nền thi ca kháng chiến.

1. Sau khi miêu tả vẻ đẹp ngoại hình và tâm hồn trong sáng đáng yêu của Lượm, nhà thơ đã viết nên những vần thơ tuyệt đẹp ca ngợi tinh thần chiến đấu hi sinh và phẩm chất anh hùng của chú đội viên liên lạc.

Hình ảnh Lượm bỗng *"cao lớn"* phi thường:

"Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo?".

Giữa mặt trận *"đạn bay vèo vèo"*, chú liên lạc đã xông lên, vượt qua, *"vụt qua"*. Hai chữ *"vụt qua"* thể hiện động tác chiến đấu nhanh nhẹn, quả cảm vô cùng. Không thể do dự và chậm trễ khi đang mang trên mình bức thư *"thượng khẩn"*. Vì đó là mệnh lệnh chiến đấu. Câu thơ *"Sợ chi hiểm nghèo?"* vang lên như một lời thách thức, như một lời thề chiến đấu coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

thoăn thoắt" ấy. Qua các từ láy tượng hình: *"loắt choắt"*, *"xinh xinh"*, *"thoăn thoắt"*, *"nghênh nghênh"*, Tố Hữu đã tạo nên những nét vẽ đẹp làm nổi bật cái thần bức chân dung tinh thần của chú Lượm.

Với Lượm, được đi chiến đấu là *"vui"*, là *"thích"*. Chú là một thiếu niên *"tuổi nhỏ chí cao"*: *"Cháu đi liên lạc - Vui lắm chú à - Ở đồn Mang Cá - Thích hơn ở nhà!"* Hầu như ai cũng yêu, cũng quý cái cười của chú liên lạc: *"Cháu cười híp mí - Má đỏ bồ quân"*. Lượm hồn nhiên, yêu đời. Lượm thật đáng yêu. Người đội viên liên lạc thành phố Huế anh hùng khác nào con chim chích bé nhỏ, hót ríu ran tung bay trong nắng đẹp; nắng hồng bình minh của bầu trời tự do và cách mạng. Em thích nhất hình ảnh này, câu thơ này:

"Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng".

2. Phần hai bài thơ, tác giả nhắc lại chiến công của chú đội viên liên lạc với tất cả tấm lòng yêu thương, quý trọng, tự hào. Lượm xuất hiện trong một tình huống chiến đấu vô cùng ác liệt:

"Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao
Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo".

Hai chữ *"vụt qua"* thể hiện quyết tâm chiến đấu, hành động nhanh nhẹn, quả cảm của người chiến sĩ, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Nhiệm vụ chiến đấu là trên hết, trước hết. Không hề chần chừ trước gian nguy, khi trên chiến địa khói lửa mịt mù *"đạn bay vèo vèo"*:

"Thư đề "thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo?"

Câu thơ *"Sợ chi hiểm nghèo"* đã nêu bật chí quả cảm của Lượm, của những Kim Đồng, Lê Văn Tám, Phạm Ngọc Đa, v.v... mà tuổi thơ chúng ta vô cùng ngưỡng mộ.

Lượm đã anh dũng hi sinh. Chú ngã xuống giữa chiến trường trong tư thế người anh hùng tuổi thiếu niên. Trong vần thơ có lời than tiếc thương của Tố Hữu:

"Bỗng lòe chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!"

Các chữ: *"nằm"*, *"nắm chặt"*, *"bay"* vừa gợi tả lí tưởng chiến đấu cao đẹp vừa thể hiện sự hi sinh thanh thản của người anh hùng dám xả thân vì đất nước quê hương. Có đài tưởng niệm nào đẹp hơn vần thơ này:

"Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng".

Phần cuối bài thơ, tác giả nhắc lại khổ thơ (thứ 2, 3) đầu bài thơ, thi pháp gọi đó là kết cấu *"vòng tròn"* nhằm khẳng định và ca ngợi anh hùng liệt sĩ Lượm bất tử:

"Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
... Nhảy trên đường vàng"...

Có một sự thay đổi nhỏ: chữ *"cháu"* được thay bằng chữ *"chú"*. Lượm đã trở thành con người yêu quý của đất nước quê hương.

"Lượm" là một bài thơ hay. Hình ảnh chú đội viên liên lạc hơn nửa thế kỉ trước vẫn chói ngời tâm hồn em.

143 - ĐỀ BÀI:

Phân tích cảnh sắp mưa được nói đến trong bài thơ *"Mưa"* của Trần Đăng Khoa

Bài làm

"Mưa" là bài thơ hay của Trần Đăng Khoa được sáng tác thời thơ ấu.

Mở đầu bài thơ như một tiếng reo của trẻ thơ cất lên: *"Sắp mưa / sắp mưa"*. Mẫn cảm nhất là loài mối *"bay ra"* để đón mưa. Tài thật, sao mà bé Khoa phân loại được, nhận diện được tuổi tác những con mối: *"Mối trẻ / Bay cao / Mối già / Bay thấp"*. Tiếp theo là bầy gà con *"Rối rít tìm nơi / ẩn nấp"*. Ông trời, cây mía, kiến, lá khô, cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi, chớp, sấm, cây dừa, ngọn mùng tơi... được chú bé nói tới, nhắc tới.

Tác giả sử dụng nhân hóa khá hay, tạo nên những liên tưởng thú vị, thể hiện sự tưởng tượng phong phú. Mây đen kéo phủ đầy trời, tưởng như *"Ông trời / mặc áo giáp đen / Ra trận"*. Lá mía dài, nhọn sắc. Gió thổi, lá mía xào xạc bay, khác nào *"Muôn nghìn cây mía / Múa gươm"*. Kiến chạy mưa như vỡ tổ, nhà thơ tưởng như *"Kiến / Hành quân / Đầy đường"*. Không khí hùng tráng của lịch sử dân tộc thời chống Mĩ đã phản chiếu vào thơ bé Khoa. Từ ông trời đến nghìn cây mía, đàn kiến, tất cả đều *"ra trận"*, đều *"múa gươm"*, đều *"hành quân"*. Tất cả đều tham gia vào *"cuộc diễu binh hùng vĩ"* (thơ của Tố Hữu). Cả một không gian rộng lớn chuyển động vì *"sắp mưa"*: *"Lá khô / Gió cuốn / Bụi bay /Cuốn cuộn"*. Cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi, cây dừa, ngọn mùng tơi - thế giới cây cỏ này được nhân hóa. Cách nhận xét của chú bé 9 tuổi khá tinh tế, hóm hỉnh. Cỏ gà *"rung tai - nghe"*. Bụi tre *"Tần ngần - Gỡ tóc"*. Hàng bưởi trĩu quả, trong gió, như một người mẹ hiền đang *"đu đưa - bế lũ con - Đầu tròn - trọc lốc"*. Gió thổi mỗi lúc một mạnh. Cây dừa *"Sải tay - Bơi"*, ngọn mùng tơi *"nhảy múa"*.

Một không gian nghệ thuật, một thế giới tạo vật cựa quậy, sống động, chuyển động khi trời sắp mưa. Tất cả đều có linh hồn, có cảm giác, có hành động... được thể hiện qua các hình ảnh nhân hóa rất ngộ nghĩnh, đáng yêu. Sắp mưa, sấm chớp rung chuyển, rạch xé trời đất. Chớp *"rạch ngang trời..."*. Sấm như một tên hề *"Ghé xuống sân - Khanh khách - Cười"*. Đó là cảm nhận vũ trụ của tuổi thơ.

144 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận về cảnh trời mưa trong bài thơ *"Mưa"* của Trần Đăng Khoa

Bài làm

Sau *cảnh sắp mưa* là *cảnh trời mưa.*

Cảnh trời mưa được diễn tả bằng 14 câu thơ. Mưa rơi trong tiếng gió *"ù ù như xay lúa"*. Giọt mưa *"lộp bộp / lộp bộp"* rơi! Trong màn mưa, đất trời trở nên *"mù trắng nước"*. Và *"mưa chéo mặt sân - sủi bọt"*. Bé Khoa đã dàn dựng một hoạt cảnh mưa có cóc, chó và cây lá thật hóm hỉnh:

"Cóc nhảy chồm chồm
Chó sủa
Cây lá hả hê".

Mưa làm mát dịu đất trời mùa hè. Mưa làm cho cây lá xanh tươi, tốt tươi. *"Cây lá hả hê"* vui sướng đón cơn mưa sau những ngày nắng hạn. Cây lá hồi sinh. Một hình ảnh nhân hóa thoát sáo và rất gợi cảm. Ở đây *"mưa là nguồn gốc sự sống"*, mưa là niềm vui đợi chờ.

145 - ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nghĩ về hình ảnh người bố đi cày về trong bài thơ *"Mưa"* của Trần Đăng Khoa

Bài làm

Cuối bài thơ "*Mưa*" của Trần Đăng Khoa mới xuất hiện hình ảnh con người. Một hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê xưa nay:

"Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa..."

Mọi thứ của vũ trụ như sấm chớp, mưa đều *"đội"* lên đầu *"bố em"*. Chữ *"đội"* được điệp lại 3 lần, không chỉ cực tả sự vất vả dãi nắng dầm mưa của *"bố em"*, của người dân cày Việt Nam xưa nay mà còn mang hàm nghĩa, người nông dân cày cấy trong bom đạn chiến tranh, vừa sản xuất vừa chiến đấu. Sau vần thơ là lòng biết ơn, kính yêu của bé Khoa. Người dân cày Việt vốn siêng năng lam lũ, một nắng hai sương, cày sâu cuốc bẫm,... để làm ra những hạt gạo dẻo thơm, nuôi sống mọi người. Hình ảnh người bố đội mưa đi cày về, làm ta liên tưởng đến bài ca dao sau đây:

Trời mưa trời gió đùng đùng,
Cha con ông Sùng, đi gánh phân trâu.
Gánh về trồng bí, trồng bầu,
Trồng khoai, trồng đậu, trồng cau, trồng dừa.

Đọc bài thơ *"Hạt gạo làng ta"*, ta biết thêm hình ảnh người mẹ, người chị sau lũy tre xanh đã chân lấm tay bùn, hai sương một nắng... để làm nên *"hạt vàng làng ta"* gửi ra chiến trường:

..."Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy...".

"Mưa" là một bài thơ hay. Thế giới thiên nhiên trong cơn mưa rào ở làng quê được cảm nhận và miêu tả tinh tế. Hình ảnh người bố đội mưa đi cày về, nói ít mà gợi nhiều. Tác giả không chỉ khẳng định người nông dân cần cù đã và đang làm chủ cuộc sống lao động nơi làng quê mà còn khẽ nhắc:

Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng.

Ca dao

"Mưa" là một bài thơ đặc sắc của tuổi thơ và tâm hồn tuổi thơ. Qua hình ảnh người bố đi cày về *"đội cả trời mưa"*, bé Khoa đã thể hiện một cách cảm động và sâu sắc tình thương yêu người bố lam lũ nơi đồng quê.

146 - ĐỀ BÀI:

Bình bài thơ *"Hỏi đường"* của Trần Đăng Khoa

Hỏi đường

Kính tặng thầy giáo đi bộ đội

Nhìn con đường nhỏ từ đây,
Bâng khuâng vì thiếu bóng thầy đi qua.
Đường ơi, có nhớ chăng là,
Ngày nào dạy học thầy qua đường này.
Đường rằng: "Tao nhớ lắm thay,
Khoa ơi! Thầy giáo của mày đã xa.
Bao giờ thống nhất nước nhà,
Thầy về dạy học, lại qua đường này."
Nhìn con đường rợp bóng cây,
Bỗng em lại thấy dáng thầy đi qua...

1966
Trần Đăng Khoa

Bài thơ *"Hỏi đường"* gồm có 10 câu thơ lục bát, in trong tập thơ đầu tay *"Góc sân và khoảng trời"* của Trần Đăng Khoa. Bài thơ được viết vào năm 1966, năm đó bé Khoa lên 8 tuổi đang học lớp 2 tại quê nhà.

Bài thơ có lời đề từ : *"Kính tặng thầy giáo đi bộ đội"*. Cả bài thơ tràn ngập một nỗi nhớ và sự mong chờ người thầy đã đi bộ đội; chắc là đã vào Nam đánh Mĩ. Năm 1966, cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Thầy giáo của bé Khoa cùng nhiều thầy giáo trẻ trên miền Bắc thời bấy giờ đã giã biệt mái trường thân

yêu, giã biệt học sinh thân yêu, cầm súng lên đường chiến đấu. Có rất nhiều thầy giáo đi mãi không về...

Bốn câu thơ đầu gợi lên nỗi niềm bâng khuâng, cô đơn và thương nhớ của một em bé. Trên đường đi học, em nhớ thầy khôn nguôi. Em chỉ thổ lộ tâm sự của mình với con đường, con đường tuổi thơ, con đường quê hương: con đường ấy đã từng in dấu chân, bóng hình người thầy thân yêu qua nhiều năm tháng:

"Nhìn con đường nhỏ từ đây,
Bâng khuâng vì thiếu bóng thầy đi qua.
Đường ơi, có nhớ chăng là,
Ngày nào dạy học, thầy qua đường này."

Hai tiếng gọi *"đường ơi"* cất lên xiết bao nhớ thương thiết tha bồi hồi. Tưởng như chú bé tay ôm sách, đứng lặng, nhìn con đường, nhìn hàng cây rồi nhìn về bốn phía chân trời...

Cái hay và sự độc đáo của bài thơ là con đường đã được nhân hóa. Con đường vỗ về. Con đường an ủi. Con đường như thấu hiểu nỗi buồn cô đơn, thương nhớ thầy của em bé. Con đường của niềm tin:

"Đường rằng: "Tao nhớ lắm thay,
Khoa ơi! Thầy giáo của mày đã xa.
Bao giờ thống nhất nước nhà,
Thầy về dạy học, lại qua đường này."

Thống nhất đất nước là niềm tin của nhân dân ta, của con đường, của bé Khoa. Hình ảnh con đường trong bài thơ là sự phân thân của chú bé. Nhớ thầy, chú hỏi đường, chính là hỏi tâm hồn mình. Cuộc đối thoại, tâm tình của chú bé 8 tuổi với con đường đã nâng cảm xúc bài thơ lên cao độ.

Hai câu kết, nhắc lại con đường, con đường *"rợp bóng cây"*, chú bé tưởng như thấy *"dáng thầy"* hiện ra trong tâm hồn mình:

"Nhìn con đường rợp bóng cây,
Bỗng em lại thấy dáng thầy đi qua..."

Không biết sau ngày 30.4.1975, nhà thơ Trần Đăng Khoa đã được gặp lại thầy học cũ đi bộ đội đánh Mĩ chưa? *"Hỏi đường"* là một bài thơ đẹp; đẹp ở một tấm lòng tình nghĩa của tuổi thơ.

147 - ĐỀ BÀI:

Giới thiệu một vài nét về nhà văn Nguyễn Tuân và bài kí *"Cô Tô"*

Bài làm

Nguyễn Tuân(1910 - 1987) là nhà văn người Hà Nội. Ông nổi tiếng với những tác phẩm như: *"Vang bóng một thời"*, *"Sông Đà"*, *"Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi"*,...

Truyện kí của Nguyễn Tuân thể hiện một phong cách nghệ thuật *tài hoa, uyên bác* và *độc đáo*.

Bài văn *"Cô Tô"* là phần cuối trích trong bài kí cùng tên của Nguyễn Tuân. Qua bài kí, tác giả ghi lại những ấn tượng sâu sắc về thiên nhiên, ca ngợi cuộc sống lao động của bà con dân chài trên quần đảo Cô Tô thuộc vùng biển đông bắc Tổ quốc.

Cảnh biển trong trẻo, xanh mướt sau dông bão, cảnh rạng đông tráng lệ trên đảo Thanh Luân, cảnh ồn ào nơi giếng nước ngọt, bãi đá nuôi san hô, vợ chồng anh hùng Châu Hoà Mãn…là những chi tiết về thiên nhiên và sự sống được thể hiện đầy chất thơ trên trang văn của Nguyễn Tuân.

148 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về cảnh bình minh tráng lệ trên đảo Thanh Luân sau cơn bão qua bài kí *"Cô Tô"* của Nguyễn Tuân

Bài làm

Sinh thời, Nguyễn Tuân *"đi"* nhiều; nơi nào có danh lam thắng cảnh là ông đến thăm thú. Đỉnh Lũng Cú ở Hà Giang. Con sông tuyến Hiền Lương. Nắng và gió miền Trung. Cây đước Cà Mau. Con sông Đà ở Tây Bắc, v.v... Ông tả rạng đông trên đảo Cô Tô với nhiều thi vị và cảm hứng thiên nhiên trữ tình.

Trước hết, ta nghe ông nói về hoàng hôn ở Vân Hải *"đúng là một lẵng hoa nổi bềnh trên sóng biển mẹ hiền"*. Khoảnh khắc ấy thấy được *"Núi gần núi xa, đảo gần đảo xa rủ nhau cùng xuống màu"* trên Hạ Long thần tiên. Có xem hoàng hôn trên hải đảo, rồi mới thấy hết cái đẹp của rạng đông trên Cô Tô. Nguyễn Tuân đã thức dậy từ 4 giờ sáng để đi đón ông mặt trời mọc. Chân trời, ngấn bể sau trận bão *"sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi"*. Mặt trời *"nhú lên dần dần"*. Mặt trời *"tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn"*. Mặt trời rạng đông như một *"quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng"*. Mặt trời mọc mỗi sáng trên Cô Tô là quà tặng Tạo hóa cho bà con dân đảo, vì hạnh phúc của con người. Mặt trời, nguồn sáng, nguồn sống và niềm vui *"y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông"*. Đó là cảm hứng vũ trụ hòa quyện với cảm hứng nhân văn được thể hiện bằng bút pháp tài hoa.

149 – ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về vẻ đẹp kì diệu của biển đảo Cô Tô qua cách viết tài hoa đầy chất thơ của Nguyễn Tuân

Bài làm

Văn có hay, có đẹp mới được gọi là *trang hoa, tờ hoa*. Bài tùy bút *"Cô Tô"* của Nguyễn Tuân đích thực là *trang hoa, tờ hoa* vậy. Bài tùy bút dài trên 6.000 chữ, người đọc cảm thấy mình được đi du lịch đến Cô Tô, được nhà văn chỉ cho biết bao cái lạ, cái đẹp. Cảnh biển và rạng đông trên đảo Cô Tô đẹp tuyệt vời.

Cô Tô là một quần đảo có *"sáu trăm hòn đảo dư"* thuộc vịnh Bắc Bộ. Sau trận bão, bầu trời Cô Tô *"trong sáng"*, núi đảo *"xanh mượt"*, nước biển *"lam biếc đậm đà"*. Cát, bãi cát *"vàng giòn"* tinh khôi. Nhà văn cho biết, người đến thăm đảo Cô Tô cảm thấy *"yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây"*, nghĩa là yêu thương quý mến Cô Tô như nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Với tình yêu biển, say biển, Nguyễn Tuân đã khám phá ra bao vẻ đẹp nước biển Cô Tô. Với óc tưởng tượng đầy mĩ cảm, ông đã tung ra hàng loạt ẩn dụ, so sánh nói về sắc nước, sắc biển. Nhìn biển, nhà văn thốt lên: *"Sao chiều nay nó xanh quá quắt đến như vậy?"*. Ông thầm hỏi mình: *Xanh như lá chuối non, như lá chuối già? Xanh như cốm vòng mùa thu? Xanh như màu áo Kim Trọng? Xanh như vạt áo nước mắt của ông quan Tư mã nghe đàn tì bà trên con sông Giang Châu? Xanh như một trang sử cổ viết lên thân tre? Xanh cái màu xanh ngọc bích? Xanh như một niềm hi vọng trên cửa bể?...* Qua đó, ta càng thấy rõ Nguyễn Tuân là nhà văn rất uyên bác, tài hoa, độc đáo, có một vốn sống và một kho từ ngữ rất giàu có, sáng tạo! Có bao nhiêu so sánh là có bấy nhiêu phát hiện và yêu thương: yêu *"sự sống giàu đẹp của quần đảo"*.

150 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về cây tre thân thuộc đáng yêu được Thép Mới nói đến trong bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*

Bài làm

Thép Mới là nhà báo, nhà văn trưởng thành từ Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ. Khái niệm lịch sử *"Trận Điện Biên Phủ trên không"* do Thép Mới sáng tạo nên để ca ngợi chiến công hiển hách của quân và dân Hà Nội bắn rơi hàng loạt pháo đài bay của giặc Mĩ vào tháng 12 năm 1972. Một vinh dự to lớn của Thép Mới là bài tùy bút *"Cây tre"* của ông từng hiện diện trên trang văn Trung học, được nhiều thế hệ học sinh đón đọc với tất cả niềm say mê, yêu thích.

Tùy bút *"Cây tre"* được Thép Mới viết vào năm 1956, để thuyết minh cho bộ phim *"Cây tre Việt Nam"* của một số nhà điện ảnh Ba Lan. Cảm hứng tự hào dào dạt, bút pháp tài hoa đã tạo nên chất thơ trữ tình của áng văn xuôi này.

Mở bài là một câu văn 18 chữ, Thép Mới giới thiệu cây tre trong tâm hồn nhân dân ta, nó là *"người bạn thân"* gần gũi thân thiết yêu thương. Câu văn đầy ấn tượng: *"Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam"*. Qua đó, ta thấy cây tre của làng xóm ta thân thuộc đáng yêu biết bao!

Phần thứ hai, tác giả nêu bật cây tre trong đời sống vật chất và tinh thần, trong sản xuất, trong tâm hồn, trong chiến đấu của người nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam qua trường kì lịch sử. Ý tưởng đẹp, giàu có, cách diễn đạt và giọng văn biến hóa, hấp dẫn, đó là cảm nhận của chúng ta.

Nước ta thuộc vùng nhiệt đới, bốn mùa chan hòa ánh nắng, cây cỏ tốt tươi *"xanh muôn ngàn cây lá khác nhau"*. Tác giả so sánh để ca ngợi vị thế cây tre trong lòng người: *"Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa"*. Tre có mặt khắp mọi miền đất nước: Đồng Nai, Việt Bắc, Điện Biên Phủ, và *"lũy tre thân mật làng tôi"*. Tre được nhân hóa, trở nên gần gũi yêu thương: *"đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn"*.

Họ hàng nhà tre thật đông đúc: *"tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau"*, nhưng lại có một điểm tương đồng, đó là *"cùng một mầm non măng mọc thẳng"*. Một phát hiện tinh tế, ý vị. Tre có một sức sống vô cùng mạnh mẽ *"vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt"*. Ý đó, 15 năm sau, nhà thơ Nguyễn Duy xúc động hát lên:

"Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu".

(*Tre Việt Nam*)

Nhìn dáng tre, màu tre, sự sinh sôi nảy nở của tre, nhà văn phát hiện ra bao vẻ đẹp riêng của tre như *"mộc mạc", "nhũn nhặn", "cứng cáp", "dẻo dai", "vững chắc"*. Tre được nhân hóa trở thành một biểu tượng sáng giá: *"Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người"*. Phẩm chất của tre cũng là phẩm chất của con người Việt Nam xưa nay trên những chặng đường lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Thép Mới trích dẫn câu thơ của Tố Hữu: *"Bóng tre trùm mát rượi"* để từ đó nói lên vẻ đẹp của lũy tre làng quê, một vẻ đẹp êm đềm của xứ sở: *"Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn"*. Tre là vẻ đẹp của cảnh sắc làng quê, là vẻ đẹp của nền văn hóa lâu đời của dân tộc, là nếp sống lao động cần cù và cuộc sống yên vui êm đềm của nhân dân ta qua hàng nghìn năm lịch sử. Các từ ngữ, hình ảnh: *"bóng tre", "dưới bóng tre của ngàn xưa", "dưới bóng tre xanh",... "dưới bóng tre xanh"* được điệp lại, láy lại đã tạo nên giọng văn nhẹ nhàng mênh mang biểu cảm:

"Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp". Màu xanh của tre cũng là màu tâm hồn, màu thời gian, màu sắc của nền văn hóa, màu tình nghĩa chung thủy.

151 - ĐỀ BÀI:

Thép Mới ca ngợi cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam. Hãy nói lên cảm nhận ấy khi đọc bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*.

Bài làm

"Cánh tay" là hình ảnh hoán dụ ca ngợi cây tre là người bạn cần cù trong lao động của nhà nông, từng chia ngọt sẻ bùi, từng một nắng hai sương với bà con dân cày Việt Nam:

"Cánh đồng ta năm đôi ba vụ,
Tre với người vất vả quanh năm".

Nói về cối xay tre thủ công, Thép Mới muốn gợi nhớ một thời gian khổ. Câu văn xuôi được cắt thành những vế ngắn 3, 4 chữ, có vần, nhằm tạo ra một trường liên tưởng về nền kinh tế lạc hậu, đời sống thiếu thốn của nhân dân ta sau một thế kỉ bị thực dân thống trị: *"Cối xay tre / nặng nề quay / từ nghìn đời nay / xay nắm thóc"*.

Tre được nhân hóa: *"Tre ăn ở với người", "tre... giúp người...", "tre vẫn phải còn vất vả mãi với người", "tre là người nhà", v.v...* Từ một vật thể, cây tre trở nên có tâm hồn, có linh hồn gắn bó với cuộc đời vất vả, ấm no, hạnh phúc của nhân dân ta trong dòng chảy thời gian. Tre gắn bó với tâm tình của nhân dân. Lạt giang mềm để gói bánh chưng; sự hiện hữu của nó trong sính lễ như *"khít chặt"* những mối tình quê thắm thiết chung thủy. Cách viết của Thép Mới rất tài hoa, cách dẫn thơ đậm đà, lí thú:

"Giang chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt như những mối tình quê cái thuở ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa: Lạt này gói bánh chưng xanh - Cho mai lấy trúc, cho anh lấy nàng".

Chiếc điếu cày tre là niềm vui tuổi già, chiếc nôi tre là sự ấm êm hạnh phúc của tuổi thơ, cái giường tre bình dị gắn bó với mọi người mọi nhà *"sống có nhau, chết có nhau, chung thủy"*. Qua cây tre, tác giả ca ngợi tình nghĩa thủy chung là đạo lí cao đẹp của dân tộc.

152 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về cây tre là đồng chí chiến đấu của ta và vai trò của cây tre trong tương lai. Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*.

Bài làm

Tre là bạn thân, là người nhà, là cánh tay của người nông dân, tre là bạn tâm tình của mọi lứa tuổi. Tre còn là *"đồng chí chiến đấu của ta"* trong kháng chiến. *"Tre mọc thẳng"*, *"trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng"* là dáng đứng của tre, trúc. Và đó cũng là dáng đứng *"không chịu khuất"* của con người Việt Nam. Gậy tầm vông, cái chông tre là vũ khí đánh giặc rất lợi hại của ta, làm nên chiến công và truyền thống anh hùng của dân tộc. Thép Mới đã vận dụng phép đối trong văn xuôi cổ rất sáng tạo:

"Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn ngàn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre". Trong đoạn văn sau, tre được nhân hóa mang chí khí người nông dân mặc áo lính, người chiến sĩ xung kích quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, người dũng sĩ anh hùng lẫm liệt hiên ngang. Chữ *"tre"* được điệp lại 7 lần, câu văn ngắn dồn dập diễn tả không khí chiến đấu và chiến thắng giòn giã của quân và dân ta trong 9 năm kháng chiến chống Pháp:

"Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!".

Đây là một trong những đoạn văn tráng lệ nhất, mang âm điệu anh hùng ca trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Không khí lịch sử thời đại, chiến thắng Điện Biên Phủ thần kì đã đem đến sức tung hoành của ngòi bút của Thép Mới.

Nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê. Nhạc của khóm tre làng *"rung lên man mác"* trong *"nồm nam cơn gió thổi"*. Là diều lá tre, là sáo tre, sáo trúc giữa lồng lộng trời cao. Đoạn văn xuôi giàu tính nhạc và chất thơ cho ta bao cảm xúc và ấn tượng về tâm hồn Việt Nam, rất lạc quan yêu đời:

"Diều bay, diều lá tre bay lưng trời...
Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời...
Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều
Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng
nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre...".

153 - ĐỀ BÀI:

Phân tích đoạn văn Thép Mới nói về nhạc của tre, măng tre và vai trò của cây tre trong tương lai. Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài tuỳ bút *"Cây tre Việt Nam"*

Bài làm

Phần thứ ba của bài tùy bút nói về cây tre trong tương lai. Như một quy luật của sự sống vĩnh hằng: *"Tre già măng mọc"*. Búp măng non sẽ còn mãi trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam. Tre, nứa *"sẽ còn mãi... còn mãi... còn mãi..."* với dân tộc ta, *"chia bùi sẻ ngọt"* với nhân dân ta trong hạnh phúc, hòa bình.

Đất nước sẽ được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sẽ có nhiều sắt thép, nhưng cây tre vẫn sống mãi trong tâm hồn dân tộc. Bóng mát của tre xanh, khúc nhạc tâm tình của tre, cổng chào thắng lợi, những chiếc đu tre, tiếng sáo diều tre vẫn trường tồn cùng đất nước và nhân dân ta trên dặm đường trường *"của những ngày mai tươi hát"*...

Cây tre Việt Nam, cây tre xanh với bao phẩm chất *"nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm"* là biểu trưng cao đẹp *"những đức tính của người hiền"*, là *"tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam"*. Thép Mới đã dành những lời tốt đẹp nhất ca ngợi cây tre với tất cả tình yêu và niềm tự hào quê hương xứ sở, về đất nước và con người Việt Nam.

"Cây tre" là một tùy bút đặc sắc, xứng đáng là một *tờ hoa, trang hoa* của Thép Mới để lại cho đời. Cây tre xanh, lũy tre xanh là cảnh sắc làng quê, là bạn thân, là cánh tay, là đồng chí chiến đấu dũng cảm anh hùng, là người bạn tâm tình,... của nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam. Trên con đường đi tới ngày mai ca hát, hạnh phúc, hòa bình, cây tre vẫn là người bạn thủy chung của nhân dân ta, chia ngọt sẻ bùi với dân tộc ta. Cây tre là biểu tượng cao quý về những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Những ý tưởng phong phú ấy, tốt đẹp ấy đã được diễn tả bằng một bút pháp tài hoa. Câu văn xuôi vừa cổ kính, vừa hiện đại. Tác giả đã sử dụng rất sáng tạo các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ, phép đối để tạo nên những câu văn xuôi trữ tình giàu chất nhạc, chất thơ, dào dạt cảm xúc.

Tình yêu quê hương đất nước, tự hào về người nông dân Việt Nam, về nhân dân Việt Nam, về nền văn hóa lâu đời của dân tộc, niềm tin về ngày mai tươi sáng... đó là những tình cảm tốt đẹp, sâu sắc của Thép Mới mà ta cảm nhận được qua bài tùy bút và qua hình tượng *"Cây tre"*.

Bài đọc tham khảo

Cảm nhận của em về hình tượng cây tre trong bài thơ *"Tre Việt Nam"* của Nguyễn Duy

Bài làm

Nước ta ở về vùng nhiệt đới. Ánh nắng chan hòa, trời xanh mênh mông. Quê hương ta rất đẹp, xanh muôn ngàn cây lá, hoa thơm trái ngọt bốn mùa. Bao trùm quê hương ta, đất nước ta là màu xanh của tre trúc; màu xanh thân mật đáng yêu. Đã bao đời nay, tre hiện diện trong truyền thuyết cổ tích, trong ca dao dân ca, trong thơ văn dân tộc, và trong đời sống nhân dân.

Nhà thơ trẻ Nguyễn Duy có bài thơ *"Tre Việt Nam"* được nhiều người yêu thích. Tác giả ca ngợi cây tre là vẻ đẹp cảnh sắc làng quê, là biểu tượng cao quý cho

tâm hồn và khí phách của dân tộc. Hình tượng cây tre được nhà thơ thể hiện một cách sáng tạo và nên thơ.

1. Màu xanh của tre cũng là màu xanh bất tuyệt muôn đời của quê hương xứ sở. Ngắm lũy tre làng, nhà thơ trầm trồ xúc động tự hỏi. Câu lục ngắt thành hai dòng thơ như một điểm dừng của cảm xúc nén xuống bổng trào lên:

"Tre xanh
Xanh tự bao giờ
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh".

"Chuyện ngày xưa" là chuyện Thánh Gióng, khi *"Dân mình biết trồng tre mà đánh giặc"*. Ba chữ *"xanh"* liên tiếp mang sắc thái ý nghĩa thẩm mĩ đặc sắc. Chữ *"xanh"* thứ nhất và thứ ba là định ngữ, chữ *"xanh"* thứ hai là tính từ - vị ngữ: *"xanh tự bao giờ"*. Sự chuyển đổi từ loại ấy đã tạo nên sắc thái biểu cảm: thoáng một phút ngỡ ngàng trước màu xanh của tre, của lũy tre làng ta.

2. Vẻ đẹp của tre là ở sức sống mãnh liệt, là ở sự liên kết *"nên lũy nên thành"* qua năm tháng cuộc đời và lịch sử:

"Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?

Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu?"

Những nét vẽ *"gầy guộc, mong manh"* tương phản với *"thành lũy"*, *"xanh tươi"* đối lập với *"đất sỏi, đất vôi bạc màu"* đã khẳng định và ngợi ca sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của nhân dân, của quê hương, đất nước ta. Câu hỏi tu từ xuất hiện liên tiếp diễn tả cao độ cảm xúc tự hào, thán phục trước cốt cách hiên ngang, sự bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam mà không một sức mạnh nào, kẻ thù nào có thể lay chuyển được.

Lá tre reo rì rào, *"tre du"*, tre *"hát ru lá cành"* những trưa hè gió nồm nam mát rượi. Nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê tượng trưng cho tinh thần lạc quan của con người Việt Nam trên những chặng đường lịch sử đi tới. Màu xanh của tre, sức sống của tre là ở sự bền bỉ, ở sự *"chắt dồn lâu"* mà nên, mà có. Tre được nhân hóa mang tính cách con người, cần mẫn và kiên nhẫn. Vần thơ đẹp ở hình tượng, dào dạt ở cảm xúc, thâm trầm ở ý tưởng, hàm chứa một quy luật, một triết lí nhân sinh được đúc kết:

"Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù".

"Rễ riêng" là một hoán dụ nghệ thuật thoát sáo ca ngợi đức tính cần cù của người nông dân Việt Nam.

3. Nói đến tre là nói đến cây măng. *"Tre già măng mọc"* (Tục ngữ). Sáu trăm năm về trước Nguyễn Trãi cảm nhận măng trúc Yên Tử là *"muôn hàng giáo ngọc"*. Trong thời đại Hồ Chí Minh, nhà thơ Nguyễn Duy với tâm thế người lính đã nhận diện măng tre là *"nòi tre"* nhọn hoắt như mũi chông đánh giặc. Măng tre mang tầm vóc dũng sĩ. Một so sánh liên tưởng rất thơ và nhiều sáng tạo:

"Nòi tre đâu chịu mọc cong,
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.
(...) Măng non là búp măng non
Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre".

4. Màu xanh của tre là màu xanh của quê hương xứ sở. Tre là vẻ đẹp của quê hương đất nước, vẻ đẹp thanh bình muôn đời. Mở đầu là câu hỏi: *"Tre xanh - xanh tự bao giờ..."*; ở phần kết lại khẳng định, ngợi ca:

"Mai sau
Mai sau
Mai sau
*Đất **xanh** tre mãi **xanh** màu tre **xanh**".*

Câu lục được cắt thành 3 dòng thơ diễn tả dòng chảy lịch sử, dòng chảy thời gian. Tre và màu xanh của tre mãi mãi trường tồn với đất nước và con người Việt Nam. Ba chữ *"xanh"* trong câu cuối bài thơ cho thấy một bút pháp rất tài hoa.

Hình tượng cây tre Việt Nam được Nguyễn Duy thể hiện và cảm nhận bằng những vần thơ đẹp đậm đà sắc điệu trữ tình, mượt mà màu sắc ca dao dân ca.

Bao thế hệ Việt Nam anh hùng đã anh dũng cầm gộc tre, chông tre chống lại sắt thép quân xâm lược, đã tạo cho Nguyễn Duy cảm hứng tự hào để nói về *sắc tre, rễ tre, dáng tre, nòi tre, măng tre* đầy sáng tạo.

Đọc bài thơ *"Tre Việt Nam"*, ta yêu thêm cây tre, lũy tre làng quê, ta yêu dáng đứng bền vững hiên ngang của đất nước và con người Việt Nam trong trường kì lịch sử.

154 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về những biểu hiện và những nét đẹp truyền thống riêng về tình yêu quê hương, đất nước được I.Ê-ren-bua nói đến trong bài *"Lòng yêu nước"*

Bài làm

Ê-ren-bua (1891-1962) là nhà văn lớn của Liên Xô trước đây, cũng là một trong những nhà văn tầm cỡ của nước Nga ngày nay. Ngoài những tập thơ, nhiều cuốn tiểu thuyết, Ê-ren-bua còn viết hàng nghìn bài báo chính luận thể hiện sâu sắc lòng yêu nước và niềm tin sắt đá vào chiến thắng quân phát xít xâm lược.

Bài *"Lòng yêu nước"* trích từ bài báo *"Thư lửa"* viết cuối tháng 6 năm 1942, vào thời kì ác liệt nhất của cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức xâm lược (1941-1945). Bài báo từng được đánh giá là *"một thiên tùy bút trữ tình, tráng lệ"*.

Tác giả có một cách nói giản dị mà rất hay, rất xúc động về lòng yêu nước. Nhà văn đang tâm tình, đang thổ lộ và san sẻ với mọi người dân Liên Xô, với các chiến sĩ Hồng quân Liên Xô mà có lúc người đọc chúng ta cảm tưởng như Ê-ren-bua đang đối thoại với mình về lòng yêu nước.

Lòng yêu nước rất cụ thể và có những nét đẹp truyền thống riêng.

Ông nói rất ý vị, độc đáo về nguồn gốc của lòng yêu nước; yêu những cái cụ thể, gần gũi, thân thương với mỗi con người: *"Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu*

những vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùi cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh...". Chất thơ lan tỏa trong từng con chữ. Có cả mồ hôi, sắc màu, hương vị, kí ức về hồn người, tình người hòa tan vào cảnh vật, ủ ấp thành tình yêu quê hương.

Tiếp theo, Ê-ren-bua chỉ rõ một nguyên cớ làm cho tình yêu quê hương trở nên sâu sắc, mạnh mẽ: *"Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô Viết nhận ra vẻ thanh tú của mỗi quê hương".* Niềm tự hào đối với quê hương như mạch nước ngọt tràn ra trên trang giấy và lòng người Xô Viết. Nhà văn đang thủ thỉ tâm tình với người thân thương. Mỗi con người, mỗi miền có tình yêu quê sao mà sâu nặng và rất riêng, rất lạ. *"Cánh rừng bên dòng sông Vi-na", "những đêm tháng sáu sáng hồng"* và tiếng *"cô nàng"* gọi đùa người yêu *"là hình bóng quê hương của người vùng Bắc. Người dân Uy-cơ-ren lại nhớ bóng thùy dương tư lự bên đường, cái bằng lặng của trưa hè vàng ánh"...* Đó là vẻ đẹp êm đềm, trong sáng và thơ mộng của quê hương. *"Chỉ có tiếng ong bay khẽ xua động..."* cũng gợi bao niềm thương nỗi nhớ. Và đây là một câu thơ bằng văn xuôi óng ánh màu sắc tuyệt đẹp nói về tình yêu tha thiết nơi chôn nhau cắt rốn của mình:

"Người xứ Gru-di-a ca tụng khí trời của núi cao, những tảng đá sáng rực và nỗi vui bất chợt của một dòng suối óng ánh bạc, vị mát của dòng nước đóng thành băng, rượu vang cay sè từ trong bọc đựng rượu bằng da dê, những lời thân ái giản dị và những tiếng cuối cùng của câu chào tạm biệt vọng lại".

Tình yêu quê hương đa dạng, phong phú như hương sắc của vạn loài hoa, như vị ngọt của ngàn cây trái. Người ở thành Lê-nin-gơ-rát ám ảnh về *"sương mù"* và nhớ dòng sông Nê-va rộng và đường bệ như *"nước Nga đường bệ"*, nhớ những tượng chiến mã bằng đồng lồng lên. Còn người dân Mạc Tư Khoa lại *"nhớ những phố cũ chạy ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm"*, nhớ những tháp cổ, những ánh sao đỏ, nơi điện Krem-li.

Đoạn tùy bút nói về nỗi nhớ, niềm tự hào đối với quê hương rất đặc sắc: cảm xúc dào dạt tuôn trào, cái đẹp phong phú của đất nước được ca ngợi, ngôn ngữ biến hóa trong hình tượng và biểu cảm; nghệ thuật lựa chọn các yếu tố tiêu biểu nhất, đẹp nhất nói về quê hương. Chất thơ, chất trí tuệ chan hòa trên trang văn đẹp.

155 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ của em về nguồn gốc sâu xa và sức mạnh cao cả thiêng liêng của lòng yêu nước được I.Ê-ren-bua nói đến trong bài *"Lòng yêu nước"*

Bài làm

I.Ê-ren-bua đã nói một cách thật cảm động, chấn động về *"nguồn gốc sâu xa và sức mạnh của lòng yêu nước"* trên trang văn đầy chất thơ.

Tác giả đã tạo nên một so sánh trong phần hai bài văn để nói về tình yêu quê hương làm nên tình yêu nước: *"Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc".* Lòng yêu nước là một ý niệm trừu tượng. Với lối so sánh, tác giả đã làm cho ý niệm lòng yêu nước trở nên cụ thể, giản dị, dễ hiểu và vô cùng thấm thía.

Tổ quốc gắn bó máu thịt thiết tha với mọi công dân, với mọi gia đình. Người chân chính đã sống vì Tổ quốc. Người chân chính đã sẵn sàng chết vì Tổ quốc. Lòng yêu nước thật vô cùng thiêng liêng, cao cả với nhà văn, với chiến sĩ Hồng quân, với người Xô viết, đúng như Ê-ren-bua viết: *"Mất nước Nga thì còn sống làm gì nữa"*. Đó là lời thề mà ta đã từng biết, đã từng nghe: *"Tổ quốc hay là chết!"*.

Tóm lại, bài *"Lòng yêu nước"* là một bài văn hay. Từ cụ thể đến khái quát, từ chất thơ trữ tình đến chính luận hùng hồn, Ê-ren-bua đã nói thật xúc động và sâu sắc về lòng yêu nước.

Lòng yêu nước là một thứ tình cảm đẹp nhất của mỗi công dân, mỗi dân tộc từ xưa tới nay. Các nhà văn, nhà thơ đều có một cách nói riêng về lòng yêu nước.

156 - ĐỀ BÀI:

Đọc bài *"Lòng yêu nước"* của nhà văn Liên Xô I-li-a Ê-ren-bua, em hãy nói lên suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước.

Bài làm

Theo Ê-ren-bua *"Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất: yêu..., yêu..., yêu...,"*. Cũng ý ấy, tuỳ theo hoàn cảnh, tuỳ theo sở thích mỗi người, có thể suy ra: Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu con đường nhỏ mát lạnh mỗi buổi sáng tới trường, yêu cái sân chơi ồn ã cuối ngõ sau giờ học, yêu những phố dài rợp bóng dưới nắng hè đỏ lửa, yêu bãi cỏ thả diều những chiều lộng gió, yêu mùi hoa sữa ngào ngạt sau đêm mưa, yêu cái se se lạnh trong những cơn gió heo may đến sớm... Những tình cảm ấy khiến ta tự nguyện ràng buộc với cảnh vật xung quanh, thiết tha với chúng, trở thành lòng yêu làng xóm, quê hương.

Lòng yêu này mở rộng ra, nâng cao lên, thành tình yêu đất nước. Thông thường, càng yêu quê hương thì càng yêu đất nước. Không thể có thứ tình yêu nước cao xa, trừu tượng, thoát li khỏi mối quan hệ với cảnh vật và con người quen thuộc vẫn mật thiết gắn bó với chúng ta hằng ngày. Thứ tình cảm ấy không có sức sống, không tồn tại thực trong tâm hồn chúng ta và sẽ tan vỡ ngay trước những thử thách ác liệt.

Người Liên Xô ở mỗi vùng, mỗi thành phố, lại có những cảm nhận riêng, những niềm thích thú, tự hào riêng về vẻ hấp dẫn của quê hương mình, dù đó là phương Bắc hay phương Nam, miền núi hay trung tâm của lịch sử và cách mạng, nơi trái tim và đầu não của cả nước. Tất cả hợp thành vẻ thống nhất và đa dạng, sự lớn lao và phong phú của đất nước.

Ở Việt Nam ta, ở mỗi miền quê ta cũng vậy. Nét thanh tú làm ta yêu quý và hãnh diện với đồng bào, bè bạn về quê hương ta, thành phố ta, thật không sao kể xiết. Riêng với Hà Nội chẳng hạn, chỉ dựa vào kho ca dao cổ cũng có thể lấy ra không ít câu quen thuộc nói lên điều đó. Ví dụ:

- *Gió đưa cành trúc la đà,*
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói toả ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

- *Chẳng thơm cũng thể hoa nhài*
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Đấy là chưa kể đến những câu đố dân gian xung quanh năm cửa ô, ba mươi sáu phố phường, những đặc sản của đất kinh kì xưa... Đấy là chưa kể đến những nét mới trong quá trình hiện đại hoá đang diễn ra từng ngày ở Thủ đô. Trên khắp đất nước ta, dù ít dù nhiều, ở đâu cũng có những nét đặc sắc, duyên dáng làm nền cho tình cảm thiết tha, bền chặt với mỗi vùng quê - một khía cạnh cụ thể, cơ sở của tình yêu Tổ quốc. Tình yêu Tổ quốc được thử thách và bộc lộ rõ rệt nhất qua những cuộc chiến tranh chống xâm lược.

Trong các truyện trinh thám, kẻ gian và thám tử thường hay *"dấn thân vào chỗ nguy hiểm"*, thường *"liều lĩnh"*, và cũng có thể làm nên những chuyện *"thần tình"*. Nhưng, họ không được gọi là anh hùng. Họ *"dể hết tâm trí vào công việc, song công việc của họ chẳng có hồn"*. Nói khác đi, họ làm như vậy chỉ đơn giản là vì cái nghề của họ đòi hỏi phải như vậy, vì nhu cầu riêng và lợi ích cụ thể trước mắt. Họ chẳng vì ai khác ngoài bản thân họ, chẳng vì một mục tiêu cao đẹp nào - vì lí tưởng, vì nhân dân, hay vì loài người, vì tiến bộ xã hội. Nếu chẳng may chết đi, thì thế là hết, chẳng ai buồn nhắc đến họ, vì đó là chuyện thường nghề của họ. Ngẫm cho kĩ, đó cũng là sự công bằng của lịch sử: lịch sử không quan tâm đến những kẻ chỉ sống vì bản thân, không đóng góp gì cho sự phát triển tốt đẹp của xã hội loài người, có khi còn cản trở, thậm chí đầu độc nó.

Chuyện năm người thuỷ thủ của hải quân Xô Viết đã chiến đấu dũng cảm, hi sinh oanh liệt để bảo vệ Xê-bát-tô-pôn lại là một chuyện khác hẳn. Chiến công của họ - ôm lấy nhau, quấn lựu đạn vào người, lăn ra cản xe tăng địch - không chỉ góp phần ngăn chặn cuộc tấn công của quân thù, mà còn *"thổi một nguồn sống mới vào lòng triệu con người"* nước Nga, cổ vũ họ tiếp tục cuộc kháng chiến thần thành chống chủ nghĩa phát xít Đức. Họ đã ngã xuống, nhưng họ còn được lịch sử nhắc đến như những người anh hùng lẫm liệt, họ còn sống trong lòng nhân dân Nga bất khuất, họ còn sống trên đất nước Nga thanh bình hồi sinh từ trong máu lửa và đổ nát. Họ đã trở thành bất tử. Bí quyết của họ là: đã ấp ủ trong tình yêu đất nước sâu sắc, mãnh liệt, dã dám xả thân vì những lí tưởng cao quý và hạnh phúc của nhân dân. Nói như I.Ê-ren-bua, công việc của họ *"có hồn"*, không trống rỗng, vô nghĩa.

Nguyễn Văn Chính
(*Bình giảng Văn học lớp 6*)

157 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về cảnh sắc vườn quê chớm hè được Duy Khán nói đến trong bài *"Lao xao"*

Bài làm

Trong những truyện viết về thiếu nhi, viết cho thiếu nhi, *"Tuổi thơ im lặng"* của Duy Khán là một tác phẩm đặc sắc. Kỉ niệm tuổi thơ, cảnh sắc làng quê, cuộc sống và hình ảnh con người hồn hậu, chất phác nơi xóm thôn... được tác giả kể lại với bao tình quê vơi đầy. Quê hương ông tuy còn nghèo khó, bà con còn lam lũ vất vả, nhưng giàu sức sống bền bỉ và mang đậm bản sắc văn hóa độc đáo của vùng Kinh Bắc, của miền quê sông Cầu, sông Thương rất đáng yêu.

Văn của Duy Khán rất hồn nhiên, hóm hỉnh. Có lúc ông chợt nhớ rồi lặng lẽ bâng khuâng. Kí ức tuổi thơ như những đốm lửa lập lòe trong tâm hồn ông. Bài *"Lao xao"* trích trong *"Tuổi thơ im lặng"* nói về vườn quê chớm hè và thế giới loài chim

ong bầu trời và tâm hồn bầy trẻ nhỏ. Màu sắc, âm thanh nơi làng quê cứ lao xao mãi ong lòng mỗi chúng ta.

Vườn quê chớm hè là một bức tranh màu, bức tranh lụa về đồng quê.

"Giời chớm hè" như đem lại vẻ đẹp và sức sống mạnh mẽ cho vườn quê. *"Cây ối um tùm. Cả làng thơm"*. Chỉ 2 câu văn ngắn 7 chữ mà Duy Khán gợi lên một thế iới màu xanh và hương hoa của cây trái. Mỗi loài hoa có một nét đẹp riêng, một *tiếng nói"* riêng. Là sắc *"trắng xóa"* của hoa lan nở. Là dáng *"bụ bẫm"* của hoa ióng rồng *"thơm như mùi mít chín..."*. Là vẻ xinh xinh *"mảnh dẻ"* của chùm hoa giẻ. Iương hoa của vườn hè như gọi ong bướm bay về. Vì sinh tồn, và tranh giành hơn iua, bầy ong *"đánh lộn nhau"* để hút mật hoa. Lũ ong vàng, ong vò vẽ, ong mật có hác gì con người trong cuộc mưu sinh? Bầy ong còn táo tợn *"đuổi"* đàn bướm. Bướm *hiền lành"* phải bỏ chỗ lao xao, rủ nhau *"lặng lẽ bay đi"*. Cảnh bướm hoa, ong bướm ong vườn hè không chỉ nói lên vẻ đẹp, sức sống dào dạt nơi vườn hè mà còn thể hiện iột cách hồn nhiên cuộc tranh giành mưu sinh và tồn tại của thiên nhiên tạo vật mà)uy Khán đã *"nghe"* được, đã *"cảm"* được. Đọc *"Lao xao"* của Duy Khán, ta chợt hớ tới một vài nét đẹp của cảnh sắc vườn quê từng được nói đến trong bài cổ thi *Vào hè"*:

"Ngõ trước, vườn sau um những cỏ,
Vàng, phai, thắm nhạt ngán cho huê.
Đầu cành kiếm bạn, oanh xao xác,
Trong tối, đua bay, đóm lập lòe"...

Vườn quê vào hè bao giờ cũng đẹp và đáng yêu kì lạ.

58 - ĐỀ BÀI:

Nêu cảm nhận về cuộc chiến giữa đàn chèo bẻo và chim cắt trong bài *"Lao xao"* của Duy Khán.

Bài làm

Cuộc chiến giữa đàn chèo bẻo và chim cắt là một đoạn văn tả hoạt cảnh đặc sắc rong bài *"Lao xao"* của Duy Khán. Thú vị và bất ngờ khi chúng ta được mục kích iột trận không chiến của loài chim.

Cuộc chiến giữa đàn chèo bẻo và chim cắt diễn ra quá bất ngờ.

Chim chèo bẻo *"như những mũi tên đen"* rất dũng mãnh, từng mang tiếng là *kẻ cắp"*. Tiếng kêu *"chè cheo chét"*. Nó dám đánh loài diều hâu, chim cắt, quạ hoang, quạ đen. Giữa khoảng không, bầy chèo bẻo *"tới tấp bay đến"*, *"lao vào đánh iều hâu túi bụi"*; diều hâu *"được mẻ hú vía"*. Trước đây cứ ngỡ chèo bẻo đánh diều âu là *"kẻ cắp bà già gặp nhau"* nhưng từ hôm được mục kích cảnh diều hâu bắt gà on, bị chèo bẻo vây đánh tơi bời, *"tôi lại quý chèo bẻo"*. Tiếng gọi của chim chèo ẻo mới đáng yêu làm sao: *"chè cheo chét"*. Nó *"trị kẻ ác"*. Nó khác nào một hiệp sĩ hò nguy cứu đời thật đáng ca ngợi. Từ con chèo bẻo, cậu bé làng quê có một cách uy nghĩ thật hồn nhiên: *"Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm"*.

Cuộc đánh nhau giữa chèo bẻo với chim cắt là một hoạt cảnh lí thú. Lúc đầu hỉ có 2 con chèo bẻo thì cắt *"vụt lao ra, xỉa cánh"*. Khi một đàn chèo bẻo hàng chục

con xông lên cứu bạn, thì cuộc đánh nhau *"rất dữ"*. Trẻ con reo âm lên cổ vũ chèo bẻo. Cắt *"hốt hoảng"*, *"xỉa cánh đều trượt"*, bị đàn chèo bẻo *"thi nhau xông vào mổ"*. Cắt quay tròn *"như cái diều đứt dây"* rơi xuống đồng... Duy Khán vừa tả vừa kể tạo nên một hoạt cảnh về cuộc chiến giữa chèo bẻo và chim cắt, rất sinh động và hấp dẫn. Chèo bẻo thật đáng yêu: *"Chèo bẻo ơi, chèo bẻo!"*.

Loài chim ác như diều hâu, rất tinh quái *"có cái mũi khoằm"* đánh hơi tinh lắm: gà con, xác chết. Quạ đen, quạ khoang là cùng họ với diều hâu. Rất xảo quyệt *"bắt gà con, ăn trộm trứng, vào chuồng lợn"*. Hành động ranh mãnh bất lương: *"lia lia láu láu như quạ dòm chuồng lợn"*. Chim ác còn có cắt *"cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn"*. Nó xỉa chết bao con bồ câu. Nó ăn hiếp chèo bẻo nhưng rồi bị đánh chết!

Tóm lại, thế giới thiên nhiên tạo vật, từ hoa đến ong bướm, từ chim hiền đến chim xấu, chim ác đều được tác giả khám phá và miêu tả một cách cụ thể, sinh động, nhiều màu sắc với tất cả tấm lòng yêu quý thiên nhiên và sự sống. Cảnh sắc quê hương như một tấm gương sáng phản chiếu tâm hồn tuổi thơ. Sắc hương của hoa, tiếng lao xao của ong bướm, tiếng chim hót v.v... nơi vườn quê mãi mãi in sâu vào kí ức một thời chăn trâu, một thời cắp sách.

Duy Khán đã để lại trong lòng bạn đọc tuổi thơ gần xa một bức tranh quê về thế giới các loài chim. Chất văn hóa dân gian, tình cảm yêu ghét của tuổi thơ đối với thế giới loài chim trang trải với bao rung động qua trang văn *"Lao xao"* này. *"Lao xao"* là một bức tranh quê hữu tình, đầy ấn tượng. Một tình quê ấm áp vơi đầy...

159 - ĐỀ BÀI:

Cảm nhận của em về cảnh sắc đất nước, cuộc sống và con người qua một số truyện, kí đã học

Bài làm

Mỗi một truyện, kí được giảng dạy và học tập trong sách Ngữ văn 6 là những câu chuyện cảm động, những trang văn đẹp và hay về cảnh sắc đất nước ta, cuộc sống và con người Việt Nam chúng ta.

Cuộc phiêu lưu của chú Dế Mèn đầy hăm hở, có lúc gặp tai họa vì ngông cuồng, non dại. Nhưng tình bạn, sự hào hiệp, lí tưởng và ước mơ cao cả của chú mãi mãi là bài ca tuyệt đẹp của tuổi thơ chúng ta. *"Bài học đường đời đầu tiên"* của chú Dế Mèn làm cho chúng ta thêm thấm thía câu tục ngữ *"Đi một ngày đàng học một sàng khôn"*.

Học *"Đất rừng phương Nam"* của Đoàn Giỏi, bạn đọc nhỏ tuổi chúng ta như được cùng bé An đi thăm thú sông nước Cà Mau, được đi chợ Năm Căn, gặp những người bắt rắn, ăn ong, câu cá sấu, đến chơi các sróc Miên, được gặp các chiến sĩ du kích trong rừng U Minh một thời gian khó mà oanh liệt. Thú vị nhất là được cùng thằng Cò, thằng An đến chơi các sân chim, ngắm nhìn các loài chim lạ, biết con chim gà đẫy *"đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rụt cổ nhìn xuống chân"*. Sau khi được nếm một món ăn đặc sản, đến chơi những bến vận hà nhộn nhịp giữa màu xanh bạt ngàn của rừng đước Năm Căn, ta mới thêm yêu, thêm tự hào về đất nước giàu đẹp, con người phương Nam dũng cảm, nghĩa hiệp, tài ba.

"Bức tranh của em gái tôi" là bài ca bằng màu sắc ngợi ca lòng nhân hậu và năng khiếu hội hoạ của một em gái đáng yêu.

"Quê nội" của Võ Quảng có cảnh bé Cục và Cù Lao chèo thuyền vượt thác. Hình ảnh dượng Hương Thư, vị thuyền trưởng dũng mãnh *"như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ"*. Cảnh ven sông Thu Bồn đẹp như một bài thơ, càng ngắm càng mê say.

Nhiều bạn nhỏ khi đọc trang văn *"Lao xao"* của Duy Khán, cảm thấy vô cùng thú vị được thưởng thức hương quê, được mục kích trận đấu giữa bầy chèo bẻo với con diều hâu tinh quái, được theo dõi trận không chiến dữ dội giữa bầy chèo bẻo với con *"quý đen"* chim cắt *"cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn"*. Chim cắt bị đánh bại, bị kiệt sức, *"quay tròn xuống đồng Xóc như cái diều đứt dây"*, qua đó, ta mới hiểu thế nào là lòng dũng cảm và sức mạnh hợp quần.

Đất nước ta có nghìn núi trăm sông diễm lệ. Các bài kí là những bài thơ bằng văn xuôi đích thực. Cảnh rạng đông tráng lệ trên đảo Thanh Luân nơi quần đảo Cô Tô. Vẻ đẹp êm đềm, hiền hoà của cây tre luỹ tre thân thuộc làng ta. Cây tre là biểu tượng cho đức tính cần cù, tinh thần dũng cảm, anh hùng của dân tộc ta trong kháng chiến để dựng nên Thành đồng Tổ quốc, để viết nên trang sử Điện Biên oai hùng!

Những bài kí đã học mở rộng tầm mắt, bồi đắp và khơi dậy tình yêu quê hương đất nước trong mỗi chúng ta. Đúng văn đã làm ta *"lớn lên"* cùng nhân dân và đất nước.

Giá trị nghệ thuật của các truyện kí là chất thơ lung linh trên từng trang văn: chất thơ từ cảnh sắc thiên nhiên, chất thơ từ tâm hồn con người, chất thơ của cuộc sản xuất và chiến đấu của một dân tộc anh hùng. Ta hãy thử đọc và lắng nghe: *"Người xưa có câu: "Trúc dẫu cháy đốt ngay vẫn thẳng". Tre là thẳng thắn, bất khuất! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc"*.

Tóm lại, những truyện kí (được học và nhắc đến) đã khơi nguồn cảm xúc cho mỗi chúng ta. Ta cảm thấy hãnh diện được lớn lên cùng nhân dân và đất nước.

Văn chương đích thực là hương vị, là muối mặn, là phù sa cuộc đời.

160 - ĐỀ BÀI:

Cảm nghĩ của em về cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử hào hùng của dân tộc qua bài kí của Thuý Lan

Bài làm

Cầu Long Biên là một chứng nhân lịch sử đem đến cho ta bao tự hào.

Cầu Long Biên *"đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng"* thời kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946), các chiến sĩ quyết tử của Trung đoàn Thủ đô sau hơn hai tháng chiến đấu trong lòng Hà Nội đã bí mật rút lên chiến khu Việt Bắc qua chân cầu Long Biên, ra đi quyết hẹn *"Ngày về"*:

"Những đêm ra đi đất trời bốc lửa
Cả Đô thành nghi ngút cháy sau lưng
Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng...".

Những năm tháng chống đế quốc Mĩ xâm lược, cầu Long Biên bị đánh phá ác liệt, *"trở thành mục tiêu ném bom dữ dội nhất của không lực Hoa Kì"*. Lần thứ nhất, cầu bị đánh 10 đợt, hỏng 7 nhịp và 4 trụ lớn. Lần thứ hai, cầu bị bắn phá 4 đợt với 1000m bị hỏng và 2 trụ lớn bị cắt đứt. Lần cuối cùng vào năm 1972, chiếc cầu bị không quân Mĩ ném bom la-de. Qua đó, ta càng thấy rõ, cầu Long Biên là biểu tượng cho tinh thần hi sinh và ý chí chiến đấu dũng cảm kiên cường của quân và dân ta, cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Trong bom đạn giặc Mĩ *"chúng ta hàn, bom Mĩ lại cắt"*, *"những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững giữa mênh mông trời nước"*.

Trong thời kì đổi mới và kiến thiết hòa bình, cầu Long Biên đã *"rút về vị trí khiêm nhường"*. Ta đã có cầu Thăng Long, cầu Chương Dương sừng sững bắc qua sông Hồng... Nhưng cầu Long Biên vẫn mang ý nghĩa *"chiếc cầu lịch sử"*, là điểm du lịch, là nhịp cầu hữu nghị để *"du khách ngày càng xích lại gần với đất nước Việt Nam"*.

Đọc bài *"Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử"*, ta biết thêm bao điều thú vị về chiếc cầu 100 tuổi của Thủ đô Hà Nội. Với một lối viết hào hứng say mê, Thúy Lan đã biểu lộ bao tình cảm yêu mến, tự hào đối với cầu Long Biên, đối với Thủ đô Hà Nội yêu quý. Đoạn văn viết về cầu Long Biên trong bom đạn giặc Mĩ là hay nhất.

161 - ĐỀ BÀI:

Phân tích *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"* để cho thấy tình yêu thiên nhiên của Xi-át-tơn chan hòa với tình yêu xứ sở.

Bài làm

"*Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*" là một bài ca yêu nước vô cùng thắm thiết. Phần sau của bức thư cho thấy tình yêu thiên nhiên của Xi-át-tơn, chan hòa với tình yêu xứ sở. Ông đã khiêm nhường viết:

"Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống của chúng tôi". Bằng so sánh hai nền văn hóa, hai cách sống của người da đỏ và người da trắng - kẻ đi *"chinh phục"* là hoàn toàn khác nhau. Người da trắng *"lấy đi từ trong lòng đất những vật mua được, tước đoạt được, rồi bán đi như những con cừu và những hạt kim cương sáng ngời"*. Ở thành phố người da trắng *"chẳng có nơi nào yên tĩnh cả, chẳng có nơi nào là nghe được tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng. Nếu có nghe thấy thì đó chỉ là những tiếng ồn ào lăng mạ trong tai"*. Người da trắng đã bắn hạ hàng ngàn con trâu rừng khi có đoàn tàu chạy qua. Cách nói, cách phê phán của Xi-át-tơn về hành động khai thác đến cạn kiệt, tàn phá môi trường của người da trắng, để lại những bãi hoang mạc, đầy thuyết phục, gần hai thế kỉ sau ta vẫn thấy mới mẻ, sâu sắc.

Xi-át-tơn khiêm tốn tự cho mình là *"kẻ hoang dã"*, ông nói lên với tất cả niềm tự hào về cách sống của người da đỏ. Họ coi dòng sông *"là người anh người em"*, họ cảm thấy *"nhức nhối con mắt"* nơi thành phố của người da trắng, họ *"ưa những âm thanh êm ái của những cơn gió thoảng qua trên mặt hồ, được nước mưa gội rửa và thấm đượm hương thơm của phấn thông"* v.v...

Xi-át-tơn nêu lên những lời cảnh báo, những lời khuyên chân thành sâu sắc. Ông cảnh báo: *"Và cái gì sẽ xảy ra đối với cuộc sống, nếu con người không nghe được âm thanh lẻ loi của chú chim đớp mồi hay tiếng tranh cãi của những chú ếch ban đêm bên hồ?"*. Ông nêu lên điều kiện hay là sự khuyên bảo. Phải biết chung sống, chan hòa với thiên nhiên: *"Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó"*. Những điều kiện mà Xi-át-tơn đưa ra đều hướng về mục tiêu bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Một cách nói trùng điệp, mạnh mẽ, đầy sức thuyết phục:

"Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng không khí đối với chúng tôi là vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống mà không khí ban cho...". Hay: *"Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thưởng thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ"*. Hay: *"Nếu có quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngài, chúng tôi phải đưa ra một điều kiện - đó là, người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những người anh em"*.

Cuối bức thư, Xi-át-tơn nêu rõ mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, phải học cách sống giữa thiên nhiên: *"Con người là gì nếu cuộc sống thiếu những con thú?"... "Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc"*. Và sâu sắc thay khi vị thủ lĩnh người da đỏ nói: *"Đất là Mẹ"*; *"Con người chưa biết làm tổ để sống"*. Biết *"làm tổ để sống"* tức là làm cho chính mình được sống yên bình giữa thiên nhiên trong lành.

Ngày nay, chúng ta nói: Trái đất và bầu trời là ngôi nhà chung của nhân loại. Bài học yêu quý, giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên môi trường là bài học vô cùng sâu sắc đối với mọi người, đối với chúng ta khi đọc *"Bức thư của thủ lĩnh da đỏ"*.

162 - ĐỀ BÀI:

Qua bài *"Động Phong Nha"* của Trần Hoàng, em hãy nói lên cảm nhận của mình về cảnh quan thiên nhiên kì thú, nên thơ của *"Kì quan đệ nhất động"* này.

Bài làm

Động Phong Nha mang vẻ đẹp đặc sắc, độc đáo riêng, được du khách gần xa ca ngợi là "*Kì quan đệ nhất động*" của dải đất miền Trung cát trắng. Cảnh quan thiên nhiên kì thú, nên thơ với bao hang động và sông ngầm tuyệt đẹp.

Cảnh quan thiên nhiên kì thú, nên thơ của Phong Nha như vẫy gọi...

Phong Nha có hai động: *Động Khô* và *Động Nước*. *Động Nước* là điểm du lịch hấp dẫn nhất. *Động Nước* còn gọi là *"Động chính Phong Nha"* có 14 buồng; mỗi buồng là một cái hang như dẫn du khách vào chốn thần tiên. Có hang tối om, có hang lờ mờ, du khách phải dùng đèn, đuốc. Một hành lang dài nối các *"buồng"* dài độ 1500m. Có thể đi chơi bằng thuyền, có thể đi men các bãi cát và leo lên vách động. Sông ngầm Phong Nha được coi là *"dài nhất"*, tạo nên vẻ đẹp sơn thủy kì thú mộng ảo.

Hang động Phong Nha đem đến cho du khách bao điều *"kinh ngạc và thích thú trước vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo của nó"*. Đó là dáng hình các thạch nhũ trông giống như con gà, con cóc, những cột như những đốt trúc dựng đứng trên mặt nước... Có thạch nhũ hình mâm xôi, cái khánh. Có thạch nhũ hình các tiên ông đang ngồi đánh cờ... Đèn đuốc làm cho thạch nhũ lóng lánh sắc màu *"như kim cương"*. Bàn tay của tạo hóa thật kì diệu. Trên các vách động, thỉnh thoảng du khách lại nhìn thấy một nhánh phong lan xanh biếc điểm tô. Bãi cát trong động Phong Nha êm dẹp, mát mẻ như bến đợi, bến chờ, bến dừng, bến nghỉ cho du khách sau một chặng trèo hang, leo động.

Giọt nước *"hữu tình"* từ những thạch nhũ rơi xuống *"gõ long tong"*, Trần Hoàng cảm thấy *"âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt"*.

Tóm lại, vẻ đẹp thiên nhiên động Phong Nha *"vừa có nét hoang sơ, bí hiểm, lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ"*, xứng đáng là một danh lam thắng cảnh, *"đệ nhất kì quan"* của đất nước ta.

MỤC LỤC

162 BÀI VĂN CHỌN LỌC 6

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: Biên tập – Chế bản: (04) 39714896
Hành chính: (04) 39714899; Tổng Biên tập: (04) 39714897;
Fax: (04) 39714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: VÂN HÀ
Sửa bài: THÁI VĂN
Chế bản: Nhà sách HỒNG ÂN

Trình bày bìa: VÕ THỊ THỪA

Thực hiện liên kết: **Nhà sách HỒNG ÂN**

SÁCH LIÊN KẾT

---

162 ĐỀ VÀ BÀI LÀM VĂN CHỌN LỌC 6
Mã số: 2L - 520ĐH2010
In 1.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao Bì Phong Tân - TP. Hồ Chí Minh.
Số xuất bản: 1096 - 2010/CXB/03 - 203/ĐHQGHN, ngày 08/11/2010.
Quyết định xuất bản số: 520LK-XH/QĐ - NXBĐHQGHN
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2011.